

TỤNG V. ĐẠO PHẨM¹

15. TƯƠNG ƯNG NIỆM XỨ²

KINH 575. NIỆM XỨ³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có bốn niệm xứ. Những gì [171a] là bốn? Đó là, niệm xứ quán thân trên thân; niệm xứ quán thọ, tâm, pháp trên pháp.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 576. NIỆM XỨ (2)⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có bốn niệm xứ. Những gì là bốn? Đó là, niệm xứ quán thân trên thân; niệm xứ quán thọ, tâm, pháp trên pháp.

“Nhu vậy, Tỳ-kheo đối với bốn niệm xứ này, tu tập đầy đủ, tinh cần phương tiện, chánh niệm, chánh tri, cần phải học.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 577. TỊNH⁵

Tôi nghe như vậy:

¹ *Đại chánh*, quyển 24 Phụ đề đầu quyển: “Tụng V: Đạo phẩm 1.” Phần Tụng V bắt đầu từ *Đại chánh* quyển 24-37 Tụng có 10 Tương ưng gồm các kinh liên hệ đến phẩm như Niệm xứ, Căn, Lực, Giác chi, v.v

² Ấn Thuận *Hội biên*, Tụng iv Đạo phẩm 7 Tương niệm xứ Gồm các kinh *Đại chánh* 605-639 (quyển 24) *Quốc dịch*, quyển 22, Tụng 5 Đạo phẩm, 1 Tương ưng Niệm xứ, gồm kinh số từ 1247-1299 -*Phật quang*, quyển 24; cũng như Ấn thuận, Tụng 4 Đạo phẩm Tương đương Pāli, S 47 Satipaṭṭhānasamyutta.

³ *Đại chánh*, kinh 605 Pāli, S .47 24 Suddhaka.

⁴ *Đại chánh*, kinh 606.

⁵ *Đại chánh*, kinh 607 Pāli, S.47.18 Bramā.

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có đạo nhất thừa⁶ làm thanh tịnh chúng sanh, khiến vượt khỏi ưu bi, dứt khổ não, và đạt được pháp như thật,⁷ đó là pháp bốn niệm xứ. Những gì là bốn? Đó là, niệm xứ quán thân trên thân; niệm xứ quán thọ, tâm, pháp trên pháp.”

Phật dạy kinh này xong, các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành..

KINH 578. CAM LỘ⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“ Tỳ-kheo lia bốn niệm xứ, là lia Thánh pháp như thật; người nào lia Thánh pháp như thật, là lia Thánh đạo. Ai lia Thánh đạo, là lia pháp cam lồ.⁹ Người nào lia pháp cam lồ, là không thoát khỏi sinh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não. Ta nói người này không thoát được khổ. Tỳ-kheo không lia bốn niệm xứ, là không lia Thánh pháp như thật. Người nào không lia Thánh pháp như thật, là không lia Thánh đạo. Người nào không lia Thánh đạo, là không lia pháp cam lồ. Người nào không lia pháp cam lồ, là thoát khỏi sinh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não. Ta nói người này thoát khỏi các khổ.”

Phật dạy kinh này xong, các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành..

KINH 579. TẬP¹⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

⁶ Nhất thừa đạo 一乘道 Pāli: *ekāyano maggo*, con đường độc đạo, chỉ một lối đi.

⁷ Đạt như thật pháp 得如實法 Pāli: *ñayassa adhigamāya nibbānaṃ sacchikiriyāya*, đạt chánh lý, thân chứng Niết-bàn.

⁸ Đại chánh, kinh 608 Pāli, S.47.41 Amata.

⁹ Cam lộ pháp 甘露法 Pāli: *amata*, sự bất tử.

¹⁰ Đại chánh, kinh 609 Pāli, 47.42 **Samudaya**.

“Nay Ta sẽ nói về sự tập khởi bốn niệm xứ và sự tiêu thất của bốn niệm xứ.¹¹ Hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ .

“Thế nào là tập khởi của bốn niệm xứ? Tiêu thất của Bốn niệm xứ?

“Thức ăn tập khởi thì thân tập khởi. Thức ăn diệt thì thân [171b] tiêu thất. Như vậy, hãy sống tùy quán theo tập khởi của thân, sống tùy quán theo sự diệt tận thân; Sống tùy quán theo tập diệt của thân là sống với sự không sở y, đối với các thể gian vĩnh viễn không có gì để chấp thủ. Cũng vậy, xúc tập khởi thì thọ tập khởi. Xúc diệt thì thọ tiêu thất. Như vậy, hãy sống tùy quán thọ theo tập pháp; sống tùy quán thọ theo diệt pháp. Sống tùy quán thọ theo tập diệt pháp là sống với sự không sở y, đối với tất cả pháp thế gian đều không có gì để chấp thủ.

“Danh sắc tập khởi thì tâm tập khởi. Danh sắc diệt thì tâm tiêu thất. Hãy sống tùy quán tâm tùy theo tập pháp; sống tùy quán tâm tùy theo diệt pháp. Sống tùy quán tâm tùy theo pháp tập diệt là sống với sự không sở y, đối với các pháp thế gian thì không còn chấp thủ.

“Ức niệm tập thì pháp tập,¹² ức niệm diệt thì pháp tiêu thất. Hãy sống tùy quán pháp tùy theo tập pháp; sống tùy quán pháp tùy theo diệt pháp. Sống tùy quán pháp tùy theo pháp tập diệt là sống với sự không sở y, đối với các pháp thế gian thì không còn chấp thủ.

“Đó gọi là sự tập khởi bốn niệm xứ và sự tiêu thất của bốn niệm xứ.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành .

KINH 580. CHÁNH NIỆM¹³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ta sẽ dạy về sự tu tập bốn niệm xứ. Hãy lắng nghe, và suy nghĩ kỹ!

“Thế nào là tu bốn niệm xứ? Sống chánh niệm quán thân trên nội thân, tinh cần phương tiện, chánh niệm, chánh tri, điều phục lo buồn của thế

¹¹ Tứ niệm xứ tập, tứ niệm xứ một 四念處集四念處沒 Pāli: [satipaṭṭhānāṃ samudayañca atthaṅgamañca](#).

¹² Pāli: [manasikārasamudayā dhammasamudayo](#), do tập khởi của tác ý mà có sự tập khởi của pháp.

¹³ Đại chánh, kinh 610 Pāli, S.47 2 Sato Tham chiếu, Hán: No 100(14)

gian. Sống quán ngoại thân, nội ngoại thân, tinh cần phương tiện, chánh niệm chánh tri, điều phục sự lo buồn của thế gian. Cũng vậy sống chánh niệm quán thọ, tâm, pháp, nội pháp, ngoại pháp, nội ngoại pháp, tinh cần phương tiện, chánh niệm chánh tri, điều phục sự lo buồn của thế gian, đó gọi là Tỳ-kheo tu bốn niệm xứ.”

Phật dạy kinh này xong, các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành .

Thời quá khứ, vị lai, tu bốn niệm xứ *cũng được thuyết như vậy*.

KINH 581. THIỆN TỰ¹⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có tụ thiện pháp và có tụ bất thiện pháp.¹⁵

“Thế nào là tụ thiện pháp? Chỉ cho bốn niệm xứ. Đó gọi là chánh thuyết. Vì sao? Đây là tụ hoàn toàn thuần nhất thanh tịnh. Những gì là bốn? Niệm xứ quán thân trên thân; niệm xứ quán thọ, tâm, pháp trên pháp.

[171c] “Thế nào là tụ bất thiện pháp? Chỉ cho năm cái¹⁶, đây là thuyết chính. Vì sao? Đây là tụ hoàn toàn thuần nhất bất thiện. Những gì là năm? Tham dục cái, sân nhuế cái, thùy miên cái, trạo hối cái, và nghi cái.”

Phật dạy kinh này xong, các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành .

KINH 582. CUNG¹⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

¹⁴ Đại chánh, kinh 611 Pāli, S.47.5 Kusalarāsi.

¹⁵ Thiện pháp tụ, bất thiện pháp tụ 善法聚, 不善法聚 Pāli: *kusalarāsi*, *akusalarāsi*.

¹⁶ Ngũ cái 五蓋 Pāli: *pañca nīvaraṇā*

¹⁷ Đại chánh, kinh 612 Pāli, S 20.6 Dhanuggaho.

“Nhu người cầm bốn thứ cung cứng,¹⁸ dùng hết lực bắn vào bóng cây đa-la, qua nhanh không trở ngại. Cũng vậy, bốn hạng Thanh văn¹⁹ của Như Lai, với tăng thượng phương tiện, lợi căn, trí tuệ, sống đến một trăm năm thọ; đối với pháp được giảng thuyết, được truyền trao bởi Như Lai, chỉ trừ lúc ăn uống, ngủ nghỉ, bỏ tả, trong khoảng trung gian, thường nói, thường nghe, với trí tuệ sáng suốt lạnh lợi; đối với những gì Như Lai đã dạy, triệt để lãnh thọ, giữ gìn, không chướng ngại; ở chỗ Như Lai không có gì để hỏi thêm. Như Lai nói pháp không có kết thúc. Nghe pháp suốt cả đời, cho đến khi trăm tuổi mạng chung, mà Pháp được Như Lai nói vẫn không cùng tận. Nên biết, vô lượng vô biên; danh thân, cú thân, vị thân,²⁰ mà Như Lai đã thuyết cũng lại vô lượng, không có kết thúc; đó chính là bốn niệm xứ. Những gì là bốn? Thân niệm xứ; thọ, tâm, pháp niệm xứ.”

Phật dạy kinh này xong, các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Tất cả kinh bốn niệm xứ đều lấy câu tổng quát này. Tức là: “Cho nên, Tỳ-kheo đối với bốn niệm xứ tu tập, phát khởi tăng thượng dục, tinh cần phương tiện, chánh niệm chánh tri, cần nên học.”

KINH 583. BÁT THIỆN TỤ²¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có tụ bất thiện và tụ thiện.

“Tụ bất thiện là gì? Ba căn bất thiện. Đó gọi là chánh thuyết. Vì sao? Tích tụ các pháp thuần bất thiện là ba căn bất thiện. Những gì là ba? Đó là: tham bất thiện căn, nhuế bất thiện căn, si bất thiện căn.

“Tụ thiện là gì? Bốn niệm xứ. Vì sao? Đầy đủ thuần thiện, là bốn niệm xứ. Đó gọi là thiện thuyết. Những gì là bốn? Thân niệm xứ; thọ, tâm, pháp niệm xứ.”

¹⁸ Tứ chủng cường cung 四種強弓 Pāli: *cattāro dalhadhammā dhanuggahā*, bốn nhà thiện xạ cầm (bốn) cây cung cứng.

¹⁹ Tứ chủng Thanh văn 四種聲聞, chỉ bốn chúng đệ tử Phật.

²⁰ Vị thân 味身: văn thân, âm tiết trong mỗi từ (hệ đa âm ngữ) Pāli: *vyāñjana*.

²¹ Đại chánh, kinh 613 Pāli, S 47 47 Duccaritaṃ.

Phật dạy kinh này xong, các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật [172a] dạy, hoan hỷ phụng hành.

Cũng như ba bất thiện căn, *cũng vậy* ba ác hạnh là thân ác hạnh, khẩu ác hạnh, ý ác hạnh; ba tướng là dục tướng, nhuế tướng, hại tướng; ba giác là dục giác, nhuế giác, hại giác.

Phật dạy kinh này xong, các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 584. ĐẠI TRƯỞNG PHU²²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có Tỳ-kheo nọ đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ sát chân Phật, rồi ngồi xuống một bên, bạch Phật:

“Bạch thế Tôn, như được nói, đại tướng phu.²³ Thế nào là đại tướng phu, không phải là đại tướng phu?”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Lành thay! Lành thay, Tỳ-kheo hỏi Như Lai về nghĩa đại tướng phu! Hãy lắng nghe, suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ngươi mà nói.

“Tỳ-kheo an trụ chánh niệm quán thân trên thân; sau khi an trụ chánh niệm quán thân trên thân này rồi, mà tâm không ly dục, không được giải thoát, dứt sạch các lậu, Ta nói người này không phải là đại tướng phu. Vì sao? Tâm không giải thoát. Tỳ-kheo an trụ chánh niệm quán thọ, tâm, pháp trên pháp, mà tâm không ly dục, không được giải thoát, dứt sạch hết các lậu, Ta không nói người kia là đại tướng phu. Vì sao? Tâm không được giải thoát.

“Tỳ-kheo an trụ chánh niệm quán thân trên thân; tâm đạt đến ly dục, tâm đạt đến giải thoát được, dứt sạch các lậu, Ta nói người này là đại tướng phu. Vì sao? Tâm giải thoát. An trụ chánh niệm quán thọ, tâm, pháp trên pháp; khi an trụ chánh niệm quán thọ, tâm, pháp trên pháp rồi, mà tâm đạt đến ly dục, tâm đạt đến giải thoát được, dứt sạch các lậu, Ta nói người này là đại tướng phu. Vì sao? Tâm giải thoát. Đó gọi là Tỳ-kheo đại tướng phu và không phải đại tướng phu.”

²² Đại chánh, kinh 614 Pāli, S 47 11 Mahāpurisa.

²³ Đại tướng phu 大丈夫 Pāli: *mahāpuriso*.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành .

KINH 585. TỖ-KHEO-NI²⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả A-nan sáng sớm đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khát thực. Dọc đường suy nghĩ: ‘Nay ta đến chùa Tỳ-kheo-ni trước.’ Tôn giả liền đi đến chùa Tỳ-kheo-ni. Từ xa các Tỳ-kheo ni thấy Tôn giả A-nan [172b] đến, vội vàng trái sàng tọa mời ngồi. Các Tỳ-kheo-ni đánh lễ sát chân Tôn giả A-nan, rồi ngồi xuống một bên, bạch Tôn giả A-nan:

“Các Tỳ-kheo-ni chúng con đang sống buộc tâm tu bốn niệm xứ, tự biết có sự trước sau lên xuống.”²⁵

Tôn giả A-nan bảo các Tỳ-kheo-ni ;

“Lành thay! Lành thay! Các cô! Hãy như những gì các cô đã nói mà học. Phàm tu tập bốn niệm xứ, an trú với tâm được buộc chặt, tự biết có sự trước sau lên xuống như vậy.”

Rồi, Tôn giả A-nan vì các Tỳ-kheo-ni thuyết pháp với nhiều hình thức. Sau khi thuyết pháp với nhiều hình thức xong, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan sau khi vào thành Xá-vệ khát thực trở về, cất y bát, rửa chân xong, đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ chân sát Phật, rồi ngồi xuống một bên, đem những gì các Tỳ-kheo-ni đã nói, trình bày lại đầy đủ cho Thế Tôn. Phật bảo Tôn giả A-nan:

“Lành thay! Lành thay! Nên học như vậy, an trú nơi bốn niệm xứ với tâm được buộc chặt, biết có sự trước sau lên xuống. Vì sao? Tâm tìm cầu bên ngoài, sau đó mới chế phục khiến tìm cầu tâm ấy; tâm tán loạn, không giải thoát, thấy đều như thật biết. Nếu Tỳ-kheo an trú niệm xứ quán thân trên thân; vị ấy sau khi an trú niệm xứ quán thân trên thân, nếu thân ham ngủ, tâm pháp biếng nhác, Tỳ-kheo này nên

²⁴ Đại chánh, kinh 615 Pāli, S 47 10 Bhikkhunī.

²⁵ Pāli: *ulāraṃ pubbenāparaṃ visesaṃ sañjānanti*, biết sự sai biệt trước và sau (thăng giáng) rất lớn.

khởi tịnh tín, nắm lấy tướng tịnh.²⁶ Sau khi khởi tín tâm thanh tịnh, nhớ nghĩ tướng tịnh rồi, tâm vị ấy sẽ khoan khoái; do tâm khoan khoái mà sinh hỷ. Do tâm hỷ nên thân khinh an. Sau khi thân khinh an, vị ấy sẽ được cảm thọ thân lạc. Sau khi cảm thọ thân lạc, tâm sẽ định.²⁷ Với tâm định, Thánh đệ tử hãy họcđiều này: ‘Tôi đối với nghĩa này, nếu tâm còn phân tán ra ngoài, nên nhiếp phục khiến cho nó dừng nghỉ, không còn khởi tầm cầu và tứ sát.²⁸ Không tầm, không tứ, an trú lạc với xả và chánh niệm.²⁹ Sau an trú lạc, biết như thật. Niệm xứ thọ, tâm, pháp cũng nói như vậy.’”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành .

KINH 586. TRỪ SỸ³⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp Cô Độc, rừng rùm cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy nắm chặt tướng tự tâm, chớ để phân tán ra ngoài. Vì sao? Nếu Tỳ-kheo ngu si, không hiểu biết rõ ràng,³¹ không khéo léo, không nắm lấy tướng nội tâm, mà chạy theo tướng bên ngoài, Tỳ-kheo này sau đó sẽ bị thối giảm, và tự tạo ra chướng ngại. Giống như người đầu bếp ngu si nếu không hiểu biết, không khéo léo điều hòa các vị để phụng

²⁶ Tham chiếu Pāli: *tassa kāye kayānupassiṇo viharato kayārammaṇo vā uppajjati kāyasmim̐ pariḷāho, cetaso vā līnattaṃ, bahiddhā vā cittaṃ vikkhipati, tenānanda bhikkhunā kismiñcīdeva pasādanīye nimitte cittaṃ pañidahitabbaṃ*, “Vị ấy sống quán thân trên thân, hoặc sở duyên của thân khởi lên, hoặc có sự bức rức trong thân, hoặc tâm co rút, hoặc tâm tán loạn ra bên ngoài; Tỳ-kheo ấy hãy cố định tâm trên một ảnh tượng trong sáng nào đó.”

²⁷ Sau khi trụ tâm trên tướng, tuần tự các trạng thái khởi lên: *pamudita*, duyệt (hân hoan), *pīti*, hỷ (khoan khoái), *passaddhakāya*, thân ý tức hay khinh an (cảm giác thân thể nhẹ nhàng), *sukha*, an lạc, và cuối cùng *samādhi*, định.

²⁸ Pāli: *so paṭisaṃharati ceva na ca vitakketi na vicāreti*, “Vị ấy khi nhiếp phục như vậy, không còn tầm cầu, không còn tư sát (trạng thái không tầm và không tứ).

²⁹ Pāli: *avitakkomhi avicāro, ajjhattaṃ satimā sukham āmī ti pajānāti*, vị ấy biết rằng, tôi không tầm, không tứ, bên trong chánh niệm, an lạc.

³⁰ Đại chánh, kinh 616 Người đầu bếp Pāli, S.47.8 Sūda.

³¹ Hán: bất biện 不辨 Pāli: *avyatto*, không thông minh, không năng lực.

dưỡng tôn chủ, chua, mặn, lạt, không vừa ý; không giỏi nắm bắt sở thích của chủ để điều các vị chua, mặn, lạt; [172b] không hay tự thân hầu hạ hai bên bên chủ, dò xem những nhu cầu của chủ, lắng nghe những sở thích của chủ, khéo nắm bắt được tâm ý chủ, rồi tùy ý pha chế điều hòa các vị để dâng cho chủ. Nếu không vừa ý, ông chủ sẽ không vui lòng. Vì không vui lòng nên không ban thưởng, và cũng không thương mến. Tỳ-kheo ngu si cũng lại như vậy, nếu không hiểu biết, không khéo léo, sống quán thân trên thân mà không thể dứt trừ tùy phiền não,³² không thể nhiếp giữ tâm mình; lại cũng không được nội tâm tịch tĩnh, không được chánh niệm, chánh tri thắng diệu; trong hiện tại, cũng không được bốn thứ pháp tăng thượng tâm sống an lạc nay trong hiện tại,³³ cứu cánh Niết bàn an ổn vốn chưa chứng đắc thì không thể chứng đắc. Đó gọi là Tỳ-kheo ngu si không hiểu biết, không khéo léo, không thể khéo thu nhiếp tướng nội tâm, mà chạy theo tướng bên ngoài, tự tạo ra chướng ngại.

“Tỳ-kheo có trí tuệ biện tài, có phương tiện thiện xảo, sau khi nắm chặt nội tâm, rồi sau đó tiếp nhận tướng bên ngoài; Tỳ-kheo này về sau hoàn toàn không bị thối giảm, hay tự tạo ra chướng ngại. Giống như người đầu bếp trí tuệ thông minh hiểu biết, có phương tiện thiện xảo, để cung phụng tôn chủ; có khả năng điều hòa các vị chua, ngọt, lạt, mặn; khéo nắm bắt dấu hiệu sở thích của chủ mà điều hòa các vị làm sao cho vừa lòng; lắng nghe vị mà chủ ưa thích, nhiều lần cung phụng. Khi chủ đã vừa lòng rồi, chắc chắn sẽ được yêu mến gặp bội và sẽ được trọng thưởng. Như vậy người đầu bếp có trí tuệ, khéo léo nắm bắt được tâm người chủ. Tỳ-kheo cũng lại như vậy, sống quán thân trên thân, đoạn trừ tùy phiền não, khéo biết nhiếp tâm mình, nội tâm tịch tĩnh, chánh niệm, chánh tri, đạt được bốn pháp pháp tăng thượng tâm, sống an lạc ngay trong đời, đạt được cứu cánh an ổn Niết-bàn vốn chưa từng chứng đắc. Đó gọi là Tỳ-kheo có trí tuệ, biện tài, có phương tiện thiện xảo, hay nắm bắt tướng nội tâm, và nắm bắt tướng bên ngoài, không bao giờ thối giảm và tự bị chướng ngại.

“Quán thọ, tâm, pháp cũng như vậy.”

³² Hán: thượng phiền não 上煩惱 Pāli: *upakkilesā*.

³³ Bốn tăng thượng tâm, hiện pháp lạc trú 四種增上心法, 現法樂住; bốn thiên cũng gọi là bốn tăng thượng tâm, hay bốn hiện pháp lạc trú.

Phật dạy kinh này xong, các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành .

KINH 587. ĐIỀU³⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thời quá khứ có một con chim tên là la-bà,³⁵ bị chim ưng bắt bay lên hư không. Ở giữa hư không nó kêu la: ‘Vì ta không tự cảnh giác nên bỗng gặp nạn này. Vì ta đã lìa bỏ chỗ ở của cha mẹ mà đi chơi chỗ khác nên mới gặp nạn này. Hôm nay bị kẻ khác làm khốn khổ, không được tự do!’ ”

“Chim ưng bảo la-bà:

“ - Nơi nào **[173a]** là chỗ ở tự do của ngươi?”

La-bà đáp:

“ - Tôi có cảnh giới của mình nơi rãnh cày trong đồng ruộng.³⁶ Đủ để tránh các tai nạn. Đó là nhà tôi, cảnh giới của cha mẹ nhà tôi.”

“Chim ưng tỏ vẻ kiêu mạn đối với la-bà, bảo:

“ - Cho ngươi trở về nơi rãnh cày trong đồng ruộng, thử có thoát được không?”

“La-bà này thoát khỏi móng vuốt chim ưng trở về ở yên dưới một khối đất to nơi rãnh cày. Sau đó ở trên khối đất to, la-bà muốn khiêu chiến cùng chim ưng. Chim ưng phẫn nộ mắng: ‘Ngươi là loài chim nhỏ mà muốn giao chiến cùng ta sao?’

“Quá đỗi phẫn nộ chim ưng bay lao thẳng tới bắt lấy, nhưng la-bà lại núp vào dưới khối đất to; chim ưng đang đà lao tới, ngực bị va vào khối đất cứng, nát thân chết liền. Bấy giờ, chim la-bà đang phục sâu dưới khối đất, ngẩng lên nói kệ:

*Chim Ưng dùng sức đến,
La-bà trong cõi mình.
Sức cường thịnh theo sân,
Nên gây họa nát thân.*

³⁴ Đại chánh, kinh 617 Pāli, S 47 6 Sakuṇagghī.

³⁵ La-bà 羅婆 Pāli: *lāpa*, giống chim cú.

³⁶ Hán: điền canh lũng 田耕壟.

*Ta thông đạt tất cả,
Nên nương trong cõi mình;
Đẹp oán, tâm tùy hỷ,
Tự vui xét sức mình.*

*Ngươi đâu có hung ác,
Sức trăm ngàn rồng, voi;
Không bằng trí tuệ ta,
Trong một phần mười sáu.
Xem trí ta thù thắng,
Tiêu diệt được chim Ưng.*

“Như vậy, này Tỳ-kheo như chim ưng kia, ngu si bỏ cảnh giới của cha mẹ, dạo chơi nơi khác, đến nỗi phải bị tai hoạ. Tỳ-kheo các ngươi cũng nên như vậy, phải ở nơi chính cảnh giới sở hành của mình, nên khéo giữ gìn, và tránh xa cảnh giới kẻ khác. Hãy nên học.

“Này các Tỳ-kheo, chỗ của kẻ khác, cảnh giới của kẻ khác, là chỉ cho cảnh giới của năm dục: sắc nhận thức bởi mắt, đẹp, đáng yêu, đáng thích, đáng nhớ, được đắm nhiễm với dục tâm; tai biết tiếng, mũi biết mùi, lưỡi biết vị, thân biết xúc, đáng yêu, đáng thích, đáng nhớ, được đắm nhiễm với dục tâm. Đó gọi là chỗ của kẻ khác, cảnh giới của kẻ khác đối với Tỳ-kheo.

“Này các Tỳ-kheo, ở nơi cảnh giới của cha mẹ mình, là chỉ cho bốn niệm xứ. Những gì là bốn? Đó là niệm xứ quán thân trên thân; niệm xứ quán thọ, tâm, pháp pháp. Cho nên, Tỳ-kheo hãy đi dạo nơi cảnh giới của cha mẹ mình, tránh xa chỗ khác, cảnh giới kẻ khác. Hãy học như vậy.”

Phật dạy kinh này xong, các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ thực hành theo.

KINH 588. TỨ QUẢ³⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. [173b] Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

³⁷ Đại chánh, quyển 618.

“Đôi với bốn niệm xứ mà tu tập, tu tập nhiều, sẽ đạt được bốn quả Thánh và, bốn loại phước lợi, đó là: quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán.”

Phật dạy kinh này xong, các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành .

KINH 589. TU-ĐÀ-GIÀ ³⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật du hành trong nhơn gian, đến trong rừng Thân-thứ, tại phía bắc xóm Tư-già-đà.³⁹ Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thời quá khứ có một nghệ sư leo phướn,⁴⁰ dựng cột phướn trên vai và bảo học trò: ‘Các con hãy leo lên, leo xuống cột phướn. Hãy hộ trì ta, ta cũng hộ trì các con; thay đổi nhau mà hộ trì, đi dạo làm trò vui, chúng ta sẽ kiếm được nhiều tiền của.’ Lúc ấy, người học trò bạch thầy, ‘Không bằng nói như vậy: ‘Chi cần mỗi người tự chăm sóc hộ trì chính mình, đi dạo làm trò vui, sẽ kiếm được nhiều tiền của, thân được thư thả an ổn mà lên xuống.’ Ông thầy đáp: ‘Đúng như lời con nói, mỗi người phải tự chăm sóc hộ trì chính mình. Nhưng nghĩa này cũng như ta đã nói. Khi hộ trì mình, tức là hộ trì người khác. Khi hộ trì người khác cũng là hộ trì chính mình.’

“Tâm tự thân cận, tu tập; tùy sự hộ trì mà tác chứng. Đó gọi là tự hộ trì mình tức là hộ trì người.⁴¹ Thế nào là tự hộ trì mình tức là hộ trì người? Không khùng bố người khác, không chống trái người khác, không hại người khác, có từ tâm thương xót người. Đó gọi là tự hộ trì mình tức là hộ trì người. Cho nên, các Tỳ-kheo, cần phải học như vậy. Người tự hộ trì là tu tập bốn niệm xứ. Hộ trì người cũng là tu tập bốn niệm xứ.”

³⁸ Đại chánh, kinh 619 Pāli, S.47.19 Sedaka.

³⁹ Tư-già-đà 私伽陀 Pāli: giữa những người Sumbha (?), tại xóm Sedaka của người Sumbha.

⁴⁰ Duyên tràng kỹ sư 緣幢伎師: người nhào lộn trên cột phướn Pāli: *caṇḍālavamsika*

⁴¹ Pāli: *āsevanāya, bhāvanāya, bahulīkammaena, evaṃ kho bhikkhave, attānaṃ rakkhanto paraṃ rakkhanti*, “Bằng sự thân cận, bằng sự tu tập, bằng sự tu tập nhiều lần, như vậy là hộ trì người khác trong khi hộ trì chính mình.”

Phật dạy kinh này xong, các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành .

KINH 590. DI HẬU⁴²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn trúc Ca-lan-đà nơi thành Vương Xá. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Trong núi Đại tuyết sơn, chỗ hiểm trở băng giá, khi vượn sống còn không được, hưởng chỉ là con người. Hoặc có núi có khí, vượn ở mà không có người. Hoặc có núi nơi người và thú cùng ở chung. Trên lối đi của khí vượn, thợ săn dùng keo bôi lên cỏ. Những con vượn khi nào khôn ngoan thì tránh xa bỏ đi. Những vượn khi con ngu si không biết tránh xa, dùng tay chạm vào chút xíu, liền bị dính tay. Nó dùng tay kia để gỡ, tức thì dính cả hai tay. Nó lại dùng chân để gỡ, hai chân cũng bị keo dính luôn. Nó dùng miệng cắn cỏ, miệng cũng bị keo dính chặt. Năm chỗ đều bị dính keo, phải nằm co quắp trên đất. Thợ săn đi đến, vội lấy gậy xô vào khiêng đi.

“Tỳ-kheo nên biết, bọn vượn khi ngu si [173c] rời bỏ cảnh giới của mình, chỗ ở của cha mẹ, đi chơi nơi cảnh giới kẻ khác, nên bị khổ não này. Cũng vậy, Tỳ-kheo, phạm phu ngu si, sống nương ở nơi làng xóm, sáng sớm đắp y, mang bát vào thôn khát thực, không khéo hộ trì thân, không thủ hộ các căn. Mắt thấy sắc liền sanh ra nhiễm đắm; tai với tiếng, mũi với mùi, lưỡi với vị, thân với xúc đều sanh ra nhiễm đắm. Tỳ-kheo ngu si sau khi các căn bên trong và các cảnh bên ngoài bị trói buộc năm chỗ, nên bị lệ thuộc vào ước muốn của Ma. Cho nên các Tỳ-kheo, cần nên học tập như vậy: ‘Hãy chỉ nơi đi lại của mình, chỗ ở của cha mẹ mà sống, chớ đi đến chỗ khác và cảnh giới kẻ khác.’

“Thế nào là nơi đi lại của mình, nơi ở của cha mẹ Tỳ-kheo? Là chỉ cho Bốn niệm xứ; đó là: sống với chánh niệm quán thân trên thân, sống quán thọ, tâm, pháp trên pháp.”

Phật dạy kinh này xong, các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành .

⁴² Đại chánh, kinh 620 Pāli, S.47.7 Makkajā.

KINH 592. NIÊN THIẾU TỖ-KHEO⁴³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bảy giờ Tôn giả A-nan cùng các Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, rồi ngồi xuống một bên, Tôn giả A-nan bạch Phật:

“Bạch Thế tôn, nên dạy dỗ các Tỳ-kheo trẻ tuổi này như thế nào? Nên nói pháp cho họ như thế nào?”

Phật bảo Tôn giả A-nan:

“Nên đem bốn niệm xứ dạy các Tỳ-kheo trẻ tuổi này tu tập. Những gì là bốn? Đó là, sống chánh niệm quán thân trên thân, phương tiện tinh cần, không hành buông lung, chánh trí, chánh niệm, tâm tịch định... *cho đến*, biết rõ thân. Sống chánh niệm quán, thọ, tâm, pháp trên pháp, phương tiện tinh cần, không hành buông lung, chánh niệm, chánh trí, tâm định tĩnh... *cho đến* biết pháp. Vì sao? Nếu Tỳ-kheo còn trụ ở địa vị hữu học mà chưa thăng tiến được, nhưng đang chí cầu Niết-bàn an ổn, hãy sống chánh niệm quán thân trên thân, phương tiện tinh cần, không hành buông lung, chánh niệm, chánh trí, tâm tịch tịnh. Sống quán thọ, tâm, pháp trên pháp, phương tiện tinh cần, không hành buông lung, chánh niệm, chánh trí, tâm tịch tịnh... *cho đến* xa lìa đối với pháp.

“Nếu là A-la-hán, các lậu đã hết, việc làm đã xong, đã bỏ hết gánh nặng, dứt hẳn các kiết sử, bằng chánh trí mà khéo giải thoát; nhưng chính lúc này, cũng tu, sống quán thân trên thân, phương tiện tinh cần, không hành buông lung, chánh niệm, chánh trí, tâm vắng lặng, sống quán niệm thọ, tâm, pháp trên pháp,... *cho đến* xa lìa đối với pháp.”

Bảy giờ, Tôn giả A-nan, hoan hỷ [174a] tùy hỷ, đánh lễ mà lui.

KINH 592. AM-LA NỮ⁴⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại Bạt-kì, du hành trong nhân gian, đến nghỉ trong vườn Am-la, nước Tì-xá-li. Bảy giờ có nàng kỹ nữ Am-la nghe tin đức Tôn du hành từ Bạt-kì đến ở trong vườn Am-la, liền sửa soạn đánh xe

⁴³ Đại chánh, kinh 621 Pāli, S 47 .4 Salla.

⁴⁴ Đại chánh, kinh 622 Pāli, S 47 1 Ambapāli.

ra khỏi thành Tì-xá-li, đến chỗ Thế Tôn cung kính cúng dường. Khi đến cửa vườn Am-la, nàng xuống xe đi bộ, từ xa trông thấy Thế Tôn đang thuyết pháp cho đại chúng vây quanh. Thế Tôn thấy nàng Am-la sắp đến, bảo các Tỳ-kheo:

“Này các Tỳ-kheo, các người nên tinh cần nhiếp tâm an trụ, chánh niệm, chánh trí. Nay có cô gái Am-la đến, nên phải giáo giới các người.

“Thế nào là Tỳ-kheo tinh cần nhiếp tâm an trụ? Tỳ-kheo đối với pháp ác bất thiện đã sinh thì nên đoạn trừ, phát khởi ý muốn, phương tiện, tinh tấn, nhiếp tâm; đối với pháp ác bất thiện nếu chưa sinh, đừng để sinh. Đối với pháp thiện chưa sinh thì nên làm cho phát sinh; nếu pháp thiện đã sinh, khiến an trụ không để mất. Tu tập đầy đủ, phát khởi ý muốn, phương tiện, tinh tấn, nhiếp tâm. Đó gọi là Tỳ-kheo tinh cần an trụ nhiếp tâm.

“Thế nào gọi là Tỳ-kheo chánh trí? Tỳ-kheo trong những oai nghi tới, lui, thường theo chánh trí; quay nhìn, trông, ngắm, co, duỗi, cúi, ngược, cầm y bát, đi, đứng, nằm, ngồi, ngủ, nghỉ, thức, nói, im lặng, đều an trụ với chánh trí. Đó là chánh trí.

“Thế nào là chánh niệm? Tỳ-kheo an trụ chánh niệm quán thân trên nội thân, tinh cần, phương tiện, chánh trí, chánh niệm, điều phục tham ưu thế gian; an trụ chánh niệm quán thọ, tâm, pháp trên pháp, tinh cần, phương tiện, chánh trí, chánh niệm, điều phục tham ưu thế gian. Đó gọi là Tỳ-kheo chánh niệm. Cho nên, các người hãy tinh cần nhiếp tâm an trụ, chánh niệm, chánh trí. Nay có cô gái Am-la đến, nên phải giáo giới các người.”

Khi nàng Am-la đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đánh lễ sát chân Phật, rồi đứng lui qua một bên, bấy giờ, Thế Tôn vì người nữ Am-la nói pháp, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ, sau đó Ngài im lặng.”

Nàng Am-la sửa lại y phục đánh lễ Phật, rồi chấp tay bạch Phật:

“Xin Thế Tôn và đại chúng nhận lời mời cúng dường trưa mai của con.”

Thế Tôn im lặng nhận lời. Người nữ Am-la biết Thế Tôn đã im lặng nhận lời, cúi đầu đánh lễ sát chân Phật rồi cáo từ về nhà mình, sửa soạn thức ăn, sắp xếp bàn ghế. Sáng sớm hôm sau, cô cho người đến bạch Phật là đã đến giờ.

Bấy giờ, Thế Tôn và đại chúng cùng đi đến nhà người nữ Am-la, an tọa xong. Lúc này người nữ Am-la tự tay [174b] cúng dường các thứ đồ ăn thức uống. Sau khi thọ thực rồi, rửa tay, rửa bát xong, người nữ Am-la đặt một cái ghế nhỏ ngồi trước Phật, nghe Phật nói pháp. Bấy giờ, Thế Tôn vì người nữ Am-la nói kệ tùy hỷ:

*Bồ thí, người yêu mến,
Được nhiều người theo mình;
Tiếng tăm ngày càng rộng,
Gần xa đều nghe hết.
Trong chúng thường hòa nhã,
Lìa keo kiệt, không sợ;
Cho nên trí tuệ thí,
Đoạn keo lẩn không còn.
Sanh lên trời Đạo lợi,
Lâu dài hưởng khoái lạc;
Suốt đời thường tu đức,
Vui chơi vườn Nan-đà.
Gồm trăm thứ nhạc trời,
Năm dục đẹp lòng mình;
Kia khi ở đời này,
Được nghe Phật nói pháp.
Làm đệ tử Thiện Thệ,
Vui hóa sanh về đó.*

Sau khi Thế Tôn vì người nữ Am-la nói pháp, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ xong, Ngài từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

KINH 593. THẾ GIAN⁴⁵

Tôi nghe như vậy.

Một thời, Phật ở trong vườn Lộc dã, nơi Tiên Nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Các sắc đẹp thế gian,⁴⁶ người có sắc đẹp thế gian có thể khiến cho mọi người tụ tập lại để ngắm nhìn chăng?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

⁴⁵ Đại chánh, kinh 623 Pāli, S.47.20 Janapada.

⁴⁶ Thế gian mỹ sắc 世間美色 Pāli: *janapadakalyānī*, mỹ nữ của cả nước, mỹ nhân quốc sắc.

“Bạch Thế Tôn, đúng vậy!”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu sắc đẹp thế gian, người có sắc đẹp thế gian, lại có thể múa hát ca nhạc, có càng làm cho mọi người tụ tập lại để xem không?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, có vậy!”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Hoặc có sắc đẹp thế gian, người có sắc đẹp thế gian mà ở một chỗ múa hát, ca nhạc, diễn trò, lại có đám đông tụ tập lại một nơi. Nếu có người không ngu, không si, ham vui, chán khổ, tham sống, sợ chết. Có người khác bảo nó rằng: ‘Người đàn ông kia, người hãy bung bát dầu đầy này, đi qua giữa người đẹp thế gian và đám đông. Ta sai một kẻ giỏi giết người cầm đao theo sau. Nếu người làm rơi đi một giọt dầu, sẽ bị chém chết liền.’ Thế nào, Tỳ-kheo, người bung bát dầu này có thể không nghĩ đến bát dầu, không nghĩ đến kẻ giết người mà chỉ nhìn xem kỹ nữ và mọi người kia chằng?”

Các Tỳ-kheo, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, không thể! Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì người này **[174b]** tự thấy ở sau mình có người cầm đao, nên lúc nào cũng nghĩ rằng: ‘Nếu ta làm rơi đi một giọt dầu, tên đao phủ kia sẽ chém đầu ta.’ Nên chỉ để hết tâm chú ý vào bát dầu, bước đi chậm rãi giữa mọi người và sắc đẹp thế gian mà không dám liếc ngó quay nhìn.

“Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, nếu có Sa-môn và Bà-la-môn nào thân mình ngồi ngay thẳng, tự ổn cố, chuyên nhất tâm mình, không chạy theo âm thanh hình sắc, khéo thu nhiếp tất cả tâm pháp,⁴⁷ trụ nơi thân niệm xứ, đó là đệ tử của Ta, vâng lời Ta dạy.

“Thế nào là Tỳ-kheo thân mình ngồi ngay thẳng, tự ổn cố, chuyên nhất tâm mình, không chạy theo âm thanh hình sắc, khéo thu nhiếp tất cả tâm pháp, trụ nơi thân niệm xứ, Như vậy, này các Tỳ-kheo, sống quán niệm thân trên thân, phương tiện tinh cần, chánh trí, chánh niệm,

⁴⁷ Hán: chánh thân tự trọng.. 正身自重 Pāli: *bahūlikatā yānikatā vatthukatā anuṭṭhitā paricitā susamāradhā*, (bốn niệm xứ) được tu tập nhiều, được làm thành như cỗ xe, làm thành như nền đất, được thể nghiệm, được tích lũy, được khéo sách tiến.

điều phục tham ưu thế gian. Sống quán niệm thọ, tâm, pháp trên pháp, cũng lại như vậy. Đó gọi là Tỳ-kheo thân mình ngồi ngay thẳng, tự ổn cố, chuyên nhất tâm mình, không chạy theo âm thanh hình sắc, khéo thu nhiếp tất cả tâm pháp, trụ nơi thân niệm xứ.”

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ:

*Chuyên tâm chánh niệm,
Giữ gìn bát dĩa;
Tự tâm theo giữ,
Chưa từng tới đó.
Rất khó vượt qua,
Vi tế thắng diệu;
Nhưng gì Phật dạy,
Là lời gươm bén.
Hãy chuyên nhất tâm,
Chuyên tinh gìn giữ;
Không phải là việc;
Buông lung người đời.
Như vậy thâm nhập,
Giáo không buông lung.*

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 594. UẤT-ĐÊ-CA⁴⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả

Uất-đê-ca⁴⁹ đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, rồi ngồi xuống một bên, bạch Phật:

“Lành thay, Thế Tôn! Xin vì con nói pháp. Sau khi nghe pháp, con sẽ ở một mình chỗ vắng, chỉ chuyên tư duy, sống không buông lung, và suy nghĩ về lý do khiến người thiện nam cạo bỏ râu tóc, chánh tín xuất gia học đạo, sống không nhà. Nói đầy đủ như trên,... *cho đến* không còn tái sinh nữa.”

⁴⁸ Đại chánh, kinh 624 Pāli, S 47 16; Uttiya; 47 15 Bāhiya.

⁴⁹ Uất-đê-ca 鬱低迦 Pāli: Uttiya

Phật bảo Tôn giả Uất-đề-ca:

“Đúng vậy! Đúng vậy! Như những gì người nói. Nhưng đối với những pháp mà Ta đã nói, mà không làm cho Ta hài lòng, sự nghiệp của người kia cũng không thành tựu. Tuy đi theo sau Ta nhưng không được lợi ích, trái lại còn sinh chướng ngại.”

Uất-đề-ca [175a] bạch Phật:

“Theo những gì Thế Tôn đã nói, con có thể làm Thế Tôn hài lòng, sự nghiệp của con được thành tựu không sinh chướng ngại. Xin Thế Tôn vì con nói pháp, con sẽ ở một mình chỗ vắng, chỉ chuyên tư duy sống không buông lung. *Nói đầy đủ như trên, ... cho đến* không còn tái sinh nữa. Hai ba lần Bạch thỉnh như vậy.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Uất-đề-ca:

“Trước hết người nên làm thanh tịnh nghiệp bản sơ⁵⁰ của mình, sau đó tu tập Phạm hạnh.”

Uất-đề-ca bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn! Nay con làm thế nào để tẩy sạch nghiệp bản sơ của mình để tu tập phạm hạnh?”

Phật dạy Uất-đề-ca:

“Trước hết thầy phải làm thanh tịnh cho giới, chánh trực cho tri kiến, ba nghiệp phải đầy đủ, sau đó tu tập bốn niệm xứ. Những gì là bốn? Đó là, sống an trú chánh niệm quán thân trên nội thân, phương tiện, tinh cần, chánh trí, chánh niệm, điều phục tham ưu thế gian. Cũng vậy, sống an trú chánh niệm quán ngoại thân, nội ngoại thân trên thân, sống an trú chánh niệm quán thọ, tâm, pháp trên pháp, cũng nói đầy đủ như vậy.”

Khi Uất-đề-ca nghe Phật dạy xong, tùy hỷ hoan hỷ từ chỗ ngồi đứng dậy lui ra.

Sau khi nghe Phật chỉ dạy rồi, một mình Uất-đề-ca ở chỗ vắng chuyên tinh tư duy, sống không buông lung, và tự suy nghĩ về lý do khiến người thiện nam cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, chánh tín xuất gia học đạo, sống không nhà, ... *cho đến* không còn tái sinh nữa.

⁵⁰ Hán: tịnh kỳ sơ nghiệp 淨其初業 Pāli (S v 165): *ādim eva visodhehi kusalesu dhammesu*, “Hãy làm thanh tịnh pháp căn bản (hay bản sơ) trong các thiện pháp.”

Như những gì Uất-đề-ca hỏi. Cũng vậy, những gì Tỳ-kheo khác hỏi, cũng dạy như trên.

KINH 595. BÀ-HÊ-CA⁵¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy có một Tỳ-kheo tên là Bà-hê-ca⁵² đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, rồi ngồi xuống một bên, bạch Phật:

“Bạch thế Tôn! Lành thay! Thế Tôn, xin vì con mà nói pháp.”

Như kinh đã nói đầy đủ với Tôn giả Uất-đề-ca ở trước; chỉ có sự sai biệt là:

“Như vậy, này Bà-hê-ca, Tỳ-kheo làm sạch nghiệp bản sơ, là an trú chánh niệm quán thân trên thân, vượt qua các Ma; an trú chánh niệm quán thọ, tâm, pháp trên pháp vượt qua các Ma.”

Sau khi Tỳ-kheo Bà-hê-ca nghe Phật nói pháp, chỉ dạy xong, tùy hỷ hoan hỷ đánh lễ lui ra. Sau đó một mình ở chỗ vắng, chuyên tinh tu duy, sống không buông lung... *cho đến không còn tái sinh nữa.*

KINH 596. TỖ-KHEO⁵³

Kinh thứ hai cũng nói như kinh trên, chỉ có sự sai khác là: Như vậy, Tỳ-kheo vượt qua sinh tử.

KINH 597. A-NA-LUẬT⁵⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả A-na-luật-đà đi đến chỗ Phật; cúi đầu đánh lễ [175c] sát chân Phật, rồi ngồi xuống một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế tôn, Tỳ-kheo còn ở học địa chưa thăng tiến được, mà phương tiện tầm cầu an ổn Niết bàn, Thánh đệ tử ấy đối với chánh pháp luật phải làm thế nào để tu tập, tu tập nhiều, dứt sạch các lậu... cho đến tự biết không còn tái sinh nữa?”

Phật bảo A-na-luật:

⁵¹ Đại chánh, kinh 625 Pāli, S.47 15 Bāhika.

⁵² Bà-hê-ca 婆醯迦 Pāli: Bāhika (Bāhya).

⁵³ Đại chánh, kinh 626.

⁵⁴ Đại chánh, kinh 627 Pāli, S.47 26 Padesa.

“Thánh đệ tử còn ở học địa chưa thăng tiến được, mà phương tiện tâm cầu an ổn Niết bàn, vì ấy lúc bấy giờ hãy chánh niệm an trú quán thân trên nội thân, phương tiện tinh cần, chánh trí, chánh niệm, điều phục tham ưu thế gian. Cũng vậy, chánh niệm an trú quán thọ, tâm, pháp trên pháp, phương tiện tinh cần, chánh trí, chánh niệm, điều phục tham ưu thế gian. Khi Thánh đệ tử tu tập nhiều như vậy rồi, sẽ sạch hết các lậu... *cho đến* tự biết không còn tái sinh nữa.”

Phật dạy kinh này xong, Tôn giả A-na-luật nghe những gì Phật dạy, tùy hỷ hoan hỷ làm lễ rồi lui.

KINH 598. GIỚI⁵⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại tinh xá Kê lâm,⁵⁶ ấp Ba-liên-phát.⁵⁷ Khi ấy các Tôn giả Ưu-đà-di, A-nan-đà cũng ở đó. Bấy giờ, Tôn giả Ưu-đà-di đi đến chỗ Tôn giả A-nan, cùng ân cần chào hỏi nhau, rồi ngồi xuống một bên, nói với Tôn giả A-nan:

“Nhu Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là đấng Tri giả, Kiến giả, đã vì các Tỳ-kheo nói về Thánh giới, khiến cho không đứt, không khuyết, không rạn,⁵⁸ không lìa, không bị giới thủ,⁵⁹ khéo rớt ráo, khéo thọ trì, được bậc trí khen ngợi, không bị ghét bỏ. Vì sao Nhu Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là đấng Tri giả, Kiến giả, vì các Tỳ-kheo nói về Thánh giới khiến cho không đứt, không khuyết,... cho đến được bậc trí khen ngợi, không bị ghét bỏ?”

Tôn giả A-nan bảo Tôn giả Ưu-đà-di:

“Vì để tu tập bốn niệm xứ. Những gì là bốn? Đó là, sống quán thân trên thân; sống quán thọ, tâm, pháp trên pháp.”

Sau khi hai vị chánh sĩ bàn luận xong, trở về chỗ ở của mình.

⁵⁵ Đại chánh, kinh 628 Pāli, S.47 21 Sīla.

⁵⁶ Kê lâm tinh xá 雞林精舍 Pāli: Kukkaṭārāma.

⁵⁷ Ba-liên-phát ấp 巴連弗邑 Pāli: Pāṭaliputta.

⁵⁸ Hán: bất trạch 不擇 Tham chiếu Pāli, D.iii Saṅgīti:...*akaṇḍehi acchidehi asabalehi akammāsehe bhujissehi viññuppasatthehi aparāmatthesi*.. không bị khuyết, không bị vỡ, không tỉ vết, không bị dóm, khiến cho tự do, không bị cố chấp, được kẻ trí khen ngợi...

⁵⁹ Bất giới thủ 不戒取, giới bị cố chấp Pāli: *aparāmañña* xem **cht 58** trên.

KINH 599. BÁT THỐI CHUYỂN⁶⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại tinh xá Kê lâm, ấp Ba-liên-phát. Các Tôn giả A-nan và Tôn giả Bạt-đa-la cũng ở đó. Bấy giờ, Tôn giả Bạt-đa-la hỏi Tôn giả A-nan:

“Có pháp nào tu tập, tu tập nhiều mà không thối chuyển không?”

Tôn giả A-nan bảo Tôn giả Bạt-đa-la:

“Có pháp tu tập, tu tập nhiều có thể khiến người tu hành không bị thối chuyển, đó là bốn niệm xứ. Những gì là bốn? Đó là, sống quán thân trên thân; sống [175c] quán thọ, tâm, pháp trên pháp.”

Sau khi hai chánh sĩ bàn luận xong, trở về chỗ ở của mình.

KINH 600. THANH TỊNH⁶¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại tinh xá Kê lâm, ấp Ba-liên-phát. Các Tôn giả A-nan và Tôn giả Bạt-đa-la cũng ở đó. Rồi, Tôn giả Bạt-đa-la hỏi Tôn giả A-nan:

“Có pháp nào tu tập, tu tập nhiều có thể khiến cho chúng sanh không thanh tịnh trở thành thanh tịnh, và càng trở nên sáng chói không?”

Tôn giả A-nan bảo Tôn giả Bạt-đa-la:

“Có pháp tu tập, tu tập nhiều có thể khiến cho chúng sanh không thanh tịnh trở thành thanh tịnh, và trở nên sáng chói, đó là bốn niệm xứ. Những gì là bốn? Đó là, sống quán thân trên thân; sống quán thọ, tâm, pháp trên pháp.”

Sau khi hai Tôn giả bàn luận xong, mỗi người trở về chỗ ở của mình.

KINH 601. ĐỘ BĨ NGẠN⁶²

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại tinh xá Kê lâm, ấp Ba-liên-phát. Các Tôn giả A-nan và Tôn giả Bạt-đa-la cũng ở đó. Bấy giờ Tôn giả Bạt-đa-la hỏi Tôn giả A-nan:

⁶⁰ Pāli, S.47.23 Parihāna.

⁶¹ Đại chánh, kinh 630.

⁶² Đại chánh, kinh 631.

“Có pháp nào tu tập, tu tập nhiều có thể khiến cho chúng sanh chưa qua bờ bên kia, được qua bờ bên kia không?”

Tôn giả A-nan bảo Tôn giả Bạt-đà-la:

“Có pháp tu tập, tu tập nhiều có thể khiến cho chúng sanh chưa qua bờ bên kia, sẽ được qua bờ bên kia, đó là bốn niệm xứ. Những gì là bốn? Đó là, sống quán thân trên thân; sống quán thọ, tâm, pháp trên pháp.”

Sau khi hai vị chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người trở về chỗ ở của mình.

KINH 602. A-LA-HÁN⁶³

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại tinh xá Kê lâm, ấp Ba-liên-phất. Các Tôn giả A-nan và Tôn giả Bạt-đà-la cũng ở đó. Bấy giờ, Tôn giả Bạt-đà-la hỏi Tôn giả A-nan:

“Có pháp nào tu tập, tu tập nhiều có thể đắc quả A-la-hán không?”

Tôn giả A-nan bảo Tôn giả Bạt-đà-la:

“Có pháp tu tập, tu tập nhiều có thể đắc quả A-la-hán, đó là bốn niệm xứ. Những gì là bốn? Đó là, sống quán thân trên thân; sống quán thọ, tâm, pháp trên pháp.”

Sau khi hai vị chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người trở về chỗ ở của mình.

KINH 603. NHẤT THIẾT PHÁP⁶⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại tinh xá Kê lâm, ấp Ba-liên-phất. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Được nói là tất cả các pháp. Tất cả pháp là bốn niệm xứ, đó gọi là chánh thuyết. Những gì là bốn? Đó là, sống quán thân trên thân; sống quán thọ, tâm, pháp trên pháp.”

Khi Phật dạy kinh này xong, **[176a]** các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ thực hành theo.

⁶³ Đại chánh, kinh 614

⁶⁴ Đại chánh, kinh 633.

KINH 604. HIẾN THÁNH⁶⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại tinh xá Kê lâm, ấp Ba-liên-phát. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo tu tập, tu tập nhiều bốn niệm xứ, gọi đó là vị Hiến Thánh xuất ly.⁶⁶ Những gì là bốn? Đó là, sống quán thân trên thân; sống quán thọ, tâm, pháp trên pháp.”

Phật dạy kinh này xong, các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như xuất ly, *cũng vậy* chính thức hết khổ, giải thoát khổ, được quả vị lớn, được pháp cam lồ, cứu cánh cam lồ, chứng pháp cam lồ, *cũng nói đầy đủ như vậy*.

KINH 605. QUANG TRẠCH⁶⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại tinh xá Kê lâm, ấp Ba-liên-phát. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo tu tập, tu tập nhiều bốn niệm xứ, có thể khiến cho chúng sanh không thanh tịnh trở thành thanh tịnh, chúng sanh đã thanh tịnh rồi khiến cho càng trở nên sáng chói. Những gì là bốn? Đó là, sống quán thân trên thân; sống quán thọ, tâm, pháp trên pháp.”

Phật dạy kinh này xong, các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như thanh tịnh chúng sanh, *cũng vậy* chúng sanh chưa qua được bờ bên kia khiến cho qua, đấng A-la-hán, đấng Bích-chi-phật, đấng Vô thượng Bồ-đề *cũng nói như trên*.

KINH 606. TỠ-KHEO⁶⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại tinh xá Kê lâm, ấp Ba-liên-phát. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

⁶⁵ Đại chánh, kinh 634 Pāli, S.47 17 Ariya.

⁶⁶ Hiến Thánh xuất ly 賢聖出離 Pāli: *ariyā niyānikā*, vị Thánh giả đã thoát ly (khổ).

⁶⁷ Đại chánh, kinh 635.

⁶⁸ Đại chánh, kinh 636 Pāli, S.47 3 Bhikkhu,

“Ta sẽ vì các Tỳ-kheo nói về bốn niệm xứ.

“Thế nào là tu bốn niệm xứ? Nay các Tỳ-kheo, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sỹ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhơn sư, Phật, Thế Tôn xuất hiện ở đời giảng nói chánh pháp, những lời giảng nói ban đầu, khoảng giữa và sau cùng, tất cả đều thiện, nghĩa thiện, vị thiện, hoàn toàn thuần nhất thanh tịnh, phạm hạnh được hiển hiện. Nếu có thiện gia nam tử, hay thiện gia nữ, nghe pháp từ Phật, được tín tâm thanh tịnh; tu học như vậy: thấy sự tai hại của tại gia liên hệ với dục lạc, là phiền não ràng buộc, nên thích sống ở nơi vắng vẻ, xuất gia học đạo, không thích tại gia, mà sống không nhà; chỉ muốn một mực thanh tịnh, suốt đời hoàn toàn thuần nhất trong sạch, phạm hạnh trong sáng, ‘Ta nên cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chánh tín [176b] xuất gia học đạo, sống không nhà.’ Suy nghĩ như vậy rồi, liền vất bỏ tiền tài, thân thuộc, cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chánh tín xuất gia học đạo, sống không nhà; thân hành đọa chánh, giữ gìn bốn sự lỗi lầm của miệng, cuộc sống chơn chánh, trong sạch; tu tập giới Hiền Thánh, giữ gìn cửa các căn, chánh niệm hộ tâm.

“Khi mắt thấy sắc, không nắm giữ hình tướng; nếu đối với mắt mà không có luật nghi, tham ưu thế gian, pháp ác bất thiện hay lọt vào tâm. Nhưng hiện tại, nếu đối với mắt mà giữ luật nghichân chánh; đối tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng giữ luật nghi chân chánh như vậy.

“Người kia nhờ thành tựu được giới luật Hiền Thánh, khéo nhiếp thủ các căn, đi tới đi lui, quay nhìn, co duỗi, nằm ngồi, thức ngủ, nói năng, im lặng đều trụ ở trong chánh trí.

“Người kia nhờ thành tựu thánh giới này, phòng hộ cửa căn, chánh trí chánh niệm, tịch tịnh viễn ly; ở chỗ vắng, dưới bóng cây, hay trong phòng vắng, ngồi một mình, chánh thân, chánh niệm, buộc tâm an trụ, đoạn tham ưu thế gian, lìa tham dục, trừ sạch tham dục; dứt trừ các triền cái ở đời là sân nhuế, thụy miên, trạo hối, nghi; xa lìa các triền cái sân nhuế, thụy miên, trạo hối, nghi; trừ sạch các triền cái sân nhuế, thụy miên, trạo hối, nghi; đoạn trừ năm triền cái chúng làm tâm suy yếu huệ bạc nhược, chướng ngại các giác chi, không hướng đến Niết-bàn. Thế nên, vị ấy an trú chánh niệm quán niệm thân trên nội thân, phương tiện tinh cần, chánh trí, chánh niệm, điều phục tham ưu của thế gian. Cũng vậy, an trú chánh niệm quán ngoại thân, nội ngoại

thân, thọ tâm pháp trên pháp, cũng nói như vậy. Đó gọi là Tỳ-kheo tu bốn niệm xứ.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành .

KINH 607. BA-LA-ĐỀ-MỘC-XOA⁶⁹

Tôi nghe như vậy.

Một thời, Phật trú tại tinh xá Kê lâm, ấp Ba-liên-phát. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nên tu bốn niệm xứ. *Nói đầy đủ như trên, chỉ có sự sai biệt là:... cho đến xuất gia như vậy, rồi ở nơi yên tĩnh, nhiếp trì giới luật, thực hành luật nghi đầy đủ; đối với tội nhỏ nhặt cũng sinh lòng sợ hãi lớn, thọ trì học giới, lia sát sanh, dứt sát sanh, không thích sát sanh,... cho đến tất cả nghiệp đạo như đã nói ở trước, y bát luôn ở bên mình, như chim có hai cánh. Thành tựu học giới như vậy là nhờ tu bốn niệm xứ.”*

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành .

KINH 608. THUẦN-ĐÀ⁷⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn trúc Ca-lan-đa, tại thành Vương Xá. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất đang ở trong làng Ma-kiệt-đề Na-la,⁷¹ [176c] bị bệnh và vào Niết-bàn. Sa-di Thuần-đà⁷² chăm sóc, cúng dường. Tôn giả Xá-lợi-phất nhân bệnh mà niết-bàn. Sa-di Thuần-đà sau khi cúng dường Tôn giả Xá-lợi-phất, nhặt lấy xá-lợi còn lại, mang theo cùng với y bát đến thành Vương xá. Đến nơi, thân cất y bát, rửa chân xong, Sa-di Thuần-đà đi đến chỗ Tôn giả A-nan, đánh lễ rồi, lui đứng một bên, Bạch:

“Bạch Tôn giả, Hòa thượng của con là Tôn giả Xá-lợi-phất đã Niết-bàn. Con đem xá-lợi và y bát về đây.”

Tôn giả A-nan nghe Sa-di Thuần-đà báo tin ấy rồi, liền đi đến chỗ Phật, bạch rằng:

⁶⁹ Đại chánh, kinh 637 Pāli, S.47 46 Pātimokkha.

⁷⁰ Đại chánh, kinh 638 Pāli, S.47 13 Cuṇḍa.

⁷¹ Ma-kiệt-đề Na-la tự lạc 摩竭提那羅聚落 Pāli: *Magadha-Nalagāma*.

⁷² Thuần-đà 純陀 Pāli: Cuṇḍa.

“Bạch Thế Tôn, hôm nay con tưởng chừng thân thể rã rời, bốn phương đổi khác, mờ ám, nghẹn ngào không nói nên lời. Sa-di Thuần-đà nói với con rằng, ‘Hòa thượng Xá-lợi-phất đã Niết-bàn. Con đem xá-lợi và y bát về đây.’”

Phật dạy:

“Thế nào A-nan? Phải chăng Xá-lợi-phất đem cái thân đã thọ giới mà Niết-bàn, hay là định thân, tuệ thân, giải thoát thân, hay giải thoát tri kiến thân Niết-bàn?”

Tôn giả A-nan bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, không phải.”

Phật bảo A-nan:

“Hay là pháp được thuyết mà Ta tự chứng tri, thành Đẳng Chánh giác, tức là bốn niệm xứ, bốn chánh đoạn, bốn như ý túc, Năm căn, năm lực, bảy giác chi và tám Thánh đạo; đem những pháp này mà nhập Niết-bàn?”

Tôn giả A-nan bạch Phật:

“Bạch Thế tôn, không. Tuy không đem cái thân thọ giới... *cho đến* các pháp đạo phẩm mà Niết-bàn, nhưng Tôn giả Xá-lợi-phất giữ giới, học nhiều, ít muốn, biết đủ, thường tu hạnh viễn ly, tinh cần, phương tiện, nhiếp niệm an trụ, nhất tâm chánh định, trí tuệ bén nhạy, trí tuệ sâu xa, trí tuệ siêu việt, trí tuệ phân biệt, trí tuệ lớn, trí tuệ rộng, trí tuệ sâu, trí tuệ không ai bằng, trí báu thành tựu; hay chỉ bày, hay dạy dỗ, hay soi sáng, hay làm cho hoan hỷ, khéo léo khen ngợi, nói pháp cho đại chúng. Cho nên bạch Thế Tôn, con vì pháp, vì người lãnh thọ giáo pháp, cảm thấy buồn rầu khổ não.”

Phật dạy A-nan:

“Ngươi chớ buồn rầu khổ não! Vì sao? Hoặc sanh,⁷³ hoặc khởi, hoặc tạo tác, đều là pháp hữu vi bại hoại; làm sao có thể không bại hoại? Muốn cho không hoại, không có trường hợp ấy. Trước đây Ta đã nói, tất cả những vật yêu thích, những việc hợp ý, tất cả đều là pháp trái

⁷³ Sanh 生, bản Cao ly: tọa 坐 Tham chiếu Pāli: *yam tam jātam bhūtam sankhataṃ palokadhammaṃ*, cái gì là sanh, là tồn tại, là hữu vi, là pháp bại hoại.

lia, chẳng thể giữ mãi.⁷⁴ Ví như cội cây to, rễ, cành, nhánh, lá, hoa, trái sum sê tươi tốt, cành lớn gãy trước. Như núi báu lớn, sườn lớn sụp đổ trước. Cũng vậy, trong hàng đại chúng quyến thuộc của Như Lai, đại Thanh văn [177a] vào Niết-bàn trước. Nếu phương kia có Xá-lợi-phất an trụ thì ở phương ấy Ta vô sự, nhưng nơi ấy Ta vẫn không phải là không vì có Xá-lợi-phất. Như trước đây Ta đã nói. Nay người, này A-nan, như từ trước Ta đã nói, tất cả những gì yêu thương, hợp ý đều là pháp biệt ly, bởi vậy cho nên, A-nan, đừng quá buồn rầu. A-nan, nên biết, Như Lai chẳng bao lâu cũng sẽ ra đi. Cho nên, A-nan, hãy tự mình làm hòn đảo để tự nương tựa. Hãy lấy pháp làm nơi nương tựa, đừng lấy chỗ nào khác làm hòn đảo, đừng nương tựa vào chỗ nào khác.”

Tôn giả A-nan bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, thế nào là tự mình làm hòn đảo, tự nương tựa chính mình? Thế nào là lấy pháp làm hòn đảo, lấy pháp làm nơi nương tựa? Thế nào là không lấy cái khác làm hòn đảo, không nương tựa cái khác?”

Phật đáp:

“Tỳ-kheo sống an trú chánh niệm quán thân trên thân, tinh cần, phương tiện, chánh trí, chánh niệm, điều phục tham ưu thế gian. Cũng vậy, an trú chánh niệm quán ngoại thân, nội ngoại thân; thọ, tâm, pháp trên pháp, cũng nói như vậy. A-nan, đó gọi là tự mình làm hòn đảo, tự nương tựa chính mình, tự lấy pháp làm hòn đảo, tự lấy pháp làm chỗ nương tựa, không lấy chỗ nào khác làm hòn đảo, không nương tựa chỗ nào khác.”

Phật dạy kinh này xong, các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ thực hành theo.

KINH 609. BỐ-TÁT⁷⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong rừng Âm-la râm mát, cạnh bờ sông Bạt-đà-la, nước Ma-thâu-la. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên

⁷⁴ Pāli: *sabbehi piyehi manāpehi nānābhāvo vinābhāvo aññathābhāvo*, với tất những gì yêu thương, thích ý, đều là tánh khác biệt, là tánh ly tán, là tánh biến dị.

⁷⁵ Đại chánh, kinh 639 Pāli, S 47 14 Cela.

vào Niết-bàn chưa bao lâu. Hôm ấy là ngày mười lăm bố-tát, Thế Tôn trải chỗ ngồi, ngồi trước đại chúng, nhìn khắp chúng hội rồi nói:

“Ta nhìn đại chúng, thấy đã trống không, vì Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên đã vào Niết-bàn. Trong chúng Thanh văn của Ta, chỉ có hai người này khéo thuyết pháp, giáo giới, dạy dỗ, biện thuyết đầy đủ. Có hai thứ tài sản: tiền tài và pháp tài. Tiền tài thì tìm cầu từ người thế gian. Pháp tài thì tìm cầu từ Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên. Như Lai đã lià tiền tài và pháp tài. Các người chớ vì Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên đã Niết-bàn mà sầu ưu khổ não.

“Ví như cây lớn, rễ, cành, nhánh, lá, hoa trái, sum sê tươi tốt, nhánh lớn sẽ gãy trước. Cũng như núi báu lớn, sườn lớn sụp đổ trước. Cũng vậy, trong đại chúng của Như Lai, hai vị đại Thanh văn Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên vào Niết-bàn trước. Cho nên các Tỳ-kheo, các người chớ sanh ưu sầu khổ não. Vì có pháp sinh, pháp khởi, pháp tạo tác, pháp hữu vi, pháp bại hoại nào, mà không tiêu mất. Nếu muốn khiến cho chúng không hoại, điều này không thể có được.**[177b]** Từ trước Ta đã nói: ‘Tất cả mọi vật đáng yêu thích đều đi đến ly tán.’ Chẳng bao lâu nữa Ta cũng sẽ ra đi. Vì thế cho nên các người hãy tự làm hòn đảo, tự nương tựa chính mình; hãy lấy pháp làm hòn đảo, lấy pháp làm nơi nương tựa; không lấy chỗ nào khác làm hòn đảo, không nương tựa chỗ nào khác. Nghĩa là sống an trú chánh niệm quán thân trên thân, tinh cần, phương tiện, chánh trí, chánh niệm, điều phục tham ưu thế gian. Cũng vậy, an trú chánh niệm quán ngoại thân, nội ngoại thân; thọ, tâm, pháp trên pháp, *cũng nói như vậy*. Đó gọi là tự mình làm hòn đảo, tự nương tựa chính mình; tự lấy pháp làm hòn đảo, lấy pháp làm nơi nương tựa; không lấy chỗ nào khác làm hòn đảo, không nương tựa chỗ nào khác.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.⁷⁶

⁷⁶ Bản Hán, hết quyển 24.

16. TƯƠNG ƯNG CĂN¹

KINH 610. TRI²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có ba căn: căn vị tri đương tri, căn tri, căn vô tri.³ Rồi Thế Tôn nói kệ rằng:

*Khi giác tri học địa,
Tùy thuận tiến thẳng đường;
Căn phương tiện siêng năng,
Khéo tự hộ tâm mình.
Tự biết hết tái sanh,
Đạo vô ngại đã biết;
Đã biết giải thoát rồi,-
Cuối cùng được vô tri.
Bất động tâm giải thoát,⁴
Tất cả hữu đều dứt;
Các căn đầy đủ cả,
Vui nơi căn vắng lặng.
Mang thân sau cùng này,
Hàng phục các ma oán.*

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

¹ Tụng v Đạo phẩm, 2 Tương ưng căn, gồm các kinh Đại chánh 642-660 (phần đầu quyển 26) Ấn Thuận *Hội biên*, “Tụng iv Đạo phẩm 10 Tương ưng Căn.” *Quốc dịch*, đề lên Tương ưng thứ 2 Tương đương Pāli, S 48 Indriyasamyutta.

² *Đại chánh* quyển 26, từ số 642 *Quốc dịch*, quyển 23, Tương ưng Căn, từ kinh số 1230 *Phật quang*, quyển 26, kinh số 654-724 Pāli, S 48 23 Ñāya Cf A 3 84 Sekha.

³ Vị tri đương tri căn, tri căn, vô tri căn 未知當知根, 知根, 無知根 (Vô tri căn, *Câu xá*: cụ tri căn.) Pāli: *tīṇ'indriyāni: anaññātāññassāmūindriyaṃ, aññindriyauṃ, aññātāvindriyaṃ*, Căn chưa biết sẽ biết, căn đã biết, căn đã biết trọn vẹn.

⁴ Bất động ý giải thoát 不動意解脫, tức bất động tâm giải thoát Pāli: *akuppa cetvimutti*.

KINH 611. TỊNH⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có năm căn. Những gì gọi là năm? Căn tín, căn tinh tấn, căn niệm, căn định, căn tuệ.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng [182b] hành.

KINH 612. TU-ĐÀHOÀN⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có năm căn. Những gì gọi là năm? Căn tín, căn tinh tấn, căn niệm, căn định, căn tuệ. Tỳ-kheo khéo quán sát như thật đối với năm căn này, người ấy đối với ba kết mà đoạn biến tri;⁷ đó là thân kiến, giới thủ, nghi. Đó gọi là Tu-đà-hoàn, không còn rơi vào pháp đường dữ, nhất định sẽ hướng thẳng đến Chánh giác, còn bảy lần qua lại trời, người, cuối cùng sẽ cứu cánh biên tế của khổ.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 613. A-LA-HÁN⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Đối với năm căn này, người nào quán sát như thật, không khởi lên các lậu, tâm sẽ chứng đắc ly dục giải thoát.⁹ Đó gọi là A-la-hán, các

⁵ Đại chánh, kinh 643 Pāli, S.48 1 S4ddhika.

⁶ Đại chánh, kinh 664 Pāli, S.48 2-3 Sotapanna.

⁷ Đoạn tri 斷知, tức đoạn biến tri, đoạn trừ với nhận thức toàn diện; xem *Câu xá 21* (tr.11218) Pāli: *pahāṇapariññā*.

⁸ Đại chánh, kinh 645 Pāli, S 48 4-5 Arahaṃ.

⁹ Ly dục giải thoát; S 48 4: *anupādāvimutto*, giải thoát không còn chấp thủ.

lậu đã hết, việc cần làm đã làm xong, đã lia các gánh nặng, đã được lợi mình,¹⁰ hết các hữu kết, bằng chánh trí mà tâm khéo giải thoát.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 614. ĐƯƠNG TRI¹¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có năm căn. Những gì gọi là năm? Căn tín, căn tinh tấn, căn niệm, căn định, căn tuệ. Căn tín, nên biết, đó là bốn bất hoại tịnh. Căn tinh tấn, nên biết, đó là bốn chánh đoạn. Căn niệm, nên biết, đó là bốn niệm xứ. Căn định, nên biết, đó là bốn thiền. Căn tuệ, nên biết, đó là bốn Thánh đế.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 615. PHÂN BIỆT¹²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có năm căn. Những gì gọi là năm? Căn tín, căn tinh tấn, căn niệm, căn định, căn tuệ.

“Sao gọi là căn tín? Tỳ-kheo khởi tín tâm thanh tịnh, căn bản bền chắc đối với Như Lai mà các Sa-môn, Bà-la-môn khác, chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, cùng thế gian khác không thể làm cản trở, phá hoại tâm ấy; đó gọi là căn tín.

“Sao gọi là căn tinh tấn? Pháp ác bất thiện đã sinh, khiến cho đoạn mà phát khởi [182c] ý dục, nỗ lực phương tiện, nhiếp tâm, sách tiến. Pháp ác bất thiện chưa sinh, khiến không sanh, mà phát khởi ý dục, nỗ lực phương tiện, nhiếp tâm, sách tiến. Pháp thiện chưa sinh, khiến cho sanh, mà phát khởi ý dục, nỗ lực phương tiện, nhiếp tâm, sách tiến.

¹⁰ Đãi đắc kỹ lợi 逮得己利, đã đạt được mục đích của mình.

¹¹ Đại chánh, kinh 646 Pāli, S 48 8 Daṭṭhabbam.

¹² Đại chánh, kinh 647 Pāli, S .48 9-10 Vibhaṅga.

Pháp thiện đã sinh, khiến cho an trú không mất, khiến không sanh, tu tập tăng rộng, mà phát khởi ý dục, nỗ lực phương tiện, nhiếp tâm, sách tiến. Đó gọi là căn tinh tấn.

“Sao gọi là căn niệm? Tỳ-kheo sống quán thân trên nội thân, tinh cần phương tiện, chánh niệm chánh trí, điều phục tham ưu thế gian; sống quán ngoại thân, nội ngoại thân; và thọ, tâm, pháp trên pháp cũng nói như vậy. Đó gọi là căn niệm.

“Sao gọi là căn định? Tỳ-kheo ly dục, ly pháp ác bất thiện, có tầm có tứ, có hỷ lạc do viễn ly sanh, *cho đến*, chứng và an trú tứ thiền. Đó gọi là căn định.

“Sao gọi là căn tuệ? Tỳ-kheo biết như thật về Khổ thánh đế, biết như thật về Khổ tập thánh đế, Khổ diệt thánh đế, Khổ diệt đạo tích thánh đế. Đó gọi là căn tuệ.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 616. LƯỢC THUYẾT¹³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như trên đã nói, chỉ có một vài sai biệt :

“ Tỳ-kheo khéo quán sát như thật đối với năm căn này, người ấy đối với ba kết mà đoạn biến tri;¹⁴ đó là thân kiến, giới thủ, nghi. Đó gọi là Tu-đà-hoàn, không còn rơi vào pháp đường dữ, nhất định sẽ hưởng thẳng đến Chánh giác, còn bảy lần qua lại trời, người, cuối cùng sẽ cứu cánh biên tế của khổ.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 617. LẬU TẬN¹⁵

Tôi nghe như vậy:

¹³ Đại chánh, kinh 648 Pāli, S 48 12 Saṅkhitta.

¹⁴ Đoạn tri 斷知, tức đoạn biến tri, đoạn trừ với nhận thức toàn diện; xem *Câu xá* 21 (tr.11218) Pāli: *pahāṇapariññā*.

¹⁵ Đại chánh, kinh 649 Pāli, S 48 20 Āsavānaṃkhayo.

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như trên đã nói, chỉ có một vài sai biệt:

“Tỳ-kheo đối với năm căn này, sau khi đã quán sant như thật, dứt sạch các lậu, ly dục giải thoát. Đó gọi là A-la-hán, các lậu đã hết, việc cần làm đã làm xong, đã lìa các gánh nặng, đã được lợi mình, hết các hữu kết, bằng chánh trí mà tâm khéo giải thoát.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 618. SA-MÔN BÀ-LA-MÔN¹⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như trên đã nói, chỉ có một vài sai biệt:

[183a] “Các Tỳ-kheo, nếu Ta đối với căn tín này, sự tập khởi của căn tín, sự diệt tận của căn tín, con đường đưa đến sự diệt tận của căn tín mà không biết như thật, rốt cuộc Ta ở giữa các chúng chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn đã không được cho là xuất, là ly, tâm lìa điên đảo, cũng không thành tựu được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.”

Cũng như căn tín, căn tinh tấn, căn niệm, căn định, căn tuệ cũng nói như vậy.

“Này các Tỳ-kheo, do đối với căn tín này, Ta bằng chánh trí mà quán sát như thật; do đối với sự tập khởi của căn tín, sự diệt tận của căn tín, con đường đưa đến sự diệt tận của căn tín, Ta bằng chánh trí mà quán sát như thật, nên ở giữa chúng chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, Ta đã xuất, đã ly, tâm lìa điên đảo, Thành tựu Vô thượng, Chánh đẳng Chánh giác.”

căn Tín, căn tinh tấn, căn niệm, căn định, căn tuệ cũng nói như vậy.

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

¹⁶ Đại chánh, kinh 650 Pāli, S.48.6-7 Samaña-brahmaṇā.

KINH 619. SA-MÔN BÀ-LA-MÔN (2)¹⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như trên đã nói, nhưng có một vài sự sai biệt:

“Các Tỳ-kheo, đối với sự tập khởi của căn tín này, sự diệt tận của căn tín, vị ngọt của căn tín, sự tai hoạn của căn tín, sự xuất ly của căn tín, mà Ta không biết như thật, Ta không được ở trong chúng chur Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, cho là giải thoát, là xuất, là ly, tâm lìa điên đảo, là thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.”

Cũng vậy, căn tín, căn tinh tấn, căn niệm, căn định, căn tuệ cũng nói như vậy.

“Này các Tỳ-kheo, vì đối với căn tín, sự tập khởi của căn tín, sự diệt tận của căn tín, vị ngọt của căn tín, sự tai hoạn của căn tín, sự xuất ly căn tín, Ta biết như thật, nên ở trong chúng chur Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn là giải thoát, là xuất, là ly, tâm lìa điên đảo, thành tựu được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 620. HUỚNG¹⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như trên đã nói, nhưng có một vài sai biệt:

“Nếu Tỳ-kheo nào đối với năm căn này, hoặc nhạy bén hay đầy đủ, đạt A-la-hán. Hoặc mềm hay yếu kém, đạt A-na-hàm. Hoặc mềm hay yếu kém hơn thì đạt Tư-đà-hàm. Hoặc mềm hay yếu kém hơn nữa thì đạt Tu-đà-hoàn. Người nào đầy đủ, thành tựu việc đầy đủ, người nào không đầy đủ, thành tựu việc không đầy đủ.¹⁹ Đối với năm căn này

¹⁷ Đại chánh, kinh 651.

¹⁸ Đại chánh, kinh 652 Pāli, S 48 14 Saṅkhitta.

¹⁹ Pāli: *paripūram paripūrakārī āradheti, padesaṃ padesakrī āradheti*, người làm cho viên mãn thì hoàn thành sự viên mãn; người chỉ làm một phần thì hoàn tất một phần.

không phải trống không, không kết quả. [183b] Nếu người nào đối với năm căn này tất cả đều cho là không, Ta nói người ấy thuộc về số phàm phu ngoại đạo.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 621. QUẢNG THUYẾT²⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như trên đã nói, nhưng có một vài sự sai khác:

“Nếu Tỳ-kheo nào, đối với năm căn này mà có sự tăng thượng minh lợi, mãn túc thì sẽ đạt A-la-hán câu phần giải thoát.²¹ Hoặc nhu nhuyễn hay yếu kém, sẽ đạt thân chứng.²² Nơi đó hoặc nhu nhuyễn hay yếu kém, sẽ đạt kiến đáo.²³ Nơi đó hoặc nhu nhuyễn hay yếu kém, sẽ đạt tín giải thoát.²⁴ Nơi đó hoặc nhu nhuyễn hay yếu kém, sẽ đạt Nhất chủng.²⁵ Nơi đó hoặc nhu nhuyễn hay yếu kém, sẽ đạt Tu-đà-hàm. Nơi đó hoặc nhu nhuyễn hay yếu kém, sẽ đạt gia gia.²⁶ Nơi đó hoặc nhu nhuyễn hay yếu kém thì sẽ đạt thất hữu.²⁷ Nơi đó hoặc nhu nhuyễn hay yếu kém, sẽ đạt pháp hành.²⁸ Nơi đó hoặc nhu nhuyễn hay yếu kém, sẽ đạt tín hành.²⁹ Đó gọi là Tỳ-kheo vì nhân duyên căn ba-la-mật, nên biết quả ba-la-mật,³⁰ vì nhân duyên quả ba-la-mật, nên biết

²⁰ Đại chánh, kinh 653 Pāli, S.48.15-16 Vitthāra.

²¹ Câu phần giải thoát 俱分解脫, đối vị A-la-hán chứng đắc diệt tận định Pāli: *ubhatobhāgavimutta*.

²² Thân chứng 身證; A-na-hàm chứng đắc diệt tận định Pāli: *kāyasakkhin*.

²³ Kiến đáo 見到 Pāli: *ditṭhipatta*.

²⁴ Tín giải thoát 信解脫 Pāli: *saddhāvimutta*.

²⁵ Nhất chủng 一種 Pāli: *ekabījīn*.

²⁶ Gia gia 家家 Pāli: *kolamkola*.

²⁷ Thất hữu 七有 Pāli: *sattakkhattuparama*.

²⁸ Pháp hành 法行, tức tùy pháp hành Pāli: *dhammānusārin*.

²⁹ Tín hành 信行 tức tùy tín hành Pāli: *saddhānusārin*.

³⁰ Căn ba-la-la-mật, quả ba-la-mật 根波羅蜜, 果波羅蜜 Pāli: *indriyavemattatā phalavemattatā hoti*, do sự sai biệt của căn mà có sự sai biệt của quả Pāli: *vemattatā*, chúng loại sai biệt; bản Hán đọc là *pāramita*: ba-la-mật.

người ba-la-mật.³¹ Người đầy đủ như vậy, làm việc đầy đủ; người giảm thiểu, làm việc giảm thiểu. Các căn này không phải rỗng không, không quá. Nếu người nào không có các căn này, Ta nói kẻ đó thuộc vào số phàm phu.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 622. HUỆ CĂN (1)³²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có năm căn. Những gì là năm? Căn tín, căn tinh tấn, căn niệm, căn định, căn tuệ. Năm căn này, căn tuệ nhiếp thọ tất cả. Thí như các thứ cây gỗ của nhà, gác, cây đòn nóc là ở trên hết, mọi cây gỗ khác đều nương vào cây đòn nóc mà giữ yên. Như vậy trong năm căn, tuệ thâm nhiếp tất cả nên tuệ trên hết.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 623. HUỆ CĂN (2)³³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có năm căn. Những gì gọi là năm? Căn tín, căn tinh tấn, căn niệm, căn định, căn tuệ. Căn tín, nên biết, đó là bốn bất hoại tịnh. Căn tinh tấn, nên biết, đó là bốn chánh đoạn. Căn niệm, nên biết, đó là bốn niệm xứ. Căn định, nên [183c] biết, đó là bốn thiền. Căn tuệ, nên biết, đó là bốn Thánh đế.

“Các công đức này tuệ đứng hàng đầu, vì tuệ nhiếp trì tất cả.”

Cho đến Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

³¹ Nhân ba-la-mật 人波羅蜜 Pāli: *puggalavemattatā*, sự sai biệt về nhân cách.

³² Đại chánh, kinh 654 Pāli, S.48 52 Mallika.

³³ Đại chánh, kinh 655 Pāli, S 48.10 Vibhaṅga; 48 52 Mallika.

KINH 624. HUỆ CĂN (3)³⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có năm căn, những gì gọi là năm? là Căn tín, căn tinh tấn, căn niệm, căn định, căn tuệ.

“Thánh đệ tử thành tựu căn tuệ thì có thể tu tập căn tín, y viễn ly, y vô dục, y tịch diệt, hướng đến xả. Đó gọi là thành tựu căn tín. Thành tựu căn tín tức là căn tuệ.”

Như căn tín, cũng vậy căn tinh tấn, căn niệm, căn định, căn tuệ cũng nói như vậy.

“Cho nên, trong năm căn này, căn tuệ đứng hàng đầu vì nhiếp trì tất cả. Thí như các thứ cây gỗ của nhà, gác, cây đòn nóc là ở trên hết, mọi cây gỗ khác đều nương vào cây đòn nóc mà giữ yên. Cũng vậy trong năm căn, tuệ trên hết vì tuệ thấu nhiếp tất.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 625. HUỆ CĂN (4)³⁵

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có năm căn, những gì gọi là năm? là Căn tín, căn tinh tấn, căn niệm, căn định, căn tuệ.

“Thánh đệ tử thành tựu căn tín, học như vậy: ‘Thánh đệ tử sanh tử từ vô thủy. Bị vô minh che lấp, ái trói buộc, chúng sanh lâu dài trôi lăn qua lại trong sanh tử, không biết bản thể. Có nhân nên có sanh tử. Nếu nhân vĩnh viễn đoạn tận thì sẽ không có sanh tử. Vô minh là khối tối tăm vĩ đại làm chướng ngại, ai nhập Bát-niết-bàn? Chỉ có khổ diệt, khổ dứt, mát mẻ, vắng lặng.’

Như căn tín, cũng vậy căn tinh tấn, căn niệm, căn định, căn tuệ cũng nói như vậy.

³⁴ Đại chánh, kinh 656.

³⁵ Đại chánh, kinh 657 S 48 50 Saddhā (v 225).

“Trong năm căn này, tuệ nhiếp trì tất cả nên nó là hàng đầu. Thí như cây đòn nóc của nhà, gác; vì nó giữ vững các cây nên nó ở trên hết.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 626. HUỆ CĂN (5)³⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có năm căn: căn tín, căn tinh tấn, căn niệm, căn định, căn tuệ.

“Thế nào là căn tín? Tín tâm mà Thánh [184a] đệ tử phát khởi nơi Như Lai,³⁷ có gốc rễ bền chặt, mà chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn cùng các pháp thế gian không thể nào phá hoại được; đó gọi là căn Tín.

„Thế nào là căn tinh tấn? Đó là bốn chánh đoạn. Thế nào là căn niệm? Đó là bốn niệm xứ. Thế nào là căn định? Đó là bốn thiền. Thế nào là căn tuệ? Đó là bốn thánh đế. Những công đức này đều lấy tuệ làm đầu. Thí như nhà, gác, cây đòn nóc là ở trên hết.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 627. HUỆ CĂN (6)³⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có năm căn. Những gì là năm? Đó là căn tín, căn tinh tấn, căn niệm, căn định, căn tuệ.

“Thế nào là căn tín? Thánh đệ tử có tâm tịnh tín nơi sự phát tâm Bồ đề của Như Lai;³⁹ đó gọi là căn Tín.

³⁶ Đại chánh, kinh 658 Pāli, S.48.10 Vibhaṅga.

³⁷ Pāli: *saddahati tathāgatassa bodhim*, tin tưởng sự giác ngộ của Như lai.

³⁸ Đại chánh, kinh 659 Pāli, S.48 50 Saddha.

³⁹ Pāli, S.48.50: *tathāgate ekantagato abhippasanno, na so tathāgate vā tathāgatasāsane vā kankheyya vā vikiccheyya vā*, vị ấy một mực tín thành nơi Như Lai, không hoài nghi hay phân vân đối với Như Lai hay giáo pháp của Như Lai.

„Thế nào là căn tinh tấn? Phát khởi phương tiện tinh tấn nơi sự phát tâm bồ-đề của Như Lai; đó gọi là căn tinh tấn. Thế nào là căn niệm? Phát khởi niệm tưởng nơi sự tối sơ phát tâm bồ-đề của Như Lai; đó gọi là căn niệm. Thế nào là căn định? Tam-muội được phát khởi ở nơi sự tối sơ phát tâm Bồ đề của Như Lai; đó gọi là căn Định. Thế nào là căn tuệ? Tuệ được phát khởi nơi sự phát tâm bồ-đề tối sơ của Như Lai; đó gọi là căn Tuệ.” *Thí dụ về nhà, gác, như đã nói ở trên.*

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 628. KHỔ ĐOẠN⁴⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có năm căn. Những gì là Năm? Đó là căn tín, căn tinh tấn, căn niệm, căn định, căn tuệ. Năm căn này, nếu được tu tập, tu tập nhiều, tất cả những khổ quá khứ, hiện tại, vị lai đều sẽ dứt sạch.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như đoạn khổ, *cũng vậy* cứu cánh biên tế khổ, đoạn tận khổ, dập tắt khổ, diệt tận khổ, qua dòng khổ, giải thoát mọi trói buộc, tổn hại sắc, đoạn tận tất cả lậu quá khứ, hiện tại, vị lai; *đều cũng nói như vậy.*

⁴⁰ Đại chánh, kinh 660.

17. TƯƠNG ƯNG LỰC¹

KINH 629. NHỊ LỰC (1)²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. [184b] Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có hai loại thứ lực. Những gì là hai? Lực của tư trạch³ và lực của tu.⁴ Thế nào là lực của tư trạch? Thánh đệ tử ở dưới gốc cây, ngồi trong rừng vắng, tư duy như vậy: ‘Đối với ác hành của thân, đời hiện tại này và đời sau chịu báo ác. Nếu ta gây hành vi ác bởi thân, tự ta phải chê trách, khiến cho người khác cũng chê trách. Đại Sư của ta cũng chê trách,⁵ các đại đức đồng phạm hạnh của ta cũng chê trách. Ta sẽ bị khiển trách theo pháp, tiếng ác của ta được đồn khắp, sau khi thân hoại mạng chung sẽ đọa ác thú, sinh trong địa ngục. Đoạn trừ ác hành của thân có hiện báo và hậu báo như vậy; tu thiện hành của thân. Cũng như thân làm ác; miệng, ý làm ác cũng nói như vậy. Đó gọi là lực của tư trạch.

„Thế nào là lực của tu? Tỳ-kheo học lực của tư trạch. Thánh đệ tử sau khi thành tựu được lực của tư trạch, tùy thuận mà đạt được lực của tu. Khi có được lực của tu, lực của tu sẽ đầy đủ.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 630. NHỊ LỰC (2)⁶

Tôi nghe như vậy:

¹ Tung v Đạo phẩm 3 Tương ưng lực, gồm các kinh Đại chánh 661-730 (phần giữa quyển 26) Ấn Thuận *Hội biên*, Tung 4 Đạo phẩm, “11 Tương ưng lực.” Tương đươngng Pāli, S 50 Balasamyutta.

² Hai sức mạnh Pāli, A.2.2.1 Balāni.

³ Nguyên Hán: số lực 數力 Pāli: *paṭisañkhānabala*, sức mạnh của sự giản trạch, tức năng lực quán sát và phân tích của huệ Xem *Câu-xá* 1 (tr 1b) Bản Hán hiểu theo ngữ nguyên *sañkhā*, con số.

⁴ Tu lực 修力 Pāli, *bhāvanābala*.

⁵ Ngã Đại sư diệc đương hối 我大師亦當悔

⁶ Đại chánh, kinh 662.

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như đã nói ở trên, nhưng có một vài sai biệt:

“Thánh đệ tử đã học lực của tư trạch đã thành tựu; tham, nhuế, si hoặc bị tiết chế, hoặc bị dứt sạch. Thánh đệ tử y trên lực của tư trạch, xác lập trên lực của tư trạch như vậy, tùy thuận mà đạt được lực của tu. Khi đã có được lực của tu, lực của tu sẽ đầy đủ.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 631. NHỊ LỰC (3)⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như trên đã nói, nhưng có một vài sai biệt:

“Cái gì là lực của tu? Đó là bốn niệm xứ.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như bốn niệm xứ, *cũng vậy* tu bốn chánh đoạn, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác chi, tám chi Thánh đạo, bốn đạo,⁸ bốn pháp cú,⁹ chỉ quán, *cũng nói như vậy*.

KINH 632. TAM LỰC (1)¹⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có ba thứ lực. Những gì [184c] là ba? đó là lực tín, lực tinh tấn, lực tuệ. Lại có ba lực. Những gì là ba? Đó là lực tín, lực niệm, lực tuệ. Lại có ba lực. Những gì là ba? đó là lực tín, lực định, lực tuệ.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

⁷ Đại chánh, kinh 663.

⁸ Tứ đạo 四道, tức bốn thông hành.

⁹ Tứ pháp cú 四法句, tức bốn pháp tích

¹⁰ Ba loại sức mạnh Đại chánh, kinh 664.

KINH 633. TAM LỰC (2)¹¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có ba lực. Đó là lực tín, lực tinh tấn, lực tuệ. Như vậy Tỳ-kheo phải học như vậy: ‘Ta phải thành tựu lực tín, lực tinh tấn, lực tuệ.’”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 634. TAM LỰC (3)¹²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có ba lực: lực tín, lực niệm, lực tuệ. Lực tín là thế nào? Khi Thánh đệ tử đã thâm nhập tịnh tín nói Như Lai, có gốc rễ vững chắc, không có chur Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn cùng những kẻ đồng pháp nào có thể phá hoại được. Đó gọi là lực tín.

„Lực tinh tấn là những gì? Đó là bốn chánh đoạn. Lực tuệ là những gì? Là bốn thánh đế.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 635. TỨ LỰC (1)¹³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có bốn lực. Những gì là bốn? Là lực tín, lực tinh tấn, lực niệm, lực tuệ. Lại có bốn lực: lực tín, lực niệm, lực định, lực tuệ. Lại có bốn lực: lực giác, lực tinh tấn, lực vô tội, lực nhiếp.”¹⁴

¹¹ Đại chánh, kinh 665.

¹² Đại chánh, kinh 666.

¹³ Tham chiếu Pāli, A.4.152 Balāni.

¹⁴ A ii 142: *paṭisaṅkhānabalaṃ* (trạch lực), *bhāvanābalaṃ* (tu lực), *anavajjabalaṃ* (vô tội lực), *saṅgahabalaṃ* (nhiếp lực).

Ba lực của những kinh này cũng nói như trên, nhưng chỉ có một vài sai biệt:

“Lực giác là thế nào? Biết như thật đối với pháp thiện, bất thiện; biết như thật là có tội, không tội; đang thân cận,¹⁵ không thân cận; pháp thấp kém, pháp thắng diệu; pháp đen, pháp trắng; pháp có phân biệt, pháp không phân biệt; pháp duyên khởi, pháp phi duyên khởi. Đó gọi là lực giác. Lực tinh tấn là những gì? Là bốn chánh đoạn như đã nói đầy đủ ở trước. Lực không tội là thế nào? Là thân, miệng, ý không tạo tội; đó gọi là lực không tội. Lực nhiếp là những gì? Là bốn nhiếp sự. Đó là huệ thí, ái ngữ, hành lợi, đồng lợi.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan **[185a]** hỷ phụng hành.

KINH 636. TỨ NHIẾP SỰ¹⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như trên đã nói, nhưng có một vài sai biệt:

“Bồ thí tối thắng, đó là pháp thí. Ái ngữ tối thắng, là khiến thiện nam tử thích nghe, nói pháp đúng lúc. Hành lợi tối thắng là đối với người không có tín khiến có tín, xác lập trên tín; đối với người học giới thì xác lập bằng tịnh giới; đối với người bỏn sẻn thì bằng bồ thí; đối với người ác trí huệ thì bằng chánh trí mà xác lập. Đồng lợi¹⁷ tối thắng là, nếu A-la-hán thì trao cho người quả A-la-hán. A-na-hàm thì trao cho người quả A-na-hàm. Tu-đà-hàm thì trao cho người quả Tu-đà-hàm. Tu-đà-hoàn thì trao cho người quả Tu-đà-hoàn. Người tịnh giới thì trao người khác bằng tịnh giới.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

¹⁵ Tập cận 習近 Pāli: *sevitabba*.

¹⁶ Đại chánh, kinh 668.

¹⁷ Đồng lợi 同利, ta quen hiểu là đồng sự Pāli: *samānattatā*, đồng ngã, nâng người lên ngang mình Hán đọc là *samānattha*, đồng lợi, lợi bình đẳng Theo giải thích của kinh, nên hiểu là *đồng ngã: samānattatā*.

KINH 637. NHIẾP¹⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như trên đã nói, nhưng có một vài sai biệt:

“Nếu như có pháp nào để nhiếp thủ đại chúng thì tất cả đều ở trong bốn nhiếp sự. Hoặc một nhiếp thủ là bố thí, hoặc một nhiếp thủ là ái ngữ, hoặc một nhiếp thủ là hành lợi, hoặc một nhiếp thủ là đồng lợi. Ở trong thời quá khứ, những pháp nào đã nhiếp thủ đại chúng trong thời quá khứ cũng không ngoài bốn nhiếp sự. Những pháp nào sẽ nhiếp thủ đại chúng trong thời vị lai cũng không ngoài bốn nhiếp sự. Hoặc một pháp nhiếp thủ là bố thí, hoặc một pháp nhiếp thủ là ái ngữ, hoặc một pháp nhiếp thủ là hành lợi, hoặc một pháp nhiếp thủ là đồng lợi.”

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ rằng:

*Bố thí cùng ái ngữ,
Hoặc hành vi hành lợi,
Đồng lợi các hành vi,
Mỗi tùy chỗ thích hợp.
Nhờ đây nhiếp thế gian,
Như xe lăn nhờ gang.¹⁹*

*Đời không bốn nhiếp sự,
Quên ơn mẹ nuôi con.
Cũng không tôn trọng cha,
Không khiêm tốn phụng sự.
Vì có bốn nhiếp sự,
Và tùy thuận pháp này.
Cho nên có Đại sĩ,
Đức trùm cả thế gian.²⁰*

¹⁸ Pāli, A 4.32 Saṅgaha.

¹⁹ Hán: công 鈎, ống gang trong bánh xe Pāli: *ete kho saṅgahā loke, rathassāṇīva yāyato*, những nhiếp sự này ở trong đời, như cái chốt trục xe khiến xe lăn.

²⁰ Pāli: *yasmā ca saṅgaha ete samavekkhanti paṇḍitā, tasmā mahattaṃ papponti pāsamsā ca bhavanti*, bậc trí do quán sát các nhiếp sự này mà đạt được sự vĩ đại và có danh thơm.

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 638. TỨ LỰC (2)²¹

[185b] Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có bốn lực. Những gì là bốn? Đó là lực giác, lực tinh tấn, lực vô tội, lực nhiếp, *như trên đã nói*. Nếu Tỳ-kheo nào thành tựu được bốn lực này, tránh xa được năm sự sợ hãi. Những gì là năm? Sợ không sống, sợ tiếng xấu, sợ giữa đám đông, sợ chết, sợ đường dữ, đó gọi là năm sự sợ hãi.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 639. TỨ LỰC (3)²²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như trên đã nói, nhưng có một vài sai biệt:

“Thánh đệ tử thành tựu bốn lực này, phải học như vậy: ‘Ta chẳng sợ không sống. Vì lý do gì mà ta phải sợ không sống? Nếu ai mà tạo hành vi bất tịnh bởi thân, hành vi bất tịnh bởi miệng, hành vi bất tịnh bởi ý, làm các việc tà tham, bất tín, biếng nhác, không tinh tấn, mất niệm, không định, ác tuệ, keo lẩn không nhiếp thủ; kẻ đó đáng sợ không sống. Ta có bốn lực, đó là giác lực, tinh tấn lực, vô tội lực, nhiếp lực. Vì đã thành tựu bốn lực này, vaayj chẳng nên sợ. Như sợ không sống, cũng vậy sợ tiếng xấu, sợ ở giữa đám đông, sợ chết, sợ đường ác cũng nói như trên..’”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

²¹ Đại chánh, kinh 670 Pāli, A.4 153 Paññā.

²² Đại chánh, kinh 671.

KINH 640. TỨ LỰC (4)²³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có bốn lực, đó là giác lực, tinh tấn lực, vô tội lực, nhiếp lực. Giác lực là thế nào? Đó là tuệ: đại tuệ, thâm tuệ, nan thắng tuệ; đó gọi là giác lực. Tinh tấn lực là thế nào? Xa lìa pháp bất thiện, tư duy bất thiện;²⁴ pháp đen, tư duy đen; pháp có tội, tư duy có tội, pháp không nên thân cận, tư duy không nên thân cận. Sau khi tránh xa các pháp này rồi, nếu đối với các pháp thiện, tư duy thiện; pháp trắng, tư duy trắng, pháp vô tội, tư duy vô tội, pháp nên thân cận, tư duy nên thân cận, những pháp như vậy mà tu tập, tăng thượng tinh cần, nỗ lực phương tiện, kham năng, chánh niệm, chánh trí; đó gọi là tinh tấn lực.”

Vô tội lực, nhiếp lực *như kinh trên đã nói*.

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 641. NGŨ LỰC²⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. [185c] Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có năm lực. Những gì là năm? Đó là tín lực, tinh tấn lực, niệm lực, định lực, tuệ lực.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 642. NGŨ LỰC ĐƯƠNG THÀNH TỰ²⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như trên đã nói, nhưng có một vài sai biệt:

²³ Đại chánh, kinh 672.

²⁴ Bất thiện số 不善數, đồng nghĩa bất thiện tư duy.

²⁵ Đại chánh, kinh 673 Pāli, S.50.1 Gaṅgāpeyyāla; Cf A.5.13 Saṅkhīta

²⁶ Đại chánh, kinh 674.

“Các Tỳ-kheo nên học như vậy: ‘Ta nên nỗ lực tinh tấn, thành tựu tín lực, tinh tấn lực, niệm lực, định lực, tuệ lực.’”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 643. ĐƯƠNG TRI NGŨ LỰC²⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như trên đã nói, nhưng có một vài sai biệt:

“Tín lực kia, nên biết, đó là bốn bất hoại tín. Tinh tấn lực, đó là bốn chánh đoạn,. Niệm lực là bốn niệm xứ. Định lực là bốn thiền. Tuệ lực là bốn thành đế.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 644. ĐƯƠNG HỌC NGŨ LỰC²⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như trên đã nói, nhưng có một vài sai biệt:

“Cho nên, các Tỳ-kheo nên học như vậy: Ta nên thành tựu tín lực, tinh tấn lực, niệm lực, định lực, tuệ lực.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 645. NGŨ HỌC LỰC²⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có năm học lực, Những gì là năm? Tín lực là học lực,³⁰ tinh tấn lực là học lực, tầm lực là học lực, quý lực là học lực, tuệ lực là học lực.”³¹

²⁷ Đại chánh, kinh 675 Pāli, S.48.8 Daṭṭhabbam; A.5.14 Vitthata, 5.15 Daṭṭhabba.

²⁸ Đại chánh, kinh 676.

²⁹ Đại chánh, kinh 677 Cf A.5.1 Saṅkhita.

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 646. ĐƯƠNG THÀNH HỌC LỰC³²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như trên đã nói, nhưng có một vài sai biệt:

“Các Tỳ-kheo nên học như vậy: Ta nên thành tựu tín lực là học lực;³³ nên thành tựu tinh tấn lực là học lực; nên thành tựu tâm lực là học lực; nên thành tựu quý lực là học lực; nên thành tựu tuệ lực là học lực.”

Sau khi Phật nói [186a] kinh này xong, các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

KINH 647. QUẢNG THUYẾT HỌC LỰC³⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như trên đã nói, nhưng có một vài sai biệt:

“Tín lực là học lực, là thế nào? Tỳ-kheo khéo thâm nhập tín tâm đối với Như Lai, gốc rễ bền chắc mà các Sa-môn, Bà-la-môn khác, chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, cùng đồng pháp khác không thể phá hoại; đó gọi là căn Tín.

“Tinh tấn lực là học lực, là thế nào? Là bốn chánh đoạn, như đã nói đầy đủ ở trước.

“Tâm lực là học lực, là thế nào? Là hổ thẹn, xấu hổ đối với pháp ác, bất thiện các số phiền não đã khởi, sẽ phải chịu các quả báo khổ bức

³⁰ Học lực 學力, năng lực của hữu học Pāli: *sekhabala* Xem cht 31 & 33 dưới.

³¹ Năm lực theo Pāli ibid.: *saddhā*, tín, *hirī*, tâm, *ottapa*, quý, *vīriya*, tinh tấn, *paññā*, huệ.

³² Đại chánh, kinh 678

³³ Pāli: *saddhābalena samannāgatā bhavissāma sekhabalena*, chúng tôi sẽ thành tựu sức mạnh của tín, là sức mạnh của hữu học.

³⁴ Đại chánh, kinh 679 Pāli, A.5.2 Vitthāta.

bách của sanh, lão bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não ở trong đời vị lai. Đó gọi là tầm lực là học lực.

“Quý lực là học lực, là thế nào? Là lấy làm thẹn các điều đáng thẹn, tự thẹn về các pháp ác, bất thiện của các tư duy phiền não đã khởi, sẽ phải chịu các quả báo khổ bức bách của sanh, lão bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não ở trong đời vị lai. Đó gọi là quý lực là học lực.

“Tuệ lực là học lực, là thế nào? Thánh đệ tử trụ trí tuệ, thành tựu trí tuệ về sự sinh diệt của thế gian, về sự xuất ly, yểm ly của Thánh Hiền, về sự bằng quyết trạch³⁵ mà chân chánh diệt tận khổ. Đó gọi là tuệ lực là học lực.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 648. ĐƯƠNG THÀNH HỌC LỰC³⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như trên đã nói, nhưng có một vài sai biệt:

“Cho nên các Tỳ-kheo phải học như vậy: Ta sẽ thành tựu tín lực là học lực, tinh tấn lực, tầm lực, quý lực, tuệ lực là học lực.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 649. BẠCH PHÁP³⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu **[186b]** Tỳ-kheo nào đối với pháp thiện mà thay đổi hoặc thoái thất, hay không trụ lâu, Tỳ-kheo khác nên dùng năm thứ bạch pháp đến quả trách họ. Những gì là năm? Bảo rằng: ‘Ông không có tín thâm nhập trong các pháp thiện. Nếu y trên tín thì có thể xa lìa được pháp bất thiện, tu các pháp thiện. Ông không tinh tấn, không hổ không

³⁵ Hán: quyết định 決定 Pāli: *nibbedhikāya*.

³⁶ Đại chánh, kinh 680.

³⁷ Đại chánh, kinh 681 Pāli, A.5.5 Sikhā.

thẹn; không tuệ thâm nhập pháp thiện. Nếu y trên tuệ, có thể xa lia các pháp bất thiện, tu các pháp thiện. Nếu Tỳ-kheo nào đối với Chánh pháp mà không đổi thay, không thối thất, trụ lâu, Tỳ-kheo khác nên dùng năm thứ bạch pháp đến chúc mừng. Những gì là năm? Có chính tín thâm nhập pháp. Nếu y trên tín, xa lia được pháp bất thiện, các pháp thiện. Có tinh tấn, có tâm, có quý, có tuệ thâm nhập. Nếu người nào y cứ vào tuệ, xa lia được pháp bất thiện, tu các pháp thiện.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 650. BẠCH PHÁP(2)³⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu Tỳ-kheo nào hoàn giới, thối thất giới, Tỳ-kheo khác nên dùng năm thứ bạch pháp đến quở trách. Những gì là năm? Hoặc Tỳ-kheo không có tín đối với pháp thiện. Nếu y trên tín, tránh xa pháp bất thiện, tu các pháp thiện. Hoặc không có tinh tấn, tâm, quý, và tuệ thâm nhập pháp thiện. Nếu y trên tuệ, xa lia pháp bất thiện, tu các pháp thiện.

“Nếu có Tỳ-kheo suốt đời thanh tịnh thuần nhất, phạm hạnh thanh bạch, Tỳ-kheo khác nên dùng năm thứ bạch pháp đến an ủi, khuyến khích, *như trên đã nói.*”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 651. BẤT THIỆN PHÁP³⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu có Tỳ-kheo nào, hoặc không muốn sanh ra pháp ác bất thiện; Tỳ-kheo ấy hãy có tín tâm nơi pháp thiện. Hoặc tín bị thối giảm, an trú bất tín lâu dài, và các pháp bất thiện lại sanh, ... *cho đến* nếu muốn cho các pháp ác bất thiện không còn sanh; Tỳ-kheo ấy hãy có tinh tấn,

³⁸ Đại chánh, kinh 682 Pāli, A.5.5 Sikkhā.

³⁹ Đại chánh, kinh 683.

tâm, quý, tuệ. Nếu mà tinh tấn, tâm, quý, tuệ lực bị thôi giảm, trụ lâu với ác tuệ, pháp ác bất thiện sẽ sanh ra. Nếu Tỳ-kheo nào y trên tín, Tỳ-kheo ấy sẽ xa lìa được pháp bất thiện, tu các pháp thiện. Người nào y cứ vào tinh tấn, tâm, quý, tuệ, người ấy lìa được pháp ác bất thiện, và tu các pháp thiện.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 652. THẬP LỰC⁴⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu Tỳ-kheo nào đối với sắc sanh tâm yếm ly, ly dục, diệt tận, không sanh khởi, giải thoát; đó gọi là A-la-ha Tam-miêu-tam Phật-đà. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng nói như vậy. Lại, nếu Tỳ-kheo [186c] nào đối với sắc sanh tâm yếm ly, ly dục không sanh khởi, giải thoát; đó gọi là A-la-hán tuệ giải thoát. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng nói như vậy.

“Này các Tỳ-kheo, giữa Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác và A-la-hán tuệ giải thoát, có những gì sai khác?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Thế Tôn là gốc của pháp, là mắt của pháp, là nơi y cứ của pháp, xin vì chúng con mà nói. Các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ lãnh thọ, phụng hành.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ! Ta sẽ vì các ngươi mà nói. Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đối với pháp trước kia chưa nghe, có thể tự giác tri, ngay trong đời hiện tại tự thân chứng ngộ, thành Chánh giác, đối với đời vị lai thì có thể giảng nói Chánh pháp, giác ngộ các Thanh văn; tức là, bốn niệm xứ, bốn chánh đoạn, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác chi, tám chi Thánh đạo. Đó gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác. Đối với pháp chưa chứng đắc thì có thể sẽ chứng đắc; phạm hạnh chưa chế có thể chế; có thể khéo biết đạo,

⁴⁰ Đại chánh, kinh 684 Cf M.12 Mahāsīhanāda-sutta; A.10.21 Sīha Hán: No 125(46.4)

khéo nói đạo, vì chúng sanh mà dẫn đường. Sau đó khiến Thanh văn thành tựu tùy thuận pháp, tùy thuận đạo, vui thích vâng lời giáo giới, giáo thọ của Đại Sư, nên khéo thâm nhập Chánh pháp. Đó gọi là những sự sai khác giữa Như Lai, Ứng Cúng, Đấng Chánh Giác và A-la-hán tuệ giải thoát.

“Lại nữa, có năm học lực, mười lực Như Lai.

“Những gì là học lực? Đó là tín lực, tinh tấn lực, niệm lực, định lực, tuệ lực.

“Những gì là mười lực của Như Lai? Như Lai biết như thật về xứ, phi xứ, đó gọi là lực thứ nhất của Như Lai. Nếu Thành tựu lực này, Như Lai, Ứng Cúng, Đấng Chánh Giác đạt được trí tối thắng xứ như Phật quá khứ, có thể chuyển Phạm luân, ở giữa đại chúng, rống lên tiếng rống sư tử.

“Lại nữa, Như Lai biết như thật về nguyên nhân, trường hợp, báo ứng của pháp thọ bởi nghiệp⁴¹ quá khứ, vị lai, hiện tại; đó gọi là lực thứ hai của Như Lai. Thành tựu được lực này, Như Lai, Ứng Cúng, Đấng Chánh Giác đạt được trí tối thắng xứ như Phật quá khứ, có thể chuyển Phạm luân, ở giữa đại chúng rống lên tiếng rống sư tử.

“Lại nữa, Như Lai, Ứng Cúng, Đấng Chánh Giác biết như thật về nhiễm ác, thanh tịnh, xứ tịnh,⁴² của các thiên, giải thoát, tam muội, chánh thọ, đó gọi là lực thứ ba của Như Lai. Thành tựu được lực này, Như Lai, Ứng Cúng, Đấng Chánh Giác đạt được trí tối thắng xứ như Phật quá khứ, có thể chuyển Phạm luân, ở giữa đại chúng rống lên tiếng rống sư tử.

“Lại nữa, **[187a]** Như Lai biết như thật những sai biệt căn tánh khác nhau của tất cả các loài chúng sanh; đó gọi là lực thứ tư của Như Lai. Thành tựu được lực này Như Lai, Ứng Cúng, Đấng Chánh Giác đạt được trí tối thắng xứ như Phật quá khứ, có thể chuyển Phạm luân, ở giữa đại chúng rống lên tiếng rống sư tử.

⁴¹ Nghiệp pháp thọ nhân sự báo 業法受因事報 Pāli M i 70): *kammasamādānāṇaṃ thānaso hetuso vipākam*, nhân và duyên báo ứng của sự thọ nghiệp.

⁴² Pāli ibid.: (...) *samāpattīnaṃ saṅkilesaṃ vodānaṃ vuttihānaṃ*, (biết) sự tạp nhiễm, thanh tịnh và xuất ly của các (...) chánh thọ (hay đấng tri).

“Lại nữa, Như Lai biết như thật về tất cả mọi ý giải⁴³ của chúng sanh; đó gọi là lực thứ năm của Như Lai. NẾU Thành tựu được lực này, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đạt được trí trí tối thắng xú như Phật quá khứ, có thể chuyển Phạm luân, ở giữa đại chúng rống lên tiếng rống sư tử.

“Lại nữa, Như Lai biết như thật về tất cả các giới loại khác nhau của thế gian chúng sanh; đó gọi là lực thứ sáu của Như Lai. Thành tựu được lực này Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đạt được trí trí tối thắng xú như Phật quá khứ, có thể chuyển Phạm luân, ở giữa đại chúng rống lên tiếng rống sư tử.

“Lại nữa, Như Lai biết như thật về tất cả chí xú đạo,⁴⁴ đó gọi là lực thứ bảy của Như Lai. Thành tựu được lực này, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đạt được trí trí tối thắng xú như Phật quá khứ, có thể chuyển Phạm luân, ở giữa đại chúng rống lên tiếng rống sư tử.

“Lại nữa, Như Lai biết như thật về túc mạng, nhớ những sự khác nhau trong đời sống, từ một đời cho đến trăm, nghìn đời, từ một kiếp cho đến trăm, nghìn kiếp; Ta bấy giờ sinh vào chủng tộc như vậy, dòng họ như vậy, tên như vậy, ăn như vậy, cảm giác khổ vui như vậy, tuổi thọ như vậy, sống lâu như vậy, mạng sống chấm dứt như vậy; ở chỗ kia Ta chết đi, ở chỗ này sinh ra, chỗ này sinh ra, chỗ kia chết đi, hành như vậy, nhân như vậy, phương như vậy; đó gọi là lực thứ tám của Như Lai. NẾU Thành tựu được lực này, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đạt được trí trí tối thắng xú như Phật quá khứ, có thể chuyển Phạm luân, ở giữa đại chúng rống lên tiếng rống sư tử.

“Lại nữa, Như Lai bằng thiên nhãn hơn mắt người thường, thấy chúng sanh lúc sinh lúc chết, đẹp, xấu, thua, hơn, hướng về đường dữ, hướng về đường thiện, theo nghiệp mà thọ báo, tất cả biết như thật; chúng sanh này do nghiệp ác của thân thành tựu, do nghiệp ác của miệng, ý thành tựu, hủy báng Hiền Thánh, sẽ mắc nghiệp tà kiến, vì nhân duyên này, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ đọa vào đường dữ, sanh vào trong địa ngục; chúng sanh này, thân làm việc thiện, miệng, ý làm việc

⁴³ Chủng chủng ý giải 種種意解 Pāli: *nānādhimutti*, mọi xu hướng (năng lực nhận thức) dị biệt.

⁴⁴ Nhất thiết chí đạo xú 一切至處道, biên thú hành trí lực Pāli: *sabbatthagāminim paṭipadam*, (biết) con đường dẫn đến tất cả mục đích.

thiện, không hủy báng Hiền Thánh, sẽ lãnh nghiệp chánh kiến, vì nhân duyên này, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh về đường thiện cõi Trời; tất cả biết như thật; đó gọi là lực thứ chín của Như Lai. Thành tựu được lực này, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đạt được trí trí tối thắng xứ như Phật quá khứ, có thể chuyển Phạm luân, ở giữa đại chúng rống lên tiếng rống sư tử.

“Lại nữa, Như Lai các lậu đã dứt sạch, tâm giải thoát vô lậu, tuệ giải thoát, hiện tại tự chứng tri, thân tác [187b] chúng, tự biết rằng, ‘Sự sinh của Ta đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, không còn tái sinh kiếp sau nữa.’ Đó gọi là lực thứ mười của Như Lai. Thành tựu được lực này, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đạt được trí tối thắng xứ như Phật quá khứ, có thể chuyển Phạm luân, ở giữa đại chúng rống lên tiếng rống sư tử.

“Mười lực này chỉ có Như Lai mới thành tựu. Đó chính là những sự khác biệt giữa Như Lai và Thanh văn.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 653. NHỮ MẪU⁴⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thí như đứa trẻ, cha mẹ sanh ra rồi giao nó cho nhũ mẫu, tùy thời xoa bóp vỗ về, tùy thời tắm gội, tùy thời cho bú mớm, tùy thời trông chừng. Nếu người nhũ mẫu không cẩn thận, đứa trẻ hoặc bốc cỏ, bốc đất, hay các đồ vật dơ cho vào miệng nó. Lúc này nhũ mẫu liền bảo nó nhả ra, kịp thời loại ra thì tốt. Nếu đứa trẻ không thể tự mình nhả ra được, nhũ mẫu phải dùng tay trái giữ đầu nó, tay phải tìm cách móc vật nghẹn ra. Tuy lúc đó đứa trẻ bị đau đớn thật, nhưng nhũ mẫu vì muốn làm cho đứa trẻ an lạc lâu dài, nên phải khổ tâm tìm cách móc vật làm nghẹn ra.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu đứa trẻ lớn lên hiểu biết, phân biệt được rồi, nó có còn đem cỏ, đất, hay vật dơ bỏ vào trong miệng nữa không?”

⁴⁵ Đại chánh, kinh 685.

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Không vậy, bạch Thế Tôn. Đứa trẻ khi đã lớn khôn, hiểu biết phân biệt được rồi, đối với các vật dơ còn không dùng chân chạm vào, huống chi là bỏ vào trong miệng.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Đứa trẻ lúc còn nhỏ, nhũ mẩu tùy thời sẵn sóc, trông chừng, và khi nó lớn lên đầy đủ trí tuệ rồi, nhũ mẩu buông xả, không cần theo dõi, vì nó đã trưởng thành, không tự buông lung nữa.

“Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, các Thanh văn mới học, trí tuệ chưa đầy đủ, Như Lai sẽ tùy thời đem giáo pháp truyền dạy mà trông nom. Những Thanh văn đã học lâu, trí tuệ sâu xa, kiên cố, Như Lai buông xả, không còn tùy thời ân cần truyền dạy, vì đã thành tựu được trí tuệ nên không còn buông lung nữa. Cho nên, Thanh văn có năm thứ học lực, còn Như Lai thì đã thành tựu mười trí lực, *như trên đã nói đầy đủ.*”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 654. SU' TỬ HỒNG⁴⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Như Lai có sáu thứ lực. Thành tựu được sáu lực này, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đạt được trí tối thắng xú như Phật quá khứ, **[187c]** có thể chuyển Phạm luân, ở giữa đại chúng, rống lên tiếng rống sư tử. Đó là lực thứ nhất của Như Lai, biết như thật về xú, phi xú.

“Lại nữa, Như Lai biết như thật về sự thọ pháp bởi nghiệp⁴⁷ quá khứ, vị lai, và hiện tại. *Như trên đã nói đầy đủ.* Đó là lực thứ hai của Như Lai.

“Lại nữa, Như Lai biết như thật về thiên giải thoát, tam-muội, chánh thọ. *Như trên đã nói đầy đủ.* Đó gọi là lực thứ ba của Như Lai.

⁴⁶ Đại chánh, kinh 686 A.6.64 Sīhanāda.

⁴⁷ Hán: tâm lạc pháp thọ 心樂法受 Chính xác là *nghiệp pháp thọ* (Pāli: *kammasamādāna*) nhưng chép nhầm là *lạc pháp thọ* Xem kinh Đại chánh 684.

“Lại nữa, Như Lai biết như thật về những sự việc trong đời trước của thời quá khứ. *Như trên đã nói đầy đủ*. Đó gọi là lực thứ tư của Như Lai.

“Với thiên nhãn thanh tịnh của Như Lai vượt qua mắt người thường thấy các chúng sanh chết nơi này sinh ra nơi kia. *Như trên đã nói đầy đủ*. Đó gọi là lực thứ năm của Như Lai.

“Lại nữa, lậu kết của Như Lai đã diệt hết, tâm giải thoát vô lậu, tuệ giải thoát. *Như trên đã nói đầy đủ... Cho đến ở giữa chúng, rống lên tiếng rống sư tử*. Đó gọi là lực thứ sáu của Như Lai.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 655. SU' TỬ HỒNG (2)⁴⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như trên đã nói, nhưng có một vài sai biệt:

“Nếu có người đến hỏi Ta về trí lực xú, phi xú của Như Lai, Ta như điều được sở tri, sở kiến, giác ngộ, thành Đẳng chánh giác, vì người kia mà nói về trí lực, xú, phi xú của Như Lai.

“Lại, hoặc có người đến hỏi về trí lực pháp thọ bởi nghiệp⁴⁹ của Như Lai, Ta như điều được sở tri, sở kiến, giác ngộ, thành Đẳng chánh giác, vì người kia mà nói về trí lực pháp thọ bởi nghiệp của Như Lai. Đó gọi là trí lực thứ hai của Như Lai.

“Hoặc có người đến hỏi về trí lực thiên định, giải thoát, tam-muội, chánh thọ của Như Lai, Ta như điều được sở tri, sở kiến, giác ngộ, thành Đẳng chánh giác, vì người kia mà nói hỏi về trí lực thiên định, giải thoát, tam-muội, chánh thọ của Như Lai.

“Hoặc có người đến hỏi về trí lực đời trước, Ta như điều được sở tri, sở kiến, giác ngộ, thành Đẳng chánh giác, vì người kia mà nói về đời trước của Như Lai.

⁴⁸ Đại chánh, kinh 687 Pāli, A.6.64 Sīhanāda.

⁴⁹ Tự dĩ lạc thọ 自以樂受; trí lực nhânthức nghiệp báo sai biệt, như trong kinh Đại chánh 864 trên.

“Hoặc có người lại đến hỏi về trí lực thiên nhãn của Như Lai, Ta như điều được sở tri, sở kiến, giác ngộ, thành Đẳng chánh giác, vì người kia mà nói về sở kiến thiên nhãn của Như Lai.

“Hoặc có người đến hỏi về trí lực lậu tận của Như Lai, Ta như điều được sở tri, sở kiến, giác ngộ, thành Đẳng chánh giác, vì người kia mà nói về trí lực lậu tận của Như Lai.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 656. THẤT LỰC⁵⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có bảy lực. Những gì là bảy? Là tín lực, tinh tấn lực, tâm lực, quý lực, niệm lực, định lực, [188a] tuệ lực. Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ rằng:

*Tín lực, tinh tấn lực,
Tâm lực và quý lực;
Chánh niệm, định, tuệ lực,
Đó gọi là bảy lực.
Người thành tựu bảy lực,
Là dứt sạch hữu lậu.*

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 657. ĐƯƠNG THÀNH THẤT LỰC⁵¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có bảy lực như trên đã nói, nhưng có một vài sai biệt:

“Cho nên Tỳ-kheo, phải học như vậy: ‘ Ta sẽ thành tựu tín lực. Cũng vậy, tinh tấn lực, tâm lực, quý lực, niệm lực, định lực, tuệ lực cũng phải học.’”

⁵⁰ Đại chánh, kinh 688 A.7.3- 4 Bala; 5 Dhana.

⁵¹ Đại chánh, kinh 889.

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 658. THẤT LỰC (2)⁵²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có bảy lực, *như trên đã nói, nhưng có một vài sai biệt*:

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ rằng:

*Tín lực, tinh tấn lực,
Cùng nói tâm, quý lực;
Niệm lực, định, tuệ lực,
Đó gọi là bảy lực.
Người thành tựu bảy lực,
Chóng dứt các hữu lậu.*

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 659. QUẢNG THUYẾT THẤT LỰC⁵³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có bảy lực. Những gì là bảy? Là tín lực, tinh tấn lực, tâm lực, quý lực, niệm lực, định lực, tuệ lực.

“Tín lực là thế nào? Phát khởi tín tâm sâu xa, vững chắc đối với Như Lai, mà chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, cùng những kẻ đồng pháp khác không thể nào phá hoại được; đó gọi là tín lực.

“Tinh tấn lực là những gì? Là bốn chánh đoạn. *Như trên đã nói đầy đủ*.

“Tâm lực là thế nào? Là hổ thẹn về pháp ác bất thiện. *Như trên đã nói*.

“Quý lực là thế nào? Đối với việc đáng thẹn nên thẹn, thẹn về những pháp ác bất thiện khởi lên. *Như trên đã nói*.

“Niệm lực là những gì? Là bốn niệm xứ. *Như trên đã nói*.

⁵² Đại chánh, kinh 690.

⁵³ Đại chánh, kinh 691.

“Định lực là những gì? Là bốn thiên. *Như trên đã nói.*

“Tuệ lực là những gì? Là bốn Thánh đế. *Như trên đã nói.*”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo [188b] nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

KINH 660. BÁT LỰC⁵⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có tám lực. Tám lực là những gì? Lực của vương giả là sự tự tại; lực của đại thần là đoán sự; lực của người nữ là sự kết hận;⁵⁵ lực của trẻ con là khóc; lực của người ngu là sự khen chê; lực của người hiệt huệ là sự thâm sát; lực của người xuất gia là sự nhẫn nhục; lực của người học rộng là sự tính toán.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 661. QUẢNG THUYẾT BÁT LỰC⁵⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như trên đã nói, nhưng có một vài sai biệt:

“Lực của vua tự tại, là oai lực của vua biểu hiện bằng sự tự tại. Lực của đại thần xử kiện, là lực của đại thần biểu hiện bằng cách xử kiện. Lực của người nữ kết hận, là lực của người nữ biểu hiện bằng kết hận. Lực của trẻ khóc, là lực của đứa trẻ biểu hiện bằng tiếng khóc. Lực của người ngu khen chê, là sự khen chê khi xúc sự theo pháp của của người ngu. Lực của trí tuệ thâm sát, là sự thâm sát thường thể hiện của người trí tuệ. Lực của người xuất gia nhẫn nhục, là sự nhẫn nhục mà người xuất gia luôn luôn thể hiện. Lực của người học rộng tính toán, là sự suy tư tính toán mà người học rộng luôn luôn thể.”

⁵⁴ Đại chánh, kinh 692 Tham chiếu, Hán: No 125(38.11); Pāli: A.8.27 Bala.

⁵⁵ Kết hận 結恨 Pāli: *kodhabala*, sức mạnh của sự giận hờn.

⁵⁶ Đại chánh, kinh 693 Cf No 125(38.11); A.8.27 Bala.

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 662. XÁ-LỢI-PHÁT VẤN⁵⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi ngồi xuống một bên, bạch Phật rằng:

“Tỳ-kheo lậu tận có bao nhiêu lực?”

Phật bảo Xá-lợi-phất:

“Tỳ-kheo lậu tận có tám lực. Những gì là tám? Tỳ-kheo lậu tận, tâm thuận hướng về sự viễn ly, chảy rót vào viễn ly, chuyển vắn sâu vào sự viễn ly; tâm thuận hướng về sự thoát ly, chảy rót vào thoát ly, chuyển vắn sâu vào sự viễn ly thoát ly; thuận hướng về Niết-bàn, chảy rót vào Niết-bàn, chuyển vắn sâu vào Niết-bàn. Khi thấy năm dục thì như thấy hầm lửa; khi thấy rồi, đối với dục niệm, dục thọ, dục trước, tâm dứt khoát không trụ vào, tu bốn niệm xứ, bốn chánh đoạn, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác chi, tám phần Thánh đạo.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 663. DỊ TỖ-KHEO VẤN⁵⁸

Như kinh Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi, *kinh* Tỳ-kheo khác hỏi [188c] Phật cũng vậy.

KINH 664. VẤN CHƯ' TỖ-KHEO⁵⁹

Kinh hỏi các Tỳ-kheo, cũng nói như trên.

KINH 665. CỬU LỰC⁶⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

⁵⁷ Đại chánh, kinh 694 Pāli, A.8.28 Bala.

⁵⁸ Đại chánh, kinh 695.

⁵⁹ Đại chánh, kinh 696.

⁶⁰ Đại chánh, kinh 697 Cf A.8.28 Bala.

“Có chín lực. Những gì là chín? Đó là tín lực, tinh tấn lực, tầm lực, quý lực, niệm lực, định lực, tuệ lực, tu trạch lực, tu lực.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 666. QUẢNG THUYẾT CỬU LỰC⁶¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có chín lực. Những gì là chín? Đó là tín lực, tinh tấn lực, tầm lực, quý lực, niệm lực, định lực, tuệ lực, tu trạch lực, tu lực.

“Tín lực là thế nào? *Như trên đã nói*, phát khởi tin tâm chân chánh vững chắc sâu xa nơi Như Lai.

“Tinh tấn lực là những gì? *Như trên đã nói*, là bốn chánh đoạn.

“Tầm lực là thế nào? *Như trên đã nói*.

“Quý lực là thế nào? *Như trên đã nói*.

“Niệm lực là thế nào? *Như trên đã nói*, sống quán niệm thân trên thân.

“Định lực là thế nào? Là bốn thiền.

“Tuệ lực là thế nào? Là bốn Thánh đế.

“Tu trạch lực là thế nào? Đệ tử của bậc Thánh, hoặc ở nơi phòng vắng hay dưới gốc cây, cần phải học như vậy: ‘Người có hành vi ác bởi thân, ngay trong hiện tại và, đời sau sẽ nhận lãnh quả báo ác.’ *Như đã nói đầy đủ ở trên*.

“Tu lực là thế nào? Là tu bốn niệm xứ. *Như trước đã nói*.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 667. THẬP LỰC⁶²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

⁶¹ Đại chánh, kinh 698..

⁶² Đại chánh, kinh 699.

“Có mười lực. Những gì là mười? Lực của vương giả là tự tại, lực của đại thần là đoán sự, lực của công xảo là máy móc, lực của giặc cướp là đao kiếm, lực của người nữ là kết hận, lực của trẻ con là khóc, lực của người ngu là sự khen chê, lực của người hiệt huệ là sự thâm sát, lực của người xuất gia là sự nhẫn nhục, lực của người học rộng là sự tính toán”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 668. QUẢNG THUYẾT THẬP LỰC⁶³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như trên đã nói, nhưng có một vài sai biệt:

[189a] “Lực của vua tự tại, là sự biểu hiện oai lực của vua bằng sự tự tại. Lực của đại thần xử kiện, là lực của đại thần biểu hiện bằng cách xử kiện. Lực của công xảo máy móc, là người chế tạo ra máy móc biểu hiện lực bằng công xảo của nó. Lực của giặc cướp đao kiếm, là bọn giặc cướp quyết biểu hiện lực của nó bằng đao kiếm. Lực của người nữ kết hận là lực của người nữ biểu hiện bằng kết hận. Lực của trẻ khóc, là lực của đứa trẻ biểu hiện bằng tiếng khóc. Lực của người ngu khen chê, là sự khen chê khi xúc sự theo pháp của của người ngu. Lực của trí tuệ thâm sát, là sự thâm sát thường thể hiện của người trí tuệ. Lực của người xuất gia nhẫn nhục, là sự nhẫn nhục mà người xuất gia luôn luôn thể hiện. Lực của người học rộng tính toán, là sự suy tư tính toán mà người học rộng luôn luôn thể hiện.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 669. NHƯ LẠI LỰC⁶⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

⁶³ Đại chánh, kinh 670..

⁶⁴ Đại chánh, kinh 701 Cf A.10.21 Sīha Xem kinh Đại chánh 684.

“Có mười lực của Như Lai. Thành tựu lực này, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đạt được tối thắng xứ như Phật quá khứ, có thể chuyển Phạm luân, ở giữa đại chúng, rống tiếng rống sư tử. Những gì là mười? Như Lai biết như thật về xứ, phi xứ, đó gọi là lực thứ nhất, ... cho đến lậu tận, đã nói như trên.”⁶⁵

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 670. NHƯ LAI LỰC⁶⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như đã nói ở trên, nhưng có một vài sai biệt:

“Nếu có người đến hỏi Ta về trí lực xứ, phi xứ của Như Lai, Ta như điều được sở tri, sở kiến, giác ngộ, thành đẳng chánh giác, vì người kia mà nói về trí lực, xứ, phi xứ của Như Lai.”

Như đã nói đầy đủ ở trên.”⁶⁷

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 671. NHƯ LAI LỰC⁶⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu có pháp nào mà được thắng giải, thân tác chứng, tất cả đều do trí vô úy của Như Lai phát sinh ra. Nếu Tỳ-kheo nào đến làm đệ tử của Ta, mà không nịnh hót, không giả ngụy, sinh tâm ngay thẳng; Ta sẽ nói pháp cho người đó, giáo giới truyền dạy. Buổi sáng Ta nói pháp cho, giáo giới, truyền dạy; đến lúc giữa trưa người ấy đạt đến chỗ thắng tiến. Nếu chiều tối Ta nói pháp cho người ấy, giáo giới truyền dạy; đến sáng sớm hôm sau người ấy đạt đến chỗ thắng tiến. Khi được

⁶⁵ Như kinh Đại chánh 684.

⁶⁶ Đại chánh, kinh 702.

⁶⁷ Như kinh Đại chánh 687

⁶⁸ Đại chánh, kinh 703.

truyền dạy như vậy rồi, người ấy sanh tâm ngay thẳng; thật thì biết thật, không thật thì biết không thật, trên thì biết là trên, không trên thì biết là không trên. Những điều nên biết, nên thấy, nên chứng đắc, nên thẳng tri, tất cả đều được biết rõ. Trường hợp ấy có xảy ra. Đó gọi là năm lực của hữu học, và mười [189b] lực của Như Lai.

“Những gì là năm lực của hữu học? Đó là tín lực, tinh tấn lực, niệm lực, định lực, tuệ lực.

“Mười lực của Như Lai. Những gì là mười? Biết như thật xứ phi xứ.⁶⁹ *Như đã nói mười lực đầy đủ ở trên.* Nếu có người đến hỏi Ta về trí lực xứ, phi xứ của Như Lai, Ta như điều được sở tri, sở kiến, giác ngộ, thành Đẳng chánh giác, vì người kia mà nói về trí lực, xứ, phi xứ của Như Lai... *cho đến trí lực lậu tận, cũng nói như vậy.*

“Này các Tỳ-kheo, trí lực xứ phi xứ đó Ta nói là định chứ chẳng phải không định,... *cho đến trí lực lậu tận, ta nói là định, chẳng phải không định.* Định là chánh đạo. Phi định là tà đạo.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

18. TƯƠNG ƯNG GIÁC CHI⁷⁰

KINH 672. BÁT CHÁNH TƯ DUY⁷¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu không chánh tư duy,⁷² tham dục triền cái chưa khởi sẽ khởi; tham dục triền cái đã khởi sẽ tăng trưởng rộng lớn. Sân nhuế, thuy miên, trạo hối, và nghi triền cái chưa khởi thì sẽ khởi; sân nhuế, thuy miên, trạo hối, và nghi cái đã khởi sẽ tăng trưởng rộng lớn. Niệm giác

⁶⁹ Trong nguyên bản: *như thật tri phi xứ*. có sự chép nhầm.

⁷⁰ Tụng v Đạo phẩm 4 Tương ưng giác chi, gồm các kinh Đại chánh 704-747 (phần cuối quyển 26, trọn quyển 27) Ấn Thuận *Hội biên*, Tụng iv Đạo phẩm 12 Tương ưng giác chi *Quốc dịch*, 4 Tương ưng Bồ-đề phần Phần lớn tương đương Pāli, S 46 Bojjhaṅgasamyutta.

⁷¹ Đại chánh, kinh 704 Pāli, S.46.24 Ayonisa.

⁷² Bát chánh tư duy 不正思惟 Pāli: *ayoniso manasikaroto*, không tác ý như lý.

chi chưa khởi sẽ không khởi; niệm giác chi đã khởi sẽ thối thất. Trạch pháp, tinh tấn, khinh an, hỷ, định, xả giác chi chưa khởi sẽ không khởi; trạch pháp, tinh tấn, khinh an, hỷ, định, xả giác chi đã khởi sẽ thối thất.

“Tỳ-kheo chánh tư duy, tham dục cái chưa khởi sẽ không khởi; tham dục cái đã khởi sẽ khiến diệt. Sân nhuế, thùy miên, trạo hối, và nghi cái chưa khởi sẽ không khởi; sân nhuế, thùy miên, trạo hối, và nghi cái đã khởi sẽ đoạn. Niệm giác chi chưa khởi sẽ khởi; đã khởi rồi thì sẽ tái sanh khiến thêm rộng; trạch pháp, tinh tấn, y, hỷ, định, xả giác chi chưa khởi sẽ khởi; đã khởi sẽ tái sanh khiến thêm rộng.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 673. BÁT THỐI⁷³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có năm pháp thối thất. Những gì là năm? Đó là tham dục, sân nhuế, thùy miên, trạo hối, và nghi cái. Đó gọi là pháp thối thất. Nếu tu tập bảy giác chi, tu tập nhiều, sẽ khiến tăng rộng. Đó gọi là pháp bất thối. Những gì là bảy? Đó niệm giác chi, trạch pháp giác chi, tinh tấn giác chi, khinh an⁷⁴ giác chi, hỷ giác chi, định giác chi, xả giác chi. Đó gọi là pháp bất thối.”

[189c] Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 674. CÁI⁷⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có năm pháp, có thể làm cho đen tối, có thể là cho không mắt, có thể làm cho không trí, có thể làm cho sút giảm trí tuệ, chẳng phải minh, chẳng phải đấng giác, chẳng chuyển hướng Niết-bàn. Những gì là

⁷³ Đại chánh, kinh 705 Pāli, S.46.37 Vuḍḍhi.

⁷⁴ Nguyên Hán: ỷ 猗.

⁷⁵ Pāli, S.46.40 Nīvaraṇa.

năm? Đó là tham dục, sân nhuế, thụy miên, trạo hối, và nghi. Như vậy, năm pháp này có thể làm cho đen tối, có thể làm cho không mắt, có thể làm cho không trí, chẳng phải minh, chẳng phải chánh giác, chẳng chuyển hướng Niết-bàn.

“Nếu có bảy giác chi, có thể làm ánh sáng lớn, có thể làm con mắt, tăng trưởng trí tuệ, là minh, là chánh giác, chuyển hướng Niết-bàn. Những gì là bảy? Đó là niệm giác chi, trạch pháp giác chi, tinh tấn giác chi, khinh an giác chi, hỷ giác chi, định giác chi, xả giác chi, làm ánh sáng lớn, có thể làm con mắt, tăng trưởng trí tuệ, là minh, là chánh giác, chuyển hướng Niết-bàn.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 675. CHƯỞNG CÁI⁷⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có năm chướng, năm cái,⁷⁷ phiền não nơi tâm,⁷⁸ làm sút giảm trí tuệ và, là phần chướng ngại, chẳng phải minh, chẳng phải chánh giác, chẳng chuyển hướng Niết-bàn. Những gì là năm? Đó là tham dục cái, sân cái, thụy miên cái, trạo hối cái, nghi cái. Năm cái này là che kín, là bao phủ, phiền não nơi tâm, khiến cho trí tuệ bị suy giảm, là phần chướng ngại, chẳng phải minh, chẳng phải chánh giác, chẳng chuyển hướng Niết-bàn.

“Nếu là bảy giác chi, chẳng che kín, chẳng bao phủ, chẳng phiền não nơi tâm, tăng trưởng trí tuệ, là minh, là chánh giác, chuyển hướng Niết-bàn. Những gì là bảy? Đó là niệm giác chi v.v... *Như đã nói ở trên... cho đến* xả giác chi. Như bảy giác chi này chẳng che kín, chẳng bao phủ, chẳng phiền não nơi tâm, tăng trưởng trí tuệ, là minh, là chánh giác, chuyển hướng Niết-bàn.”

⁷⁶ Đại chánh, kinh 707 Pāli, S.46.38 Āvaraṇa-nīvaraṇa.

⁷⁷ Ngũ chướng ngũ cái 五障五蓋 Pāli: *pañca āvaraṇā nīvaraṇā*, năm chướng cái, chướng ngại và ngăn che.

⁷⁸ Phiền não ở tâm 煩惱於心 Pāli: *cetaso upakkilesā*, là những tùy phiền não của tâm: là những thứ làm ô uế tâm.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói bài kệ rằng:
*Tham dục, sân nhuế cái,
 Thuy miên, trạo hối, nghi;
 Như năm thứ cái này,
 Tăng trưởng các phiền não.
 Năm cái che thế gian,
 Đắm sâu khó độ được;
 Ngăn che đối chúng sanh,
 Khiến không thấy chánh đạo.
 [189c] Nếu đắc bảy giác chi,
 Thì có thể chiếu sáng;
 Chỉ lời chân thật này,
 Đáng Chánh giác đã nói.
 Niệm giác chi là đầu,
 Trạch pháp, chánh tư duy;
 Tinh tấn, khinh an⁷⁹, hỷ,
 Tam-muội, xả giác chi.
 Như bảy giác chi này,
 Chánh đạo của Mâu-ni;
 Tùy thuận đáng Đại Tiên,
 Thoát sợ hãi sanh tử.*

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 676. THỌ⁸⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rùng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thiện gia nam tử vất bỏ các đời, xuất gia học đạo; ao bỏ râu tóc, mặc ca-sa, chánh tín sống không nhà, xuất gia học đạo. Trong số xuất gia như vậy, có người ngu si, nương vào nơi xóm làng, thành ấp; sáng đắp y mang bát vào thôn khát thực, nhưng vì không khéo giữ thân, không giữ gìn cửa các căn, không nhiếp thu các niệm mình, nên khi nhìn thấy những thiếu nữ trang điểm xinh đẹp, sinh tâm đắm nhiễm, không

⁷⁹ úc khinh an.

⁸⁰ ại chánh, kinh 708 Gốc cây Pāli, S.46.39 Rukkha.

chánh tư duy, tâm chạy theo nắm bắt sắc tướng, tưởng đến sắc dục, làm cho tâm dục hừng hực, thiêu đốt tâm, thiêu đốt thân, trả lại giới, trở về thế gian, tự thụt lùi chìm đắm. Trong khi đã yếm ly việc đời, xuất gia học đạo rồi mà còn nhiễm đắm trở lại, làm tăng thêm các tội nghiệp để tự phá hoại, che lấp, chìm đắm.

“Có năm loại cây lớn, hạt mầm của nó rất nhỏ, nhưng cây lớn lên thì to lớn, bóng cây có thể che tối các loại cây tạp nhỏ, khiến âm u héo úa, không sanh trưởng được. Những gì là nm? Đó là cây kiền-giá-da,⁸¹ cây ca-tì-đa-la,⁸² cây a-thấp-ba-tha,⁸³ cây ưu-đàm-bát-la,⁸⁴ cây ni-câu-lưu-tha.⁸⁵ Như vậy, năm loại cây đại thọ⁸⁶ này, tuy mầm của nó rất nhỏ, nhưng từ từ phát triển lớn lên, bóng của nó che khuất các cây nhỏ, có thể khiến cho tất cả bị che khuất rũ xuống. Những gì là năm? Đó là tham dục cái, dần dần tăng trưởng; là sân nhuế,⁸⁷ thùy miên, trạo hối, nghi cái, dần dần tăng trưởng. Vì tăng trưởng, nên khiến cho thiện tâm bị che khuất rũ xuống. Tu tập bảy giác chi, tu tập nhiều, sẽ chuyển thành bất thối. Những gì là bảy? Niệm giác chi, trạch pháp, tinh tấn, kinh an, hỷ, định, xả giác chi. Tu tập bảy giác chi như vậy, tu tập nhiều, sẽ chuyển thành bất thối chuyển.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 677. THẤT GIÁC CHI⁸⁸

[190b] Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

“Tỳ-kheo chuyên nhất tâm mình, lắng nghe Chánh pháp, có thể đoạn năm pháp; tu tập bảy pháp khiến cho càng lúc càng thăng tiến mãn túc. Đoạn năm pháp gì? Tham dục cái, sân nhuế cái, thùy miên cái,

⁸¹ Kiền giá da 捷遮耶 Pāli: *kacchaka*.

⁸² Ca-tì-đa-la 迦埤多羅 Pāli: *kapithaka*.

⁸³ A-thấp-ba-tha 阿濕波他 Pāli: *assattha*.

⁸⁴ Ưu-đàm-bát-la 優曇鉢羅 Pāli: *udumbara*.

⁸⁵ Ni-câu-lưu-đa 尼拘留他 Pāli: *nigrodha*.

⁸⁶ Nguyên Hán: tâm thọ 心樹, có thể nhầm Pāli: *mahārukka*, cây đại thọ.

⁸⁷ Trong đề bản thiếu sân nhuế Thêm vào cho đủ.

⁸⁸ Đại chánh, kinh 709. Pāli, S.46.23 Ṭhāna.

trạo hồi cái, và nghi cái, đó là năm pháp cần phải đoạn. Tu tập bảy pháp gì? Niệm giác chi, trạch pháp giác chi, tinh tấn giác chi, khinh an giác chi, hỷ giác chi, định giác chi, và xả giác chi. Tu bảy pháp này càng lúc càng thăng tiến mãi túc.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 678. THỈNH PHÁP⁸⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thánh đệ tử có tín tâm thanh tịnh, chuyên tinh nghe pháp, có thể đoạn được năm pháp, tu tập bảy pháp, khiến cho được đầy đủ. Những gì là năm? Tham dục cái, sân nhuế, thùy miên, trạo hồi, và nghi cái. Đây là những cái cần đoạn. Những gì là bảy pháp? Niệm giác chi, trạch pháp, tinh tấn, khinh an, hỷ, định, xả giác chi. Bảy pháp này được tu tập đầy đủ, với người có tịnh tín; đó gọi là tâm giải thoát; người có trí gọi là tuệ giải thoát. Nếu người nào bị tham dục nhiễm tâm thì sẽ không có đắc, sẽ không có lạc; người nào bị vô minh nhiễm tâm, trí tuệ không trong sạch. Cho nên, Tỳ-kheo lìa tham dục, tâm giải thoát; lìa vô minh, tuệ giải thoát. Nếu Tỳ-kheo đó đã lìa tham dục, tự thân tác chứng tâm giải thoát; lìa vô minh, tuệ giải thoát, đó gọi là Tỳ-kheo đoạn ái phược, kết mạn, chứng đắc hiện quán, cứu cánh biên tế khổ.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 679. VÔ ÚY⁹⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật, thành Vương Xá. Bấy giờ có Vương tử Vô Úy⁹¹ thường ngày đi bộ, thông thả dạo chơi, đi đến chỗ đức Phật. Sau khi diện kiến chào hỏi Thế Tôn xong, ông ngồi xuống một bên, bạch Phật rằng:

⁸⁹ Đại chánh, kinh 710.

⁹⁰ Đại chánh, kinh 711. Pāli, S.46.56 Abhaya.

⁹¹ Vô Úy Vương tử 無畏王子 Pāli: Abhaya rājakumāra.

“Bạch Thế Tôn, có Sa-môn, Bà-la-môn thấy như vậy, nói như vậy:⁹²
‘Chúng sanh phiền não, không nhân, không duyên; chúng sanh thanh tịnh, không nhân, không duyên.’⁹³ Còn Thế Tôn thì thế nào?”

Phật bảo Vô Úy:

“Các Sa-môn, Bà-la-môn nói những điều mà họ không suy nghĩ, ngu si, không phân biệt, không khéo léo, chẳng biết suy nghĩ, chẳng biết suy lường nên nói: ‘Chúng sanh phiền não, không nhân, không duyên; [190c] chúng sanh thanh tịnh, không nhân, không duyên’ như vậy. Vì sao? Chúng sanh phiền não có nhân, có duyên; chúng sanh thanh tịnh, có nhân, có duyên.

“Chúng sanh phiền não có nhân gì, duyên gì? Chúng sanh thanh tịnh có nhân gì, duyên gì? Tham dục chúng sanh tăng thượng nên đối với của cải, đồ vật của người khác khởi lên lòng tham, nói rằng: ‘Vật này là sở hữu của tôi thì tốt.’ Nó yêu thích không muốn xa lìa. Đối với chúng sanh khác khởi lên lòng sân hận, hung ác, toan tính, muốn đánh, muốn trói, chèn ép, gia làm những việc trái đạo, tạo ra các nạn, không từ bỏ sân nhuế. Thân ham ngủ nghỉ, tâm lại lười biếng, tâm luôn dao động; bên trong không tịch tĩnh, tâm thường nghi hoặc, nghi quá khứ, nghi vị lai, nghi hiện tại. Nay Vô Úy, vì những nhân như vậy, những duyên như vậy, nên chúng sanh phiền não; vì những nhân như vậy, những duyên như vậy nên chúng sanh thanh tịnh .”

Vô Úy bạch Phật:

“Thưa Cù Đàm, một phần triển cái đã đủ là phiền não tâm, hưởng chi là tất cả!”

Vô Úy lại bạch Phật:

“Bạch Cù Đàm, chúng sanh thanh tịnh có nhân gì, có duyên gì? “

Phật bảo Vô Úy:

“Nếu Bà-la-môn nào có một niệm thù thắng, quyết định thành tựu; những việc đã làm từ lâu, những lời nói từ lâu, có thể tùy theo nhớ

⁹² S 46. 56: thuyết của Pūraṇo Kassapo: *natthi natthi paccayo aññāyā adassanāya*, không có nhân, không có duyên cho sự vô trí, vô kiến.

⁹³ Cf. D 2. Samaññaphala: *natthi he tu natthi paccayo sattānaṃ saṃkilesāya ... sattānaṃ víuddhiyā*, không nhân, không duyên cho sự ô nhiễm của chúng sanh... cho sự thanh tịnh của chúng sanh.

ngiht, ngay lúc ấy tu tập niệm giác chi. Sau khi niệm giác chi đã được tu tập, niệm giác được viên mãn. Khi niệm giác đã đưo0c viên mãn, có sự tuyền trạch, phân biệt, tư duy, lúc bấy giờ tu tập trạch pháp giác chi. Sau khi tu tập trạch pháp giác chi, trạch pháp giác được viên mãn. Sau khi tuyền trạch, phân biệt, suy lường pháp, nỗ lực tinh tấn; ở đây, tu tập tinh tấn giác chi. Sau khi tu tập tinh tấn giác chi, tinh tấn giác được viên mãn. Sau khi nỗ lực tinh tấn, hoan hỷ sẽ sanh, xa lìa các tưởng về thức ăn, tu hỷ giác chi. Sau khi đã tu hỷ giác chi, hỷ giác được viên mãn. Sau khi hỷ giác chi được viên mãn, thân và tâm khinh an⁹⁴; lúc ấy tu khinh an giác chi. Sau khi tu khinh an giác chi, khinh an giác giác chi được viên mãn. Sau khi thân khinh an rồi, được an lạc. Sau khi an lạc, tâm định; khi ấy tu định giác chi. Sau khi tu định giác chi, định giác được viên mãn. Sau khi định giác chi được viên mãn, tham ái bị diệt và tâm xả sanh; khi ấy tu xả giác chi. Sau khi đã tu xả giác chi, xả giác được viên mãn. Như vậy, này Vô Úy, do nhân này, duyên này mà chúng sanh thanh tịnh.”

Vô Úy bạch Cù-đàm:

“Nếu một phần (trong bảy giác chi này) đầy đủ, cũng khiến cho chúng sanh thanh tịnh, huông chi là tất cả.”

Vô Úy bạch Phật:

“Bạch Cù-đàm, Kinh này tên gì, và phải phụng trì như thế nào?”

Phật bảo vương tử Vô Úy:

“Nên gọi đây là kinh Giác chi.”

Vô Úy bạch Phật:

“Bạch Cù-đàm, **[191b]** đây là giác chi tối thắng. Bạch Cù-đàm, Con là Vương tử, đã an lạc, mà vẫn thường cầu an lạc, nhưng ít khi ra vào. Nay lên trên núi, tứ chi tuy mỏi mệt, nhưng được nghe Cù-đàm nói kinh giác chi nên quên tất cả mọi sự mệt nhọc.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, Vương tử Vô Úy sau khi nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng lên, cúi đầu lễ sát chân Phật rồi lui.⁹⁵

⁹⁴ Nguyên Hán: y tức 猗息.

⁹⁵ Bản Hán, hết quyển 26.

KINH 680. VÔ ÚY (2)⁹⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong hang núi Kỳ-xa-quật, tại thành Vương Xá. *Như đã nói ở trên, nhưng có một vài sai biệt:*

“Có Sa-môn, Bà-la-môn thấy như vậy, nói như vậy: ‘Không có nhân, không có duyên cho sự vô trí, vô kiến, của chúng sanh. Không nhân, không duyên cho trí kiến của chúng sanh.’⁹⁷ *Như đã nói đầy đủ... cho đến* vương tử Vô Úy, sau khi nghe những gì đức Phật đã dạy, hoan hỷ, cúi đầu lễ sát chân Phật, rồi lui.

KINH 681. CHUYỂN THỨ⁹⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có số đông các Tỳ-kheo, sáng sớm đắp y mang bát vào thành Vương Xá khát thực. Lúc ấy số đông các Tỳ-kheo nghĩ như vậy: ‘Hôm nay, còn quá sớm, chưa đến giờ đi khát thực. Chúng ta nên ghé qua tinh xá các ngoại đạo.’ Số đông các Tỳ-kheo này liền vào tinh xá ngoại đạo. Sau khi chào hỏi nhau xong, họ ngồi qua một bên.

Các ngoại đạo hỏi Tỳ-kheo rằng:

“Sa-môn Cù-đàm vì các đệ tử nói pháp đoạn trừ năm cái là những thứ che lấp tâm làm cho tuệ lực suy kém, là phần chướng ngại, không chuyển hướng Niết-bàn. An trụ bốn niệm xứ, tu bảy giác chi. Chúng tôi cũng vậy, vì các đệ tử nói đoạn năm cái vốn che lấp tâm làm cho tuệ lực suy giảm, và khéo an trụ bốn niệm xứ, tu bảy giác chi. Chúng tôi cùng với Sa-môn Cù-đàm có gì là khác nhau, đều có thể nói pháp?”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều ngoại đạo nói, trong lòng không hoan hỷ, bèn chỉ trích ngược lại,⁹⁹ rồi từ chỗ ngồi đứng dậy bỏ đi, vào

⁹⁶ Đại chánh quyển 27. *Phật quang quyển* 27; *Quốc dịch* quyển 24. Đại chánh, kinh 712. Pāli, S.46. 56 Abhya.

⁹⁷ S. ibid., Puraṇa Kassapa nói như vậy: *natthi hetu natthi paccayo aññāya adassanāya ahetu apaccayo aññānaṃ adassanaṃ hoti*, không có nhân, không duyên cho sự vô trí và vô kiến; vì vậy, vô trí, vô kiến là vô nhân vô duyên..

⁹⁸ Đại chánh, kinh 713. Pāli, S.46.52 Pariyāya.

thành Xá-vệ khát thực. Sau khi khát thực xong, họ trở về tinh xá, [191b] cất y bát, rửa chân xong, đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ sát chân Phật, ngồi xuống một bên, đem những lời nói của ngoại đạo bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Lúc ngoại đạo kia nói như vậy, các người nên hỏi ngược lại rằng: ‘Năm cái của ngoại đạo, chũng loại lý ưng là mười. Bảy giác chi, đáng ra phải là mười bốn.’ Mười của năm cái là những gì? Mười bốn của bảy giác là những gì? Nếu hỏi như vậy, những ngoại đạo kia sẽ tự giết mình tán loạn. Pháp của ngoại đạo,¹⁰⁰ là sân nhuế, kiêu mạn, chê bai, hiềm hận, không nhẫn thọ, sanh tâm không nhẫn thọ, hoặc im lặng cúi đầu, không thể biện luận, âm thầm suy nghĩ. Vì sao? Ta không thấy người nào trong chúng chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, Trời, Người nghe những gì Ta nói mà hoan hỷ tùy thuận, chỉ trừ có Như Lai và chúng Thanh văn, hoặc nghe từ đây mà thôi.¹⁰¹

“Này các Tỳ-kheo, mười của năm cái là những gì? Đó là có tham dục bên trong, tham dục bên ngoài. Tham dục bên trong kia là triền cái, là chẳng phải trí, chẳng phải đẳng giác, không chuyển hướng đến Niết-bàn. Tham dục bên ngoài kia cũng là triền cái, chẳng phải trí, chẳng phải đẳng giác, không chuyển hướng đến Niết-bàn.

“Sân nhuế có tướng sân nhuế. Nếu sân nhuế cùng với tướng sân nhuế,¹⁰² tức là triền cái, chẳng phải trí, chẳng phải đẳng giác, không chuyển đến Niết-bàn. Có thụy, có miên;¹⁰³ thụy này, miên này tức là triền cái, chẳng phải trí, chẳng phải đẳng giác, không chuyển hướng đến Niết-bàn. Có trạo cử, có hối tiếc; trạo cử này, hối tiếc này tức là cái,¹⁰⁴ chẳng phải trí, chẳng phải đẳng giác, không chuyển hướng đến

⁹⁹ Hán: phản ha mạ 反呵罵 Bản Pāli: *neva abhinandiṃsu nappaṭikkosimṃsu*, không hoan hỷ cũng không chỉ trích.

¹⁰⁰ Xem đoạn văn tương đương ở kinh Đại chánh 714.

¹⁰¹ Có sự nhầm lẫn trong bản dịch Hán.Cf. S. v. 110: *nāhaṃ taṃ passāmi ... yo imesaṃ pañhānaṃ veyyākaraṇena cittaṃ āradheyya aññatra tathāgatena vā tathāgatasāvakena vā ito vā sutvā*, Ta thấy không ai có thể làm hài lòng với sự trả lời cho những câu hỏi này, trừ Như lai hay đệ tử của Như lai đã nghe từ đây.

¹⁰² Pāli: *ajjhataṃ vyāpādo, bahiddhā vyāpādo*, nội sân, ngoại sân.

¹⁰³ Hữu thụy, hữu miên Bản Pāli: *thinaṃ nīvaraṇaṃ, middhaṃ nīvaraṇaṃ*, hôn trầm là triền cái; thụy miên là triền cái.

¹⁰⁴ Trạo (điều) hối 掉悔 Pāli: *uddhaccakukkucca*, bồn chồn và hối tiếc.

Niết-bàn. Có nghi pháp thiện, có nghi pháp bất thiện;¹⁰⁵ Nghi pháp thiện này, nghi pháp bất thiện này tức là cái, chẳng phải trí, chẳng phải đẳng giác, không chuyển hướng đến Niết-bàn. Đó gọi là năm cái nói mười.

“Bảy giác chi, nói là mười bốn, là những gì? Có tâm an trú trụ chánh niệm nơi pháp bên trong,¹⁰⁶ có tâm an trú chánh niệm nơi pháp bên ngoài. Niệm trụ pháp bên trong này chỉ cho niệm giác chi, là trí, là đẳng giác, có thể chuyển hướng đến Niết-bàn; niệm trụ pháp bên ngoài này cũng chỉ cho niệm giác chi, là trí, là đẳng giác, có thể chuyển hướng hướng đến Niết-bàn. Có tuyền trạch pháp thiện, tuyền trạch pháp bất thiện.¹⁰⁷ Tuyền trạch pháp thiện kia là trạch pháp giác chi, là trí, là đẳng giác, chuyển hướng Niết-bàn. Tuyền trạch pháp bất thiện kia cũng là trạch pháp giác chi, là trí, là đẳng giác, chuyển hướng Niết-bàn. Có tinh tấn để đoạn pháp bất thiện, có tinh tấn để nuôi lớn pháp thiện.¹⁰⁸ Tinh tấn để đoạn trừ pháp bất thiện kia là tinh tấn giác chi, là trí, là đẳng giác, chuyển [191c] hướng Niết-bàn. Tinh tấn để nuôi lớn pháp thiện kia cũng là tinh tấn giác chi, là trí, là đẳng giác, chuyển hướng Niết-bàn. Có hỷ, có hỷ xứ.¹⁰⁹ Hỷ này là hỷ giác chi, là trí, là đẳng giác, chuyển hướng Niết-bàn. Hỷ xứ này cũng là hỷ giác chi, là trí, là đẳng giác, chuyển hướng Niết-bàn. Có thân khinh an, có tâm khinh an.¹¹⁰ Thân khinh an này là khinh an giác chi, là trí, là đẳng giác, chuyển hướng Niết-bàn. Tâm khinh an này cũng là khinh an giác chi,

¹⁰⁵ Bản Pāli: *ajjhataṃ dhammesu vicikicchā, bahiddhā dhammesu vicikicchā*, hoài nghi các pháp bên trong, hoài nghi các pháp bên ngoài.

¹⁰⁶ Bản Pāli: *yadapi.. ajjhataṃ dhammesu sati tadapi satibojjhaṅgo*, có chánh niệm nơi các pháp bên trong, đó là niệm giác chi.

¹⁰⁷ Pāli: *ajjhataṃ dhammesu paññāya pavicinati pavicarati.. bahiddhā dhammesu...*, bằng trí tuệ mà khảo sát (tr trạch) và khảo nghiệm (tr sát) các pháp bên trong.. các pháp bên ngoài.

¹⁰⁸ Pāli: *kāyikaṃ vīriyaṃ.. cetasikaṃ vīriyaṃ*, thân tinh tấn, tâm tinh tấn.

¹⁰⁹ Pāli: *savitakkavicārā pīṭi.. avitakkāvicarā pīṭi*, hỷ đồng hành với tầm tứ, hỷ không đồng hành với tầm tứ.

¹¹⁰ Nguyên Hán: thân y tức, tâm y tức 身猗息 心猗息. Pāli: *kāyapassaddhi, cittapassaddhi*.

là trí, là đẳng giác, chuyển hướng Niết-bàn. Có định, có tướng định.¹¹¹ Định này chỉ cho định giác chi, là trí, là đẳng giác, chuyển hướng Niết-bàn. Tướng định này cũng là định giác chi, là trí, là đẳng giác, chuyển hướng Niết-bàn. Có xả pháp thiện, có xả pháp bất thiện.¹¹² Xả pháp thiện này là xả giác chi, là trí, là đẳng giác, chuyển hướng Niết-bàn. Xả pháp bất thiện này cũng là xả giác chi, là trí, là đẳng giác, chuyển hướng Niết-bàn. Đó gọi là bảy giác chi nói là mười bốn.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 682. HỎA¹¹³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bảy giờ có số đông các Tỳ-kheo. *Như đã nói ở trên, nhưng có một vài sai biệt:*

“Có các xuất gia ngoại đạo nói như vậy, nên hỏi lại rằng: ‘Nếu tâm yếu kém, còn do dự, bảy giờ nên tu những giác chi nào? Những gì tu không đúng lúc?’¹¹⁴ Nếu lại tâm trạo cử¹¹⁵; với tâm trạo cử, do dự ấy, bảy giờ nên tu những giác chi nào? Và những gì là không đúng lúc? Nếu hỏi như vậy, các ngoại đạo kia trong tâm sẽ giật mình, tán loạn, nói lãng sang những pháp khác; tâm sanh phần nhuế, kiêu mạn, hủy báng, hiềm hận không nhẫn thọ; hoặc im lặng, cúi đầu, không thể biện luận, âm thầm suy nghĩ. Vì sao? Ta không thấy người nào trong chúng chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, Trời, Người nghe những gì Ta nói mà hoan hỷ tùy thuận, chỉ trừ có Như Lai và chúng Thanh văn, hoặc nghe từ đây mà thôi.¹¹⁶

¹¹¹ Hán: hữu định, hữu định tướng 有定有定相. Pāli: *savitakko savicāro samādhi, avitakkaṃ avicāro samādhi*, định có tầm có tứ, định không tầm không tứ.

¹¹² Pāli: *ajjhataṃ dhammesu upekkhā, bahidhā dhammesu upekkhā*, xả nơi các pháp bên trong, xả nơi các pháp bên ngoài.

¹¹³ Đại chánh, kinh 714. Pāli, S.46.53 Aggī.

¹¹⁴ Pāli ibid.: .. *līnaṃ cittaṃ hoti, katamesaṃ tasmim samaye bojjaṅgānaṃ akālo bhāvanāya.. kālo bhāvanāya*, khi tâm co rút, lúc ấy là hợp thời để tu tập những giác chi nào, không hợp thời cho sự tu tập những giác chi nào?

¹¹⁵ Xem cht.8 kinh Đại chánh 713.

¹¹⁶ Xem cht.6 kinh 713.

“Này các Tỳ-kheo, nếu lúc tâm yếu kém, tâm do dự, khi ấy không nên tu khinh an giác chi, định giác chi, xả giác chi. Vì sao? Khi tâm yếu kém phát sanh, vì yếu kém, do dự, các pháp này càng làm tăng thêm yếu kém. Thí như một đóm lửa mà muốn cháy mạnh lên, lại bỏ than tro¹¹⁷ vào. Thế nào, này Tỳ-kheo, chẳng phải vì thêm tro vào khiến cho lửa tắt [192a] chẳng?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Đúng vậy, bạch Thế tôn!”

“Cũng vậy, Tỳ-kheo, yếu đuối, do dự, nếu tu khinh an giác chi, định giác chi, xả giác chi, đây không phải thời, vì tăng thêm lười biếng thôi.

“Hoặc khi tâm trạo cử khởi lên; nếu tâm trạo cử, do dự, bấy giờ, không nên tu trạch pháp giác chi, tinh tấn giác chi, hỷ giác chi. Vì sao? Vì khi tâm trạo cử khởi lên, với tâm trạo cử, do dự, các pháp này làm cho tăng thêm. Thí như lửa đang cháy, muốn dập tắt mà đem cỏ khô thêm vào. Ý các người thế nào? Há không khiến cho lửa cháy bùng lên đó sao?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Đúng vậy, bạch Thế tôn!”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Khi tâm trạo cử khởi lên; nếu tâm trạo cử, do dự, mà tu trạch pháp giác chi, tinh tấn giác chi, hỷ giác chi, làm tăng thêm trạo cử.

“Này các Tỳ-kheo, khi tâm yếu đuối sanh khởi, nếu tâm yếu đuối, do dự, lúc bấy giờ nên tu trạch pháp giác chi, tinh tấn giác chi, hỷ giác chi. Vì sao? Vì khi tâm yếu đuối sanh khởi; nếu tâm yếu đuối, do dự, bằng các pháp này mà được khai thị, chỉ giáo, khích lệ, làm cho hoan hỷ. Thí như một đóm lửa, muốn cho nó cháy lên, nên cho cỏ khô vào. Thế nào, Tỳ-kheo, lửa này có cháy hừng lên không?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Đúng vậy, bạch Thế Tôn!”

Phật bảo Tỳ-kheo:

¹¹⁷ Hán: tiêu than 焦炭 Pāli: ...*allāni ceva tiṇāni*,... *allāni ca gomayāni*, ...*allāni ca kaṭṭhāni pakkhipeyya*, bỏ vào những cỏ ướt, phân bò ướt, củi ướt.

“Khi tâm yếu đuổi sanh khởi như vậy; nếu tâm yếu đuổi, do dự, lúc bấy giờ nên tu trạch pháp giác chi, tinh tấn giác chi, hỷ giác chi để được khai thị, chỉ giáo, khích lệ, làm cho hoan hỷ.

“Hoặc khi tâm trạo cử sanh khởi; nếu tâm trạo cử, do dự, nên tu khinh an giác chi, định giác chi, xả giác chi. Vì sao? Vì khi tâm trạo cử sanh khởi; nếu tâm trạo cử, do dự, bằng các pháp này mà có thể khiến cho an trụ bên trong, nhất tâm, nhiếp trì. Thí như lửa đang cháy, muốn cho nó tắt, chỉ cần cho than tro vào, lửa này sẽ tắt.

“Như vậy, này các Tỳ-kheo, nếu tâm trạo cử, do dự, mà tu trạch pháp giác chi, tinh tấn, hỷ giác chi thì không đúng thời. Nếu tu khinh an, định, xả giác chi thì tự nó mới đúng thời. Vì các pháp này khiến cho an trụ bên trong, nhất tâm, nhiếp trì. Niệm giác chi thì hỗ trợ cho tất cả.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 683. THỤC¹¹⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có năm triền cái, bảy giác chi, có thức ăn, không thức ăn. Nay Ta sẽ nói. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ngươi mà nói.

“Thí như thân thể phải nhờ vào thức ăn mới tồn tại, chứ chẳng phải không nhờ thức ăn. Cũng vậy, năm triền cái nhờ vào thức ăn mới tồn tại, chứ chẳng phải không nhờ thức ăn.

“Tham dục triền cái lấy gì làm thức ăn? Đó là tướng xúc.¹¹⁹ Đối với tướng ấy mà không tư duy đúng,¹²⁰ thì tham dục chưa khởi sẽ khiến khởi, tham dục đã khởi rồi [192b] thì có thể khiến cho tăng rộng. Đó gọi là thức ăn của dục ái triền cái.¹²¹

¹¹⁸ Đại chánh, kinh 715. Cf S.46.2 Kāya; 46.51 Āhāra.

¹¹⁹ Hán: xúc tướng 觸相 Pāli: *subhanimitta*, tịnh tướng

¹²⁰ Bản Pāli: *ayonisomanasikārabahulikāro*, tu tập nhiều (với tịnh tướng) mà không tác ý một cách như lý.

¹²¹ Dục ái 欲愛 Pāli: *kāmachanda*.

“Những gì là thức ăn của sân nhuế triền cái? Đó là tướng chướng ngại.¹²² Đối với tướng ấy mà không tư duy đúng, sân nhuế cái chưa khởi sẽ khiến khởi; sân nhuế cái đã khởi rồi thì có thể khiến cho tăng rộng. Đó gọi là thức ăn của sân nhuế triền cái.

“Những gì là thức ăn của thụy miên cái? Gồm có năm pháp. Những gì là năm? Đó là yếu đuối, chẳng vui, ngập ợ, ăn nhiều, lười biếng. Đối với chúng không tư duy đúng, khi thụy miên cái chưa khởi thì khiến khởi; thụy miên cái đã khởi rồi, có thể khiến cho nó tăng rộng. Đó gọi là thức ăn của thụy miên cái.

“Những gì là thức ăn của trạo hối? Gồm có bốn pháp. Những gì là bốn? Đó là giác tưởng về thân thuộc, giác tưởng về mọi người, giác tưởng về chư thiên, giác tưởng về những khoái lạc vốn đã tự kinh qua.¹²³ Tự mình nhớ nghĩ hay dò người khác khiến nhớ nghĩ mà sanh giác tưởng. Đối với chúng khởi tư duy không chân chánh, khi trạo hối chưa khởi thì khiến khởi, trạo hối đã khởi rồi thì có thể khiến cho nó tăng rộng. Đó gọi là thức ăn của trạo hối.

“Những gì là thức ăn của nghi cái? Có ba đời. Những gì là ba? Đó là đời quá khứ, đời vị lai, đời hiện tại. Đối với đời quá khứ còn do dự, đời vị lai còn do dự, đời hiện tại còn do dự. Đối với chúng khởi tư duy không chân chánh, nghi cái chưa khởi sẽ khiến khởi; nghi cái đã khởi thì có thể khiến cho nó tăng rộng. Đó gọi là thức ăn của nghi cái.

“Thí như thân thể nhờ vào thức ăn mà được nuôi lớn, chứ chẳng phải không nhờ thức ăn. Cũng vậy, bảy giác chi cũng nhờ vào thức ăn mà tồn tại, nhờ vào thức ăn mà nuôi lớn, chứ chẳng phải không nhờ ăn.

“Cái gì là chẳng phải thức ăn của niệm giác chi? Chẳng tư duy về bốn niệm xứ, niệm giác chi chưa khởi sẽ chẳng thể làm cho khởi; niệm giác chi đã khởi rồi, khiến cho giảm sút. Đó gọi là chẳng phải thức ăn của niệm giác chi.

“Cái gì chẳng phải là thức ăn của trạch pháp giác chi? Tuyền trạch đối với pháp thiện, tuyền trạch đối với pháp bất thiện; không tư duy đối với chúng, trạch pháp giác chi chưa khởi sẽ không làm cho khởi; trạch

¹²² Chướng ngại tướng 障礙相 Pāli: *paṭighanimittam*, đối nghịch hay đối ngại tướng. Trong Pāli, *paṭigha*, có nghĩa là sân, cũng có nghĩa là đối nghịch (chướng ngại).

¹²³ Pāli, thức ăn cho trạo cử: *cetaso avūpasamo*, tâm không an tĩnh.

pháp giác chi đã khởi sẽ khiến cho nó giảm sút đi. Đó gọi là chẳng phải thức ăn của trạch pháp giác chi.

“Những gì là chẳng phải là thức ăn của tinh tấn giác chi? Bốn chánh đoạn; đối với chúng không tư duy chân chánh, tinh tấn giác chi chưa khởi sẽ không khởi; tinh tấn giác chi đã khởi sẽ khiến cho nó giảm đi. Đó gọi là không phải thức ăn của tinh tấn giác chi.

“Những gì là chẳng phải là thức ăn của hỷ giác chi? Có pháp hỷ, có pháp hỷ xứ; đối với chúng không tư duy, hỷ giác chi chưa khởi sẽ không cho khởi; hỷ giác chi đã khởi sẽ khiến cho nó giảm đi. Đó gọi là chẳng phải thức ăn của hỷ giác chi.

“Những gì là chẳng phải là thức ăn của khinh an giác chi? Có thân khinh an cùng tâm khinh an; đối với chúng không tư duy, khi khinh an giác chi chưa sanh sẽ không cho khởi, khinh an giác chi đã sanh sẽ khiến cho nó giảm đi. Đó gọi là chẳng phải thức ăn của khinh an [192c] giác chi.

“Những gì là chẳng phải là thức ăn của định giác chi? Có bốn thiền; đối với chúng không tư duy, định giác chi chưa khởi sẽ không cho khởi; định giác chi đã khởi sẽ khiến cho nó giảm đi. Đó gọi là chẳng phải thức ăn của định giác chi.

“Những gì là chẳng phải là thức ăn của xả giác chi là thế nào? Có ba giới, đó là đoạn giới, vô dục giới, diệt giới; đối với chúng không tư duy, xả giác chi chưa khởi sẽ không cho khởi; xả giác chi đã khởi sẽ khiến cho nó giảm đi. Đó gọi là chẳng phải thức ăn của xả giác chi.

“Những gì là chẳng phải là thức ăn của tham dục cái? Quán bất tịnh, tư duy đối với nó, tham dục cái chưa khởi sẽ không khởi; tham dục cái đã sẽ khiến cho nó dứt. Đó gọi là chẳng phải thức ăn của tham dục cái.

“Những gì là chẳng phải thức ăn của sân nhuế cái? Tư duy về tâm từ kia,¹²⁴ sân nhuế cái chưa sanh sẽ không khởi; sân nhuế cái đã sanh sẽ khiến chi nó diệt đi. Đó gọi là chẳng phải thức ăn của sân nhuế cái.

“Những gì là chẳng phải thức ăn của thùy miên cái? Tư duy về sự chiếu sáng¹²⁵ kia, khi thùy miên chưa sanh, không cho khởi, thùy miên

¹²⁴ Pāli: *mettācetovimutti*, từ tâm giải thoát.

¹²⁵ Hán: minh chiếu Pāli: *atthi ārambhadhātu nikkamadhātu parakkamadhātu*, có phát cần giới, tinh cần giới, dững mãnh giới

đã sanh rồi, khiến cho nó diệt đi. Đó gọi là chẳng phải thức ăn của thụy miên cái.

“Những gì là chẳng phải thức ăn của trạo hối cái? Tư duy đúng về sự tỉnh chỉ kia, trạo hối cái chưa sanh sẽ không khởi; trạo hối cái đã sanh sẽ khiến cho diệt đi. Đó gọi là chẳng phải thức ăn của trạo hối cái.

“Những gì là chẳng phải thức ăn của nghi cái? Tư duy về pháp duyên khởi, nghi cái chưa sanh sẽ không khởi; nghi cái đã sanh sẽ khiến cho diệt đi. Đó gọi là chẳng phải thức ăn của nghi cái.

“Thí như thân thể phải nhờ vào thức ăn mà sống, nhờ vào ăn mà tồn tại. Những gì là thức ăn của niệm giác chi? Tư duy bốn niệm xứ rồi, biếm giác chi chưa sanh sẽ khiến cho sanh khởi; niệm giác chi đã sanh càng sanh khởi khiến cho tăng rộng. Đó gọi là thức ăn của niệm giác chi.

“Những gì là thức ăn của trạch pháp giác chi? Có tuyền trạch pháp thiện, có tuyền trạch pháp bất thiện; khi tư duy về chúng, nếu trạch pháp giác chi chưa sanh, khiến cho nó sanh khởi; trạch pháp giác chi đã sanh rồi, càng sanh khởi khiến cho tăng rộng. Đó gọi là thức ăn của trạch pháp giác chi.

“Những gì là thức ăn của tinh tấn giác chi? Tư duy về bốn chánh đoạn, nếu tinh tấn giác chi chưa sanh, khiến cho nó sanh khởi; tinh tấn giác chi đã sanh rồi, cho tái sanh khiến nó tăng rộng. Đó gọi là thức ăn của tinh tấn giác chi.

“Những gì là thức ăn của hỷ giác chi? Có hỷ, có hỷ xứ, tư duy về chúng, nếu hỷ giác chi chưa sanh, khiến sanh khởi; hỷ giác chi đã sanh rồi, cho tái sanh khiến nó tăng rộng. Đó gọi là thức ăn của hỷ giác chi.

“Những gì là thức ăn của khinh an giác chi? Có thân khinh an, tâm khinh an; tư duy về chúng, nếu khinh an giác chi chưa sanh, khiến sanh khởi, khinh an giác chi đã sanh rồi, cho tái sanh khiến nó tăng **[193a]** rộng. Đó gọi là thức ăn của khinh an giác chi.

“Những gì là thức ăn của định giác chi? Tư duy về bốn thiền, định giác chi chưa sanh, khiến nó sanh khởi; định giác chi đã sanh rồi, cho tái sanh khiến nó tăng rộng. Đó gọi là thức ăn của định giác chi.

“Những gì là thức ăn của xả giác chi? Gồm có ba giới. Những gì là ba? Đó là đoạn giới, vô dục giới, diệt giới; tư duy về chúng, xả giác chi chưa sanh thì khiến cho sanh khởi; xả giác chi đã sanh rồi, cho tái sanh khiến nó tăng rộng. Đó gọi là thức ăn của xả giác chi.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 684. PHÁP¹²⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ở trong nội pháp, Ta không thấy có một pháp nào mà pháp ác bất thiện chưa sanh lại khiến cho nó sanh, pháp ác bất thiện đã sanh rồi, cho tái sanh khiến nó tăng rộng; hay pháp thiện chưa sanh, khiến cho nó không sanh, nó đã sanh rồi, khiến cho nó giảm đi. Đó là không tư duy chân chánh.

“Này các Tỳ-kheo, không tư duy chân chánh thì tham dục cái chưa sanh khiến cho sanh, đã sanh rồi, cho tái sanh khiến tăng rộng. Sân nhuế, thùy miên, trạo hối, nghi cái chưa sanh, khiến cho sanh, đã sanh rồi, cho tái sanh khiến nó tăng rộng. Niệm giác chi chưa sanh, không cho sanh, đã sanh rồi, khiến giảm đi. Trạch pháp, tinh tấn, hỷ, kinh an, định, xả giác chi chưa sanh, khiến sanh, đã sanh rồi, cho tái sanh khiến cho tăng rộng.

“Ta không thấy một pháp nào có thể khiến cho pháp ác bất thiện chưa sanh thì không sanh, đã sanh rồi, khiến cho đoạn; pháp thiện chưa sanh, khiến sanh; đã sanh rồi, cho tái sanh khiến tăng rộng. Đó là tư duy chân chánh.

“Này Tỳ-kheo, tư duy chân chánh thì tham dục cái chưa sanh, sẽ khiến nó không sanh; đã sanh rồi, khiến cho nó dứt. Sân nhuế, thùy miên, trạo hối, nghi cái chưa sanh, khiến nó không sanh, đã sanh rồi, khiến nó dứt. Niệm giác chi chưa, khiến cho nó sanh, đã sanh rồi, cho tái sanh khiến cho tăng rộng. Trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, định, xả giác chi chưa sanh, khiến chúng sanh, đã sanh rồi, cho tái sanh khiến chúng tăng rộng.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

¹²⁶ Đại chánh, kinh 716. Pāli, S.45.83 Yoniso; 46.29 Ekadhamma.

KINH 685. PHÁP (2)¹²⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ở trong ngoại pháp, Ta không thấy một pháp nào khi pháp ác bất thiện chưa sanh, khiến cho nó sanh, đã sanh rồi, cho tái sanh khiến nó tăng rộng; pháp thiện chưa sanh lại khiến không sanh, đã sanh rồi lại khiến giảm đi; như là tri thức ác, bạn đảng ác.

“Với tri thức ác, bạn đảng ác; tham dục [193b] cái chưa sanh, khiến sanh; đã sanh thì tái sanh khiến tăng rộng. Sân nhuế, thùy miên, trạo hối, nghi cái chưa sanh khiến sanh; đã sanh rồi, tái sanh khiến tăng rộng. Niệm giác chi chưa sanh, khiến không sanh, đã sanh rồi khiến giảm đi. Trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, định, xả giác chi chưa sanh, khiến không sanh, đã sanh rồi, khiến giảm đi.

“Này các Tỳ-kheo, Ta không thấy một pháp nào, mà pháp ác bất thiện chưa sanh, khiến không sanh, đã sanh rồi, khiến nó dứt; khi pháp thiện chưa sanh, khiến sanh, đã sanh rồi, tái sanh khiến tăng rộng. Đó là thiện tri thức, thiện bạn đảng, thiện tùy tùng.

“Với thiện tri thức, thiện bạn đảng, thiện tùy tùng; tham dục cái chưa sanh, không cho sanh; đã sanh rồi, khiến cho diệt đi. Sân nhuế, thùy miên, trạo hối, nghi cái chưa sanh, khiến cho không sanh; đã sanh rồi, khiến dứt. Niệm giác chi chưa sanh, khiến sanh, đã sanh rồi, tái sanh khiến tăng rộng. Trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, định, xả giác chi khi chưa sanh, khiến sanh, đã sanh rồi, tái sanh khiến chúng tăng rộng.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 686. XÁ-LỢI-PHÁT¹²⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo:

¹²⁷ Đại chánh, kinh 717.

¹²⁸ Đại chánh, kinh 718. Pāli, S.46.4 Vatta.

“Có bảy giác chi. Những gì là bảy? Đó là niệm giác chi, trạch pháp giác chi, tinh tấn giác chi, hỷ giác chi, khinh an giác chi, định giác chi, xả giác chi. Bảy giác chi này quyết định mà được, không tinh cần mà được, Ta chứng nhập một giác chi nào tùy theo ý muốn.¹²⁹ Hoặc buổi sáng, giữa trưa, hay buổi chiều mà nếu muốn chứng nhập, nhiều lần chứng nhập tùy theo sở dục. Thí như vua, đại thần, có đủ thứ y phục để ở trong rương tráp, tùy theo nhu cầu cần dùng của mình mà vào lúc trưa hay chiều, theo ý dùng tự do. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, bảy giác chi này, do quyết định mà được, không tinh cần mà được, tùy ý chứng nhập. Ta, đối với niệm giác chi này, là thuần trắng thanh tịnh, lúc khởi biết khởi, lúc diệt biết diệt, lúc biến mất biết biến mất; đã khởi biết đã khởi, đã diệt biết đã diệt. Cũng vậy, đối với trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, định, xả giác chi, cũng nói như vậy.”

Sau khi Tôn giả Xá-lợi-phất nói kinh này xong, các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Tôn giả đã nói, đều hoan hỷ phụng hành.

KINH 687. ƯU-BA-MA¹³⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại ấp Ba-liên-phất. Bấy giờ Tôn giả Ưu-ba-ma,¹³¹ Tôn giả A-đề-mục-đa¹³² đang ngụ tại tinh xá Kê lâm ở ấp Ba-liên-phất. [193c] Bấy giờ, Tôn giả A-đề-mục-đa vào buổi chiều sau khi từ thiền tịnh dậy, đi đến chỗ Tôn giả Ưu-ba-ma. Sau khi chào hỏi khích lệ nhau xong, Tôn giả ngồi xuống một bên, hỏi Tôn giả Ưu-ba-ma:

“Tôn giả, có thể cho biết phương tiện của bảy giác chi,¹³³ được chứng nhập với an trú lạc¹³⁴ như vậy, hay chứng nhập với an trú khổ như vậy?”

Ưu-ba-ma đáp rằng:

¹²⁹ Hán: giác phân chánh thọ 覺分正受.

¹³⁰ Đại chánh, kinh 719. Pāli, S.46.8 Upavaṇa.

¹³¹ Ưu-ba-ma 優波摩 Pāli: *Upavāna*.

¹³² A-đề-mục-đa 阿提目多 Pāli: *Adhimutta*.

¹³³ Thất giác phân phương tiện 七覺分方便 Pāli: *susamāradhā satta bojjaṅgā*, bảy giác chi được khéo nỗ lực.

¹³⁴ Lạc trú chánh thọ 樂住正受 Pāli: *phāsuvihārāya saṃvattanti*, chứng tác dụng để dẫn đến sự an trú lạc.

“Tôn giả A-đề-mục-đa, Tỳ-kheo khéo biết phương tiện tu bảy giác chi thì cũng có thể chứng nhập với an trú lạc như vậy, cũng có thể chứng nhập với an trú khổ như vậy.”

Lại hỏi:

“Tỳ-kheo làm thế nào để khéo biết phương tiện tu bảy giác chi?”

Ưu-ba-ma đáp rằng:

“Tỳ-kheo lúc phương tiện tu niệm giác chi, tư duy biết rằng ‘Tâm kia không khéo giải thoát, không đẹp đẽ được buồn ngủ, không khéo điều phục trạo hối; như tư duy về pháp niệm giác xứ của ta, tuy phương tiện tinh tấn cũng không đạt được bình đẳng.’ Cũng vậy, trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, định, xả giác chi cũng nói như vậy.

“Tỳ-kheo lúc phương tiện tu niệm giác chi, trước hết tư duy, ‘Tâm khéo giải thoát, đẹp bỏ ngủ nghỉ, điều phục trạo hối, đối với pháp niệm giác xứ này như ta tư duy rồi, sau đó tuy không tinh cần phương tiện mà đạt được bình đẳng. Như vậy A-đề-mục-đa, Tỳ-kheo biết phương tiện tu bảy giác chi, chứng nhập với an trú lạc như vậy, chứng nhập với an trú khổ như vậy.’”

Sau khi hai vị chánh sĩ cùng bàn luận với nhau xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

KINH 688. A-NA-LUẬT¹³⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả A-na-luật cũng ở nước Xá-vệ, trong tinh xá Tùng lâm. Lúc ấy, có số đông các Tỳ-kheo đến chỗ A-na-luật, chào hỏi khích lệ nhau. Sau khi chào hỏi khích lệ xong, họ ngồi xuống một bên, nói với Tôn giả A-na-luật:

“Thưa Tôn giả, khi biết phương tiện tu bảy giác chi, có phát sanh lạc trú không?”

Tôn giả A-na-luật bảo các Tỳ-kheo rằng:

“Tôi biết, lúc Tỳ-kheo phương tiện tu bảy giác chi, phát sanh lạc trú.”

Các Tỳ-kheo hỏi Tôn giả A-na-luật:

¹³⁵ Đại chánh, kinh 720.

“Thế nào là biết Tỳ-kheo khi phương tiện tu bảy giác chi, phát sanh lạc trú?”

Tôn giả A-na-luật bảo các Tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo, phương tiện tu niệm giác chi, mà khéo biết tư duy, tâm ta khéo giải thoát, khéo dẹp bỏ buồn ngủ, khéo điều phục trạo hối, như pháp niệm giác chi xứ này tư duy rồi, nỗ lực phương tiện, tâm không lười biếng, thân khinh an không loạn động, buộc tâm an trụ, không khởi loạn [194a] niệm, nhất tâm chứng nhập. Cũng vậy, đối với trạch pháp, tinh tấn, khinh an, định, xả giác chi *cũng nói như vậy*. Đó gọi là biết Tỳ-kheo lúc phương tiện tu bảy giác chi, phát sanh lạc trú.”

Sau khi các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Tôn giả A-na-luật đã nói, đều hoan hỷ tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

KINH 689. CHUYỂN LUÂN VƯƠNG¹³⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Lúc Chuyển luân Thánh vương ra đời, có bảy báu hiện ra ở thế gian: bánh xe vàng báu, voi báu, ngựa báu, thần châu báu, ngọc nữ báu, quan giữ kho báu. Cũng vậy, Như Lai xuất thế cũng có bảy giác chi hiện ra.

“Vua vào ngày trai giới, ngồi trên lầu quán, đại thần vây quanh, có bánh xe vàng báu xuất hiện từ phương đông, bánh xe có nghìn cãm, trục quay đều, vành bánh xe tròn, tướng bánh xe đầy đủ. Vua nghĩ, ‘Có điềm lành này, nên chắc chắn là Chuyển luân Thánh vương. Ta nay quyết định là Luân vương.’ Vua liền dùng hai tay đỡ lấy bánh xe vàng báu, đặt vào giữa lòng tay trái, tay phải thì quay, nói rằng: ‘Nếu đây là bánh xe vàng báu của Chuyển luân Thánh vương, hãy quay lại con đường cũ mà đi.’ Lúc ấy bánh xe báu liền xuất phát, đi phía trước mặt vua, ở phương Đông, nương vào hư không, nhắm hướng Đông mà đi, lăn theo con đường ngay thẳng của Thánh vương xưa. Vua theo bánh xe báu, dẫn theo bốn binh chủng. Nếu đến nơi nào bánh xe báu dừng lại, vua và bốn binh chủng cũng dừng lại nơi đó. Các Tiểu

¹³⁶ Đại chánh, kinh 721. Pāli, 46.42 Cakkavatti.

vương những xứ phương Đông thấy Thánh vương đi qua, tất cả đều qui phục.

“Nhu Lai xuất hiện ở đời cũng có bảy giác chi hiện ra ở thế gian. Đó là niệm giác chi, trạch pháp giác chi, tinh tấn giác chi, hỷ giác chi, khinh an giác chi, định giác chi, xả giác chi.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 690. CHUYỂN LUÂN (2)¹³⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Lúc Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở đời, cũng có bảy báu hiện ra ở thế gian. Như thế nào lúc Chuyển luân Thánh vương ra đời, có bánh xe vàng báu hiện? Bấy giờ Thánh vương Quán đánh dòng Sát-lị, nhằm vào ngày rằm, tắm gội sạch sẽ, thọ trì trai giới, ở trên lầu các, đại thần vây quanh, khi ấy có bánh xe vàng báu từ phương Đông xuất hiện; bánh xe có nghìn cãm, trục quay đều, vành bánh xe tròn, tướng bánh xe đầy đủ, bằng vàng ròng cõi trời. Vua tự nghĩ, ‘Ta nghe từ xa xưa truyền lại rằng, ngày rằm nhằm ngày bố-tát, Đại vương Quán [194b] đánh dòng Sát-lị, tắm gội sạch sẽ, thọ trì trai phước, khi ấy có bánh xe báu hiện ra. Nay cũng như ngày xưa, đã có điềm lành này, nên biết, ta là Chuyển luân Thánh vương.’ Vua liền dùng hai tay đỡ lấy bánh xe vàng báu, đặt vào giữa lòng tay trái, tay phải thì quay, nói rằng: ‘Nếu là bánh xe vàng báu của Chuyển luân Thánh vương, hãy quay lại con đường cũ mà đi.’ Nói xong lời này rồi, bấy giờ bánh xe báu liền lăn qua trước vua, và nhắm hướng Đông mà đi theo con đường ngay thẳng của Thánh vương xưa. Vua cùng bốn binh chủng theo bánh xe báu đến nơi phương Đông. Các Tiểu vương các nước phương Đông thấy Thánh vương đi qua, đều tung hô là: ‘Lành thay, hoan nghinh Đại vương đến! Đây là nước của Đại vương. Nước này an ổn, nhân dân phồn vinh an lạc. Xin ngài dừng lại giáo hóa mọi người nước này. Chúng tôi thấy đều là vây cánh của Thiên tôn.’”

Thánh vương đáp rằng:

¹³⁷ Đại chánh, kinh 722. Pāli, S.46.42 Cakkavatti Tham chiếu, No 125(39.7), D.17 Mahāsudassanasuttanta.

“- Nay các Chủ tỵ lạc, từ nay các ngươi nên khéo giáo hóa người dân trong nước. Nếu có ai nghịch lại, nên đến báo cho ta, sẽ theo như pháp luật mà giáo hóa. Chớ nên làm những điều phi pháp. Và cũng nên khiến mọi người trong nước khéo cải hóa những điều phi pháp. Nếu đúng như vậy, đó là theo sự giáo hóa của ta.

“Từ biển Đông này, Thánh vương cưỡi xe theo đường của Thánh vương xưa đến biển Nam. Sau khi đến biển Nam rồi, từ biển Nam vượt đến biển Tây; theo con đường của Thánh vương xưa vượt qua biển Tây đến biển Bắc. Các Tiểu vương quốc của các phương Nam, Tây, Bắc đều cung đón, thỉnh mời, *cũng nói đầy đủ như phương Đông*. Bấy giờ, bánh xe vàng báu mà Thánh vương đã đi theo này vượt qua biển Bắc, trở lại trên cung điện Chánh trị, ở giữa hư không. Đó là Chuyển luân Thánh vương khi xuất hiện ở đời thì có bánh xe vàng báu hiện ra ở thế gian.

“Nhu thế nào mới là lúc Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở đời, có voi trắng hiện ra ở thế gian? Đại vương Quán đánh dòng Sát-lị quán đánh có voi hoàn toàn trắng, màu sắc tươi đẹp, bảy chi chống xuống đất. Thánh vương thấy vậy, lòng hân hoan nghĩ: ‘Voi quý này, nay lại ứng hiện đối với ta.’ Vua liền cho kêu tượng sư, người điều phục giỏi voi, bảo nhanh chóng điều phục voi quý này, khi nào điều phục xong hãy mang đến. Tượng sư vâng lệnh, chưa đầy một ngày mà đã điều phục được voi; đầy đủ tất cả dấu hiệu chứng tỏ đã được điều phục. Giống như voi khác đã được điều phục trong vòng một năm; con voi báu này chỉ được điều phục trong vòng một ngày mà được như vậy. Sau khi đã điều phục xong, tượng sư dẫn đến chỗ vua, tâu lên vua rằng: ‘Voi này đã được điều phục xong, giờ xin Vua biết cho.’

“Bấy giờ, Thánh vương, xem kỹ tướng voi đã được điều phục hoàn bị này, rồi cưỡi voi quý, vào lúc sáng sớm, đi khắp bốn biển, cho đến giữa ngày trở về vương cung. Đó gọi là khi Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở đời, voi quý này hiện ra ở thế gian.

“Nhu thế nào nói là Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở đời, ngựa quý hiện ra ở thế gian? Chuyển luân Thánh vương sở hữu một con ngựa báu thân, toàn màu xanh, đầu đen, đuôi đỏ. Thánh vương thấy ngựa, lòng sanh hân hoan nghĩ: ‘Ngựa thần này, nay lại ứng hiện đối với ta.’ Vua liền giao cho mã sư, hãy nhanh chóng điều phục nó, khi nào điều phục xong thì dẫn đến đây. Mã sư vâng lệnh, chưa đầy một ngày mà đã điều phục được ngựa này. Giống như ngựa khác đã được

điều phục cả năm, ngựa báu này chỉ không đầy một ngày mà được điều phục như vậy. Sau khi biết ngựa đã điều phục [194c] xong, dẫn đến chỗ vua thưa rằng: ‘Ngựa này đã được điều phục xong.’

“Bấy giờ, Thánh vương xem kỹ tướng ngựa quý đã được điều phục hoàn bị, rồi cưỡi ngựa quý, vào lúc sáng sớm, đi khắp bốn biển, cho đến giữa ngày trở về vương cung. Đó gọi là khi Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở đời thì ngựa quý cũng hiện ra thế gian.

“Như thế nào nói là khi Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở đời thì ngọc báu Ma-ni hiện ra ở thế gian? Ngọc báu của Chuyển luân Thánh vương sở hữu, hình dáng của nó có tám cạnh, chiếu ánh sáng đượm, không tỳ vết, thường làm đèn sáng trong cung vua. Chuyển luân Thánh vương thí nghiệm ngọc báu. Vào một đêm trời mưa tối tăm, vua cho cầm ngọc báu đi trước dẫn đường, đem bốn binh chủng vào trong vườn rừng, ánh sáng của nó tỏa rạng ra cỡ một do tuần. Đó gọi là lúc Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở đời, ngọc báu Ma-ni hiện ra ở thế gian.

“Như thế nào nói là lúc Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở đời, Ngọc nữ hiện báu hiện ra ở thế gian? Ngọc nữ mà Chuyển luân Thánh vương sở hữu, người không đen không trắng, không cao không thấp, không lớn quá không nhỏ quá, không mập không ốm, thân thể xinh đẹp; thân lúc lạnh thì ấm, lúc nóng thì mát, thân thể mềm mại như áo ca-lăng-già; những lỗ chân lông trên cơ thể toát ra mùi hương chiên-đàn, hơi thở mũi, miệng thoảng mùi thơm ưu-bát-la; ngủ sau dậy trước, hầu hạ nhà vua, theo sắc mặt, biết ý mà phục vụ, lời nói dịu dàng đáng yêu, đoan tâm chánh niệm làm cho vua phát sanh đạo ý; tâm không vượt trái, huông chi là thân và khẩu. Đó gọi là lúc Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở đời thì có Ngọc nữ hiện ra thế gian.

“Như thế nào nói là lúc Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở đời thì thần báu chủ kho tàng hiện ra thế gian? Vị đại thần chủ kho tàng của Chuyển luân Thánh vương, trước kia hay làm việc bố thí, nên khi sanh ra đã có thiên nhãn, có thể thấy kho tàng ẩn dấu là có chủ hay không chủ, hoặc dưới nước hay trong đất, hoặc gần hay xa, tất cả đều thấy hết. Khi Chuyển luân Thánh vương cần trân bảo thì lập tức ra lệnh, và tùy theo chỗ cần dùng của vua liền dâng lên. Một hôm Thánh vương muốn xem thử khả năng của vị đại thần này, nên cho dong thuyền ra biển và bảo vị đại thần này:

“- Ta đang cần vật báu.”

Đại thần tâu vua rằng:

“- Xin đừng bên bờ một chút, thần sẽ dâng lên.”

Vua bảo đại thần này:

“- Hiện tại ta không cần vật báu bên bờ, mà cần đưa cho ta ngay lúc ban ngày¹³⁸!”

Bấy giờ, từ ngay trong nước, đại thần liền lấy ra bốn chum vàng, bên trong đựng đầy kim bảo dâng lên Thánh vương, tùy theo chỗ cần dùng của vua mà lấy sử dụng. Nếu lấy đủ rồi, những kim bảo còn lại đều được trả lại trong nước. Đó gọi là Thánh vương khi xuất hiện ở đời, có thần chủ kho tàng như vậy hiện ra ở thế gian.

“Như thế nào nói là khi Thánh vương xuất hiện ở đời, có [195a] thần chủ binh hiện ra ở thế gian? Vua có thần chủ binh thông minh tài trí biện thông. Cũng như người ở thế gian thành tựu sự suy tính khéo léo, vị thần tá này sẽ tùy theo chỗ cần của đại vương mà đáp ứng, như cần đi, cần ở, cần xuất, cần nhập; hay bốn loại binh chủng của Thánh vương đang hành quân đường xa chợt dừng lại vẫn khiến không bị mệt mỏi; biết tất cả những gì vua cần nên làm, cùng những việc có công đức ngay trong hiện tại và đời sau đem trình tâu Thánh vương. Đó gọi là lúc Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở đời, có sự xuất hiện của thần chủ binh.

“Cũng vậy, khi Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời, sẽ có bảy giác chi hiện ra ở thế gian.

“Những gì là bảy? Đó là niệm giác chi, trạch pháp giác chi, tinh tấn giác chi, hỷ giác chi, ý giác chi, định giác chi, xả giác chi.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 691. NIÊN THIẾU¹³⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

¹³⁸ Bản Cao ly: tận thời 盡時 Bản TNM: trú thời 晝盡 (ngay ban ngày).

¹³⁹ Đại chánh, kinh 723.

“Lành thay, Tỳ-kheo! Nương vào người mà nghe pháp, các Tỳ-kheo trẻ tuổi nên cúng dường, phụng sự các vị trưởng lão tôn túc. Vì sao? Tỳ-kheo nhỏ tuổi cúng dường, phụng sự các vị Tỳ-kheo trưởng lão, lúc nào cũng nghe được pháp thâm diệu. Sau khi đã nghe pháp thâm diệu rồi, Tỳ-kheo ấy thành tựu được hai việc chánh, là thân chánh và tâm chánh. Bây giờ Tỳ-kheo tu niệm giác chi. Sau khi tu niệm giác chi rồi, niệm giác chi được viên mãn. Khi niệm giác chi được viên mãn, đối với pháp tuyền trạch, phân biệt, suy lường; bây giờ, phương tiện tu tập trạch pháp giác chi, *chi tiết cho đến*, tu tập xả giác chi được viên mãn.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 692. PHỤNG SỰ QUẢ BÁO¹⁴⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bây giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo trì giới tu đức, có tâm quý, thành tựu pháp chân thật. Người nào gặp Tỳ-kheo này, người được nhiều quả báo. Hoặc lại nghe vị này, hoặc còn nhớ nghĩ đến, theo xuất gia, người ấy được nhiều công đức; hưởng chi là lại gần gũi, cung kính, phụng sự. Vì sao? Vì gần gũi, phụng sự người như vậy, lúc nào cũng sẽ được nghe pháp thâm diệu. Sau khi đã nghe pháp thâm diệu rồi, người ấy thành tựu hai việc chánh, là thân chánh và tâm chánh, phương tiện tu tập định giác chi. Sau khi tu tập, sự tu tập được viên mãn... *cho đến*, xả giác chi tu tập viên mãn.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 693. BÁT THIỆN TỤ¹⁴¹

[195b] Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bây giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

¹⁴⁰ Đại chánh, kinh 724. S.46.3 Sīla.

¹⁴¹ Đại chánh, kinh 725. S 46.24 Ayoniso.

“Ai nói về tụ bất thiện tức là chỉ cho năm triền cái, đó là chánh thuyết. Vì sao? Tụ thuần bất thiện, đó chính là năm triền cái. Những gì là năm? Đó là tham dục cái, sân nhuế cái, thùy miên cái, trạo hối cái, và nghi cái.

“Ai nói về tụ thiện tức là chỉ cho bảy giác chi, đó là chánh thuyết. Vì sao? Thuần nhất thanh tịnh, đó chính là bảy giác chi. Những gì là bảy? Đó là niệm giác chi, trạch pháp giác phaach tinh tấn giác chi, hỷ giác chi, khinh an giác chi, định giác chi, xả giác chi.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 694. THIÊN TRI THỨC¹⁴²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tinh xá Giáp cốc¹⁴³ thành Vương Xá. Bảy giờ Tôn giả A-nan cũng ở tại đó.

Khi Tôn giả ở một mình nơi vắng, thiên tịnh tư duy, suy nghĩ như vậy: ‘Một nửa phạm hạnh chính là thiện trí thức, thiện bạn đồng, thiện tùy tùng, chẳng phải là ác trí thức, ác bạn đồng, ác tùy tùng.’

Rồi Tôn giả từ thiên tịnh tỉnh giấc, đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ sát chân Phật, rồi ngồi xuống một bên, bạch Phật rằng:

“Bạch Thế tôn, con ở một mình nơi vắng, thiên định tư duy và nghĩ như vậy: ‘Một nửa phạm hạnh chính là thiện trí thức, thiện bạn đồng, thiện tùy tùng, chẳng phải là ác trí thức, ác bạn đồng, ác tùy tùng.’”

Phật bảo A-nan:

“Chớ nghĩ như vậy: ‘Một nửa phạm hạnh chính là thiện trí thức, thiện bạn đồng, thiện tùy tùng, chẳng phải là ác trí thức, ác bạn đồng, ác tùy tùng.’ Vì sao? Thuần nhất mãn tịnh, phạm hạnh thanh bạch, chính là thiện trí thức, thiện bạn đồng, thiện tùy tùng, chẳng phải là ác trí thức, ác bạn đồng, ác tùy tùng.¹⁴⁴ Vì Ta là thiện trí thức nên có chúng sanh ở nơi Ta mà tiếp nhận niệm giác chi, y viễn ly, y vô dục, y tịch diệt, hướng đến xả. Cũng vậy, trạch giác chi, tinh tấn giác chi, hỷ, khinh an,

¹⁴² Đại chánh, kinh 726. S 45 2 Upađdha.

¹⁴³ Giáp cốc tinh xá 夾谷精舍.

¹⁴⁴ Pāli: *sakalam evidaṃ brahmacariyaṃ yadidṃ kalyāṇamittā kalyāṇasahāyatā*, chính toàn bộ đời sống phạm hạnh này là thiện trí thức, thiện đồng hành...

định, và xả giác chi, y viễn ly, y vô dục, y tịch diệt, hướng đến xả. Vì vậy cho nên, A-nan, thuần nhất mãn tịnh, phạm hạnh thanh bạch, chính là thiện tri thức, thiện bạn đồng hành, thiện tùy tùng, chẳng phải là ác tri thức, ác bạn đồng hành, ác tùy tùng..”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 695. CÂU-DI-NA¹⁴⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại tụ lạc Lục sĩ, du hành trong nhân gian, [195c] đến trú ở bên cạnh tụ lạc khoảng giữa thành Câu-di-na-kiệt, và sông Hi-liên. Bấy giờ Thế tôn bảo Tôn giả A-nan:

“Nay Ta bị đau lưng, muốn nằm nghỉ một chút. Hãy gấp uất-đa-la-tăng bốn lớp cho Thế tôn.”

Tôn giả A-nan liền vâng lời dạy, gấp bốn lớp uất-đa-la-tăng trải ra xong, bạch Phật rằng:

“Bạch Thế tôn con đã gấp bốn lớp uất-đa-la-tăng trải ra xong rồi, xin Thế tôn biết cho.”

Bấy giờ, Thế tôn gối đầu lên tăng-già-lê gấp dày, nằm nghiêng hông bên phải, hai chân xếp chồng nhau, cột niệm vào tướng sáng, chánh niệm chánh trí, với giác tưởng muốn chỗi dậy, bảo Tôn giả A-nan:

“Ngươi hãy nói về bảy giác chi.”

Tôn giả A-nan liền bạch Phật:

“Bạch Thế tôn, đó là niệm giác chi, Thế tôn nói tự giác ngộ, thành Đẳng chánh giác, y viễn ly, y vô dục, y diệt, hướng đến xả.’ Trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, định, xả giác chi, Thế tôn nói tự thành Đẳng chánh giác, y viễn ly, y dục, y diệt, hướng đến xả.”

Phật bảo A-nan:

“Ngươi nói Tinh tấn chẳng?”

A-nan bạch Phật:

“Bạch Thế tôn, con nói tinh tấn. Bạch Thiện thế, con nói tinh tấn.”

Phật bảo A-nan:

¹⁴⁵ Đại chánh, kinh 727. S 46.16 Gilāna Cf D.16 Mahāparinibbānasuttanta.

“Chỉ tu tập tinh tấn, tu tập nhiều, sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nói xong, Ngài ngồi ngay thẳng, cột niệm. Lúc ấy có một Tỳ-kheo nói kệ rằng:

*Thích nghe pháp vi diệu,
Nhịn đau, bảo người thuyết.
Tỳ-kheo liền nói pháp,
Nói về bảy giác chi.*

*Lành thay, Ngài A-nan!
Hiểu rõ, khéo diễn thuyết;
Pháp thanh tịnh thù thắng,
Thuyết vi diệu, ly cấu.*

*Niệm, trạch pháp, tinh tấn,
Hy, khinh an, định, xả;
Đó là bảy giác chi,
Khéo nói, pháp vi diệu.*

*Nghe nói bảy giác chi,
Vị chánh giác thâm sâu.
Thân nhận thọ đau khổ,
Gắng chịu ngồi lắng nghe.*

*Hãy nhìn đấng Vua Pháp,
Thường diễn thuyết cho người;
Mà còn thích nghe thuyết;
Huống chi người chưa nghe.*

*Trí tuệ lớn bậc nhất,
Mười lực, bậc đáng lễ;
Ngài cũng lại vội vàng,
Đến nghe thuyết chánh pháp.*

*Người hiểu biết thông đạt,
Khé kinh, A-tỳ-đàm;
[196a]Người thông suốt pháp luật,
Còn nghe huống người khác.*

*Nghe thuyết pháp như thật,
Chuyên tâm tĩnh giác nghe;
Những pháp Phật đã dạy,
Được ly dục, vui sướng.*

*Vui sướng, thân nhẹ nhàng,
Tâm tự vui cũng vậy;
Tâm vui được chứng nhập,
Chánh quán trong việc làm.*

*Chán hữu, ba đường dữ,
Ly dục tâm giải thoát;
Chán các hữu, đường dữ,
Không tạo nhân trời, người.*

*Vô dư, như đèn tắt,
Cứu cánh bát-niết-bàn.
Nghe pháp nhiều phước lợi,
Những lời dạy tối thắng;
Cho nên luôn tư duy,
Nghe lời Đại Sư dạy.*

Tỳ-kheo này nói kệ xong, từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

KINH 696. THUYẾT¹⁴⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có bảy giác chi. Những gì là Bảy? Đó là niệm giác chi, *cho đến* xả giác chi.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 697. DIỆT¹⁴⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nên tu tập bảy giác phần. Tu tập những gì là bảy giác chi? Là Niệm giác chi,... *cho đến* xả giác chi. Tỳ-kheo tu niệm giác chi, y viễn ly, y vô dục, y diệt, hướng đến xả. Cũng vậy, tu trạch pháp, tinh tấn, hỷ,

¹⁴⁶ Đại chánh kinh 728. S 46.22 Desanā.

¹⁴⁷ Đại chánh, kinh 729. S 46.27 Nirodha.

khinh an, định, xả giác chi, y viển ly, y vô dục, y diệt, hướng đến xả.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 698. PHÂN¹⁴⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như đã nói ở trên, nhưng có một vài sai biệt:

“Các Tỳ-kheo, quá khứ đã tu bảy giác chi như vậy, vị lai cũng sẽ tu bảy giác chi như vậy.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 699. CHI TIẾT¹⁴⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo có niệm giác chi **[196b]** thanh tịnh, trắng tinh, không có chi tiết, lia các phiền não; giác chi chưa khởi thì không khởi. Trừ phi không có Phật điều phục giáo thọ.¹⁵⁰ *Cho đến xả giác chi cũng nói như vậy.*

“Tỳ-kheo có niệm giác chi thanh tịnh, trắng tinh, không có chi tiết, lia các phiền não; giác chi chưa khởi thì khởi, vì được Phật điều phục giáo thọ, chứ không phải ai khác. *Cho đến xả giác chi cũng nói như vậy.*”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

¹⁴⁸ Đại chánh, kinh 730. S 46.41 Vidhā.

¹⁴⁹ Đại chánh, kinh 731. S 46.9-10 Uppannā; 46 49 Aṅga.

¹⁵⁰ Hán: trừ Phật điều phục giáo thọ 除佛調伏教授 Pāli: *...bojjhaṅgā bhāvitā bahulīkatā uppannā uppajjanti nāññatra tathāgatassa pātubhāvā*, giác chi được tu tập, được sung mãn, nếu chưa sanh thì sanh, trừ phi không có Như Lai xuất hiện

KINH 700. KHỞI¹⁵¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như đã nói ở trên, nhưng có một vài sai biệt:

“Giác chi chưa khởi thì không khởi, vì không có Thiện Thệ. Giác chi chưa khởi thì khởi, vì có Thiện Thệ phục điều phục giáo thọ, không phải ai khác.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 701. THẤT ĐẠO PHẨM¹⁵²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có Tỳ-kheo đến chỗ đức Phật cúi đầu đánh lễ sát chân, rồi ngồi xuống một bên, bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, gọi là giác chi. Bạch Thế Tôn, thế nào là giác chi?”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Giác chi là bảy pháp đạo phẩm.¹⁵³ Nhưng này các Tỳ-kheo, bảy giác chi phải theo thứ tự mà khởi, được tu tập viên mãn.”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế tôn, thế nào là giác chi theo thứ tự mà khởi, tu tập viên mãn?”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo sống quán thân trên nội thân. Vị kia khi sống quán nội thân trên thân, nhiếp tâm cột niệm không quên, lúc bấy giờ phương tiện tu tập niệm giác chi. Sau khi phương tiện tu tập niệm giác chi, tu tập mãn túc. Khi niệm giác chi đã được mãn túc, đối với pháp mà tuyên trạch, phân biệt, tư lường, lúc bấy giờ phương tiện tu tập trạch pháp giác chi.

¹⁵¹ Đại chánh, kinh 732. S 46.9-10 Uppannā Xem kinh Đại chánh 731 trên.

¹⁵² Đại chánh, kinh 733. S 46.5 Bhikkhu.

¹⁵³ Đạo phẩm pháp 道品法 Pāli: *bodhāya saṃvattantī ‘ti .. bojjhaṅgā’ ti vuccanti*, chúng tư trợ cho sự giác ngộ, nên chúng được gọi là giác chi.

Sau khi đã phương tiện tu tập, tu tập mãi mãi. Như vậy cho đến tu tập mãi mãi xả giác chi.”

Như sống quán niệm nội thân trên thân, sống quán niệm ngoại thân, nội ngoại thân, thọ, tâm, pháp cũng vậy, lúc bấy giờ, chuyên tâm, cột niệm, không quên,... *cho đến* xả giác chi *cũng nói như vậy*.

“An trú như vậy, giác chi khởi theo thứ tự; khi đã khởi theo thứ tự rồi, tu tập mãi mãi.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 702. QUẢ BÁO (1)¹⁵⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. [196c] Bấy giờ đức Thế Tôn bảo Tỳ-kheo kia:

Như đã nói trên, nhưng có một vài sai biệt:

“Tỳ-kheo đã tu tập bảy giác chi như vậy, được hai quả: Hiện tại lậu tận mà vô dư Niết-bàn, hoặc được quả A-na-hàm.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 703. QUẢ BÁO (2)¹⁵⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Như đã nói ở trên, nhưng có một vài sai biệt:

“Tỳ-kheo sau khi tu tập bảy giác chi như vậy, tu tập nhiều, đạt được bốn quả, bốn phước lợi. Những gì là bốn? Quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, và quả A-la-hán.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

¹⁵⁴ Đại chánh, kinh 734. S 48.65 Dve phalā.

¹⁵⁵ Đại chánh, kinh 735. S 48.12 Saṅkhita.

KINH 704. THẤT CHỦNG QUẢ¹⁵⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Như đã nói ở trên, nhưng có một vài sai biệt:

“Tỳ-kheo tu tập bảy giác chi, tu tập nhiều, đạt được bảy quả, bảy phúc lợi. Những gì là bảy? Đó là Tỳ-kheo được niềm vui chứng chánh trí trong đời hiện tại. Hoặc lúc qua đời mà không được niềm vui chứng chánh trí trong đời hiện tại,¹⁵⁷ nhưng lúc qua đời mà đã đoạn tận năm hạ phần kết, đạt được trung bát-niết-bàn. Nếu không được trung bát Niết-bàn, được sanh bát Niết-bàn. Nếu không được sanh bát-niết-bàn, được vô hành bát-niết-bàn. Nếu không được vô hành bát-niết-bàn, được hữu hành bát-niết-bàn. Nếu không được hữu hành bát-niết-bàn, được Thượng lưu bát-niết-bàn.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo nọ nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 705. THẤT ĐẠO PHẨM(2)¹⁵⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Gọi là giác chi, vậy thế nào là giác chi?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Thế Tôn là gốc pháp, là con mắt pháp, là nơi pháp y cứ. Xin vì chúng con mà nói. Các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ lãnh thọ thực hành theo.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

¹⁵⁶ Đại chánh, kinh 736. S 46.3 Sīla.

¹⁵⁷ Dịch sát; nhưng bản Hán có thể nhầm lẫn. Pāli: *no ce diṭṭheva dhamme paṭikacca aññam ārādheti atha maraṇakāle aññam ārādheti*, nếu hiện pháp không nhất định chứng đắc chánh trí, khi lâm chung sẽ chứng đắc chánh trí. Đây là kết quả thứ hai.

¹⁵⁸ Đại chánh, kinh 737. S 46.5 Bhikkhu.

“Bảy giác chi là bảy pháp đạo phẩm.¹⁵⁹ Các Tỳ-kheo, bảy giác chi này theo thứ lớp khởi, khi đã theo thứ lớp khởi rồi, sự tu tập được viên mãn”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Thế nào là bảy giác chi theo thứ lớp mà khởi, khi theo thứ lớp khởi, sự tu tập được viên mãn?”

“Tỳ-kheo an trụ chánh niệm quán thân trên thân. Vị ấy sau khi an trụ chánh niệm quán thân trên thân, chuyên tâm cột niệm không quên, lúc bấy giờ tinh cần phương tiện tu niệm giác chi. Sau khi tinh cần phương tiện tu niệm giác chi, sự tu tập được mãn túc. Nghĩa là sau khi tu niệm giác chi, tuyền trạch pháp, lúc bấy giờ tinh cần phương tiện tu tập trạch pháp giác chi. Sau khi tinh cần phương tiện tu trạch pháp giác chi, sự tu tập được mãn túc. Cũng vậy, đối với tinh tấn, hỷ, khinh an, định, và xả giác chi *cũng nói như vậy*. Như nội thân, *cũng vậy* an trụ chánh niệm quán ngoại thân, nội ngoại thân, thọ, tâm, pháp trên pháp, chuyên tâm, cột niệm, không quên lúc bấy giờ tinh cần phương tiện tu niệm giác chi. Sau khi tinh cần phương tiện tu niệm giác chi, sự tu tập được viên mãn. Cho đến xả giác chi *cũng nói như vậy*. Đó gọi là Tỳ-kheo đối với bảy giác chi theo thứ lớp khởi; khi đã theo thứ lớp khởi, sự tu tập được viên mãn.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 706. QUẢ BÁO (3)¹⁶⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như đã nói ở trên, nhưng có một vài sai biệt:

“Tu tập bảy giác chi này, tu tập nhiều, đạt được hai quả: hiện tại chứng trí; hoặc còn hữu dư y, chứng quả A-na-hàm.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

¹⁵⁹ Xem kinh Đại chánh 733.

¹⁶⁰ Đại chánh, kinh 738. S 48.65 Dve phalā.

KINH 707. QUẢ BÁO (4)¹⁶¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như đã nói ở trên, nhưng có một vài sai biệt:

“Tỳ-kheo tu tập bảy giác chi, tu tập nhiều, đạt được bốn quả. Những gì là bốn? Đó là quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, và quả A-la-hán.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 708. QUẢ BÁO (5)¹⁶²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Như đã nói ở trên, nhưng có sự sai biệt:

“Tỳ-kheo tu tập bảy giác chi, tu tập nhiều, đạt được bảy quả. Những gì là bảy? Đó là hiện tại chánh trí hữu dư Niết-bàn. Cho đến khi qua đời, nếu không vậy, mà năm hạ phần kết đã dầy sạch, vị ấy đạt được trung bát-niết-bàn. Nếu không như vậy, vị ấy được sanh bát-niết-bàn. Nếu không như vậy, được vô hành bát-niết-bàn. Nếu không như vậy, được hữu hành bát-niết-bàn. Nếu không như vậy, được Thượng lưu bát-biết-bàn.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 709. BÁT TỊNH QUÁN¹⁶³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nên tu Bát tịnh quán. Sau khi tu tập nhiều rồi, vị ấy đạt được quả lớn, phước lợi lớn. Thế nào là tu bát tịnh quán, sau khi tu tập nhiều. đạt

¹⁶¹ Đại chánh, kinh 739. Xem kinh Đại chánh 735.

¹⁶² Đại chánh, kinh 740. Xem kinh Đại chánh 746.

¹⁶³ Đại chánh, kinh 741. S 46.67 Asubha.

được quả lớn, phước lợi lớn? Tỳ-kheo ấy tu bất tịnh quán song hành với niệm giác chi, y viễn ly, y vô dục, y diệt, hướng đến xả. Tu trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, định, xả giác chi, y viễn ly, y vô dục, y diệt, hướng đến xả.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 710. NIỆM TỬ TƯỞNG¹⁶⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rùng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. [197b] Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo tu tập niệm tưởng về sự chết, tu tập nhiều, đạt được quả lớn, phước lợi lớn. Thế nào là Tỳ-kheo tu tập niệm tưởng về sự chết, tu tập nhiều, đạt được quả lớn, phước lợi lớn? Tỳ-kheo tu tập niệm tưởng về sự chết cùng niệm giác chi, y viễn ly, y vô dục, y diệt, hướng đến xả, ... *cho đến xả giác chi.*”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 711. TỬ¹⁶⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại ấp Hoàng châm¹⁶⁶ của dòng họ Thích. Bấy giờ, buổi sáng sớm, số đông các Tỳ-kheo đắp y mang bát vào ấp Hoàng châm khát thực. Lúc ấy số đông các Tỳ-kheo nghĩ: ‘Nay còn rất sớm, chưa đến giờ khát thực. Chúng ta có thể ghé vào tinh xá ngoại đạo.’ Sau đó số đông các Tỳ-kheo liền vào tinh xá ngoại đạo. Sau khi cùng các xuất gia ngoại đạo chào hỏi khích lệ nhau, họ rời ngồi đối diện một bên. Các xuất gia ngoại đạo hỏi:

“Sa-môn Cù-đàm vì các đệ tử nói pháp như vậy: ‘Không đoạn trừ năm triền cái vốn làm phiền não tâm, tuệ lực suy yếu, là phần chướng ngại, không đưa đến Niết-bàn. Nếu khéo nhiếp tâm mình, an trụ bốn niệm xứ, tâm câu hữu với từ, không oán hận, không tật đố, cũng không sân

¹⁶⁴ Đại chánh, kinh 742. S.46.68 Maraṇa.

¹⁶⁵ Đại chánh, kinh 743. S.46.54 Mettam.

¹⁶⁶ Hoàng châm ấp 黃枕邑 Pāli: trú ở Koliya, tại Haliddavasana, một thị trấn của người Koliya.

nhuế, rộng lớn vô lượng, khéo tu tập sung mãn, bốn phương, bốn duy, phương trên, phương dưới, tất cả thế gian. Tâm câu hữu với từ, không oán hận, không tật đố, cũng không sân nhuế, rộng lớn vô lượng, khéo tu tập sung mãn. Cũng vậy, việc tu tập tâm hợp với bi, hỷ, xả cũng nói như vậy.’ Chúng tôi cũng vì các đệ tử nói như vậy. Vậy chúng tôi cùng với Sa-môn Cù-đàm kia có những gì khác nhau? Nghĩa là cả hai đều nói pháp.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những lời của các xuất gia ngoại đạo nói lòng không hoan hỷ, im lặng, không chỉ trích, [197c] từ chỗ ngồi đứng dậy, đi vào ấp Hoàng chăm khát thực. Sau khi khát thực xong, họ trở về lại tinh xá, cắt y bát, rửa chân xong, đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ sát chân, rồi ngồi xuống một bên, đem những lời của các xuất gia ngoại đạo kia trình lại đầy đủ lên Thế tôn. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Theo những lời nói của các xuất gia ngoại đạo kia, các người nên hỏi lại là: tu tập từ tâm lấy gì làm chỗ tối thắng?¹⁶⁷ Tu tập bi, hỷ, xả, tâm lấy gì làm tối thắng? Khi được hỏi như vậy, các xuất gia ngoại đạo kia trong lòng giật mình kinh hãi, hoặc nói quàng sang chuyện khác, hoặc nổi giận, khinh mạn, chê bai, phản đối, không nhẫn thọ, hoặc im lặng, buồn hiu, cúi đầu không nói lời nào, lặng lẽ tư duy. Vì sao? Vì Ta không thấy ai trong chúng chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, trời, người nghe những điều Ta nói mà tùy thuận ưa thích, chỉ trừ Như Lai và chúng Thanh văn.

“Tỳ-kheo, tâm câu hữu với từ, tu tập nhiều, tịnh là tối thắng.¹⁶⁸ Bi tâm tu tập, tu tập nhiều, hư không xứ là tối thắng¹⁶⁹ Hỷ tâm tu tập, tu tập nhiều, thức nhập xứ là tối thắng. Xả tâm tu tập, tu tập nhiều, vô hữu nhập xứ là tối thắng.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

¹⁶⁷ Pāli: .. *bhāvītā.. mettācetovimutti kiṃgatikā hoti kiṃparamā kiṃphalā kiṃpariyosanā*, tu tập từ tâm giải thoát, hướng về đâu, cái gì là tối thắng, cái gì là kết quả, cái gì là cứu cánh?

¹⁶⁸ Pāli: *subhāparamā mettācetovimutti*.

¹⁶⁹ Pāli: *ākāsānañcāyatanaparamā kuruṇācetovimutti*, bi tâm giải thoát, không vô biên xứ là tối thắng.

KINH 712. TỪ (2)¹⁷⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo tu tập từ tâm, tu tập nhiều, đạt được quả lớn, phước lợi lớn. Thế nào là Tỳ-kheo tu tập từ tâm đạt được quả lớn, phước lợi lớn? Tỳ-kheo, tâm câu hữu với từ, tu niệm giác chi, y viễn ly, y vô dục, y diệt, hướng đến xả. Cho đến tu tập xả giác chi, y vào viễn ly, y vào vô dục, y vào diệt hướng đến xả.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 713. KHÔNG¹⁷¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo tu không nhập xứ, tu tập nhiều, đạt được quả lớn, phước lợi lớn. Thế nào là Tỳ-kheo tu không nhập xứ, sau khi tu tập nhiều, đạt được quả lớn, phước lợi lớn? Tỳ-kheo tâm câu hữu với không nhập xứ, tu niệm giác chi, y viễn ly, y vô dục, y diệt, hướng đến xả. Cho đến tu tập xả giác chi, y viễn ly, y vô dục, y diệt, hướng đến xả.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật [198a] đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

Như tu không nhập xứ, *cũng vậy ba kinh* thức nhập xứ, vô sở hữu xứ, phi tướng phi phi tướng xứ *cũng nói như trên*.

KINH 714. AN-NA BAN-NA NIỆM¹⁷²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo tu tập -na-ban-na niệm,¹⁷³ tu tập nhiều, đạt được quả lớn, phước lợi lớn. Thế nào là tu tập an-na-ban-na niệm, tu nhiều, đạt được

¹⁷⁰ Đại chánh, kinh 744. S 46.62 Mettā.

¹⁷¹ Đại chánh, kinh 745. S 46.76 Nirodha.

¹⁷² Đại chánh kinh 746. S 46.66 Anāpāna.

quả lớn, phước lợi lớn? Tỳ-kheo tâm câu hữu với an-na-ban-na niệm, tu niệm giác chi, y vào viễn ly, y vào vô dục, y vào diệt hưởng đến xả, ... *cho đến* tu xả giác chi, y viễn ly, y vô dục, y diệt, hưởng đến xả.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 715. VÔ THƯỜNG¹⁷⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo tu vô thường tưởng, tu tập nhiều, đạt được quả lớn, phước lợi lớn. Thế nào là Tỳ-kheo tu vô thường tưởng, tu tập nhiều, đạt được quả lớn, phước lợi lớn? Tỳ-kheo tâm¹⁷⁵ câu hữu với vô thường tưởng, tu niệm giác chi, y viễn ly, y vô dục, y diệt, hưởng đến xả,... *cho đến* tu xả giác chi, y viễn ly, y vô dục, y diệt, hưởng đến xả.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

*Như Vô thường tưởng, cũng vậy 11 kinh: Vô thường khổ tưởng, Khổ vô ngã tưởng, Quán thực tưởng, Diệt tưởng, Hoạn tưởng, Bất tịnh tưởng, Thanh ú tưởng, Nùng nội tưởng, Phùng trưởng tưởng, Hoại tưởng, Thực bất tận tưởng, Huyết tưởng, Phân ly tưởng, Cốt tưởng, Không tưởng cũng nói như trên.*¹⁷⁶

¹⁷³ An-na-ban-na niệm 安那般那念 Pāli: *anāpānassati*, niệm hơi thở ra vào

¹⁷⁴ Đại chánh, kinh 747. S 46.57-61 Aṭṭhika v.v...

¹⁷⁵ Trong bản: tâm khẩu 心口, dư chữ khẩu

¹⁷⁶ Bản Hán, hễ quyển 27.

19. TƯƠNG ƯNG THÁNH ĐẠO¹

KINH 716. NHẬT XUẤT²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nhu khi mặt trời mọc có tiền tướng của nó, là minh tướng, ánh sáng ban đầu. Cũng vậy, Tỳ-kheo tận cùng biên tế khổ, cứu cánh biên tế khổ, có tiền tướng là chánh kiến. Chánh kiến này có thể phát khởi lên chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Vì nhờ phát khởi định chánh thọ, nên Thánh đệ tử tâm chánh giải thoát tham dục, sân nhuế, ngu si. Với tâm khéo giải thoát như vậy, Thánh đệ tử đạt được chánh tri kiến, tự biết rằng ‘Ta, sự sanh đã hết, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, không tái sanh kiếp sau.’”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 717. VÔ MINH³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Vô minh làm tiền tướng nên sanh ra các pháp ác bất thiện. Rồi theo đó sanh ra vô tầm, vô quý. Vô tầm, vô quý đã sanh ra rồi, theo đó sanh ra tà kiến. Tà kiến đã sanh ra rồi, có thể khởi lên tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định.

“Nếu khởi lên minh làm tiền tướng sanh ra các pháp thiện, theo đó sanh ra tầm quý. Tầm quý đã sanh ra rồi thì có thể sanh ra chánh kiến.

¹ Đại chánh, quyển 28. 5. Tương ưng Thánh đạo, gồm các kinh Đại chánh 748-800 (trọn quyển 28 và phần đầu quyển 29) Ấn Thuận *Hội biên*, Tụng iv. Đạo phẩm. 13. Tương ưng Thánh đạo phần. *Quốc dịch*, quyển 25, Tụng 5 Đạo tụng tiếp theo, 5. Tương ưng Thánh đạo, kinh số 12449-12558, chia thành 2 phẩm, Phẩm 1 gồm 100 kinh, toàn bộ quyển 25; Phẩm 2, 10 kinh, phần đầu quyển 26 Phần lớn tương đương Pāli, S.45 Maggasamyutta.

² Đại chánh, quyển 28, kinh số 748. Pāli, 45.55 (v. 31). Yoniso.

³ Đại chánh, kinh 449. S 45.1 Āvijjā.

Chánh kiến đã sanh ra rồi, theo thứ tự khởi lên chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Chánh định đã khởi lên rồi, Thánh đệ tử sẽ được chánh giải thoát tham dục, sân nhuế, ngu si. Như vậy, Thánh đệ tử khi đã được chánh giải thoát rồi thì sẽ được chánh tri kiến, tự biết ‘Ta, sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh vào đời sau.’”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 718. VÔ MINH (2)⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu, Tỳ-kheo, các pháp ác bất thiện sanh khởi, tất cả đều do vô minh làm gốc, vô minh tập, vô minh sanh, vô minh khởi. Vì sao? Vì vô minh là vô tri, không biết như thật đối với pháp thiện, pháp bất [198c] thiện; không biết như thật có tội, không có tội, pháp thấp, pháp cao, nhiễm ô, không nhiễm ô, phân biệt, không phân biệt, duyên khởi, không duyên khởi. Vì không biết như thật nên khởi lên tà kiến; khi đã khởi tà kiến rồi, khởi lên tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định.

“Nếu các pháp thiện sanh, tất cả đều do minh làm gốc, minh tập, minh sanh, minh khởi. Vì minh, biết như thật đối với pháp thiện, bất thiện; tất cả đều biết như thật về tội, không tội, thân cận, không thân cận, pháp thấp, pháp cao, ô uế, bạch tịnh, có phân biệt, không phân biệt, duyên khởi, không duyên khởi. biết như thật, đó là Chánh kiến. chánh kiến hay khởi lên chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Khi đã khởi lên chánh đnh rồi, Thánh đệ tử sẽ được chánh giải thoát tham, nhuế, si; khi tham, nhuế, si đã giải thoát rồi, Thánh đệ tử sẽ được chánh tri kiến, tự biết rằng ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh đời sau.’”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

⁴ Đại chánh, kinh 750.

KINH 719. KHỞI⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu người xuất gia hay tại gia mà khởi lên việc tà,⁶ thì Ta sẽ không nói đến. Vì sao? Vì nếu người xuất gia hay tại gia mà còn khởi lên việc tà, không vui thích Chánh pháp. Những gì là việc tà? Đó là tà kiến... cho đến tà định.

“Nếu là người xuất gia hay tại gia mà khởi lên việc chánh, Ta sẽ tán thán. Vì sao? Vì người khởi lên việc chánh, là người vui thích Chánh pháp, thiện xảo nơi Chánh pháp. Những gì là việc chánh? Đó là chánh kiến... cho đến chánh định. Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ rằng:

*Tại gia cùng xuất gia,
Mà khởi lên việc tà;
Người kia không vui thích
Chánh pháp tối vô thượng.
Tại gia cùng xuất gia,
Mà khởi lên việc chánh;
Thì tâm luôn vui thích,
Chánh pháp tối vô thượng.*

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 720. CA-MA⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tỳ-kheo Ca-ma⁸ đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ sát chân Phật, rồi ngồi xuống một bên, bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, gọi là dục; thế nào là [199a] dục? “

Phật bảo Ca-ma:

⁵ Đại chánh kinh 751. S 45.24 Paṭipāda.

⁶ Tà sự 邪事 Pāli: *micchāpaṭipāda*, sự thực hành tà vậy.

⁷ Đại chánh, kinh 752. S 45.30 Uttiya (Uttika).

⁸ Ca-ma 迦摩 Bản Pāli: Uttiyo.

“Dục là năm công năng của dục. Những gì là năm? Sắc được thấy bởi mắt, đáng yêu, đáng thích ý, đáng nhớ, khiến nuôi lớn dục lạc. Cũng vậy, thanh, hương, vị, pháp; khi xúc biết (đối tượng) đáng yêu, vừa ý, đáng nhớ, khiến nuôi lớn dục lạc. Đó gọi là dục. Nhưng chúng không phải là dục. Được tham đắm bởi người kia, nó mới được gọi là dục.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ rằng:

*Năm sắc tạp thế gian,
Tự chúng phi ái dục.
Cái giác tưởng tham dục,
Là dục của con người.
Các sắc thường ở đời,
Hành giả đoạn tâm dục.*

Tỳ-kheo Ca-ma bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, có con đường đưa đến đoạn trừ ái dục này không?”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Có tám Chánh đạo, có thể đoạn trừ ái dục, đó là chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo Ca-ma nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 721. A-LÊ-SẮT-TRA⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có Tỳ-kheo tên là A-lợi-sắc-tra¹⁰ đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ sát chân Phật, rồi ngồi xuống một bên, bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, gọi là cam lồ;¹¹ thế nào gọi là cam lồ?”

Phật bảo A-lê-sắc-tra:

“Cam lồ là một danh thuyết của giới,¹² nhưng Ta vì người đã đoạn tận hữu lậu mà hiện nói danh từ này.”

⁹ Đại chánh, kinh 753. S 45.7 Aññatara bhikkhu.

¹⁰ A-lê-sắc-tra 阿梨瑟吒 Pāli: Ariṭṭha.

¹¹ Cam lồ 甘露 Pāli: *amata*, sự bất tử.

¹² Hán: giới danh thuyết 界名說. Giới ở đây chỉ Niết-bàn giới Pāli: *nibbānadhātuyā adhivacanam.. amataṃ*.

Tỳ-kheo A-lê-sắc-tra bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, có con đường dẫn đến tu tập, tu tập nhiều, sẽ được pháp Cam lồ không?”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Có, đó là tám chi Thánh đạo: từ chánh kiến... cho đến chánh định.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 722. XÁ-LỢI-PHẬT¹³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất đi đến chỗ đức Phật, cúi đầu đánh lễ sát chân Phật, rồi ngồi xuống một bên, bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, gọi là các tư cụ căn bản cho chánh tam muội¹⁴ của Hiền Thánh; thế nào là các tư cụ căn bản cho chánh tam muội của Hiền thánh?”

Phật bảo Xá-lợi-phất:

“Đó là bảy chi Thánh đạo, là căn bản, là các tư cụ cho chánh tam-muội của Hiền Thánh. Những gì là bảy? Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm. Nay Xá-lợi-phất, sau khi lấy bảy đạo chi này làm tác nghiệp căn cơ¹⁵ rồi, tâm được chuyên nhất; đó gọi là những tư cụ căn [199b] bản cho chánh tam-muội Hiền thánh.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 723 -725. TỖ-KHEO¹⁶

Tôi nghe như vậy:

Như ba kinh trên, cũng vậy ba kinh Phật hỏi các Tỳ-kheo cũng nói như vậy.

¹³ Đại chánh, kinh 754.

¹⁴ Hán: *đẳng tam-muội 等三昧*, tức *chánh tam-muội* hay *chánh định Pāli: sammāsamāhi*.

¹⁵ Hán: cơ nghiệp 基業.

¹⁶ Đại chánh, kinh 755.

KINH 726. ÚY¹⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rùng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Sự sợ hãi của con không mẹ. Sự sợ hãi của con có mẹ. Đó là điều mà kẻ phàm ngu si không học, nói đến. Nhưng không hiểu gì về sự sợ hãi của con không mẹ, sự sợ hãi của con có mẹ.

“Này các Tỳ-kheo, có ba sự sợ hãi của con không mẹ,¹⁸ mà phàm phu ngu si, không học đã nói. Những gì là ba? Này các Tỳ-kheo, khi có binh biến loạn lạc xảy ra, tàn hại đất nước, bị sóng cuốn theo dòng, con thất lạc mẹ, mẹ thất lạc con. Đó gọi là sự sợ hãi của con không mẹ thứ nhất, mà kẻ phàm ngu si, vô học nói.

“Lại nữa, này Tỳ-kheo, khi có hỏa hoạn lớn bất chợt xảy ra, thiêu đốt thành ấp, xóm làng; dân chúng chạy loạn khắp nơi, mẹ con thất lạc nhau. Đó gọi là sự sợ hãi của con không mẹ thứ hai mà kẻ phàm ngu si, vô học đã nói.

“Lại nữa, Tỳ-kheo, có một lúc trong núi có mưa to, nước lớn đổ ra, làm tràn ngập xóm làng, dân chúng lánh chạy khắp nơi, mẹ con thất lạc nhau. Đó gọi sự sợ hãi của con không mẹ thứ ba, mà kẻ phàm ngu si, vô học đã nói.

“Song tất cả những sự sợ hãi này là sự sợ hãi của con có mẹ, mà kẻ phàm ngu si, vô học lại nói là sự sợ hãi của con không mẹ. Khi có binh biến loạn lạc xảy ra, tàn hại đất nước; mọi người bôn ba lưu lạc, mẹ con thất lạc nhau. Có khi mẹ con gặp lại nhau. Đó là sự sợ hãi của con có mẹ thứ nhất mà kẻ phàm ngu si, vô học nói là sự sợ hãi của con không mẹ. Lại nữa, khi hỏa hoạn lớn bất chợt xảy ra, thiêu đốt thành ấp, làng xóm, dân chúng chạy loạn khắp nơi, mẹ con thất lạc nhau. Có khi mẹ con gặp lại nhau. Đó là sự sợ hãi của con có mẹ thứ hai mà kẻ phàm ngu si, vô học nói là sự sợ hãi của con không mẹ. Lại nữa, khi ở trong núi có mưa to, nước lớn đổ ra, làm tràn ngập xóm làng, dân chúng lánh chạy khắp nơi, mẹ con thất lạc nhau. Có khi mẹ con gặp lại nhau. Đó là sự sợ hãi của con có mẹ thứ ba mà kẻ phàm ngu si, vô học nói là sự sợ hãi của con không mẹ.

¹⁷ Đại chánh, 758. A 3. 62 Bhaya.

¹⁸ Hán: vô mẫu tử úy 無母子畏 Pāli (A.. i. 178): amātāputtika bhaya.

“Này Tỳ-kheo, có ba thứ sợ hãi của con không mẹ mà Ta tự mình giác ngộ thành đạo vô thượng đã ký thuyết. Những gì là ba? Này Tỳ-kheo, khi người con già, không có người mẹ nào có thể nói: ‘Con, con đừng già, để mẹ sẽ thay con!’ Hoặc khi người mẹ già, cũng không có [199c] người con nào bảo: ‘Mẹ, mong mẹ chớ già! Con già thay cho!’ Đó gọi là cái sợ hãi của con không mẹ thứ nhất mà Ta tự mình giác ngộ thành đạo vô thượng đã ký thuyết.

“Lại nữa, Tỳ-kheo, khi người con bị bệnh, người mẹ không thể nói: ‘Con, đừng bệnh! Mẹ sẽ thay con!’ Hoặc khi mẹ bị bệnh, con cũng không thể bảo: ‘Mẹ, đừng bệnh, để con bệnh thay mẹ!’ Đó gọi là cái sợ hãi của con không mẹ thứ hai mà Ta tự mình giác ngộ thành đạo vô thượng đã ký thuyết.

“Lại nữa, khi người con chết, người mẹ không thể nói: ‘Con, đừng chết! Nay mẹ sẽ thay con!’ Hoặc khi người mẹ chết, người con cũng không thể bảo: ‘Mẹ, đừng chết! Con sẽ thay mẹ!’ Đó gọi là cái sợ hãi của con không mẹ thứ ba mà Ta tự mình giác ngộ thành đạo vô thượng đã ký thuyết.”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Có đạo lộ nào, có hành trì nào để tu tập, tu tập nhiều, dẫn đến đoạn trừ được ba thứ sợ hãi của con có mẹ ở trước và, đoạn trừ được ba thứ sợ hãi của con không mẹ ở sau không?”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Có đạo lộ, có hành trì dẫn đến đoạn trừ được ba sự sợ hãi này. Những gì là đạo lộ? Những gì là hành trì mà tu tập, tu tập nhiều, dẫn đến đoạn trừ được ba thứ sợ hãi của con có mẹ ở trước và, đoạn trừ được ba thứ sợ hãi của con không mẹ ở sau? Đó là Thánh tám chi: Chánh kiến, Chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 727. THỌ¹⁹

Tôi nghe như vậy:

¹⁹ Đại chánh, kinh 759. S 45.29 Vedanā.

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có ba thọ, là vô thường, hữu vi, do tâm duyên sanh. Những gì là ba? Đó là lạc thọ, khổ thọ, không lạc không khổ thọ.”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế tôn, có đạo lộ, có hành trì nào để tu tập, khi tu tập nhiều, sẽ dẫn đến đoạn trừ ba thọ này không?”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Có đạo lộ, có hành trì để tu tập, khi tu tập nhiều, sẽ dẫn đến đoạn trừ ba thọ này. Những gì là đạo lộ, là hành trì để tu tập, khi tu tập nhiều, sẽ dẫn đến đoạn trừ ba thọ này? Phật bảo tiếp các Tỳ-kheo:

“Đó là tám chi Thánh đạo: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 728. TAM PHÁP²⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ở đời có ba điều không đáng vui, không đáng yêu, không đáng nhớ. Những gì là ba? Đó là già, bệnh, chết. [200a] Ba điều này không đáng vui, không đáng yêu, không đáng nhớ. Ở thế gian nếu không có ba điều không đáng vui, không đáng yêu, không đáng nhớ này, sẽ không có Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở thế gian; thế gian cũng chẳng có pháp được thuyết, sự giáo giới, giáo thọ của Như Lai. Vì thế gian có ba điều không đáng vui, không đáng yêu, không đáng nhớ này, nên Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở thế gian; thế gian biết có pháp được thuyết, sự giáo giới, giáo thọ của Như Lai.”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Có đạo lộ, có hành trì để tu tập, tu tập nhiều, sẽ dẫn đến đoạn trừ ba điều không đáng vui, không đáng yêu, không đáng nhớ này không?”

²⁰ Đại chánh, kinh 760. A 10 76 Abhabba.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Có đạo lộ, có hành trì để tu tập, tu tập nhiều, sẽ dẫn đến đoạn trừ ba điều không đáng vui, không đáng yêu, không đáng nhớ này. Những gì là đạo lộ, là hành trì để tu tập, tu tập nhiều, sẽ dẫn đến đoạn trừ ba điều không đáng vui, không đáng yêu, không đáng nhớ này? Đó là Thánh đạo tám chi: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 729. HỌC²¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ta sẽ nói về học²² và vô học. Hãy lắng nghe, và suy nghĩ kỹ. Thế là nào học? Học thành tựu chánh kiến, học thành tựu chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Đó gọi là học. Những gì là vô học? Vô học thành tựu chánh kiến, Vô học thành tựu chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Đó gọi là vô học.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như Học và Vô học, cũng vậy Đại sĩ và Chánh sĩ cũng nói như vậy.

KINH 730. LẬU TẬN²³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ta sẽ nói về Thánh lậu tận. Sao gọi là Thánh lậu tận? Là vô học thành tựu chánh kiến,... cho đến không còn học thành tựu chánh định. Đó gọi là bậc Thánh lậu tận.”

²¹ Đại chánh, kinh 761. S 45.13 Sekho.

²² Học 學, hay hữu học, chỉ các Thánh giả dưới quả A-la-hán Pāli: sekha.

²³ Đại chánh, kinh 762.

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 731. BÁT THÁNH ĐẠO PHẦN²⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay Ta sẽ nói về Tám chi Thánh đạo. Những gì là tám? Đó là chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 732. TU²⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ta sẽ nói về sự tu tập tám [200b] chi Thánh đạo. Hãy lắng nghe và, suy nghĩ kỹ. Tu tập tám chi Thánh đạo là thế nào? Tỳ-kheo tu tập chánh kiến, y viễn ly, y vô dục, y diệt, hướng đến xả. Tu chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, đều y viễn ly, y vô dục, y diệt, hướng đến xả. Đó gọi là tu tập tám Thánh đạo.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 733. TU (2)²⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay Ta sẽ nói về Tỳ-kheo đã tu tập tám chi Thánh đạo trong quá khứ, sẽ tu tập tám chi Thánh đạo trong vị lai.” *chi tiết cho đến*, Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

²⁴ Đại chánh, kinh 763.

²⁵ Đại chánh, kinh 764. S 45.51 Uppāda.

²⁶ Đại chánh, kinh 765.

KINH 734. THANH TỊNH²⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo, chánh kiến thanh tịnh, trắng tinh, không có các lỗi lầm, xa lìa các phiền não; chánh kiến chưa xuất hiện sẽ không xuất hiện, trừ phi có sự điều phục của Phật²⁸... *cho đến* chánh định cũng nói như vậy.

“Chánh kiến thanh tịnh, trắng tinh, không có các lỗi lầm, xa lìa các phiền não; chánh kiến chưa xuất hiện thì xuất hiện...” *cho đến* chánh định cũng nói như vậy.²⁹

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như trừ phi có Phật điều phục, cũng vậy trừ phi có Thiện Thế điều phục cũng nói như trên.

KINH 735. TỤ³⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nói tụ bất thiện tức chỉ cho năm triền cái. Đó là chánh thuyết. Vì sao? Tụ chỉ thuần bất thiện, đó là năm triền cái. Những gì là năm? Đó là tham dục, sân nhuế, thụy miên, trạo hối, và nghi cái.

“Nói tụ thiện, tức chỉ cho Thánh đạo tám chi. Đó là chánh thuyết. Vì sao? Tụ chỉ thuần đầy pháp thiện, đó là Thánh đạo tám chi. Những gì là tám? Đó là chánh kiến, chánh chi, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, [200c] chánh niệm, chánh định.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

²⁷ Đại chánh, kinh 766. S.45.16-17 Parisuddha.

²⁸ Trừ phi có Phật xuất hiện.

²⁹ Xem kinh Đại chánh 731.

³⁰ Đại chánh, kinh 767. A 5.52 Rāsi.

KINH 736. BÁN³¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong tinh xá Sơn cốc,³² thành Vương Xá. Bấy giờ Tôn giả A-nan một mình ở nơi chỗ vắng, suy nghĩ như vậy: “Một nửa phạm hạnh này chnhs là thiện tri thức, thiện bạn đồng, thiện tùy tùng³³... *cho đến* Phật bảo A-nan:

“Phạm hạnh viên mãn, thuần nhất thanh tịnh này chính là thiện tri thức. Vì sao? Vì Ta là thiện tri thức nên khiến cho các chúng sanh tu tập chánh kiến, y viễn ly, y vô dục, y diệt, hướng đến xả... *cho đến* tu chánh định, y viễn ly, y vô dục, y diệt, hướng đến xả.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 737. BÀ-LA-MÔN³⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả A-nan sáng sớm đắp y mang bát vào thành Xá-vệ khát thực. Bấy giờ có Bà-la-môn Sanh Văn,³⁵ đi xe ngựa trắng, cùng với đoàn tùy tùng số đông thanh niên, đi ngựa trắng, xe trắng, dầm ngựa trắng, roi trắng, đầu đội mũ trắng, dù lọng trắng; tay cầm phất trắng, mặc y phục trắng, đeo anh lạc trắng, dùng hương trắng thoa mình, tùy tùng đều mặc đồ trắng. Họ ra khỏi thành Xá-vệ, muốn vào rừng để truyền dạy đọc tụng. Mọi người trông thấy vậy đều bảo: ‘Xe đẹp thay, xe đẹp thay! Đó là xe của Bà-la-môn.’

Sau khi thấy Bà-la-môn, cùng với các quyến thuộc và mọi thứ, tất cả đều màu trắng như vậy rồi, Tôn giả vào thành khát thực. Sau đó trở về tinh xá cất y bát, rửa chân xong, Tôn giả đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ sát chân, rồi ngồi xuống một bên, bạch Phật rằng:

³¹ Đại chánh, kinh 768. S 45.2 Upaḍḍham.

³² Sơn cốc tinh xá 山谷精舍; Pāli: Giribbaja. S 54. 2: ở giữa nhưng người Thích-ca, tại Nagaraka, một thị trấn của nhưng người Thích-ca.

³³ Xem kinh Đại chánh 726.

³⁴ Đại chánh, kinh 769. S 45.4 Brāhmaṇa.

³⁵ Sanh Văn Bà-la-môn 生聞婆羅門 Pāli: Jānussoṇi-brāhmaṇa.

“Bạch Thế Tôn, sáng sớm nay, con đắp y mang bát vào thành Xá-vệ khát thực, thấy Bà-la-môn Sanh Văn đi xe ngựa trắng, cùng quyến thuộc và mọi thứ, tất cả đều màu trắng, được mọi người khen rằng: ‘Xe đẹp thay, xe đẹp thay! Đó là xe của Bà-la-môn.’ Thế nào, Thế Tôn, trong Chánh pháp luật, đó là xe của người đời, hay là xe của Bà-la-môn?”

Phật bảo A-nan:

“Đó là xe của người đời, chứ chẳng phải xe pháp luật của Ta, hay xe của Bà-la-môn. Nay A-nan, xe Chánh pháp luật của Ta, xe của Trời, xe của Bà-la-môn, xe lớn, là có khả năng chinh phục quân ma phiền não. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ! Ta sẽ nói cho người nghe.

“Nay A-nan, xe Chánh pháp luật là gì, xe cõi Trời, xe Bà-la-môn, cỗ xe lớn, có khả năng chinh phục quân ma phiền não? Đó là tám chi Chánh đạo: Chánh kiến... cho đến chánh định. [201a] A-nan, đó gọi là xe Chánh pháp luật, xe cõi Trời, xe Bà-la-môn, cỗ xe lớn, có khả năng chinh phục quân phiền não.”

Bấy giờ đức Thế Tôn liền nói kệ rằng:

*Tín, giới là cái ách,
Tàm quý là vòng cổ;
Chánh niệm khéo hộ trì,
Là người đánh xe giỏi.*

*Xả, tam-muội: càng xe,
Trí, tinh tấn: bánh xe;
Nhẫn, vô trước: giáp sắt,
An ổn, đi đúng pháp.*

*Tiến thẳng không thối lui,
Không có gì lo sợ;
Người trí ruổi chiến xa,
Đẹp kẻ thù vô trí.*

KINH 738. TÀ³⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

³⁶ Đại chánh, kinh 770. S 45.21 Micchatta.

“Hãy xa lìa tà kiến. Hãy đoạn trừ tà kiến. Nếu tà kiến mà không thể đoạn trừ được, Ta đã không bao giờ nói hãy xa lìa tà kiến. Vì tà kiến có thể đoạn trừ được, nên Ta nói Tỳ-kheo hãy xa lìa tà kiến. Nếu không xa lìa tà kiến, tà kiến sẽ tạo ra cái khổ phi nghĩa, không lợi ích. Cho nên Ta nói hãy xa lìa tà kiến. Cũng vậy tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định cũng nói như vậy.

“Này các Tỳ-kheo, khi xa lìa tà kiến rồi, hãy tu tập chánh kiến. Nếu chánh kiến là không thể tu, Ta đã không bao giờ nói tu tập chánh kiến. Vì tu tập chánh kiến là có thể tu, nên Ta nói Tỳ-kheo hãy tu tập chánh kiến. Nếu không tu tập chánh kiến, nó tạo ra cái khổ phi nghĩa không lợi ích. Vì không tu tập chánh kiến, nó tạo ra cái khổ phi nghĩa, không lợi ích, cho nên Ta nói hãy tu tập chánh kiến, vì mục đích lợi ích, luôn được an lạc. Cho nên, Tỳ-kheo, hãy tu tập chánh kiến.” *Cũng vậy, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định cũng nói như vậy.*

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 739. BỈ NGẠN³⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Bà-la-môn Sanh Văn đi đến chỗ Phật, cùng diện kiến thăm hỏi, ủy lạo. Sau khi thăm hỏi ủy lạo xong, ông ngồi xuống một bên, bạch Phật rằng:

“Thưa Cù-đàm, nói là chẳng phải bờ bên kia, cùng bờ bên kia. Vậy, thế nào là chẳng phải bờ bên kia, và thế nào là bờ bên kia?”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Tà kiến là chẳng phải bờ bên kia. **[201b]** Chánh kiến là bờ bên kia. Cũng vậy, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định là chẳng phải bờ bên kia. Chánh kiến là bờ bên kia; cũng vậy chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định là bờ bên kia.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ rằng:

Người đòi thật ít ai

³⁷ Đại chánh, kinh 771. S 45.34 Pāraṅgama.

*Vượt qua bờ bên kia,
Hết thấy các thế gian,
Quanh quần đạo bờ này.
Nơi Chánh pháp luật này,
Nếu ai khéo tùy thuận;
Thì có thể vượt bờ,
Bờ sanh tử khó vượt.³⁸*

Sau khi Bà-la-môn Sanh Văn nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

KINH 740-742³⁹

Ba kinh này cũng vậy: Có Tỳ-kheo nghe Tôn giả A-nan hỏi Phật, hỏi các Tỳ-kheo *cũng nói như trên.*

KINH 743. CHÁNH BÁT CHÁNH TƯ DUY⁴⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ở trong nội pháp, Ta không thấy một pháp nào có thể khiến pháp ác bất thiện chưa sanh, khởi sanh; đã sanh rồi khiến tái sanh và tăng trưởng, như nói về không chánh tư duy.⁴¹ Các Tỳ-kheo, không chánh tư duy, tà kiến chưa khởi khiến khởi, đã khởi rồi tái sanh khiến tăng trưởng. Cũng vậy, tà chí, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, cả niệm, tà định *cũng nói như vậy.*

“Này các Tỳ-kheo, ở trong nội pháp, Ta không thấy một pháp nào khiến pháp ác bất thiện chưa sanh, không sanh; pháp ác bất thiện đã sanh rồi khiến cho diệt, như nói về chánh tư duy. Các Tỳ-kheo, chánh tư duy, tà kiến chưa sanh, khiến không sanh; đã sanh rồi, khiến cho diệt. Như tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định *cũng nói như vậy.*”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

³⁸ Bài kệ, xem Dhp.85-86.

³⁹ Đại chánh, kinh 772-774.

⁴⁰ Đại chánh, kinh 775. S 45 76, 83 Yoniso

⁴¹ Bất chánh tư duy 不正思惟 Pāli: *ayoniso manasikāra*, không như lý tác ý.

KINH 744. CHÁNH BÁT CHÁNH TƯ DUY (2)⁴²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ở trong nội pháp Ta không thấy một pháp nào khiến pháp thiện chưa sanh, không sanh; pháp thiện đã sanh rồi, khiến cho thối thất như đã nói về không chánh tư duy. Các Tỳ-kheo, không chánh tư duy, chánh kiến chưa sanh, khiến cho không sanh; chánh kiến đã sanh rồi, khiến cho thối thất. Cũng vậy, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định chưa sanh, [201c] khiến cho không sanh; đã sanh rồi, khiến cho thối thất.

“Này các Tỳ-kheo, ở trong nội pháp, Ta không thấy một pháp nào khiến pháp thiện chưa sanh, khiến cho sanh; pháp thiện đã sanh rồi khiến tái sanh và làm tăng trưởng, như đã nói về chánh tư duy. Các Tỳ-kheo, chánh tư duy, chánh kiến chưa sanh, khiến cho sanh; chánh kiến đã sanh rồi khiến tái sanh và làm tăng trưởng. Cũng vậy, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định chưa sanh khiến cho sanh; đã sanh rồi khiến tái sanh và làm tăng trưởng.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 745. CHÁNH BÁT CHÁNH TƯ DUY (3)⁴³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ở trong nội pháp, Ta không thấy một pháp nào khiến pháp ác bất thiện chưa sanh, nó làm cho sanh; pháp ác bất thiện đã sanh rồi, nó khiến tái sanh và làm tăng trưởng; pháp thiện chưa sanh, nó làm cho không sanh; đã sanh rồi khiến thối thất, đó là không chánh tư duy. Các Tỳ-kheo, không chánh tư duy, tà kiến chưa sanh, khiến cho sanh, đã sanh rồi khiến tái sanh và làm tăng trưởng; chánh kiến chưa sanh, không cho sanh; đã sanh rồi, khiến thối thất. Cũng vậy, tà tư duy, tà

⁴² Đại chánh, kinh 776.

⁴³ Đại chánh, kinh 777. Xem các kinh Đại chánh 775, 776, 777.

ngũ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định chưa sanh, khiến cho sanh; đã sanh rồi, khiến tái sanh và làm tăng trưởng; chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định chưa sanh, không cho sanh; đã sanh rồi, khiến thối thất.

“Này các Tỳ-kheo, ở trong nội pháp, Ta không thấy một pháp nào là pháp ác bất thiện chưa sanh, nó khiến cho sanh; pháp ác bất thiện đã sanh rồi, nó khiến cho diệt; pháp thiện chưa sanh, nó khiến cho sanh; pháp thiện đã sanh rồi, nó khiến tái sanh và làm tăng trưởng, như nói về chánh tư duy. Các Tỳ-kheo, chánh tư duy, sẽ khiến cho tà kiến chưa sanh, không sanh; tà kiến đã sanh rồi, khiến cho diệt; chánh kiến chưa sanh, khiến cho sanh; chánh kiến đã sanh rồi, khiến tái sanh và làm tăng trưởng. Cũng vậy, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định chưa sanh, khiến không sanh; đã sanh rồi, khiến cho diệt; chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định chưa sanh, khiến sanh; đã sanh rồi khiến tái sanh và làm tăng trưởng.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 746. THIÊN ÁC TRI THỨC⁴⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rùng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ở trong ngoại pháp, Ta [202a] không thấy một pháp nào khiến cho pháp ác bất thiện chưa sanh nó lại làm cho sanh; pháp ác bất thiện đã sanh rồi, nó khiến tái sanh và làm tăng trưởng, như nói về ác tri thức, ác bạn đảng, ác tùy tùng. Các Tỳ-kheo, ác tri thức, ác bạn đảng, ác tùy tùng khiến cho tà kiến chưa sanh, khiến cho sanh; tà kiến đã sanh rồi, khiến tái sanh và làm tăng trưởng. Cũng vậy, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định chưa sanh khiến cho sanh; đã sanh rồi khiến tái sanh và làm tăng trưởng.

“Này các Tỳ-kheo, ở trong ngoại pháp, Ta không thấy một pháp nào khiến cho pháp ác bất thiện chưa sanh, nó làm cho không sanh; pháp ác bất thiện đã sanh rồi, nó khiến cho diệt, như nói về thiện tri thức,

⁴⁴ Đại chánh, kinh 778. S 45 77 Kalyāṇamitta.

thiện bạn đảng, thiện tùy tùng. Các Tỳ-kheo, thiện tri thức, thiện bạn đảng, thiện tùy tùng khiến cho tà kiến chưa sanh, nó làm cho không sanh; tà kiến đã sanh rồi, nó khiến diệt. Cũng vậy, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định chưa sanh, không cho sanh; đã sanh rồi, khiến diệt.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 747. THIỆN TRI THỨC⁴⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ở trong ngoại pháp, Ta không thấy một pháp nào có thể khiến cho pháp thiện chưa sanh, khiến sanh; pháp thiện đã sanh rồi, khiến tái sanh và làm tăng trưởng, như đã nói về thiện tri thức, thiện bạn đảng, thiện tùy tùng. Các Tỳ-kheo, thiện tri thức, thiện bạn đảng, thiện tùy tùng khiến cho chánh kiến chưa sanh, nó làm cho sanh; chánh kiến đã sanh rồi khiến tái sanh và làm tăng trưởng. Cũng vậy, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định chưa sanh, khiến sanh; đã sanh rồi khiến tái sanh và làm tăng trưởng.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 748. THIÊN ÁC TRI THỨC (2)⁴⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ở trong ngoại pháp, Ta không thấy một pháp nào có thể khiến cho pháp ác bất thiện chưa sanh, nó khiến sanh; pháp ác bất thiện đã sanh rồi, nó khiến tái sanh và làm tăng trưởng; pháp thiện chưa sanh, nó làm cho không sanh; pháp thiện đã sanh rồi, nó khiến cho diệt, như đã nói về ác tri thức, ác bạn đảng, ác tùy tùng. Các Tỳ-kheo, ác tri thức, ác bạn đảng, ác tùy tùng khiến cho tà kiến chưa sanh, khiến sanh; tà

⁴⁵ Đại chánh, kinh 779.

⁴⁶ Đại chánh, kinh 780. Xem kinh Đại chánh 778.

kiến đã sanh rồi khiến tái sanh và làm tăng trưởng; hay chánh kiến chưa sanh, không cho [202b] sanh; chánh kiến đã sanh, khiến thối thất. Cũng vậy, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định chưa sanh, khiến sanh; đã sanh rồi khiến tái sanh và làm tăng trưởng; chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định chưa sanh, khiến không sanh; đã sanh rồi, khiến thối thất.

“Này các Tỳ-kheo, ở trong ngoại pháp, Ta không thấy một pháp nào có thể khiến cho pháp ác bất thiện chưa sanh, khiến sanh; pháp ác bất thiện đã sanh rồi, khiến diệt; hay pháp thiện chưa sanh, khiến sanh; pháp thiện đã sanh rồi, khiến tái sanh và làm tăng trưởng, như đã nói về thiện tri thức, thiện bạn đồng, thiện tùy tùng. Các Tỳ-kheo, thiện tri thức, thiện bạn đồng, thiện tùy tùng khiến cho tà kiến chưa sanh, không sanh; Tà kiến đã sanh rồi khiến diệt; hay chánh kiến chưa sanh, khiến sanh; chánh kiến đã sanh, khiến tái sanh và làm tăng trưởng. Cũng vậy, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định chưa sanh, khiến không sanh; đã sanh rồi khiến cho diệt; hay chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định chưa sanh, khiến sanh; đã sanh rồi, khiến tái sanh và làm tăng trưởng.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 749. CHÁNH BÁT CHÁNH TƯ DUY (4)⁴⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ở trong nội pháp, Ta không thấy một pháp nào có thể khiến pháp ác bất thiện chưa sanh, nó khiến cho sanh; đã sanh rồi, khiến tái sanh và làm tăng trưởng; pháp thiện chưa sanh, không cho sanh, đã sanh rồi khiến thối thất, như đã nói về không chánh tư duy. Các Tỳ-kheo, không chánh tư duy khiến tà kiến chưa sanh, sanh; tà kiến đã sanh rồi khiến tái sanh và làm tăng trưởng; chánh kiến chưa sanh, không cho sanh; chánh kiến đã sanh rồi, khiến thối thất.

⁴⁷ Đại chánh, kinh 781.

“Này các Tỳ-kheo, ở trong nội pháp, Ta không thấy một pháp nào có thể khiến cho pháp ác bất thiện chưa sanh, khiến không sanh; pháp ác bất thiện đã sanh rồi, khiến cho diệt; hay pháp thiện chưa sanh, khiến cho sanh; pháp thiện đã sanh rồi, khiến tái sanh và làm tăng trưởng, như nói về chánh tư duy. Các Tỳ-kheo, chánh tư duy khiến cho tà kiến chưa sanh, không sanh; đã sanh rồi, khiến cho diệt; chánh kiến chưa sanh, khiến cho sanh; đã sanh rồi, khiến tái sanh và làm tăng trưởng.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như đã nói về tà kiến và chánh kiến. Cũng vậy bảy kinh nói về tà tư duy, chánh tư duy; tà ngữ, chánh ngữ; tà nghiệp, chánh nghiệp; tà mạng, chánh mạng; tà phương tiện, chánh tinh tấn; tà niệm, chánh [202c] niệm; tà định, chánh định cũng nói như trên. Như tám kinh nói về nội pháp, cũng vậy, tám kinh nói về ngoại pháp cũng nói như vậy.

KINH 750. PHI PHÁP THỊ PHÁP⁴⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có pháp sai và pháp đúng⁴⁹. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ngươi mà nói. Những gì là pháp sai, là pháp đúng? Tà kiến là pháp sai; chánh kiến là pháp đúng... *cho đến* tà định là pháp sai; chánh định là pháp đúng.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như Phi pháp và Thị pháp. Cũng vậy, Phi luật và Chánh luật, Phi Thánh và Thị Thánh, Bất thiện pháp và Thiện pháp, Phi tập pháp và Tập pháp, Phi thiện tai pháp và Thiện tai pháp, Hắc pháp và Bạch pháp, Phi nghĩa và Chánh nghĩa, Ty pháp và Thắng pháp, Hữu tội pháp và Vô tội pháp, Ứng khứ pháp và Bất khứ pháp, kinh nào cũng đều nói như trên.

⁴⁸ Đại chánh, 782.

⁴⁹ Hán: phi pháp, thị pháp 非法, 是法.

KINH 751. ĐOẠN THAM⁵⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cù-su-la tại Câu-diêm-di. Bấy giờ Tôn giả A-nan cũng ở tại đó. Lúc ấy có Bà-la-môn đi đến chỗ Tôn giả cùng thăm hỏi và khích lệ nhau. Sau khi thăm hỏi và khích lệ nhau xong, ông ngồi xuống một bên, bạch Tôn giả A-nan:

“Tôi có điều muốn hỏi, Tôn giả có rảnh rỗi để ký thuyết cho không?”

A-nan đáp rằng:

“Theo những gì ông hỏi, nếu biết tôi sẽ trả lời.”

Bà-la-môn hỏi:

“Vì sao xuất gia tu phạm hạnh ở chỗ Sa-môn Cù-đàm?”

A-nan đáp:

“Này Bà-la-môn, vì muốn cắt đứt.”

Lại hỏi:

“Cắt đứt những gì?”

Đáp rằng:

“Cắt đứt tham dục, cắt đứt sân nhuế, ngu si.”

Lại hỏi:

“Tôn giả A-nan, có đạo lộ nào, co hành trì nào có thể dẫn đến cắt đứt tham dục, sân nhuế, ngu si không?”

A-nan đáp rằng:

“Có, đó là tám chi Thánh đạo: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, Chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.”

Bà-la-môn nói:

“Tôn giả A-nan, tốt đẹp thay đạo lộ này, tốt đẹp thay hành trì, khi tu tập, tu tập nhiều có thể cắt đứt những thứ tham dục, nhuế, si ấy.”

Tôn giả A-nan nói pháp này, Bà-la-môn sau khi nghe những gì Tôn giả nói, hoan hỷ tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

Như cắt đứt tham, nhuế, si; *cũng vậy*, điều phục tham, nhuế, si và đặc Niết-bàn, *cùng* yếm ly và chẳng đến Niết-bàn, *cùng* nghĩa Sa-môn và

⁵⁰ Đại chánh, kinh 783. S 45.5 Kimattha.

nghĩa Bà-la-môn, cùng giải thoát và cắt đứt khổ, cùng cứu cánh khổ biên và chánh thức hết khổ, kinh nào cũng đều nói như trên.

KINH 752. TÀ CHÁNH⁵¹

[203a] Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có tà, có chánh. Hãy lắng nghe, và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các người mà nói. Những gì là tà? Là tà kiến... cho đến tà định. Những gì là chánh? Là chánh kiến... cho đến chánh định.

“Thế nào là chánh kiến? Là nói: Có bố thí, có chú thuyết, có trai tự,⁵² có thiện hành, có ác hành, có quả báo thiện ác hành, có đời này, có đời khác, có cha mẹ, có chúng sanh hóa sanh,⁵³ có A-la-hán thiện đáo,⁵⁴ thiện hướng,⁵⁵ tự tri tự tác chúng đời này và đời khác, thành tựu và an trú, tự biết ‘Ta, sự sanh đã hết, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, không tái sanh đời sau.’⁵⁶

“Thế nào là chánh tư duy? Tư duy xuất yếu, tư duy vô nhuế, tư duy bất hại.⁵⁷

“Thế nào là chánh ngữ? Xa lìa nói dối, xa lìa hai lưỡi, xa lìa ác khẩu, xa lìa lời phù phiếm.

“Thế nào là chánh nghiệp? Lìa sát, đao, dâm.

“Thế nào là chánh mạng? Cầu y phục, ẩm thực, ngọa cụ thuốc thang đúng như pháp, chứ không phải không như pháp.

“Thế nào là chánh tinh tấn? Dục, tinh tấn, phương tiện, xuất ly, tinh cần, kham năng, luôn thực hành không lùi bước.

⁵¹ Đại chánh, kinh 784. S 45.21 Micchatta Cf S.45.8 Vibhaṅga.

⁵² Hán: thí, thuyết, trai 施, 說, 齋 Pāli: *dinnaṃ, yiṭṭhaṃ, hutamaṃ*.

⁵³ Hán: chúng sanh sanh 眾生 Pāli: *sattā opapātikā*.

⁵⁴ Hán: thiện đáo 善到 Pāli: *sammaggatā*, chân chánh đi (ra khỏi thế gian)

⁵⁵ Hán: thiện hướng 善向 Pāli: *sammāpaṭipannā*, chân chánh hướng (đến niết-bàn)

⁵⁶ Bản Pāli: *katamā.. sammādiṭṭhi? yaṃ...dukkhe nānaṃ*, thế nào là chánh kiến?

Nhận thức về khổ...

⁵⁷ Pāli: *nekkammasaṅkappo avyāpādadsaṅkappo avihimsāsaṅkappo*, Tư duy về xuất ly, tư duy về không vô sân, tư duy bất hại.

“Thế nào là Chánh niệm? Nhớ nghĩ không dối không hư, luôn tùy thuận.

“Thế nào là Chánh định? Trụ tâm không loạn, kiên cố nhiếp trì, tĩnh chỉ, nhất tâm chánh định.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 753. QUẢNG THUYẾT BÁT THÁNH ĐẠO⁵⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như đã nói ở trên, nhưng có một vài sai biệt:

“Thế nào là chánh kiến? Chánh kiến có hai: có chánh kiến thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ,⁵⁹ chuyển hướng cõi thiện.⁶⁰ Có chánh kiến thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, hết khổ chân thật, hướng đến thoát khổ.⁶¹

“Thế nào là chánh kiến hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện? Thấy rằng: Có bố thí, có chú thuyết... *cho đến biết* thế gian có A-la-hán, không tái sanh đời sau.⁶² Đó gọi là chánh kiến thế tục thuộc về thế gian, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện.

“Thế nào là chánh kiến thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, hết khổ chân thật, hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử nơi khổ tư duy khổ; nơi tập, diệt, đạo tư duy đạo, tương ưng với tư duy vô lậu, ở nơi pháp mà tuyên trạch, phân biệt, suy cầu, giác tri, hiệt huệ, **[203b]** quán sát tổ ngộ. Đó gọi là chánh kiến thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.

⁵⁸ Đại chánh, kinh 785. Cf M 117 Mahācattārīsakasutta.

⁵⁹ Hán: thủ 取, ở đây, Pāli: *upadhi*, hữu y, tức sở y của tái sanh.

⁶⁰ Cf Pāli, M.111: *atthi bhikkhave sammādiṭṭhi sāsavā puññabhāgiyā updhivepakkhā*, có chánh kiến là hữu lậu, thuộc phần phước nghiệp, đưa đến hữu y.

⁶¹ Pāli: *atthi bhikkhave sammādiṭṭhi ariyā anāsavā lokuttarā maggaṅgā*, có chánh kiến thuộc bậc Thánh, vô lậu, xuất thế gian, thành phần của Đạo.

⁶² Xem kinh Đại chánh 784.

“Thế nào là chánh tư duy? Chánh tư duy có hai loại: có chánh tư duy thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện. Có chánh tư duy thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.

“Thế nào là chánh tư duy thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện.? Chánh tư duy với tư duy xuất yếu, tư duy vô nhuế, tư duy bất hại; đó gọi là chánh tư duy thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện.

“Thế nào là chánh tư duy thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử nơi khổ tư duy khổ; nơi tập, diệt, đạo tư duy đạo, tâm pháp tương ưng với tư duy vô lậu, phân biệt, tự quyết, ý giải, suy tính, lập y. Đó gọi là chánh tư duy thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.

“Thế nào là chánh ngữ? Chánh ngữ có hai loại: Có chánh ngữ thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện. Có chánh ngữ thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.

“Thế nào là chánh ngữ thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, hướng đến đường lành? Lời nói đúng, xa lìa lời nói dối, hai lưỡi, ác khẩu, lời nói phù phiếm. Đó gọi là chánh ngữ thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, hướng đến đường lành.

“Thế nào là chánh ngữ thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử nơi khổ tư duy khổ; nơi tập, diệt, đạo tư duy đạo, trừ tà mạng, niệm tưởng xa lìa bốn ác hành của miệng và các ác hành khác của miệng, xa lìa các ác hành ấy; vô lậu, viễn ly, không dính trước, giữ chặt, nhiếp trì không phạm; không vượt qua thời tiết, không vượt qua giới hạn. Đó gọi là chánh ngữ thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.

“Thế nào là chánh nghiệp? Chánh nghiệp có hai loại: Có chánh nghiệp thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện. Có chánh nghiệp thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.

“Thế nào là chánh nghiệp thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện? Xa lìa sát, đạo, dâm. Đó gọi là chánh nghiệp thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện.

“Thế nào là chánh nghiệp thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử nơi khổ tư duy khổ; nơi tập, diệt, đạo tư duy đạo, trừ tà mạng, nhớ đến ba ác hành nơi thân, và các thứ ác hành khác nơi thân; vô [203c] lậu, viễn ly, không dính trước, giữ chặt, nhiếp trì không phạm; không vượt qua thời tiết, không vượt qua giới hạn. Đó gọi là chánh nghiệp thuộc về xuất thế gian, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.

“Thế nào là chánh mạng? Chánh mạng có hai loại: Có chánh mạng thuộc thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện. Có chánh mạng thuộc xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, bất thủ, hết khổ chân thật, hướng đến thoát khổ.

“Thế nào là chánh mạng thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện? Tìm cầu y, thực, ngọa cụ, thuốc thang theo bệnh đúng như pháp, chứ chẳng phải không như pháp. Đó gọi là chánh mạng thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện.

“Thế nào là chánh mạng thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử nơi khổ tư duy khổ; nơi tập, diệt, đạo tư duy đạo; đối với các tà mạng, vô lậu không thích đắm trước cố thủ, giữ gìn không phạm, không vượt qua thời tiết, không vượt qua giới hạn. Đó gọi là Chánh mạng thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.

“Thế nào là chánh tinh tấn? Chánh tinh tấn có hai loại: Có chánh tinh tấn thuộc thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện. Có chánh tinh tấn thuộc xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.

“Thế nào là chánh tinh tấn thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện? Dục, tinh tấn, phương tiện siêu xuất, xác lập vững chắc, có khả năng tạo tác tinh tấn; nhiếp thọ tâm pháp, luôn luôn không dừng nghỉ. Đó gọi là chánh tinh tấn thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện.

“Thế nào là chánh tinh tấn thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử nơi khổ tư duy khổ; nơi tập, diệt, đạo tư duy đạo; tâm pháp tương ưng với ức niệm vô lậu, dục, tinh tấn, phương tiện siêu xuất, xác lập vững chắc, có khả năng tạo tác tinh tấn; nhiếp thọ tâm pháp, luôn luôn không dừng nghỉ. Đó gọi là chánh tinh tấn thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.

“Thế nào là Chánh niệm? Chánh niệm có hai loại: Có chánh niệm thuộc thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện. Có chánh niệm thuộc xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.

“Thế nào là chánh niệm thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, hướng đến đường lành? Hoặc niệm, hoặc tùy niệm, hoặc trùng niệm, hoặc ức niệm, không quên lãng, không hư. Đó gọi là chánh niệm thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, hướng đến [204a] đường lành.

“Thế nào là chánh niệm thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử nơi khổ tư duy khổ; nơi tập, diệt, đạo tư duy đạo; tâm pháp tương ưng với tư duy vô lậu, hoặc niệm, hoặc tùy niệm, hoặc trùng niệm, hoặc ức niệm, không quên lãng, không hư. Đó gọi là chánh niệm thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.

“Thế nào là chánh định? Chánh định có hai: Có chánh định thuộc thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện. Có chánh định thuộc xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.

“Thế nào là chánh định thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, hướng đến đường lành? Tâm trụ không loạn, không động, nhiếp thọ, tinh chỉ, chánh định, nhất tâm. Đó gọi là chánh định thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, hướng đến đường lành.

“Thế nào là chánh định thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử nơi khổ tư duy khổ; nơi tập, diệt, đạo tư duy đạo; tâm pháp tương ưng với tư duy vô lậu, an trụ không loạn không tan, nhiếp thọ, tinh chỉ, chánh định, nhất tâm. Đó gọi là chánh định thuộc về

xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 754. HƯỚNG TÀ⁶³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo tâm hướng theo tà, trái nghịch với pháp, không vui thích nơi pháp.⁶⁴ Nếu hướng theo chánh, không trái với pháp, tâm vui thích pháp. Những gì là tà? Tà kiến... cho đến tà định. Những gì là chánh? Chánh kiến... cho đến chánh định.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 755. TÀ KIẾN CHÁNH KIẾN⁶⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hướng theo tà là trái nghịch pháp, không ưa thích pháp. Hướng theo chánh là ưa thích pháp, không trái nghịch pháp.⁶⁶

“Thế nào là hướng theo tà là trái nghịch pháp, không ưa thích pháp? Người tà kiến, thân nghiệp như được thấy, khẩu nghiệp như được thấy; hoặc tư niệm, hoặc ước muốn, hoặc ước nguyện, hoặc hành vi, tất cả những điều ấy đều tùy thuận đưa đến quả không khả ái, không khả niệm, không khả ý. Vì sao? Vì kiến ấy là ác, tức là tà kiến. Tà kiến khởi lên tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định. **[204b]** Đó gọi là hướng theo tà là trái lại với pháp, không ưa thích pháp.

⁶³ Đại chánh, kinh 786. A 10.103 Micchatta.

⁶⁴ Pāli: *micchattaṃ āgamma virāadhanā hoti no ārāadhanā*, do đi theo tà nên nghịch ý, không phải thích ý.

⁶⁵ Đại chánh, kinh 787. A 10.104 Bīja.

⁶⁶ Xem kinh Đại chánh 786.

“Thế nào là hướng theo chánh là ưa thích pháp, không trái nghịch pháp? Người chánh kiến, thân nghiệp như được thấy, hoặc khẩu nghiệp, hoặc tư niệm, hoặc ước muốn, hoặc ước nguyện, hoặc hành vi, tất cả những điều ấy đều tùy thuận đưa đến quả khả ái, khả niệm, khả ý. Vì sao? Vì kiến chân chánh, tức là chánh kiến. Chánh kiến khởi lên chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Đó gọi là hướng theo chánh là ưa thích pháp, không trái nghịch pháp.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 756. TÀ KIẾN CHÁNH KIẾN⁶⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hướng theo tà là trái nghịch pháp, không ưa thích pháp. Hướng theo chánh là ưa thích pháp, không trái nghịch pháp.⁶⁸

“Thế nào là hướng theo tà là trái nghịch pháp, không ưa thích pháp? Người tà kiến, thân nghiệp như được thấy, khẩu nghiệp như được thấy; hoặc tư niệm, hoặc ước muốn, hoặc ước nguyện, hoặc hành vi, tất cả những điều ấy đều tùy thuận đưa đến quả không khả ái, không khả niệm, không khả ý. Vì sao? Vì kiến ấy là ác, tức là tà kiến. Tà kiến khởi lên tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định. Thí như hạt giống quả đắng đem đặt vào trong đất, tùy thời vun xới, tưới tiêu cho nó, vị đất, vị nước, vị nắng, vị gió, tất cả đều mang vị đắng. Vì sao? Vì hạt giống đắng. Cũng vậy, người tà kiến, thân nghiệp như được thấy, khẩu nghiệp như được thấy; hoặc tư niệm, hoặc ước muốn, hoặc ước nguyện, hoặc hành vi, tất cả những điều ấy đều tùy thuận đưa đến quả không khả ái, không khả niệm, không khả ý. Vì sao? Vì kiến ấy là ác, tức là tà kiến. Tà kiến khởi lên tà tư duy, cho đến, tà định. Đó gọi là hướng theo tà là trái nghịch pháp, không ưa thích pháp.

“Thế nào là hướng theo chánh là thích pháp, không trái nghịch pháp? Người chánh kiến, thân nghiệp như được thấy, hoặc khẩu nghiệp, hoặc

⁶⁷ Đại chánh, kinh 788. Xem kinh Đại chánh 787.

⁶⁸ Xem kinh Đại chánh 786.

tư niệm, hoặc ước muốn, hoặc ước nguyện, hoặc hành vi, tất cả những điều ấy đều tùy thuận đưa đến quả khả ái, khả niệm, khả ý. Vì sao? Vì kiến ấy thiện, tức là chánh kiến. Chánh kiến khởi lên chánh tư duy, cho đến, chánh định. Thí như giống mía ngọt, lúa mì, nho, đem đặt vào trong đất, tùy thời vun xới, tưới tiêu cho nó; khi nó gặp vị đất, vị nước, vị nắng, vị gió, tất cả những vị này cũng đều trở thành ngon ngọt. Vì sao? Vì hạt mầm ngọt. [204c] Cũng vậy, người chánh kiến, thân nghiệp như được thấy, hoặc khẩu nghiệp, hoặc tư niệm, hoặc ước muốn, hoặc ước nguyện, hoặc hành vi, tất cả những điều ấy đều tùy thuận đưa đến quả khả ái, khả niệm, khả ý. Vì sao? Vì kiến ấy thiện, tức là chánh kiến. Chánh kiến khởi lên chánh tư duy, cho đến, chánh định. Đó gọi là hướng theo chánh là thích pháp, không trái nghịch pháp.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như ba kinh trên, Thế gian và Xuất thế gian cũng nói như vậy, và cũng nói kệ rằng:

*Không nên gàn pháp xấu,
Không nên hành buông lung;
Không nên tập tà kiến,
Tăng trưởng nơi thế gian.
Giả sử trong thế gian,
Người chánh kiến tăng thượng;
Dù trải trăm nghìn tuổi,
Quyết không rơi đường dữ.*

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 757. SANH VẤN⁶⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bảy giờ Bà-la-môn Sanh Văn đi đến chỗ đức Phật, cúi đầu đánh lễ sát chân Phật. Sau khi cùng Thế Tôn thăm hỏi ân cần xong, ông ngồi xuông một bên, bạch Phật rằng:

“Thưa Cù-đàm, gọi là chánh kiến; thế nào là chánh kiến?”

⁶⁹ Đại chánh, kinh 789.

Phật bảo Bà-la-môn:

“Chánh kiến có hai: có chánh kiến thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, hướng đến đường lành. Có loại chánh kiến thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, bất thủ, hết khổ chân thật, hướng đến thoát khổ.

“Thế nào là chánh kiến hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện? Người nào thấy có bố thí, có chú thuyết... cho đến biết thế gian có A-la-hán, không tái sinh đời sau.⁷⁰ Nay Bà-la-môn, đó gọi là chánh kiến thế tục thuộc về thế gian, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện.

“Bà-la-môn, thế nào là chánh kiến thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, hết khổ chân thật, hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử nơi khổ tư duy khổ; nơi tập, diệt, đạo tư duy đạo, tương ưng với tư duy vô lậu, ở nơi pháp mà tuyên trạch, phân biệt, suy cầu, giác tri, hiệt huệ, quán sát tỏ ngộ. Đó gọi là chánh kiến thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn Sanh Văn nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

[205a] *Như Chánh kiến. Cũng vậy, Chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, kinh nào cũng nói như trên.*

KINH 758. TÀ KIẾN⁷¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có tà và tà đạo, có chánh và chánh đạo. Hãy lắng nghe và suy nghĩ cho kỹ, Ta sẽ vì các người mà nói:

“Những gì là tà? Đó là địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ. Những gì là tà đạo? Đó là tà kiến... cho đến tà định.

“Những gì là chánh? Đó là người, trời, Niết-bàn. Những gì là chánh đạo? Đó là chánh kiến... cho đến chánh định.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

⁷⁰ Xem kinh Đại chánh 784.

KINH 759. TÀ KIẾN (2)⁷²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có tà, có tà đạo; có chánh, có chánh đạo. Hãy lắng nghe và suy nghĩ cho kỹ, Ta sẽ vì các người mà nói:

“Những gì là tà? Đó là địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ. Những gì là tà đạo? Đó là sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, hai lưỡi, ác khẩu, lời phù phiếm, tham, nhuế, tà kiến.

“Những gì là chánh? Đó là người, trời, Niết-bàn. Những gì là chánh đạo? Đó là không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không nói hai lưỡi, không ác khẩu, không nói lời phù phiếm, không tham, không nhuế và, chánh kiến.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 760. TÀ KIẾN (3)⁷³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như đã nói ở trên, nhưng có một vài sai biệt:

“Những gì là ác thú đạo? Đó là giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, phá Tăng, ác tâm làm thân Phật ra máu.” *Ngoài ra đều nói như trên.*

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 761. THUẬN LƯU NGHỊCH LƯU⁷⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có đường thuận dòng, có đường nghịch dòng. Hãy lắng nghe, và suy nghĩ cho kỹ, Ta sẽ vì các người mà nói:

⁷² Đại chánh, kinh 791.

⁷³ Đại chánh, kinh 792.

⁷⁴ Đại chánh, kinh 793.

“Những gì là đường thuận dòng? Đó là tà kiến... cho đến tà định. Những gì là con đường nghịch dòng? Đó là chánh kiến... cho đến chánh định.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

[205b] *Như* thuận dòng và nghịch dòng. *Cũng vậy*, đường thối và đường tiến, đường xuống và đường lên, cùng ba kinh đạo Tích, *cũng nói như trên*.

KINH 762. SA-MÔN SA-MÔN PHÁP⁷⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có Sa-môn và pháp Bà-la-môn. Hãy lắng nghe, và suy nghĩ cho kỹ, Ta sẽ vì Các ngươi mà nói:

“Những gì là pháp Sa-môn? Đó là tám chi Thánh đạo: từ thánh kiến... cho đến thánh định. Thế nào là Sa-môn? Nếu người nào thành tựu pháp này. Đó gọi là Sa-môn.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 763. SA-MÔN PHÁP SA-MÔN NGHĨA⁷⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có pháp Sa-môn và nghĩa Sa-môn. Những gì là pháp Sa-môn? Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến... cho đến chánh định. Thế nào là nghĩa Sa-môn? Là tham dục đã vĩnh viễn trừ hết; sân nhuế, ngu si đã vĩnh viễn trừ hết; tất cả mọi phiền não vĩnh viễn tận trừ. Đó gọi là nghĩa Sa-môn.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 764. SA-MÔN SA-MÔN QUẢ⁷⁷

⁷⁵ Đại chánh, kinh 794. S 45.36 Sāmañña.

⁷⁶ Đại chánh, kinh 795. S 45.36 Sāmañña.

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có pháp Sa-môn và quả Sa-môn. Hãy lắng nghe, và suy nghĩ cho kỹ, Ta sẽ vì các người mà nói:

“Những gì là pháp Sa-môn? Đó là tám Thanh đạo, từ chánh kiến... cho đến chánh định. Những gì là quả Sa-môn? Đó là quả Tu-đà-hoàn, quả Tu-đà-hàm, quả A-na-hàm, và quả A-la-hán.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.⁷⁸

KINH 765 SA-MÔN PHÁP SA-MÔN QUẢ⁷⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có pháp Sa-môn⁸⁰ và quả Sa-môn.⁸¹ Hãy lắng nghe và suy nghĩ cho kỹ, Ta sẽ vì các người mà nói:

“Những gì là pháp Sa-môn? Đó là **[205c]** tám chi Thánh đạo, từ chánh kiến... cho đến chánh định. Những gì là quả Sa-môn? Đó là quả Tu-đà-hoàn, quả Tu-đà-hàm, quả A-na-hàm và, quả A-la-hán.

“Thế nào là quả Tu-đà-hoàn? Đoạn trừ ba kết. Thế nào là quả Tu-đà-hàm? Đoạn trừ ba kết; tham, nhuế, si còn mỏng. Thế nào là quả A-na-hàm? Đoạn sạch hết năm hạ phần kết. Thế nào là quả A-la-hán? Đoạn trừ vĩnh viễn tham, nhuế, si; đoạn trừ vĩnh viễn tất cả các thứ phiền não.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

⁷⁷ Đại chánh, kinh 796. S 45.35 Sāmañña.

⁷⁸ Bản Hán, hết quyển 28.

⁷⁹ Đại chánh, quyển 29, kinh số 797. Pāli, S 45.35 Sāmañña.

⁸⁰ Sa-môn pháp 沙門法 Pāli: sāmāñña.

⁸¹ Sa-môn quả 沙門果 Sāmaññaphala.

KINH 766. SA-MÔN PHÁP SA-MÔN NGHĨA⁸²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có pháp Sa-môn, Sa-môn, và nghĩa Sa-môn.⁸³ Hãy lắng nghe, và suy nghĩ cho kỹ, Ta sẽ vì các người mà nói:

“Những gì là pháp Sa-môn? Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến... cho đến chánh định. Những gì là Sa-môn? Người thành tựu pháp Sa-môn này. Những gì là nghĩa Sa-môn? Đã đoạn trừ vĩnh viễn tham dục, sân nhuế, si mê; đoạn trừ vĩnh viễn tất cả các phiền não.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 767. SA-MÔN QUẢ⁸⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như đã nói trên, nhưng có một vài sai biệt:

“Có quả Sa-môn. Những gì là quả Sa-môn? Đó là quả Tu-đà-hoàn, quả Tu-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 768. BÀ-LA-MÔN⁸⁵

Cũng vậy, pháp Bà-la-môn, Bà-la-môn, nghĩa Bà-la-môn, quả Bà-la-môn; pháp phạm hạnh, người phạm hạnh, nghĩa phạm hạnh, quả phạm hạnh, đều nói như trên.

⁸² Đại chánh, kinh 798. Pāli, S 45.36 Sāmañña.

⁸³ Sa-môn nghĩa 沙門義 Pāli: *sāmaññattha*, mục đích của Sa-môn.

⁸⁴ Đại chánh, kinh 799.

⁸⁵ Đại chánh, kinh 800. Pāli, 45 37 Brahmañña; 30-40 Brahmacariya.

20. TƯƠNG ƯNG AN-NA-BAN-NA¹

KINH 769. NGŨ PHÁP²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có năm pháp mang lại nhiều lợi ích cho sự tu tập an-na-ban-na niệm. Những gì là năm? An trụ luật nghi Ba-la-đề-mộc-xoa tịnh giới, oai nghi hành xử đầy đủ; đối với những tội vi tế hay sanh lòng sợ hãi, thọ trì học giới. Đó gọi là pháp thứ nhất mang lại nhiều lợi ích cho sự tu an-na-ban-na niệm.

“Lại nữa, Tỳ-kheo ít muốn, ít sự việc, ít tác vụ. Đó là pháp thứ hai mang lại nhiều lợi ích cho sự tu an-na-ban-na niệm.

[206a] “Lại nữa, Tỳ-kheo ăn uống biết lượng, không ít cũng không nhiều. Không vì việc ăn uống mà sanh ra tư tưởng ham muốn; luôn tinh cần tư duy. Đó là pháp thứ ba mang lại nhiều lợi ích cho sự tu an-na-ban-na niệm.

“Lại nữa, Tỳ-kheo đầu đêm, cuối đêm, không đắm say ngủ nghỉ, mà luôn tinh cần tư duy. Đó là pháp thứ tư mang lại nhiều lợi ích cho sự tu an-na-ban-na niệm.

“Lại nữa, Tỳ-kheo ở trong rừng vắng, xa lìa những nơi náo nhiệt. Đó là pháp thứ năm mang lại nhiều lợi ích cho sự tu an-na-ban-na niệm.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 770. AN-NA-BAN-NA NIỆM³

Tôi nghe như vậy:

¹ Tương ưng An-na-ba-na, gồm các kinh Đại chánh, số 801-815 (phần giữa quyển 29). *Phật quang* quyển 29, kinh số 813-827. *Quốc dịch*, quyển 26, Tụng 5 Đạo tụng, Tương ưng 6 An-na-ban-na, gồm 18 kinh, kinh số 12559-12576; một phẩm duy nhất *Ấn Thuận Hội biên*, Tụng 4 Đạo phẩm, Tương ưng 14 An-na-ban-na niệm, gồm 22 kinh, kinh số 1082-1103 Phần lớn tương đương Pāli, S 54 Ānāpānasamyutta.

² Đại chánh, kinh 801.

³ Đại chánh, kinh 802.

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy tu an-na-ban-na niệm. Tỳ-kheo tu tập an-na-ban-na niệm, tu tập nhiều, thân khinh an và tâm khinh an,⁴ có tầm, có tứ, tịch diệt, thuần nhất, phân minh tướng, tu tập đầy đủ.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 771. AN-NA-BAN-NA NIỆM⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy tu tập an-na-ban-na niệm. Tỳ-kheo tu tập an-na-ban-na niệm, tu tập nhiều, thân khinh an và tâm khinh an, có tầm, có tứ, tịch diệt, thuần nhất, phân minh tướng, tu tập đầy đủ. Thế nào là tu tập an-na-ban-na niệm, tu tập nhiều, thân khinh an và tâm khinh an, có tầm, có tứ, tịch diệt, thuần nhất, phân minh tướng, tu tập đầy đủ? Tỳ-kheo, nương vào xóm làng, thành ấp mà ở; sáng sớm đắp y mang bát vào thôn khát thực, hãy khéo hộ trì thân, giữ gìn các căn, khéo cột tâm an trụ; khát thực xong trở về chỗ ở, cất y bát, rửa chân xong, hoặc vào trong rừng, trong phòng vắng, dưới bóng cây, hoặc nơi đất trống, thân ngồi ngay thẳng, cột niệm trước mặt, cắt đứt mọi tham ái thế gian, ly dục thanh tịnh, đoạn trừ sân nhuế, thùy miên, trạo hối và nghi, vượt qua các nghi hoặc, đối với các pháp lành, tâm được quyết định; viễn ly năm triền cái vốn làm phiền não tâm, khiến tuệ lực suy giảm, là phần chướng ngại, không hướng đến Niết-bàn.

“Niệm hơi thở vào,⁶ cột niệm, hãy khéo học. Niệm hơi thở ra,⁷ cột niệm, hãy khéo học. Hơi thở dài,⁸ hơi thở ngắn.⁹ Cảm giác biết toàn

⁴ Nguyên Hán: thân chỉ tức, tâm chỉ tức 身止息心止息.

⁵ Đại chánh, kinh 803. Pāli, S.54.1 Ekadhamma Cf No 101(15).

⁶ Hán: nội tức 內息 Pāli: *passasati*, thở vào.

⁷ Hán: ngoại tức 外息 Pāli: *assasati*, thở ra.

⁸ Hán: tức trường 息長 Pāli: *dīgham vā assasanto dīgham assasāmī' ti pajānāti*, trong khi thở ra dài, biết rằng “Tôi đang thở ra dài.”

⁹ Hán: tức đoản 息短 Pāli: *rassam vā assasanto rassam assasāmī' ti pajānāti*, trong khi thở ra ngắn, biết rằng “Tôi đang thở ra ngắn.”

thân khi thở vào, khắp toàn thân thờ vào, hãy khéo học.¹⁰ Cảm giác biết toàn thân khi thở ra, khắp toàn thân thờ ra, hãy khéo học. Giác tri tất cả sự an tịnh của tất cả thân hành khi thở vào,¹¹ tất cả thân hành an tịnh thờ vào, hãy khéo học. Giác tri tất cả sự an tịnh của tất cả thân hành khi thở ra, tất cả [206b] thân hành an tịnh thờ vào, hãy khéo học. Giác tri hỷ, giác tri lạc, giác tri tâm hành,¹² giác tri sự an tịnh của tâm hành khi thở vào, giác tri tâm hành an tịnh thờ vào, hãy khéo học.¹³ Giác tri sự an tịnh của tâm hành khi thở ra, giác tri tâm hành an tịnh thờ ra, hãy khéo học. Giác tri tâm, giác tri tâm hoan hỷ, giác tri tâm định, giác tri tâm giải thoát khi thở vào,¹⁴ giác tri tâm giải thoát thờ vào, hãy khéo học. Giác tri tâm giải thoát khi hơi thở ra, giác tri tâm giải thoát thờ ra, hãy khéo học. Quán sát vô thường, quán sát đoạn, quán sát vô dục, quán sát diệt¹⁵ khi hơi thở vào, quán sát diệt thờ vào, phải khéo học. Quán sát diệt khi hơi thở ra, quán sát diệt thờ ra, phải khéo học. Đó gọi là tu an-na-ban-na niệm, thân khinh an và tâm khinh an, có tầm, có tứ, tịch diệt, thuần nhất, phân minh tướng, tu tập đầy đủ.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

¹⁰ Pāli: *sabbakāyapaṭisaṃvedī passasissāmī’ ti sikkhati*, vị ấy học tập rằng, “cảm giác toàn thân tôi sẽ thờ vào.”

¹¹ Hán: ...nhất thiết thân hành tức nhập tức 一切身行息入息 Pāli: *passaṃbhayaṃ kāyasaṃkhāraṃ assasissāmī’ ti sikkhati*, vị ấy học tập rằng, “thân hành an tịnh, tôi sẽ thờ vào.”

¹² Hán: giác tri hỷ, giác tri lạc, giác tri tâm hành 覺知喜, 覺知樂, 覺知身行 Pāli: *pītippaṭisaṃvedī..., sukhappaṭisaṃvedī..., cittasaṃkhārappaṭisaṃvedī...*

¹³ Hán: ...tâm hành tức nhập tức.. 心行息入息 Pāli: *passaṃbhayaṃ cittasaṃkhāraṃ passasissāmī’ ti sikkhati*, vị ấy học rằng, “tâm hành an tịnh, tôi sẽ thờ vào,”

¹⁴ Giác tri tâm, giác tri tâm duyệt, giác tri tâm định, giác tri tâm giải thoát 覺知心, 覺知心悅, 覺知心定, 覺知心解脫 Pāli: *cittappaṭisaṃvedī..., abhippamodayaṃ cittaṃ..., samādahaṃ cittaṃ..., vimocayaṃ cittaṃ...*

¹⁵ Hán: quán sát vô thường.. đoạn... vô dục.. diệt 觀察無常, 觀察斷, 觀察無欲, 觀察滅 Pāli: *aniccānupassī.. virāgānupassī.. nirodhānupassī.. paṭinissaggānupassī*, quán vô thường, quán ly dục, quán diệt, quán xả ly.

KINH 772. ĐOẠN GIÁC TƯỞNG¹⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy tu an-na-ban-na niệm tu tập an-na-ban-na niệm, tu tập nhiều, sẽ đoạn trừ các giác tưởng. Thế nào tu tập an-na-ban-na niệm, tu tập nhiều, sẽ đoạn trừ các giác tưởng? Tỳ-kheo nào nương vào làng xóm, thành ấp mà ở, *nói đầy đủ như trên... cho đến* khéo học đối với việc quán sát diệt khi hơi thở ra. Đó gọi là tu tập an-na-ban-na niệm, tu tập nhiều, sẽ đoạn trừ các giác tưởng.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như đoạn trừ giác tưởng, *cũng vậy* không dao động sẽ được quả lớn, phước lợi lớn; *cũng vậy* sẽ được cam lồ, cứu cánh cam lồ, và sẽ được hai quả, bốn quả, bảy quả, *kinh nào cũng nói như trên*.

KINH 773. A-LÊ-SẮT-TRA¹⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Như an-na-ban-na niệm mà Ta đã giảng dạy, các người có tu tập không?”

Lúc ấy, có Tỳ-kheo tên là A-lê-sắt-tra,¹⁸ đang ngồi ở trong chúng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, đánh lễ Phật, quỳ gối phải sát đất, chấp tay bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, con đã tu tập an-na-ban-na niệm mà Thế Tôn **[206c]** đã giảng dạy.”

Phật bảo Tỳ-kheo A-lê-sắt-tra:

“Người tu tập an-na-ban-na niệm mà Ta đã giảng dạy như thế nào?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

¹⁶ Đại chánh, kinh 804. Pāli, S 54. 2-5 Bojjhaṅga, v.v.

¹⁷ Đại chánh, kinh 805. Pāli, S 54.6 Ariṭṭha.

¹⁸ A-lê-sắt-tra 阿梨瑟吒. Pāli: Ariṭṭha.

“Đôi các hành quá khứ con không luyện tiếc, các hành vị lai không hân hoan, đối với các hành hiện tại không sanh đắm nhiễm; khéo chân chánh trừ diệt những tướng về đối ngại¹⁹ bên trong và bên ngoài. Con đã tu tập an-na-ban-na niệm mà Thế Tôn đã giảng dạy như vậy.”

Phật bảo Tỳ-kheo A-lê-sắc-tra:

“Người thật sự đã tu an-na-ban-na niệm mà Ta đã giảng dạy, chứ chẳng phải không tu. Song có Tỳ-kheo đối với chỗ tu tập an-na-ban-na niệm của người lại còn có phần vi diệu hơn, vượt trội hơn. Những gì là an-na-ban-na niệm vi diệu hơn, vượt trội hơn những gì an-na-ban-na niệm mà người đã tu tập? Tỳ-kheo nương vào làng xóm, thành ấp mà ở, *như đã nói ở trên... cho đến*, quán sát diệt, thở ra, hãy khéo học. Này Tỳ-kheo A-lê-sắc-ra! Đó gọi là an-na-ban-na niệm vi diệu hơn, vượt trội hơn những gì an-na-ban-na niệm mà người tu tập.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 774. KẾ-TÂN-NA²⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, vào sáng sớm, đức Thế Tôn đắp y bung bát vào thành Vương Xá khát thực. Ăn xong, trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, Thế Tôn mang ni-sư-đàn vào rừng An-đà, ngồi dưới một bóng cây, thiền tịnh ban ngày.

Lúc bấy giờ, Tôn giả Kế-tân-na,²¹ cũng vào sáng sớm, đắp y mang bát vào thành Vương Xá khát thực. Xong, trở về cất y bát, rửa chân xong, mang ni-sư-đàn vào rừng An-đà ngồi thiền dưới một bóng cây cách đức Phật không xa; thẳng người bất động, thân tâm chánh trực, tư duy thẳng diệu.

¹⁹ Hán: 於內外對礙想. Pāli: *ajjhataṃ bahidhā ca dhammesu paṭighasañña*, tri giác tướng về tính đối ngại (tính đối kháng của vật chất, cũng có nghĩa sự sân hận) nơi các pháp nội và ngoại.

²⁰ Đại chánh, kinh 806. Pāli, S 54.7 Kappina.

²¹ Kế-tân-na 罽賓那. Pāli: Kippina.

Vào buổi chiều hôm ấy, có số đông các Tỳ-kheo sau khi từ thiền tịnh tỉnh giấc, đi đến chỗ đức Phật, cúi đầu dành lễ sát chân Phật, rồi ngồi xuống một bên. Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Các người có thấy Tôn giả Kê-tân-na không? Cách Ta không xa, vị đó đang ngồi ngay thẳng trang nghiêm, thân tâm bất động, an trú thẳng diệu trụ.”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Chúng con thường xuyên thấy Tôn giả này ngồi thẳng trang nghiêm, khéo thu nhiếp thân mình không rung, không động, chuyên tâm thẳng diệu.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu Tỳ-kheo nào tu tập tam-muội, thân tâm an trụ, không rung, không động, trụ vào thẳng diệu, Tỳ-kheo ấy sẽ đạt được tam-muội này mà không tinh cần phương tiện, tùy theo ý muốn liền có được.”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Tam-muội gì [207a] mà Tỳ-kheo đạt được tam-muội này thì thân tâm bất động, an trú thẳng diệu trụ?”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo nương vào làng xóm mà ở, sáng sớm đắp y mang bát vào thôn khất thực, ăn xong trở về tinh xá cất y bát, sau khi rửa chân xong vào ngồi trong rừng, hoặc nơi phòng vắng, đất trống, cột niệm tư duy... *cho đến*, quán sát diệt, thở ra, hãy khéo học. Đó là tam-muội, nếu Tỳ-kheo nào ngồi trang nghiêm suy tư, thân tâm bất động, an trú thẳng diệu trụ.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 775. NHẤT-XA-NĂNG-GIÀ-LA²²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong rừng Nhất-xa-năng-già-la.²³ Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

²² Đại chánh, kinh 708. Pāli, S 54.11 Icchānaṅgala.

²³ Nhất-xa-năng-già-la 一奢能伽羅 Pāli: Icchānaṅgala.

“Ta muốn tọa thiền trong vòng hai tháng. Các Tỳ-kheo chớ nên tới lui, chỉ trừ Tỳ-kheo đưa thức ăn và khi bố-tát.”²⁴

Thế Tôn sau khi nói những lời này xong, liền ở lại đây hai tháng để thiền tọa, không một Tỳ-kheo nào dám tới lui, chỉ trừ lúc đưa thức ăn và bố-tát.

Bấy giờ, sau khi trải qua hai tháng thiền tọa xong, Thế Tôn từ thiền định ra, ngồi trước Tỳ-kheo Tăng; bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu có những xuất gia ngoại đạo nào đến hỏi các người: ‘Sa-môn Cù-đàm trong hai tháng tọa thiền gì?’ Các người nên đáp rằng: ‘Trong hai tháng Như Lai bằng an-na-ban-na niệm an trụ trong thiền định tư duy. Vì sao? Suốt trong hai tháng này Ta luôn luôn an trụ tư duy bằng niệm an-na-ban-na, thường xuyên an trụ tư duy. Khi hơi thở vào, biết như thật niệm hơi thở vào. Khi hơi thở ra, biết như thật niệm hơi thở ra. Hoặc dài, hoặc ngắn. Cảm giác toàn thân, biết như thật niệm hơi thở vào. Cảm giác toàn thân, biết như thật niệm hơi thở ra. An tịnh thân hành, biết như thật niệm hơi thở vào... *cho đến*, diệt, biết như thật hơi thở ra. Sau khi Ta đã biết, bấy giờ, Ta tự nghĩ: ‘Ở đây vẫn còn trụ tư duy thô. Nay Ta sau khi đình chỉ tư duy này, hãy tu thêm các tu tập vi tế khác mà an trụ.’

“Rồi, Ta sau khi đình chỉ tư duy thô, liền nhập tư duy vi tế và an trụ nhiều nơi đó mà an trụ. Khi đó có ba vị Thiên tử, tướng mạo rất tuyệt diệu, sáng sớm, đi đến chỗ Ta. Một Thiên tử nói như vậy, ‘Sa-môn Cù-đàm đã chết.’²⁵ Lại có một Thiên tử nói, ‘Đây chẳng phải đã chết, mà sắp chết.’ Vị Thiên tử thứ ba nói, ‘Chẳng phải đã chết, cũng chẳng phải sắp chết, mà đây là an trụ tu tập. Đây là sự tịch diệt của vị A-la-hán tịch diệt vậy.’”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu có chánh thuyết nào về Thánh trụ,²⁶ Thiên trụ,²⁷ Phạm trụ,²⁸ Học trụ,²⁹ **[207b]** Vô học trụ,³⁰ Như Lai trụ,³¹ và hiện pháp lạc trụ³² của

²⁴ Xem kinh Đại chánh 481 trên.

²⁵ Nguyên Hán: thời đáo 時到.

²⁶ Thánh trụ 聖住; Pali: *ariyavihāra*.

²⁷ Thiên trụ 天住; *dibbavihāra*.

²⁸ Phạm trụ 梵住; *brahmavihāra*.

²⁹ Học trụ 學住; *sekhavihāra*.

Thánh nhân vô học mà hàng hữu học chưa được sẽ được, chưa đến sẽ đến, chưa chứng sẽ chứng; đó là nói về an-na-ban-na niệm. Đây là chánh thuyết. Vì sao? An-na-ban-na niệm là Thánh trụ, Thiên trụ, Phạm trụ... *cho đến* vô học hiện pháp lạc trú.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 776. CA-MA³³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn cây Ni-câu-luật tại Ca-tì-la-việt.³⁴ Bấy giờ có Ma-ha-nam họ Thích³⁵ đi đến chỗ Tôn giả Tỳ-kheo Ca-ma,³⁶ đánh lễ sát chân Tỳ-kheo Ca-ma, rồi ngồi xuống một bên, thưa Tỳ-kheo Ca-ma rằng:

“Thế nào, Tôn giả Ca-ma, có phải bậc học trụ³⁷ tức là Như Lai trụ³⁸ không? Hay học trụ khác, Như Lai trụ khác?”

Tỳ-kheo Ca-ma đáp rằng:

“Này Ma-ha-nam, học trụ khác, Như Lai trụ khác. Ma-ha-nam, học trụ là do đoạn trừ năm triền cái mà an trụ nhiều. Như Lai trụ là đối với năm triền cái đã đoạn, đã biến tri, chặt đứt gốc rễ của nó, như chặt đầu cây đa-la, làm cho không còn sanh trưởng nữa, ở đời vị lai trở thành pháp bất sanh.

“Một thời, Thế Tôn ở trong rừng Nhất-xà-năng-già-la.³⁹ Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: ‘Ta muốn ở trong rừng Nhất-xà-năng-già-la này thiên tọa trong vòng hai tháng. Tỳ-kheo các Người chớ tới lui, chỉ trừ

³⁰ Vô học trụ 無學住; *asekhavihāra*.

³¹ Như lai trụ 如來住; *tathāgatavihāra*.

³² Hiện pháp lạc trú 現法樂住; *ditṭhadhammasukhavihāra*.

³³ Đại chánh, kinh 808. Pāli, S.54.12 Kaṅkheyya

³⁴ Ca-tì-la-việt Ni-câu-luật thọ viên 迦毘羅越尼拘律樹園 Pāli: *Kapilavattusmiṃ nigrodhārāme*.

³⁵ Thích thị Ma-ha-nam 釋氏摩訶男 Pāli: Mahānāmo sakko.

³⁶ Ca-ma tỳ-kheo 迦磨比丘 Pāli: āyasmā Lokasakambhiyo.

³⁷ Học trụ 學住 Pāli: *sekhavihāra*.

³⁸ Như lai trụ 如來住 Pāli: *tathāgatavihāra*.

³⁹ Xem kinh 807.

Tỳ-kheo đưa thức ăn và, lúc bố-tát. *Nói đây đủ như trước... cho đến Vô học hiện pháp lạc trụ.* Đây Ma-ha-nam, vì vậy cho nên biết, học trụ khác, Như Lai trụ khác.”

Sau khi Ma-ha-nam họ Thích nghe những gì Tỳ-kheo Ca-ma đã nói, hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

KINH 777. KIM-CANG⁴⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong rừng Tát-la-lê,⁴¹ bên bờ sông Bạt-câu-ma⁴² tại tụ lạc Kim Cang.⁴³ Bấy giờ đức Thế Tôn vì các Tỳ-kheo nói về bất tịnh quán, khen ngợi bất tịnh quán rằng:

“Các Tỳ-kheo nên tu tập bất tịnh quán. Người tu tập bất tịnh quán nhiều đạt được quả lớn, phước lợi lớn.”

Các Tỳ-kheo sau khi tu tập bất tịnh quán, thấy đều rất chán sợ thân này, hoặc dùng đao tự sát, hoặc uống thuốc độc, hoặc dùng dây tự vẫn, hoặc lao đầu vào vách núi tự sát, hoặc nhờ Tỳ-kheo khác giết.⁴⁴

Có Tỳ-kheo kia sanh lòng cực kỳ nhàm chán sự bất tịnh ác lộ, nên đến chỗ con của Bà-la-môn Lộc Lâm⁴⁵ nói với người con Bà-la-môn Lộc Lâm rằng:

“Hiền thủ! Người làm ơn giết tôi, y bắt xin tặng lại ông.”

Bấy giờ, người con của Bà-la-môn Lộc Lâm liền giết Tỳ-kheo này, rồi mang **[207c]** đao đến bờ sông Bạt-câu-ma để rửa. Lúc ấy, có Ma thiên ở giữa hư không, khen ngợi con của Bà-la-môn Lộc Lâm rằng:

“Lành thay! Lành thay, Hiền thủ! Ông được vô lượng công đức, có thể khiến cho Sa-môn Thích tử trì giới có đức, người chưa độ được độ, người chưa thoát được thoát, người chưa yên nghỉ khiến được yên

⁴⁰ Đại chánh, kinh 809. Pāli, S 54. 9 Vesāli.

⁴¹ Tát-la-lê lâm 薩羅梨林.

⁴² Bạt-câu-ma 跋求摩河. Tức Pāli, sông Vaggumudā, thuộc nước Vajji.

⁴³ Kim-cang tụ lạc 金剛聚落. Pāli, Vajji, nung Hán đọc là Vajira (Skt. Vajra).

⁴⁴ Chuyện xảy ra, *Thập tụng 2*, tại nước Bạt-ki, bên sông Bạt-câu-ma. *Tứ phần 2*, trong lúc Phật trú tại Tì-xá-li. Pāli, Vin. iii. 70, Phật ở tại Vesāli.

⁴⁵ Lộc Lâm phạm-chí tử 鹿林梵志子. *Tứ phần 2*: Vật-lực-già Nan-dề 勿刀伽難提. *Thập tụng 2*: Lộc Trọng phạm chí 鹿杖梵志. Vin. iii. 68: một người già trang sa-môn (*samaṇakuttaka*) tên là Migadaṇḍa.

nghi, người chưa được Niết-bàn khiến được Niết-bàn; y bát, và các thứ tạp vật cùng những lợi dưỡng tất cả đều thuộc về ông.”

Sau khi con của Bà-la-môn Lộc Lâm nghe những lời khen ngợi này rồi, ác tà kiến tăng thêm tự nghĩ: ‘Hôm nay ta đã thật sự tạo ra phước đức lớn, khiến cho Sa-môn Thích tử, người trì giới, công đức, người chưa độ được độ, người chưa thoát được thoát, người chưa yên nghỉ khiến được yên nghỉ, người chưa được Niết-bàn khiến được Niết-bàn; y bát, và các thứ tạp vật cùng những lợi dưỡng tất cả đều thuộc về ta.’ Nghĩ xong tay cầm đao bén đi đến các phòng xá, những nơi kinh hành, phòng riêng, phòng Thiền, gặp các Tỳ-kheo, y nói như vậy:

“Những Tỳ-kheo nào trì giới có đức, ai chưa được độ tôi có thể độ cho; ai chưa thoát tôi sẽ khiến cho thoát, ai chưa yên nghỉ tôi sẽ khiến được yên nghỉ, chưa Niết-bàn, tôi sẽ khiến được Niết-bàn.”

Lúc ấy, các Tỳ-kheo đang chán sợ thân này, đều ra khỏi phòng nói với con của Bà-la-môn Lộc Lâm rằng:

“Tôi chưa được độ, ông nên độ tôi; tôi chưa được thoát, ông nên giải thoát tôi; tôi chưa được yên nghỉ, ông nên khiến cho tôi được yên nghỉ; tôi chưa được Niết-bàn, ông nên khiến cho tôi được Niết-bàn.” Bấy giờ con Bà-la-môn Lộc Lâm liền dùng đao bén giết Tỳ-kheo này, và lần lượt, giết chết cho đến sáu mươi người.

Bấy giờ, đến ngày mười lăm, lúc thuyết giới, đức Thế Tôn ngồi trước đại chúng, bảo Tôn giả A-nan:

“Vì lý do gì mà các Tỳ-kheo càng lúc càng ít, càng lúc càng giảm, càng lúc càng hết như vậy?”

A-nan bạch Phật rằng:

“Thế Tôn đã vì các Tỳ-kheo nói về tu bất tịnh quán, khen ngợi bất tịnh quán. Khi các Tỳ-kheo tu tập bất tịnh quán, đâm ra chán sợ thân này, *nói đầy đủ... cho đến* giết hại sáu mươi Tỳ-kheo. Bạch Thế Tôn, vì lý do này nên khiến cho các Tỳ-kheo càng lúc càng ít, càng lúc càng giảm, càng lúc càng hết. Cúi xin Thế Tôn thuyết giảng pháp khác, để cho các Tỳ-kheo sau khi nghe xong tinh cần tu tập trí tuệ, an lạc mà tiếp thọ Chánh pháp; an vui sống trong Chánh pháp.”

Phật bảo A-nan:

“Vì vậy, nay Ta sẽ lần lượt nói về sự an trụ vi tế trụ, tùy thuận mà khai giác, khiến pháp ác bất thiện đã khởi hay chưa khởi đều nhanh chóng

lắng xuống. Như trời mưa lớn, những thứ bụi bặm đã khởi lên hay chưa khởi lên đều khiến cho chúng lắng xuống. Cũng vậy, Tỳ-kheo khi tu tập [208a] an trụ nơi vi tế trụ, có thể khiến các pháp ác bất thiện đã khởi hay chưa khởi đều lắng xuống.

“Này A-nan! Thế nào là an trụ vi tế trụ, tùy thuận mà khai giác, khiến pháp ác bất thiện đã khởi hay chưa khởi đều lắng xuống? Đó là an trụ vào an-na-ban-na niệm.”

A-nan bạch Phật:

“Thế nào là tu tập an trụ vào an-na-ban-na niệm, tùy thuận mà khai giác, những pháp ác bất thiện dù đã khởi hay chưa khởi lên cũng có khả năng khiến chúng dừng lại?”

Phật bảo A-nan:

“Nếu Tỳ-kheo, nương vào làng xóm mà ở, *như đã nói đầy đủ ở trước... cho đến khéo học như* diệt, khi niệm hơi thở ra.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 778. A-NAN⁴⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong rừng Tát-la-lê, cạnh sông Bạt-câu-ma tại tụ lạc Kim cang. Bấy giờ Tôn giả A-nan ở một mình nơi vắng, thiền quán tư duy, suy nghĩ như vậy: “Có một pháp nào được tu tập, tu tập nhiều, khiến cho bốn pháp đầy đủ. Bốn pháp đã đầy đủ rồi, bảy pháp đầy đủ. Bảy pháp đã đầy đủ rồi, hai pháp đầy đủ?”

Sau khi từ thiền tịnh tỉnh giấc, Tôn giả A-nan đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ sát chân, rồi ngồi xuống một bên, bạch Phật rằng:

“Khi con ở một mình nơi chỗ vắng, thiền quán tư duy suy nghĩ: ‘Có một pháp nào được tu tập, tu tập nhiều, khiến cho bốn pháp đầy đủ. Bốn pháp đã đầy đủ rồi, bảy pháp đầy đủ. Bảy pháp đã đầy đủ rồi, hai pháp đầy đủ?’”

Phật bảo A-nan:

“Có một pháp được tu tập, tu tập nhiều,... *cho đến* hai pháp đầy đủ. Những gì là một pháp? Đó là an-na-ban-na niệm, được tu tập, tu tập

⁴⁶ Đại chánh, kinh 810. Pāli, S 54 13-14 Ānanda.

nhieu, có khả năng làm cho bốn niệm xứ đầy đủ. Bốn niệm xứ đã đầy đủ rồi, bảy giác chi đầy đủ. Bảy giác chi đã đầy đủ rồi, minh và giải thoát đầy đủ.

“Thế nào là tu tập an-na-ban-na niệm, bốn niệm xứ đầy đủ? Tỳ-kheo nương vào làng xóm mà ở... *cho đến khéo học* quán diệt, khi niệm hơi thở ra.

“Này A-nan, như vậy Thánh đệ tử, khi niệm hơi thở vào, học như niệm hơi thở vào; khi niệm hơi thở ra, học như niệm hơi thở ra. Hoặc dài hoặc ngắn. Giác tri tất cả thân hành, khi niệm hơi thở vào, học như niệm hơi thở vào; khi niệm hơi thở ra, học như niệm hơi thở ra. Thân hành an tịnh khi niệm hơi thở vào, học như thân hành an tịnh niệm hơi thở vào; thân hành an tịnh khi niệm hơi thở ra, học như thân hành an tịnh niệm hơi thở ra. Thánh đệ tử lúc bấy giờ an trụ chánh niệm quán thân trên thân. **[208b]** Ở nơi thân khác, kia cũng như vậy, tùy theo thân tương tự tư duy.⁴⁷

“Nếu có lúc Thánh đệ tử giác tri hỷ,⁴⁸ giác tri lạc,⁴⁹ giác tri tâm hành,⁵⁰ giác tri tâm hành an tịnh, khi niệm hơi thở vào, học như tâm hành an tịnh niệm hơi thở vào; tâm hành an tịnh khi niệm hơi thở ra, học như tâm hành an tịnh niệm hơi thở ra. Thánh đệ tử lúc bấy giờ, an trụ chánh niệm quán thọ trên thọ. Ở nơi thọ khác, kia cũng vậy, tùy theo thọ tương tự tư duy.⁵¹

“Nếu có khi Thánh đệ tử giác tri tâm, giác tri tâm hoan hỷ, tâm định, tâm giải thoát, khi niệm hơi thở vào, học như niệm hơi thở vào. Tâm giải thoát khi niệm hơi thở ra, học như tâm giải thoát niệm hơi thở ra. Thánh đệ tử lúc bấy giờ, an trụ chánh niệm quán tâm nơi tâm. Ở nơi tâm khác, kia cũng vậy, tùy theo tâm tương tự tư duy.

“Nếu có khi Thánh đệ tử quán vô thường, đoạn, vô dục, diệt, học an trụ quán như vô thường, đoạn, vô dục, diệt. Thánh đệ tử lúc bấy giờ,

⁴⁷ Pāli: *kāyaññatarāhaṃ etaṃ vadāmi yadidaṃ assāpassāsāṃ*, Ta nói, tùy theo mỗi thân, hơi thở ra, hơi thở vào.

⁴⁸ Pāli: *pītippaṭisaṃvedī assasissāmi*, cảm giác hỷ, tôi sẽ thở ra...

⁴⁹ Pāli: *sukhappaṭisaṃvedī assissāmi*, cảm giác lạc, tôi sẽ thở ra ...

⁵⁰ Pāli: *cittasāṅkhārappaṭisaṃvedī* (...), cảm giác tâm hành...

⁵¹ Pāli: *vedanāññatarāhaṃ etaṃ vadāmi yadidaṃ assāsapassāsāṃ*, Ta nói, tùy theo mỗi cảm thọ, hơi thở ra vào.

an trụ chánh niệm quán pháp trên pháp. Ở nơi pháp khác, kia cũng vậy, theo pháp tương tự tư duy. Đó gọi là tu an-na-ban-na niệm, bốn niệm xứ đầy đủ.”

A-nan bạch Phật:

“Khi tu tập an-na-ban-na niệm như vậy, khiến cho bốn niệm xứ đầy đủ. Thế nào là tu bốn niệm xứ làm cho bảy giác chi đầy đủ?”

Phật bảo A-nan:

“Tỳ-kheo an trụ chánh niệm quán thân trên thân. Sau khi an trụ với chánh niệm, cột niệm trụ yên không cho mất, bấy giờ, phương tiện tu niệm giác chi. Tu niệm giác chi cho đến khi niệm giác chi được viên mãn. Khi niệm giác chi được viên mãn, đối với pháp mà tuyền trạch, tư lường; bấy giờ phương tiện tu trạch pháp giác chi. Tu trạch pháp giác chi cho đến khi trạch pháp giác chi được viên mãn. Sau khi đối với pháp đã tuyền trạch, phân biệt, tư lường, phương tiện tinh cần đạt được, lúc bấy giờ phương tiện tu tập tinh tấn giác chi. Tu tinh tấn giác chi cho đến khi tinh tấn giác chi được viên mãn. Sau khi phương tiện tinh tấn, tâm được hoan hỷ, lúc bấy giờ phương tiện tu hỷ giác chi. Tu hỷ giác chi cho đến khi hỷ giác chi được viên mãn. Khi đã có hoan hỷ, thân tâm khinh an, lúc bấy giờ phương tiện tu khinh an giác chi. Tu khinh an giác chi cho đến khi khinh an giác chi được viên mãn. Sau khi thân tâm an lạc, đạt được tam-muội, lúc bấy giờ tu định giác chi. Tu định giác chi cho đến khi định giác chi được viên mãn. Khi định giác chi được viên mãn, tham ưu thế gian bị diệt, đạt được xả bình đẳng, lúc bấy giờ phương tiện tu xả giác chi. Tu xả giác chi cho đến khi xả giác chi được viên mãn. Đối với thọ, tâm, pháp trên pháp niệm xứ cũng nói như vậy. Đó gọi là tu bốn niệm xứ, bảy giác chi được đầy đủ.”

A-nan bạch Phật:

[208c] “Đó gọi là tu bốn niệm xứ, bảy giác chi được đầy đủ. Thế nào là khi tu bảy giác chi, minh và giải thoát được đầy đủ?”

Phật bảo A-nan:

“Tỳ-kheo tu niệm giác chi, y cứ viễn ly, y vô dục, y diệt, hướng đến xả. Sau khi đã tu niệm giác chi, minh giải thoát được đầy đủ... *cho đến* khi tu xả giác chi y viễn ly, y vô dục, y diệt, hướng đến xả. *Cũng vậy*, khi tu xả giác chi, minh giải thoát được đầy đủ.

“A-nan, đó gọi là mọi pháp đều tùy thuộc vào nhau, mọi pháp đều ảnh hưởng lẫn nhau. Mười ba pháp như vậy, một pháp làm tăng thượng, một pháp là cửa ngõ, theo thứ lớp tiến lên, tu tập đầy đủ.”

Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan sau khi nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 779-780. TỖ-KHEO⁵²

Cũng vậy, những gì Tỳ-kheo khác hỏi, và đức Phật hỏi các Tỳ-kheo cũng nói như trên.

KINH 781. KIM-TÌ-LA⁵³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong rừng Kim-tì, tụ lạc Kim-tì-la.⁵⁴ Bảy giờ Thế Tôn bảo Tôn giả Kim-tì-la⁵⁵:

“Nay Ta sẽ nói về sự tinh tấn tu tập bốn niệm xứ. Hãy lắng nghe và, suy nghĩ cho kỹ, Ta sẽ nói ông nghe.”

Đức Thế Tôn lập lại ba lần như vậy, trong khi Tôn giả Kim-tì-la vẫn ngồi im lặng. Bảy giờ, Tôn giả A-nan nói với Tôn giả Kim-tì-la:

“Nay Đại Sư nhắc bảo Thầy.”

Ba lần như vậy.

Tôn giả Kim-tì-la nói với Tôn giả A-nan:

“Tôi đã biết, Tôn giả A-nan! Tôi đã biết, bạch Tôn giả Cù-đàm⁵⁶.”

Khi ấy Tôn giả A-nan bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn thật đúng lúc! Bạch Thế Tôn đã đúng lúc! Bạch Thiện Thệ, xin vì các Tỳ-kheo nói về tu tập tinh tấn bốn niệm xứ. Các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ phụng hành.”

Phật bảo A-nan:

“Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ nói cho các người.

⁵² Đại chánh, kinh 811-812.

⁵³ Đại chánh, kinh 813. Pāli, S 54.10 Kimbila.

⁵⁴ Kim-tì-la tụ lạc Kim tỳ lâm 金毘羅聚落金毘林 Pāli: Kimilāyaṃ veḷuvane.

⁵⁵ Kim-tì-la 金毘羅. Pāli: Kimila.

⁵⁶ Cù-đàm, đây chỉ A-nan, gọi tên theo dòng họ.

“Tỳ-kheo, nếu lúc niệm hơi thở vào, học như hơi thở vào;... *cho đến lúc* quán diệt, niệm hơi thở ra, nên học như quán diệt niệm hơi thở ra.

“Bấy giờ Thánh đệ tử khi niệm hơi thở vào, học như niệm hơi thở vào;... *cho đến* thân hành tĩnh chỉ khi niệm hơi thở ra, học như thân hành tĩnh chỉ hơi thở ra.

“Bấy giờ Thánh đệ tử an trụ chánh niệm quán thân trên thân. Bấy giờ Thánh đệ tử an trụ chánh niệm quán thân trên thân, biết khéo tư duy bên trong cũng như vậy.”

Phật bảo A-nan:

“Thí như, có người cỡi xe từ phương Đông lắc lư mà đến, lúc bấy giờ có dẫm đạp lên gò nổng không?”

A-nan bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, có như vậy.”

Phật bảo A-nan:

“Cũng vậy, Thánh đệ tử lúc niệm hơi thở vào, [209a] học như niệm hơi thở vào. Cũng vậy,... *cho đến* khéo tư duy bên trong. Nếu bấy giờ Thánh đệ tử giác tri hỷ,... *cho đến*, học giác tri tâm hành tĩnh chỉ. Thánh đệ tử an trụ chánh niệm quán thọ nơi thọ; khi Thánh đệ tử đã an trụ chánh niệm quán thọ trên thọ, biết khéo tư duy bên trong cũng như vậy.

“Thí như, có người cỡi xe từ phương Nam đi xe lại. Thế nào, A-nan, nó có dẫm đạp lên gò nổng không?”

A-nan bạch Phật:

“Thưa Thế Tôn, có như vậy.”

Phật bảo A-nan:

“Cũng vậy, Thánh đệ tử khi an trụ chánh niệm quán thọ trên thọ, biết khéo tư duy bên trong. Thánh đệ tử giác tri tâm, tâm hân hoan, tâm định, tâm giải thoát khi hơi thở vào, học như tâm giải thoát hơi thở vào; tâm giải thoát khi hơi thở ra, học như tâm giải thoát hơi thở ra.

“Thánh đệ tử bấy giờ sống quán niệm tâm trên tâm. Khi Thánh sống quán niệm tâm trên tâm như vậy, phải biết khéo tư duy bên trong.

“Thí như, có người đi xe từ phương Tây lại, có dẫm đạp lên gò nổng không?”

A-nan bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, có như vậy.”

Phật bảo A-nan:

“Cũng vậy, Thánh giác tri tâm... cho đến tâm giải thoát khi hơi thở ra, học như tâm giải thoát hơi thở ra.

“Cũng vậy, Thánh đệ tử bấy giờ an trụ chánh niệm quán tâm trên tâm, biết khéo tư duy bên trong. Khéo ở nơi thân, thọ, tâm mà diệt bỏ tham ưu. Bấy giờ, Thánh đệ tử an trụ chánh niệm quán pháp trên pháp. Khi Thánh đệ tử an trụ chánh niệm quán pháp trên pháp như vậy, biết khéo tư duy bên trong.

“Này A-nan, thí như nơi ngã tư đường có ụ mô đất, có người cỡi xe từ phương Bắc đi xe lại, có đắm đạp lên ụ mô đất không?”

A-nan bạch Phật:

“Bạch Thế tôn, có như vậy.”

Phật bảo A-nan:

“Cũng vậy, Thánh đệ tử an trụ chánh niệm quán pháp trên pháp, biết khéo tư duy bên trong.

“Này A-nan, đó gọi là Tỳ-kheo phương tiện tinh tấn tu bốn niệm xứ.”

Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan sau khi nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 782. BÁT BÌ⁵⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy tu an-na-ban-na niệm. An-na-ban-na niệm được tu tập, tu tập nhiều, thân không mệt mỏi, mắt cũng không đau nhức, tùy thuận quán an trụ lạc, giác tri lạc, không đắm nhiễm.

“Thế nào là tu an-na-ban-na niệm, thân không mệt mỏi, mắt cũng không đau nhức, tùy thuận quán an trụ lạc, giác tri lạc, không đắm nhiễm?

“Tỳ-kheo khi nương vào làng xóm mà ở... *cho đến* quán diệt, hơi thở ra, học như quán diệt hơi thở ra. Đó gọi **[209b]** là khi tu an-na-ban-na niệm, thân không mệt mỏi, mắt cũng không đau nhức, tùy thuận quán

⁵⁷ Đại chánh, kinh 814. Không mệt nhọc Pāli, S 54.8 Dīpa.

an trụ lạc, giác tri lạc, không đắm nhiễm. Như vậy, tu an-na-ban-na niêm sẽ được quả lớn, phước lợi lớn.

“Tỳ-kheo muốn cầu ly dục pháp ác bất thiện, có tầm, có tứ, có hỷ lạc do viễn ly sanh, chứng và an trú sơ thiên; Tỳ-kheo ấy nên tu an-na-ban-na niêm. Như vậy, nếu tu an-na-ban-na niêm đạt được quả lớn, phước lợi lớn.

“Tỳ-kheo muốn cầu đệ nhị, đệ tam, đệ tứ thiên, từ, bi, hỷ, xả, không nhập xứ, thức nhập xứ, vô sở hữu nhập xứ, phi tướng phi phi tướng nhập xứ; ba kết hoàn toàn hết, đắc quả Tu-đà-hoàn; ba kết đã hết, tham, nhuế, si đã mỏng, đắc quả Tu-đà-hàm; năm hạ phần kết sử đã hết, đắc quả A-na-hàm; đạt được vô lượng sức thần thông, thiên nhĩ, tha tâm trí, túc mạng trí, sinh tử trí, lậu tận trí; Tỳ-kheo ấy nên tu an-na-ban-na niêm. Như vậy, nếu tu an-na-ban-na niêm, đạt được quả lớn, phước lợi lớn.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 783. BỐ-TÁT⁵⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật hạ an cư ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ số đông các Thượng tọa Thanh văn, an cư ở chung quanh Thế Tôn, hoặc dưới gốc cây, hoặc trong hang động.

Khi ấy, có số đông các Tỳ-kheo trẻ đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân Phật, rồi ngồi xuống một bên. Đức Phật vì các Tỳ-kheo trẻ nói pháp, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ. Sau khi khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ rồi, Ngài ngồi im lặng. Các Tỳ-kheo trẻ sau khi nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ mà đi.

Các Tỳ-kheo trẻ đến chỗ Tỳ-kheo Thượng tọa, lễ sát chân Thượng tọa, rồi ngồi một bên. Khi ấy các Tỳ-kheo Thượng tọa suy nghĩ như vậy: “Chúng ta nên nhiếp thọ các Tỳ-kheo trẻ này. Hoặc một người nhận một người; hoặc một người nhận một, hai, ba hay nhiều người.” Sau khi nghĩ như vậy xong, các ngài nhiếp thọ, hoặc một người nhận một

⁵⁸ Đại chánh, kinh 815.

người, hoặc nhận hai, ba, hay nhiều người; hoặc có Thượng tọa... *cho đến* nhận sáu mươi người.

Bấy giờ là ngày mười lăm, lúc bố-tát, đức Thế Tôn trải chỗ ngồi mà ngồi ở trước đại chúng. Thế Tôn sau khi quán sát các Tỳ-kheo xong, bảo các Tỳ-kheo rằng:

“Lành thay! Lành thay! Hôm nay Ta rất hoan hỷ vì các Tỳ-kheo đã làm [209c] những việc chính đáng. Cho nên Tỳ-kheo phải nỗ lực tinh tấn.”

Ở tại Xá-vệ, sau khi tháng Ca-đê⁵⁹ đã mãn, các Tỳ-kheo du hành trong nhân gian, nghe rằng “Đức Thế Tôn an cư ở nước Xá-vệ, hạn tháng Ca-đê đã mãn, may y đã xong, đắp y mang bát đang du hành trong nhân gian ở nước Xá-vệ.” Các Tỳ-kheo đi dần đến nước Xá-vệ, sau khi cất y bát, rửa chân xong, họ đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đánh lễ sát chân, rồi ngồi xuống một bên.

Bấy giờ, Thế Tôn vì các Tỳ-kheo du hành nhân gian nói pháp khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ. Sau khi khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ rồi, Ngài ngồi im lặng. Các Tỳ-kheo du hành nhân gian sau khi nghe Phật nói pháp, thấy đều hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ mà đi. Họ đến chỗ Tỳ-kheo Thượng tọa, cúi đầu đánh lễ sát chân, rồi ngồi xuống một bên.

Khi ấy, các Tỳ-kheo Thượng tọa nghĩ như vậy, “Chúng ta nên nhiếp thọ các Tỳ-kheo du hành nhân gian này. Hoặc một người nhận một người, hoặc một người nhận một, hai, ba hay nhiều người.” Sau đó các ngài nhiếp thọ, hoặc một người nhận một người, hoặc nhận hai, ba,... cho đến nhận sáu mươi người. Có Tỳ-kheo Thượng tọa nhận các Tỳ-kheo du hành nhân gian giáo giới, giáo thọ, khiến họ khéo biết rõ thứ lớp trước sau.

Bấy giờ, ngày mười lăm, ngày bố-tát, đức Thế Tôn trải chỗ ngồi mà ngồi trước đại chúng, sau khi quán sát chúng Tỳ-kheo, Ngài bảo các Tỳ-kheo:

“Lành thay! Lành thay! Các Tỳ-kheo, Ta rất hoan hỷ vì các người đã làm những việc chính đáng. Các Tỳ-kheo! Chư Phật quá khứ, cũng có chúng Tỳ-kheo mà sở hành chính đáng, như chúng hiện tại này vậy. Chư Phật vị lai cũng sẽ có chúng, và cũng sẽ có những sở hành chính

⁵⁹ Ca-đê nguyệt 迦低, Pāli: *kaṭṭika*, thường chỉ tháng sau ngày giải chế an cư.

đáng như vậy, như chúng hiện tại này vậy. Vì sao? Các Tỳ-kheo Trưởng lão trong chúng hiện tại này, có vị đã đắc và an trụ đầy đủ sơ thiên, đệ nhị thiên, đệ tam thiên, đệ tứ thiên, từ, bi, hỷ, xả, không nhập xứ, thức nhập xứ, vô sở hữu nhập xứ, phi tưởng phi phi tưởng xứ. Có Tỳ-kheo ba kết đã hết, đắc Tu-đà-hoàn, không đọa vào pháp đường dữ, nhất định hướng đến Vô thượng Chánh giác, chỉ còn bảy lần qua lại trời người, cứu cánh hết khổ. Có Tỳ-kheo ba kết đã hết, tham, thuế, si mỏng, đắc Tư-đà-hàm. Có Tỳ-kheo năm hạ phần kết đã hết, đắc A-na-hàm, sanh bát-niết-bàn, không tái sinh vào cõi đời này nữa. Có Tỳ-kheo đắc cảnh giới vô lượng thần thông thiên nhĩ, tha tâm trí, túc mạng trí, sanh tử trí, lậu tận trí. Có Tỳ-kheo tu quán bất tịnh để đoạn tham dục, tu tâm từ để đoạn sân nhuế, tu vô thường để đoạn ngã mạn, tu **[210a]** an-na-ban-na niệm để đoạn giác tưởng.

“Thế nào là tu an-na-ban-na niệm để đoạn giác tưởng? Tỳ-kheo nương vào làng xóm mà ở... *cho đến* quán diệt khi hơi thở ra, học như quán diệt hơi thở ra. Đó gọi là tu an-na-ban-na niệm để đoạn trừ giác tưởng.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

21. TƯƠNG ƯNG HỌC¹

KINH 784. HỌC (1)²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rùng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có ba học. Những gì là ba? Đó là tăng thượng giới học, tăng thượng tâm học,³ tăng thượng tuệ học.”

Sau đó Thế Tôn liền nói kệ rằng:

*Người đầy đủ ba học,
Là Tỳ-kheo chánh hành;
Tăng thượng giới, tâm, tuệ,
Nỗ lực siêng ba pháp.*

*Dũng mãnh, thành trì vững,
Luôn giữ gìn các căn.
Ngày cũng như ban đêm,
Ban đêm cũng như ngày.
Trước lại cũng như sau,
Sau lại cũng như trước;
Như trên cũng như dưới,
Như dưới cũng như trên.*

*Các tam-muội vô lượng,
Chiếu khắp cả các phương;
Đó lối đi giác ngộ,
Tập tưới mát bậc nhất.*

Lìa bỏ vô minh tránh,

¹ Tương ưng học, gồm các kinh Đại chánh 816-832 (cuối quyển 29 & đầu quyển 30). *Ấn Thuận Hội biên*, “15 Tương ưng học,” gồm 32 kinh, số 1104-1135. Không có tương đương Samyutta Pāli; phần lớn tương đương Anguttara, pháp ba (*tikanipāta*). *Quốc dịch*, quyển 26, “7 Tương ưng học,” kinh số 12577-12608 (qua một phần quyển 27), chia làm 2 phẩm, Phẩm 1, kinh 12577-12593, Phẩm 2, kinh 12594-12608.

² Đại chánh, kinh 816. Pāli, A 3.89 Sikkhā.

³ Tăng thượng ý 增上意, tức tăng thượng tâm, chỉ định học Pāli: *tisso sikkhā – adhisīlasikkhā, adhicittasikkhā, adhipaññāsikkhā*.

*Tâm ấy khéo giải thoát.
Ta đáng Thế gian giác,
Minh Hành đều đầy đủ.*

*Trụ chánh niệm không quên,
Tâm này được giải thoát.
Khi thân hoại mạng chung,
Như đèn hết dầu tắt.*

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 785. HỌC (2)⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Cũng có ba học nữa. Những gì là ba? Đó là tăng thượng giới học, tăng thượng tâm học, tăng thượng tuệ học.

“Thế nào là tăng thượng giới học? Tỳ-kheo an trụ Ba-la-đề-mộc-xoa, thực hành đầy đủ luật nghi, oai nghi, thấy tội nhỏ nhất sanh lòng sợ hãi, thọ trì học giới.

“Thế nào là tăng thượng tâm học? Tỳ-kheo ly dục, ly pháp ác bất thiện... cho đến, chứng và an trụ đệ tứ thiên.

“Thế nào là tăng thượng [210b] tuệ học? Tỳ-kheo biết như thật Khổ Thánh đế này, biết như thật Tập, Diệt, Đạo Thánh đế, đó gọi là tăng thượng tuệ học.”

Bấy giờ, đức Thế Tôn liền noi kệ như đã nói ở trên.

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 786. HỌC (3)⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

⁴ Đại chánh, kinh 817. Pāli, S 3.88 Sikkhā.

⁵ Đại chánh, kinh 818.

“Có Tỳ-kheo học tăng thượng giới, không phải học tăng thượng tâm, tăng thượng tuệ. Có vị học tăng thượng giới, tăng thượng tâm, không phải học tăng thượng tuệ.

“Thánh đệ tử an trụ tăng thượng tuệ, phương tiện tùy thuận mà thành tựu và an trụ, sự tu tập tăng thượng giới, tăng thượng tâm cũng sẽ đầy đủ. Cũng vậy, Thánh đệ tử an trụ tăng thượng tuệ, phương tiện tùy thuận mà thành tựu và an trú, sẽ sống theo tuổi thọ của trí tuệ vô thượng.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 787. HỌC (4)⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hơn hai trăm năm mươi giới,⁷ cứ mỗi nửa tháng, lại thuyết Ba-la-đề-mộc-xoa. Để cho kia tự mình cầu học mà học, nói ba học có thể tổng nhiếp các giới. Những gì là ba? Đó là tăng thượng giới học, tăng thượng tâm học, và tăng thượng tuệ học.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 788. HỌC (5)⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Nói như trên, nhưng có một vài sai biệt:

“Thế nào là tăng thượng giới học? Tỳ-kheo thiên trọng nơi giới,⁹ giới tăng thượng; không thiên trọng nơi định, định không tăng thượng;

⁶ Đại chánh, kinh 819. Pāli, S 3.87 Sādhika (Sikkhā).

⁷ Hán: quá nhị bách ngũ thập giới 過二百五十戒. Pāli: *diyaddhasikkhāpadasatam*, 150 điều học giới.

⁸ Đại chánh, kinh 820. Pāli, A 3.86 Sekha.

⁹ Pāli: *sīlesu paripūrākārī hoti samādhismiṃ mattaso kārī paññaya mattaso kārī*, nơi giới hành trì toàn phần, nơi định, huệ hành trì một phần nhỏ.

không thiên trọng nơi tuệ, tuệ không tăng thượng. Đối với từng phần từng phần giới vi tế, nếu phạm thì theo đó mà sám hối. Vì sao? Ta không nói là kia không có khả năng, nếu giới kia tùy thuận phạm hạnh, làm lợi ích cho phạm hạnh, làm tồn tại lâu dài phạm hạnh; Tỳ-kheo như vậy giới vững chắc, giới sư luôn tồn tại,¹⁰ giới thường tùy thuận mà sinh, thọ trì mà học. Biết như vậy, thấy như vậy, sẽ đoạn trừ ba kết là thân kiến, giới thủ, và nghi. Ba kết này đã đoạn trừ, đắc Tu-đà-hoàn, không còn đọa vào pháp đường dữ, nhất định sẽ hướng đến Vô thượng Chánh giác, chỉ còn qua lại bảy lần trời người, cứu cánh thoát khổ. Đó gọi là tăng thượng giới học.

[210c] “Thế nào là tăng thượng tâm học? Tỳ-kheo thiên trọng giới, giới tăng thượng; thiên trọng định, định tăng thượng; không thiên trọng tuệ, tuệ không tăng thượng. Đối với từng phần từng phần giới vi tế... cho đến thọ trì học giới. Biết như vậy, thấy như vậy, đoạn trừ năm hạ phần kết, là thân kiến, giới thủ, nghi, tham dục, sân nhuế. Năm hạ phần kết này đã đoạn trừ, đắc sanh bát-niết-bàn A-na-hàm, không còn trở lại đời này. Đó gọi là tăng thượng tâm học.

“Thế nào là tăng thượng tuệ học? Tỳ-kheo Tỳ-kheo thiên trọng giới, giới tăng thượng; thiên trọng định, định tăng thượng; thiên trọng tuệ, tuệ tăng thượng. Tỳ-kheo biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát dục hữu lậu, tâm giải thoát hữu hữu lậu, tâm giải thoát vô minh hữu lậu; giải thoát tri kiến, tự biết rằng ‘Ta, sự sanh đã chấm dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sinh đời sau nữa.’ Đó gọi là tăng thượng tuệ học.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 789. HỌC (6)¹¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hơn hai trăm năm mươi giới,¹² cứ mỗi nửa tháng, lại thuyết Ba-la-đề-mộc-xoa. Nếu thiện nam tử tự theo ý muốn của mình mà học, Ta nói

¹⁰ Hán: giới sư thường trú 戒師常住 Pāli: *thitasīlo*, giới trụ vững.

¹¹ Đại chánh, kinh 821. Pāli, A 3.85 Sekhā.

¹² Xem **cht. 7 trên**.

cho ba học. Nếu học ba học này, sẽ tóm thâu được tất cả mọi học giới. Nhưng gì là ba? Đó là tăng thượng giới học, tăng thượng tâm học, tăng thượng tuệ học.

“Thế nào là tăng thượng giới học? Tỳ-kheo thiên trọng nơi giới,¹³ giới tăng thượng; không thiên trọng nơi định, định không tăng thượng; không thiên trọng nơi tuệ, tuệ không tăng thượng. Đối với từng phần từng phần giới vi tế,... cho đến nên giữ gìn học giới. Tỳ-kheo biết như vậy, thấy như vậy, đoạn ba kết là thân kiến, giới thủ, nghi; tham, nhuế, si đã mỏng, thành tựu nhất chủng đạo.¹⁴ Ở vào địa này chưa phải là đẳng giác, nên gọi là Tư-đà-hoàn, hay gọi là gia-gia, gọi là thất hữu, gọi là tùy pháp hành, gọi là tùy tín hành. Đó gọi là tăng thượng giới học.

“Thế nào là tăng thượng tâm học? Tỳ-kheo thiên trọng giới, giới tăng thượng; thiên trọng định, định tăng thượng; không thiên trọng tuệ, tuệ không tăng thượng. Đối với từng phần từng phần giới vi tế... cho đến thọ trì học giới. Nếu Tỳ-kheo biết như vậy, thấy như vậy, đoạn được Năm hạ phần [211a] kết, là thân kiến, giới thủ, nghi, tham dục, sân nhuế; nếu đoạn trừ được năm hạ phần này có thể được trung bát-niết-bàn. Ở địa vị này nếu chưa được đẳng giác, được sanh bát-niết-bàn; ở địa vị này nếu chưa được đẳng giác, được vô hành bát-niết-bàn; ở địa vị này nếu chưa được đẳng giác, được hữu hành bát-niết-bàn; ở địa vị này nếu chưa được đẳng giác, được thượng lưu bát-niết-bàn. Đó gọi là tăng thượng tâm học.

“Thế nào là tăng thượng tuệ học? Tỳ-kheo thiên trọng giới, giới tăng thượng; thiên trọng định, định tăng thượng; thiên trọng tuệ, tuệ tăng thượng. Tỳ-kheo biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát dục hữu lậu, tâm giải thoát hữu hữu lậu, tâm giải thoát vô minh hữu lậu; giải thoát tri kiến, tự biết rằng, ‘Ta, sự sanh đã chấm dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau nữa.’ Đó gọi là tăng thượng tuệ học.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

¹³ Xem [cht. 9 trên](#).

¹⁴ Nhất chủng đạo 一種道, quả vị thuộc Tư-đà-hàm Pāli: *ekabīja*.

KINH 790. NIẾT-BÀN¹⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu Tỳ-kheo an trụ giới đầy đủ, khéo nhiếp trì Ba-la-đề-mộc-xoa, đầy đủ oai nghi hành xử, thấy những tội vi tế hay sanh lòng sợ hãi. Tỳ-kheo khi đã an trụ giới đầy đủ, khéo nhiếp trì Ba-la-đề-mộc-xoa, đầy đủ oai nghi hành xử, thấy những tội vi tế hay sanh lòng sợ hãi, bình đẳng thọ trì học giới, khiến cho sự tu tập ba học đầy đủ. Những gì là ba? Đó là tăng thượng giới học, tăng thượng tâm học, tăng thượng tuệ học.

“Thế nào là tăng thượng giới học? Tỳ-kheo giới đầy đủ,¹⁶ nhưng định ít, tuệ ít; đối với mỗi một phần giới vi tế... cho đến nên gìn giữ giới học. Tỳ-kheo biết như vậy, thấy như vậy, đoạn trừ được ba kết, đó là thân kiến, giới thủ, và nghi; khi đã đoạn trừ ba kết này, đắc Tu-đà-hoàn, không còn đọa vào đường dữ, nhất định hướng đến Vô thượng Chánh giác, chỉ còn bảy lần qua lại trời người, cứu cánh thoát khổ.

“Thế nào là tăng thượng tâm học? Tỳ-kheo định đã đầy đủ, tam-muội đã đầy đủ, nhưng tuệ ít; đối với mỗi một phần giới vi tế, nếu phạm thì theo đó mà sám hối... cho đến nên gìn giữ học giới. Tỳ-kheo biết như vậy, thấy như vậy, đoạn trừ năm hạ phần kết, đó là thân kiến, giới thủ, nghi, tham dục, sân nhuế; khi đã đoạn trừ năm hạ phần kết này, được sanh bát-niết-bàn, A-na-hàm, không còn tái sanh vào đời này. Đó gọi là tăng thượng tâm học.

“Thế nào là tăng thượng tuệ học? Tỳ-kheo học giới đã đầy đủ, định đã đầy đủ, tuệ đã đầy đủ. **[211b]** Tỳ-kheo biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát dục hữu lậu, tâm giải thoát hữu hữu lậu, tâm giải thoát vô minh hữu lậu, giải thoát tri kiến, tự biết rằng ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau nữa.’ Đó gọi là tăng thượng tuệ học.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

¹⁵ Đại chánh, kinh 822. Xem kinh Đại chánh 821.

¹⁶ Xem **cht 9** kinh Đại chánh 820.

KINH 791. NIẾT-BÀN (2)¹⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo an trụ giới đầy đủ, khéo nhiếp trì Ba-la-đề-mộc-xoa, đầy đủ oai nghi hành xứ, thấy những tội vi tế hay sanh lòng sợ hãi. Tỳ-kheo khi đã an trụ giới đầy đủ, khéo nhiếp trì Ba-la-đề-mộc-xoa, đầy đủ oai nghi hành xứ, thấy những tội vi tế hay sanh lòng sợ hãi, bình đẳng thọ trì học giới, khiến cho sự tu tập ba học đầy đủ. Những gì là ba? Đó là tăng thượng giới học, tăng thượng tâm học, tăng thượng tuệ học.

“Thế nào là tăng thượng giới học? Tỳ-kheo giới đầy đủ,¹⁸ nhưng định ít, tuệ ít; đối với mỗi một phần giới vi tế... cho đến nên gìn giữ giới học. Tỳ-kheo biết như vậy, thấy như vậy, đoạn trừ ba kết, và tham, nhuế, si còn mỏng, được nhất chủng đạo. Ở địa vị này nếu chưa được đẳng giác, được Tu-đà-hàm; ở địa vị này nếu chưa được đẳng giác, được gọi là gia-gia; ở địa vị này nếu chưa được đẳng giá, được Tu-đà-hoàn; ở địa vị này nếu chưa được đẳng giác, sẽ được tùy pháp hành; ở địa vị này nếu chưa được đẳng giác, sẽ được tùy tín hành. Đó gọi là tăng thượng giới học.

“Thế nào là tăng thượng tâm học? Tỳ-kheo định đầy đủ, tam-muôi đầy đủ, nhưng tuệ ít; đối với mỗi một phần giới vi tế, nếu phạm thì theo đó mà sám hối... cho đến nên gìn giữ học giới. Tỳ-kheo biết như vậy, thấy như vậy, đoạn trừ năm hạ phần kết là thân kiến, giới thủ, nghi, tham dục, sân nhuế; đoạn trừ năm hạ phần kết này, được trung bát-niết-bàn. Ở đây nếu chưa được đẳng giác, được sanh bát-niết-bàn; ở đây nếu chưa được đẳng giác, được vô hành bát-niết-bàn; ở đây nếu chưa được đẳng giác, sẽ được hữu hành bát-niết-bàn; ở đây nếu chưa được đẳng giác, được thượng lưu bát-niết-bàn. Đó gọi là tăng thượng tâm học.

“Thế nào là tăng thượng tuệ học? Tỳ-kheo học giới đầy đủ, định đầy đủ, tuệ đầy đủ. Tỳ-kheo biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát dục hữu lậu, tâm giải thoát hữu hữu lậu, tâm giải thoát vô minh hữu lậu; giải thoát tri kiến, tự biết rằng, ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập,

¹⁷ Đại chánh, kinh 823.

¹⁸ Xem cht 9 kinh Đại chánh 820.

những việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau nữa.’ Đó gọi là tăng thượng tuệ học.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 792. HỌC (6)¹⁹

[211c] Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rùng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có hai học. Những gì là hai? Đó là tăng thượng oai nghi học, và tăng thượng Ba-la-đề-mộc-xoa học.”

Sau đó Thế Tôn liền nói kệ rằng:

*Người học,²⁰ lúc học giỏi,
Thẳng đường, đi theo đó;
Chuyên xét, siêng phương tiện,
Khéo tự giữ thân mình.
Được sơ vô lậu trí,²¹
Kể, cứu cánh chánh trí,²²
Được chánh trí giải thoát,
Đã vượt qua tri kiến.
Thành bất động giải thoát,
Các hữu kết diệt hết;
Các căn kia đầy đủ,
Các căn vui vắng lặng.
Mang thân tối hậu này,
Hàng phục các ma oán.*

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

¹⁹ Đại chánh, kinh 824. Pāli, cf. Itv. 46. Sikkhā.

²⁰ Hán: học giả 者學, tức học nhân, chỉ Thánh giả hữu học Pāli: *sekha*.

²¹ Pāli (Itv. tr. 53): *khayasmim paṭhamam nāṇam*, trong sự đoạn tận, trí thứ nhất (khởi kên).

²² Hán: thứ cứu cánh vô tri 次究竟無知 Pāli ibid.: *tato aññā anantarā*, kể đó, không gián đoạn, chánh trí (khởi lên) Bản Hán đọc *aññāna*, vô tri hay vô trí, thay vì là *aññā*: chánh trí (của A-la-hán).

KINH 793. HỌC (7)²³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Học giới sẽ mang lại nhiều phước lợi, an trú trí tuệ là vô thượng²⁴; giải thoát là kiên cố,²⁵ niệm là tăng thượng.²⁶ Tỳ-kheo đã học giới được phước lợi; an trú trí tuệ là vô thượng; giải thoát là kiên cố, niệm là tăng thượng, khiến cho ba học đầy đủ. Những gì là ba? Đó là tăng thượng giới học, tăng thượng tâm học, và tăng thượng tuệ học.”

Sau đó Thế Tôn liền nói kệ rằng:

*Phước lợi theo học giới,
Thiền định chuyên tư duy;
Trí tuệ là tối thượng,
Đời này là tối hậu.
Thân Mâu-ni cuối cùng,
Hàng Ma, qua bờ kia.*

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 794. HỌC (8)²⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như đã nói ở trên, nhưng có một vài sai biệt:

“Này các Tỳ-kheo, thế nào là học giới đưa đến phước lợi²⁸? Đại Sư vì các Thanh văn chế giới để nhiếp thủ Tăng, tích cực nhiếp thủ Tăng,

²³ Đại chánh, kinh 825. Cf It. 46. Sikkhā.

²⁴ Trí tuệ vi thượng 智慧爲上. Pāli (It. tr. 40): *paññuttarā*, vô thượng của tuệ, tuệ siêu xuất thế gian.

²⁵ Giải thoát kiên cố 解脫堅固. Pāli ibid.: *vimuttisārā*, tinh yếu hay tinh thể của giải thoát, chỉ cho quả vị A-la-hán.

²⁶ Niệm vi tăng thượng 念爲增上. Pāli ibid.: *satādhipeyyā*, uy lực của niệm.

²⁷ Đại chánh, kinh 826.

²⁸ Hán; học giới tùy phước lợi 學戒隨福利, đảo ngữ; nên hiểu: phước lợi tùy học giới, tức những ích lợi do giới mang đến. Cf. It. tr. 40: *sikkhānisamsā*.

khiến người không tin, được tin; người đã tin, tăng trưởng lòng tin; điều phục người ác; người tâm quý được sống an vui; phòng hộ hữu lậu hiện tại; chánh thức đối trị được đời vị lai; khiến cho phạm hạnh tồn tại lâu dài.²⁹ Như Đại Sư đã vì Thanh văn chế giới để nhiếp thủ Tăng... cho đến khiến cho phạm hạnh tồn tại lâu dài.**[212a]** Học giới như vậy như vậy, hành trì giới kiên cố, giới hằng tại, giới thường hành, giữ gìn học giới. Đó gọi là Tỳ-kheo nhờ giới mà được phước lợi.

“Thế nào trí tuệ là vô thượng? Đại Sư vì Thanh văn nói pháp với lòng đại bi thương cảm, vì nghĩa lợi, hoặc vì an ủi, hoặc vì an lạc, hoặc vì an ủi, an lạc. Như vậy, Đại Sư vì các Thanh văn nói pháp với lòng đại bi thương cảm, vì nghĩa lợi, an ủi, an lạc. Như vậy, đối với pháp nào, chỗ nào cũng dùng trí tuệ quán sát. Đó gọi là Tỳ-kheo trí tuệ là vô thượng.

“Thế nào là giải thoát là kiên cố? Đại Sư vì các Thanh văn nói pháp với lòng đại bi thương cảm, vì nghĩa lợi, an ủi, an lạc. Như vậy, thuyết giảng pháp nào, chỗ nào, nơi nào cũng đem lại được an vui giải thoát. Đó gọi là Tỳ-kheo giải thoát kiên cố.

“Thế nào, Tỳ-kheo, niệm là tăng thượng? Người chưa đầy đủ giới thân, chuyên tâm cột niệm an trụ; điều chưa được quán sát, ở chỗ này chỗ kia bằng trí tuệ cột niệm an trụ. Điều đã được quán sát, ở chỗ này chỗ kia trùng khởi khởi niệm an trụ. Pháp chưa được xúc, ở chỗ này chỗ kia giải thoát niệm an trụ. Pháp đã được xúc, ở chỗ này chỗ kia giải thoát niệm an trụ. Đó gọi là Tỳ-kheo chánh niệm là tăng thượng.” Sau đó Thế Tôn liền nói kệ rằng:

*Phước lợi theo học giới,
Thiền định chuyên tư duy;
Trí tuệ là tối thượng,
Đời này là tối hậu.
Thân Mâu-ni cuối cùng,
Hàng ma qua bờ kia.*

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

²⁹ Mười mục đích chế giới của Phật. *Tứ phần*: tập thập cú nghĩa; *Thập tụng*: thập lợi; *Tăng-kì*: thập lợi ích sự. Pāli: *dasa atthavase paṭicca*.

Kinh Thi-bà-ca như Phật sẽ nói ở sau. *Cũng vậy*, Tỳ-kheo A-nan, và Tỳ-kheo khác hỏi, đức Phật hỏi các Tỳ-kheo, *ba kinh này cũng nói như trên*.

KINH 795. CANH MA³⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thí như điền phu, có ba việc để làm ruộng, phải khéo tùy theo thời mà làm. Những gì là ba? Điền phu kia phải theo thời mà cày bừa, phải theo thời mà dẫn nước vào, phải theo thời mà gieo hạt. Khi điền phu kia đã theo thời cày bừa, đã dẫn nước, đã gieo hạt xuống rồi, không nghĩ rằng: ‘Muốn ngay ngày hôm nay chúng sanh trưởng, có quả ngay hôm nay, chín ngay hôm nay, hoặc là ngày mai hay ngày sau.’ [212b] Nhưng, này các Tỳ-kheo, gia chủ kia sau khi đã cày bừa, dẫn nước, gieo hạt xuống rồi, tuy không nghĩ rằng: ‘đang sinh trưởng, có quả, và chín ngay hôm nay, hoặc ngày mai hay ngày sau.’ Mà những hạt giống kia khi đã được gieo vào trong đất, tự chúng theo thời mà sinh trưởng, mà có quả, mà chín.

“Cũng vậy, Tỳ-kheo đối với ba học này, phải khéo tùy thời mà học, nghĩa là phải khéo học giới, khéo học tâm, khéo học tuệ; khi đã học chúng rồi không nghĩ rằng: ‘Mong ta ngày nay không khởi lên các lậu, tâm khéo giải thoát, hoặc ngày mai hay ngày sau.’ Cũng không nghĩ rằng, ‘Mong có thần lực tự nhiên mà có thể khiến cho không khởi lên các lậu, tâm giải thoát ngay hôm nay, hoặc ngày mai hay ngày sau.’ Khi đã tùy thời học tăng thượng giới, học tăng thượng tâm, học tăng thượng tuệ rồi, tùy thời mà tự mình đạt không khởi lên các lậu, tâm khéo giải thoát.

“Này Tỳ-kheo, thí như gà mái ấp trứng, có thể từ mười cho đến mười hai ngày; phải tùy thời thăm chừng, chăm sóc giữ gìn ấm lạnh. Con gà mái ấp kia không nghĩ rằng: ‘Ngay hôm nay, hoặc ngày mai hay ngày sau, ta sẽ dùng mỏ mổ, hoặc dùng móng cào, để cho con của ta thoát ra khỏi vỏ một cách an toàn.’ Nhưng gà mái ấp kia khéo ấp con nó, tùy thời chăm sóc thương yêu, con của nó sẽ tự nhiên thoát ra khỏi vỏ

³⁰ Đại chánh, kinh 827. Cày bừa. Pāli, S 3.82 Sukhetta.

an toàn. Cũng vậy, Tỳ-kheo khéo học ba học, tùy theo thời tiết sẽ tự đạt được không khởi lên các lậu, tâm khéo giải thoát.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 796. LÔ³¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rùng rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thí như con lừa đi theo đàn bò, tự nghĩ rằng: ‘Ta phát ra tiếng bò.’ Nhưng hình dáng của nó không giống bò, màu sắc cũng không giống, âm thanh phát ra không giống, mà theo đàn bò, rồi tự cho mình là bò, phát ra tiếng bò kêu, mà thật ra khác bò xa.

“Cũng vậy, có một nam tử ngu si, vi phạm giới luật, mà còn đi theo đại chúng nói rằng: ‘Ta là Tỳ-kheo! Ta là Tỳ-kheo!’ mà không học tập thắng dục về tăng thượng giới học, tăng thượng tâm học, tăng thượng tuệ học. Còn theo đại chúng tự cho rằng: ‘Ta là Tỳ-kheo! Ta là Tỳ-kheo!’ Nhưng kỳ thật khác xa Tỳ-kheo.”

Rồi Thế Tôn liền nói kệ rằng:

Thú cùng móng, không sừng,

Đủ bốn chân, tiếng kêu;

Đi theo sau đàn bò,

Luôn cho là bạn bè.

[212c]*Hình dạng chẳng phải bò,*

Không thể kêu tiếng bò.

Cũng vậy, người ngu si,

Chẳng theo cột tâm niệm.

Nơi lời dạy Thiện Thế,

Không muốn siêng phương tiện;

Tâm biếng nhác, khinh mạn,

Không được đạo Vô thượng.

Như lừa trong đàn bò,

Mà luôn xa đàn bò.

Kia tuy theo đại chúng,

³¹ Đại chánh, kinh 828. Con lừa Pāli A 3.81 Samaṇa.

Nhưng luôn trái tâm hành.

Phật nói kinh này xong. Các Tỷ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 797. BẠT-KỶ TỬ³²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại thôn Bạt-kỳ. Bảy giờ Tôn giả Bạt-kỳ Tử³³ là thị giả của Phật. Tôn giả Bạt-kỳ Tử đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ sát chân, rồi ngồi xuống một bên, bạch Phật rằng:

“Thế Tôn đã nói hơn hai trăm năm mươi giới khiến cho thiện gia nam tử cứ mỗi nửa tháng đến thuyết Ba-la-đề-mộc-xoa tu-đa-la, khiến thiện gia nam tử tùy ý muốn mà học. Nhưng nay, Bạch Thế Tôn, con không thể theo đó để học.”

Phật bảo Bạt-kỳ Tử:

“Người có thể tùy thời mà học ba học được không?”

Bạt-kỳ Tử bạch Phật rằng:

“Có thể, Bạch Thế Tôn.”

Phật bảo Bạt-kỳ Tử:

“Người sẽ tùy thời mà học tăng thượng giới, học tăng thượng tâm, học tăng thượng tuệ. Khi đã theo thời siêng năng học tăng thượng giới, học tăng thượng tâm, học tăng thượng tuệ, không bao lâu các hữu lậu được diệt tận, vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, hiện tại tự biết, tự tác chứng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau nữa.’”

Bạt-kỳ Tử sau khi nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ mà lui.

Bảy giờ, Tôn giả bạt-kỳ Tử sau khi nhận lãnh những lời dạy dỗ, giáo giới của Phật xong; một mình ở nơi vắng, chuyên tinh tư duy, *như đã nói ở trên...* cho đến tâm khéo giải thoát, đắc A-la-hán.³⁴

³² Đại chánh, kinh 829. Pāli, A 3.83 Vajjiputta.

³³ Bạt-ki Tử 跋耆子. Pāli: Vajjiputta.

³⁴ Bản Hán, hết quyển 29.

KINH 798 BĂNG-GIÀ-XÀ³⁵

[213a] Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong rừng Băng-già-kì tại Băng-già-xà.³⁶ Bấy giờ đức Thế Tôn vì các Tỳ-kheo nói pháp tương thích với giới,³⁷ khen ngợi phép chế giới. Lúc ấy, Tôn giả Ca-diếp Thị³⁸ đang ở tại thôn Băng-già nghe Thế Tôn nói pháp tương ứng với giới, khen ngợi giới này, trong lòng rất không kham nhẫn, không hoan hỷ, nói rằng: “Sa-môn ấy khen ngợi giới này, tích cực chế giới này.”³⁹

Sau khi đã trú ở đó như ý muốn tại thôn Băng-già, đức Thế Tôn hướng đến nước Xá-vệ. Lần lượt du hành đến vườn Cấp Cô Độc, rừng rừng cây Kỳ-đà, nước Xa-vệ.

Sau khi Thế Tôn đi không bao lâu, Tôn giả Ca-diếp Thị liền sanh lòng hối hận: ‘Ta nay mất lợi, bị bất lợi lớn, khi Thế Tôn nói về pháp tương ứng với giới, khen ngợi việc chế giới; đối với Thế Tôn tâm ta không kham nhẫn, không hoan hỷ. Với tâm không hoan hỷ, nói rằng, ‘Sa-môn tích cực chế giới này, hết lòng khen ngợi giới này.’”

Sáng sớm hôm sau, Tôn giả Ca-diếp Thị đắp y mang bát vào thôn Băng-già khát thực. Ăn xong trở về tinh xá, Tôn giả gởi ngọa cụ,⁴⁰ rồi tự mang y bát đến thành Xá-vệ. Sau khi lần lượt du hành đến nước Xá-vệ, cất y bát và rửa chân xong, Tôn giả đi đến Thế Tôn, đánh lễ sát chân, và bạch Phật rằng:

“Con xin hối lỗi, bạch Thế Tôn! Con xin hối lỗi, bạch Thiện Thệ! Con là kẻ ngu si bất thiện, không phân biệt; khi con nghe Thế Tôn vì các Tỳ-kheo mà nói pháp tương ứng với giới, khen ngợi việc chế giới, đối với Thế Tôn con đã không kham nhẫn, không hoan hỷ. Với tâm không hoan hỷ, nói rằng, ‘Sa-môn tích cực chế giới này, hết lòng khen ngợi giới này.’”

³⁵ Đại chánh, quyển 30, kinh 830. *Quốc dịch* quyển 27, “7.Tương ứng học” tiếp theo, phẩm 2.- Pāli, A. 3.90 (i. 236). Paṅkadhā.

³⁶ Băng-già-xà Băng-già-kỳ lâm 崩伽闍崩伽耆林. Pāli: Paṅkadhā (Saṅkava).

³⁷ Giới tương ứng pháp 戒相應法. Pāli: *sikkhāpadapaṭisaṃyutta*.

³⁸ Ca-diếp Thị 迦葉氏. Pāli: Kassapagotta.

³⁹ Pāli (A. i. 136): *adhisallikhat'evāyaṃ samaṇo*, vị sa-môn này quá khát khe.

⁴⁰ Hán: phó chúc ngọa cụ 付囑臥具. Pāli: *senāsana sa sametvā*, thâu thập tọa ngọa cụ.

Phật bảo Ca-diếp Thị:

“Ở chỗ nào nơi Ta mà người không kham nhẫn, không hoan hỷ. Với tâm không hoan hỷ, nói rằng, Sa-môn tích cực chế giới này, hết lòng khen ngợi giới này?”

Ca-diếp Thị bạch Phật rằng:

“Lúc Thế Tôn ở trong rừng Bằng-già-kỳ, tại thôn Bằng-già-xà, vì các Tỳ-kheo nói pháp tương ứng với giới, khen ngợi giới này. Con lúc bấy giờ đối với Thế Tôn tâm không kham nhẫn, không hoan hỷ. Với tâm không hoan hỷ, nói rằng, ‘Sa-môn tích cực chế [213b] giới này, hết lòng khen ngợi giới này.’ Bạch Thế Tôn, hôm nay con tự biết hối tội, tự thấy hối tội mình. Xin đức Thế Tôn thương xót nhận sự hối lỗi của con.”

Phật bảo Ca-diếp Thị:

“Người đã tự biết hối lỗi vì đã ngu si, bất thiện, không phân biệt, nên khi nghe Ta vì các Tỳ-kheo nói pháp tương ứng với giới, khen ngợi việc chế giới, đối với Ta mà không kham nhẫn, không hoan hỷ. Với tâm không hoan hỷ, nói rằng, ‘Sa-môn tích cực chế Giới này, hết lòng khen ngợi Giới này.’ Ca-diếp, nay người đã tự biết hối lỗi, đã tự thấy hối lỗi rồi, trong đời vị lai luật nghi giới sẽ sinh. Nay Ta vì thương xót người nên nhận sự sám hối của người.”

Sau khi Ca-diếp Thị sám hối như vậy rồi, thiện pháp tăng trưởng, không bao giờ bị suy giảm. Vì sao? Nếu người nào tự biết tội, tự thấy tội, mà sám hối tội lỗi, trong đời vị lai luật nghi giới sẽ sinh, thiện pháp tăng trưởng, không bao giờ suy giảm.

“Giả sử Ca-diếp là một vị Thượng tọa, không muốn học giới, không coi trọng giới, không muốn chế giới, Tỳ-kheo như vậy Ta không khen ngợi. Vì sao? Vì nếu Đại Sư mà khen ngợi người này, những người khác sẽ lại gàn gù, cung kính, tôn trọng. Nếu người khác cũng gàn gù, tôn trọng, sẽ cũng có đồng kiến giải, đồng việc làm. Nếu người nào có việc làm giống như kia, lâu dài sẽ chịu khổ không lợi ích gì. Cho nên Ta đối với Trưởng lão này, ban đầu không khen ngợi, vì vị ấy ngay lúc đầu đã không thích học giới. Như trưởng lão, trung niên, thiếu niên cũng như vậy.

“Nếu Thượng tọa Trưởng lão này, ban đầu coi trọng học giới, khen ngợi việc chế giới, Trưởng lão như vậy, Ta sẽ khen ngợi, vì ban đầu họ đã thích học giới. Đại Sư sẽ khen ngợi người này thì những người

khác sẽ lại gàn gũ, cung kính, tôn trọng. Nếu người khác cùng gàn gũ, tôn trọng, sẽ cũng có đồng kiến giải, đồng việc làm. Đồng sở kiến, cho nên, đời vị lai được ích lợi lâu dài. Cho nên đối với vị Trưởng lão Tỳ-kheo kia, thường phải khen ngợi, vì sơ thủy đã vui thích học giới. Vị trung niên thiếu niên cũng lại như vậy.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 799. GIỚI⁴¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu các Tỳ-kheo Thượng tọa Trưởng lão, sơ thủy không vui thích học giới, không coi trọng học giới, thấy Tỳ-kheo khác ban đầu vui thích học giới, coi trọng giới, khen ngợi việc chế giới, vị ấy cũng không tùy [213c] thời khen ngợi, đối với những Tỳ-kheo này Ta cũng không khen ngợi, vì vị ấy sơ thủy không vui thích học giới. Vì sao? Vì nếu Đại Sư khen ngợi vị ấy, người khác sẽ lại gàn gũ tôn trọng, đồng kiến giải. Vì đồng kiến giải nên lâu dài chịu khổ không có lợi ích. Cho nên Ta đối với các trưởng lão,... trung niên, thiếu niên kia, cũng lại như vậy. Người vui thích học giới như trước đã nói.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 800. HỌC⁴²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có ba học. Những gì là ba? đó là tăng thượng giới học, tăng thượng tâm học, tăng thượng tuệ học.

“Thế nào là tăng thượng giới học? Tỳ-kheo an trụ giới Ba-la-đề-mộc-xoa, đầy đủ oai nghi hành xử, thấy tội vi tế sinh lòng sợ hãi, thọ trì học giới. Đó gọi là tăng thượng giới học.

⁴¹ Đại chánh, kinh 831. Pāli, A. 3.90. Paṅkadhā.

⁴² Đại chánh, kinh 832. Pāli, A. 3.88. Sikkhā.

“Thế nào là tăng thượng tâm học? Tỳ-kheo ly dục, ly pháp ác bất thiện, có tâm có tứ, hỷ lạc do viễn ly sanh, chúng và an trụ sơ thiên,... cho đến chúng và an trú đệ tứ thiên. Đó gọi là tăng thượng tâm học.

“Thế nào là tăng thượng tuệ học? Tỳ-kheo nào biết như thật Khổ Thánh đế này, biết như thật khổ Tập Thánh đế này, khổ Diệt Thánh đế này, khổ diệt Đạo tích Thánh đế này; đó gọi là tăng thượng tuệ học.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì đức Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

“Các kinh khác nói về Ba học, như đã nói Niệm xứ ở trước.

Như Thiên, Vô lượng, Vô sắc cũng vậy. Như Bốn Thánh đế, cũng vậy Bốn niệm xứ, Bốn chánh đạo, Bốn như ý túc, Năm căn, Năm lực, Bảy giác chi, Tám Thánh đạo, Bốn đạo, Bốn pháp cú, và tu tập Chi quán cũng nói như vậy.

22. TƯƠNG ƯNG BẤT HOẠI TỊNH¹

KINH 801. LI-XA²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong giảng đường Trùng các, bên ao Di hầu tại nước Tì-xá-li.

Bấy giờ có người luyện voi giỏi người Li-xa, tên là Nan-đà,³ đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ sát chân Phật, rồi ngồi một bên. Bấy giờ, Thế Tôn bảo Li-xa Nan-đà rằng:

“Thánh đệ tử thành tựu bất hoại tịnh, mà muốn cầu thọ mạng liền được thọ mạng; muốn cầu dung sắc, sức lực, khoái lạc, biện tài, liền được một cách tự tại. Những gì là bốn? Thành tựu Phật bất hoại tịnh; [214a] thành tựu Pháp, Tăng bất hoại tịnh; thành tựu Thánh giới bất hoại tịnh. Ta thấy Thánh đệ tử này sau khi mạng chung ở đây sẽ sinh lên cõi trời, và ở đó được mười pháp. Những gì là mười? Được tuổi thọ cõi trời, sắc đẹp cõi trời, danh xưng cõi trời, khoái lạc cõi trời, tự tại cõi trời và, sắc, thanh, hương, vị, xúc cõi trời. Nếu Thánh đệ tử ở trên trời mạng chung sẽ sinh vào cõi người. Ta thấy người ấy đầy đủ mười điều. Những gì là mười? Được tuổi thọ cõi người, xinh đẹp, danh xưng, khoái lạc, tự tại và, sắc, thanh, hương, vị, xúc cõi người. Ta nói vị đa văn Thánh đệ tử này tin không phải do người khác, ước muốn không phải do người khác, không nghe từ người khác, không lấy ý người khác, tư duy không nhờ vào người khác. Ta nói vị ấy có tri kiến chánh tuệ như thật.”

Bấy giờ, có người đi theo Nan-đà, thưa Nan-đà rằng:

“Giờ tám đã đến, bây giờ xin Ngài đi cho!”

Nan-đà đáp rằng:

¹ Tương ưng bất hoại tịnh, gồm các kinh Đại chánh 833-860 (quyển 30), và 902-904 (cuối quyển 31. Ấn Thuận *Hội biên*, “16. Tương ưng Bất hoại tịnh,” gồm 29 kinh (số 1136-1164). Phần lớn tương đương Pāli, S. 55. Sotāpattisaṃyutta. *Quốc dịch*, quyển 26 tiếp theo, “8. Tương ưng bất hoại tịnh,” chia làm 2 phẩm, 128 kinh, số 12569-12636.

² Đại chánh, kinh 833. Pāli, S. 55. 30. Licchavi.

³ Điều tượng sư Ly-xa 調象師離車. Pāli: vị Đại thần của Licchavi tên là Nandaka.

“Nay ta không cần tắm gội theo thế gian, mà nay ta ở trong pháp thắng diệu này tự tắm gội; vì đối với Thế Tôn ta đã có được tín lạc thanh tịnh.”

Người huấn luyện voi Li-xa Nan-đà sau khi nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy, làm lễ mà lui.

KINH 802. BÁT BÀN⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong giảng đường Trùng các, bên ao Di hầu tại Tì-xá-li. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thánh đệ tử nếu thành tựu được bốn bất hoại tịnh, ở giữa loài người không sống cuộc sống nghèo khổ; không bị lạnh rét, xin ăn; mà tự nhiên giàu sang đầy đủ. Những gì là bốn? Thành tựu bất hoại tịnh đối với Phật; thành tựu bất hoại tịnh đối với Pháp, Tăng, và Thánh giới. Cho nên, Tỳ-kheo phải học như vậy: Ta sẽ thành tựu bất hoại tịnh đối với Phật; sẽ thành tựu bất hoại tịnh đối với Pháp, Tăng, và Thánh giới.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

KINH 803. CHUYỂN LUÂN VƯƠNG⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Chuyển luân Thánh vương có đầy đủ bảy báu, thành tựu được bốn thứ thần lực trong cõi người, làm vua bốn thiên hạ, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sinh lên cõi trời. Tuy lại làm Chuyển luân Thánh vương có đầy đủ bảy báu, thành tựu được thần lực trong cõi người, làm vua bốn thiên hạ, sau khi thân hoại mạng chung sẽ sinh lên cõi trời, nhưng vẫn còn chưa đoạn trừ được cái khổ của đường dữ địa ngục, ngã quý, và súc sanh. Vì sao? Chuyển luân vương chưa đạt được bất hoại tịnh đối với Phật, chưa được bất hoại tịnh đối với Pháp, Tăng, và Thánh giới.

⁴ Đại chánh, kinh 834. Không nghèo. Pāli, S. 55. 44-45. Mahaddhana.

⁵ Đại chánh, kinh 835. Pāli, S. 55.1 Rājā.

„Đa văn Thánh đệ tử mang y phẩn tảo, [214b] xin ăn khắp mọi nhà, dùng ngọa cụ bằng cỏ, nhưng các vị đa văn Thánh đệ tử này đã giải thoát được cái khổ của các đường dữ địa ngục, ngạ quỷ, và súc sanh. Vì sao? Các vị đa văn Thánh đệ tử này đã thành tựu được bất hoại tịnh đối với Phật; đã thành tựu được bất hoại tịnh đối với Pháp, Tăng, và Thánh giới. Cho nên các Tỳ-kheo phải học như vậy: Ta sẽ thành tựu bất hoại tịnh đối với Phật; sẽ thành tựu bất hoại tịnh đối với Pháp, tăng, và Thánh giới.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

KINH 804. TỨ BẤT HOẠI TỊNH⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Các người nên khởi lòng thương mến, và lòng từ bi. Đối với những gì các người nói, nếu có người nào thích nghe, thích lãnh thọ, các người hãy vì họ mà nói về bốn bất hoại tịnh, khiến cho chúng nhập, khiến cho an trụ. Những gì là bốn? Bất hoại tịnh đối với Phật; bất hoại tịnh đối với Pháp; bất hoại tịnh đối với Tăng; thành tựu Thánh giới. Vì sao? Nếu nồn đại, đất, nước, lửa, gió có sự thay đổi, tăng giảm, nhưng bốn bất hoại tịnh này chưa từng có sự tăng giảm biến đổi khác. Chúng không tăng giảm biến khác chỉ vì đa văn Thánh đệ tử đã thành tựu được đối với Phật, nên nếu bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, điều này không thể có được. Cho nên, các Tỳ-kheo nên học như vậy: Ta sẽ thành tựu bất hoại tịnh đối với Phật; thành tựu bất hoại tịnh với Pháp, Tăng, thành tựu Thánh giới, và sẽ thiết lập cho người khác cũng được thành tựu.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

KINH 805. QUÁ HOẠN⁷

Tôi nghe như vậy:

⁶ Đại chánh, kinh 386. Pāli, S. 55.16-17. Mittenāmaccā.

⁷ Đại chánh, kinh 837.

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu tin người, sinh năm điều lỗi lầm: Hoặc khi người ấy vi phạm giới luật, bị chúng từ bỏ, người tin kính kẻ đó sẽ nghĩ như vậy: ‘Đây là thầy của ta, đã được ta kính trọng, bị chúng Tăng từ bỏ, nay ta còn lý gì để vào chùa tháp này nữa?’ Khi đã không còn vào chùa tháp rồi, sẽ không kính chúng Tăng. Do không kính Tăng, nên không còn nghe được pháp. Do không còn nghe pháp, pháp lành sẽ bị thối mất, không còn được ở lâu trong chánh pháp. Đó gọi là lỗi lầm thứ nhất do tin kính người sinh ra.

“Lại nữa, ai tin kính người, nếu người được kính vi phạm giới luật, bị chúng Tăng cử tội bất kiến,⁸ ai tin kính người sẽ nghĩ như vậy: ‘Đây là thầy ta, đã được ta kính [214c] trọng mà nay bị chúng Tăng cử tội bất kiến, nay ta còn lý gì để vào chùa tháp nữa?’ Khi đã không vào chùa tháp rồi, không còn kính chúng Tăng. Do không kính Tăng, nên không còn nghe được pháp. Do không còn nghe pháp, pháp lành sẽ bị thối mất, không còn được ở lâu trong chánh pháp. Đó gọi là lỗi lầm thứ hai do để tin kính người sanh ra.

“Lại nữa, người kia nếu đắp y mang bát du hành phương khác, kẻ tin kính người kia sẽ nghĩ như vậy: ‘Người được ta kính, đã đắp y mang bát du hành nhơn gian, nay ta còn lý gì mà vào chùa tháp này nữa? Khi đã không vào chùa tháp rồi, không còn cung kính chúng Tăng. Do không kính Tăng, nên không còn nghe được pháp. Do không còn nghe pháp, pháp lành sẽ bị thối mất, không còn được ở lâu trong chánh pháp. Đó gọi là lỗi lầm thứ ba do để tin kính người sanh ra.

“Lại nữa, nếu người được tin kính kia, xả giới hoàn tục, người để tin kính người kia sẽ nghĩ như vậy: ‘Ông là thầy ta, được ta kính trọng, đã xả giới hoàn tục, nay ta không nên vào chùa tháp này.’ Khi đã không vào chùa rồi, sẽ không còn kính chúng Tăng. Do không kính Tăng, nên không còn nghe được pháp. Do không còn nghe pháp, pháp lành sẽ bị thối mất, không còn được ở lâu trong chánh pháp. Đó gọi là lỗi lầm thứ tư do để tin kính người sanh ra.

“Lại nữa, nếu người được tin kính kia, thân hoại mạng chung, người để tin kính người kia sẽ nghĩ như vậy: ‘Ông là thầy ta, được ta kính

⁸ Bất kiến cử 不見舉, bị Tăng buộc tội ngoan cố không nhận tội.

trọng, nay đã qua đời; nay ta còn lý gì để vào chùa tháp này nữa?’ Khi đã không còn vào chùa nữa, sẽ không còn kính Tăng. Đó gọi là lỗi lầm thứ năm do dễ tin kính người sanh ra.

“Cho nên, các Tỳ-kheo, phải học như vậy: Ta sẽ thành tựu bất hoại tịnh đối với Phật, bất hoại tịnh đối với Pháp, Tăng, và thành tựu Thánh giới.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

KINH 806. THỰC⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có bốn loại thức ăn nuôi lớn chúng sanh, nhiếp thọ và làm tăng trưởng bốn đại. Những gì là bốn? Đó là đoàn thực, xúc thực, ý tư thực, và thức thực. Cũng vậy, có bốn thứ phước đức thấm nhuần làm thức ăn an lạc. Những gì là bốn? Bất hoại tịnh đối với Phật; bất hoại tịnh đối Pháp, Tăng, [215a] và thành tựu Thánh giới. Cho nên các Tỳ-kheo phải học như vậy: Ta sẽ thành tựu bất hoại tịnh đối với Phật; bất hoại tịnh đối với Pháp, Tăng, và thành tựu Thánh giới.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

KINH 807. GIỚI (10)¹⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như đã nói ở trên, nhưng có một vài sai biệt:

“Người thành tựu bất hoại tịnh đối với Phật, được nghe pháp, được chúng Tăng hộ niệm, và thành tựu Thánh giới.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

⁹ Đại chánh, kinh 838. Pāli, S. 55.31. Abhisanda.

¹⁰ Đại chánh, kinh 839.

KINH 808. GIỚI (2)¹¹

Kinh kể này cũng nói như trên, nhưng có một vài sai biệt:

“Nếu thành tựu bất hoại tịnh đối với Phật, Pháp, Tăng, chúng sanh mà bị quần chất bởi cái bản của xan tham¹² sẽ lìa được cái bản của xan tham, tại gia mà an trụ giải thoát; tâm thường hành bố thí, thích bố thí, luôn an lạc trong việc thực hành xả thí bình đẳng, thành tựu được Thánh giới.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

KINH 809. NHUẬN TRẠCH¹³

Kinh kể này cũng nói như trên, nhưng có một vài sai biệt:

“Thánh đệ tử như vậy có bốn sự thấm nhuần phước đức,¹⁴ thấm nhuần thiện pháp. Công đức nếu được nhiếp thọ, ước lượng, không thể ước lượng được bao nhiêu phước quả, bao nhiêu quả, bao nhiêu phước quả đã tích tập. Phước lợi này quá nhiều đến mức chỉ có thể nói đó là khối tích tụ phước đức lớn. Thí như hợp lưu của năm con sông: Hằng-hà, Da-bồ-na, Tát-la-do, Y-la-bạt-đề, Ma-hê;¹⁵ nước hiệp lưu các con sông này, dù có dùng trăm bình, nghìn bình, trăm nghìn vạn bình, cũng không thể nào đong lường được. Lượng nước này quá nhiều, chỉ có thể nói đó là sự hợp tụ các dòng nước lớn. Cũng vậy Thánh đệ tử đã thành tựu bốn dòng nước thấm nhuần công đức, phước đức ấy không thể ước lượng được là nhiều hay ít. Phước ấy nhiều để chỉ có thể nói đó là khối tích tụ công đức lớn. Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy học như vậy: Ta sẽ thành bất hoại tịnh đối với Phật, bất hoại tịnh đối với Pháp, Tăng, và thành tựu Thánh giới.”

Sau đó Thế Tôn liền nói kệ rằng:

Biển lớn nhiều sự lành,

¹¹ Đại chánh, kinh 840. Pāli, S. 55.32. Abhisanda.

¹² Xan (khan) 𡇗𡇗: bòn xén, bủn xín. Pāli (S. v. 392): *vigatamalamaccherena cetasā*, với tâm đã gột sạch xan tham làm cái bản.

¹³ Đại chánh, kinh 841. Pāli, S. 55.41-42. Abhisanda.

¹⁴ Phước đức nhuận trạch 福德潤澤. Pāli (S. v. 391): *cattāro puññābhisandhā*, bốn đẳng lưu của phước; bốn dòng chảy tuôn ra phước đức.

¹⁵ Năm sông lớn: Hằng hà 恒河, Da-bồ-na 耶善那, Tát-la-do 薩羅由, Y-la-bạt-đề 伊羅跋提, Ma-hê 摩醯. Pāli: Gaṅgā, Yamunā, Sarabhū, Aciravatī, Mahī.

*Sạch mình, sạch vật khác;
Sâu rộng, bình lặng trôi,
Gồm đầy trăm dòng nước.
Tất cả mọi sông rạch,
Đều qui về biển lớn;
Nơi các loài nương sống.
Thân này cũng như vậy,
Tu công đức thí, giới;
Nơi trăm phước qui về.*

KINH 810. BÀ-LA-MÔN¹⁶

[215b] Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Người Bà-la-môn nói đạo hư dối, ngu si, tà ác, không chân chánh thú hướng, chẳng phải trí đẳng giác hướng đến Niết-bàn. Người ấy giáo hóa đệ tử như vậy: Vào ngày rằm, dùng bột hồ-ma, bột am-la-ma-la tắm gội thân thể, mặc áo kiếp-bối mới, đầu phủ tơ dài, trét phân bò trên đất, mà nằm lên, rồi bảo rằng, ‘Thiện nam tử, buổi mai dậy sớm, cởi áo để ở một chỗ, thân hình trần truồng, chạy nhanh về hướng Đông. Giữa đường giả sử có gặp voi hung, ngựa dữ, trâu điên, chó dại, gai góc, rừng rậm, hầm hố, nước sâu đi nữa vẫn phải thẳng tiến về phía trước chớ nên tránh. Nếu gặp hại mà chết, quyết sẽ được sinh lên cõi Phạm thiên.’ Đó gọi là ngoại đạo ngu si tà kiến, chẳng phải trí đẳng giác hướng đến Niết-bàn. Ta vì các đệ tử nói về đường chính bằng phẳng chẳng phải ngu si, mà là hướng đến trí tuệ Đẳng giác, hướng đến Niết-bàn. Đó là tám chi Thánh đạo: Chánh kiến... cho đến chánh định.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

KINH 811. XÁ-LỢI-PHÁT (1)¹⁷

Tôi nghe như vậy:

¹⁶ Đại chánh, kinh 842. Pāli, S. 55.12. Brāhmaṇa.

¹⁷ Đại chánh, kinh 843. Pāli, S. 55. 5. Sāriputta.

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Bảo là dòng;¹⁸ thế nào là dòng?”

Xá-lợi-phất bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn! Nói là dòng, đó là nói tám chi Thánh đạo.”

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

“Gọi là Nhập lưu phần,¹⁹ vậy thế nào là Nhập lưu phần?”

Xá-lợi-phất bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn! Có bốn Nhập lưu phần.²⁰ Những gì là bốn? Thân cận thiện sỹ,²¹ nghe học chánh pháp, bên trong tư duy chân chánh, thực hành pháp tùy pháp.”

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

“Người Nhập lưu²² phải thành tựu bao nhiêu pháp?”

Xá-lợi-phất bạch Phật rằng:

“Có bốn chi phần mà người Nhập lưu thành tựu. Những gì là bốn? Bất hoại tịnh đối với Phật, bất hoại tịnh đối với Pháp, bất hoại tịnh đối với Tăng, và thành tựu Thánh giới.”

Phật bảo Xá-lợi-phất:

“Như những gì người đã nói, Dòng tức là tám chi Thánh đạo. Nhập lưu phần có bốn pháp là thân cận thiện sỹ, nghe học chánh pháp, bên trong tư duy chân chánh, thực hành pháp tùy pháp. Người Nhập lưu thành tựu bốn pháp, là bất hoại tịnh đối với Phật, bất hoại tịnh đối với Pháp, bất hoại tịnh đối với Tăng, và thành tựu Thánh giới.”

¹⁸ Hán: lưu 流. Pāli: *sota*, dòng nước.

¹⁹ Nhập lưu phần 入流分, cũng nói là Dự lưu chi, chi phần của dòng Thành. Pāli (S. v. 347): *sotāpattiyaṅga*.

²⁰ Bốn Dự lưu chi, xem *Phẩm loại 2*, tr.458b: thân cận thiện sỹ, thỉnh văn chánh pháp, như lý tác ý, pháp tùy pháp hành. Cf. D.iii. *Saṅgīti, cattāri sotāpattiyaṅgāni: sppurisasamsevo, saddhammasavanam, yonisomanasikāro, dhammānudhamma- paṭipatti*.

²¹ Nguyên hán: thiện nam tử 善男子. Xem **cht. 21** trên.

²² Nhập lưu giả 入流者. Pāli: *sotāpanna*, chi Thánh giả Tu-đà-hoàn, hay Dự lưu.

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng [215c] hành.

KINH 812. XÁ-LỢI-PHÁT (2)²³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bảy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất đi đến chỗ Tôn giả A-nan, sau khi thăm hỏi khích lệ xong, rồi đứng qua một bên, Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Tôn giả A-nan:

“Tôi có điều muốn hỏi, Tôn giả có rảnh thì giờ trả lời cho không?”

Tôn giả A-nan Bạch Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Theo ý Tôn giả cứ hỏi, nếu biết tôi sẽ đáp.”

Xá-lợi-phất hỏi Tôn giả A-nan:

“Do đoạn được bao nhiêu pháp, mà Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, bậc Tri giả, Kiến giả, ký thuyết rằng người kia đắc Tu-đà-hoàn, không đọa vào pháp đường dữ, quyết định hướng đến chánh giác, chỉ còn bảy lần qua lại trời người, rốt ráo thoát khổ?”

Tôn giả A-nan Bạch Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Dò đoạn được bốn pháp và thành tựu được bốn pháp mà Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác ký thuyết cho người kia đắc Tu-đà-hoàn, không còn đọa vào pháp đường dữ, quyết định hướng đến Chánh giác, chỉ còn bảy lần qua lại trời người, mới rốt ráo hết khổ. Những gì là bốn? Thánh đệ tử trụ tâm bất tín đối với Phật đã được đoạn, đã biến tri, thành tựu bất hoại tịnh đối với Phật. Bất tín đối với Pháp, Tăng và ác giới đã đoạn, đã biến tri, thành tựu bất hoại tịnh đối với đối với Pháp, Tăng, và thành tựu được Thánh giới. Như vậy, do đoạn trừ bốn pháp, và thành tựu bốn pháp mà Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, bậc Tri giả, Kiến giả, ký thuyết cho người kia đắc Tu-đà-hoàn, không đọa vào pháp đường dữ, quyết định hướng đến Chánh giác, chỉ còn bảy lần qua lại trời người, mới rốt ráo thoát khổ.”

Tôn giả A-nan Bạch Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Đúng vậy, đúng vậy! Do đoạn trừ được bốn pháp, và thành tựu được bốn pháp mà Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, bậc Tri giả, Kiến giả, ký thuyết cho người kia đắc Tu-đà-hoàn, không đọa vào

²³ Đại chánh, kinh 844. Pāli, S. 55. 4. Sāriputta.

pháp đường dữ, quyết định hướng đến Chánh giác, chỉ còn bảy lần qua lại trời người, rốt ráo thoát khổ.”

Sau khi hai vị chánh sĩ luận bàn xong, đều tùy hỷ từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

KINH 813. KHỦNG BỐ (1)²⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo dập tắt được năm sợ hãi và oán thù,²⁵ được ba pháp quyết định, chẳng sanh nghi hoặc, tri kiến như thật về chánh đạo Hiền Thánh; vị Thánh đệ tử này có thể tự ký thuyết rằng đã diệt tận các đường dữ địa ngục, ngạ quỷ, và súc sanh, đặc Tu-đà-hoàn, không còn bị rơi vào pháp đường dữ, hướng thẳng đến Chánh giác, chỉ còn bảy lần qua lại trời người, rốt ráo thoát khổ.

[216a] “Thế nào là dập tắt năm điều sợ hãi và oán thù? Nếu sợ hãi, oán thù phát sanh do nhân duyên tội sát sinh; người ấy tránh xa sự sát sinh; sợ hãi, oán thù phát sanh do nhân duyên tội sát sinh được dập tắt. Nếu sợ hãi, oán thù phát sanh do nhân duyên tội trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu; người ấy tránh xa trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu; sợ hãi, oán thù phát sanh do nhân duyên tội trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu được dập tắt. Đó gọi là sự chấm dứt năm điều sợ hãi, oán thù phát sanh do nhân duyên các tội trên.

“Thế nào là ba pháp quyết định không sanh ra nghi hoặc? Đối với Phật quyết định là nghi hoặc, đối với Pháp, và Tăng quyết định là nghi hoặc. Đó gọi là ba pháp quyết định là nghi hoặc.

“Thế nào gọi là tri kiến như thật về Thánh đạo? Biết như thật đây là Khổ thánh đế, biết như thật đây là Khổ Tập thánh đế, Khổ Diệt thánh đế, Khổ diệt đạo tích thánh đế. Đó gọi là tri kiến như thật về Thánh đạo.

“Nếu đối với năm tội sợ hãi, oán thù này mà được dập tắt, đối với ba pháp quyết định xa lìa nghi hoặc, đối với Thánh đạo mà tri kiến như

²⁴ Đại chánh, kinh 845. Pāli, S. 55.29. Bhayaṃ (hay Bhikkhu).

²⁵ Khủng bố đối oán 恐怖怨對. Pāli (S. v. 385): *pañca bhāyāni verāni vūpasantāni ca honti*, đình chỉ năm sự sợ hãi và oán thù.

thật; Thánh đệ tử này có thể tự ký thuyết rằng: ‘Ta đã đoạn tận các đường dữ địa ngục, ngã quý, súc sanh, đấng Tu-đà-hoàn, không còn bị đọa vào pháp đường dữ, quyết định hướng thẳng đến Chánh giác, chỉ còn bảy lần qua lại trời người, rốt ráo thoát khổ.’”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

KINH 814. KHỦNG BỐ (2)²⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như đã nói ở trên, nhưng có một vài sai biệt:

“Thế nào là tri kiến như thật về Thánh đạo? Tám Thánh đạo, từ Chánh kiến ... cho đến Chánh định.”

Kinh tiếp cũng nói như vậy, nhưng có một vài sai khác:

“Thế nào là tri kiến như thật về Thánh đạo? Tri kiến như thật về mười hai duyên khởi như đã nói: sự này có, nên sự này có; sự này khởi, nên sự này khởi. Như duyên vô minh có hành, duyên hành có thức, duyên thức có danh sắc, duyên danh sắc có sáu nhập xứ, duyên sáu nhập xứ có xúc, duyên xúc có thọ, duyên thọ có ái, duyên ái có thủ, duyên thủ có hữu, duyên hữu có sanh, duyên sanh có lão, bệnh, tử, ưu bi, khổ não. Đó gọi là tri kiến như thật của các Thánh đệ tử.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

KINH 815. THIÊN ĐẠO (1)²⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có bốn thiên đạo của chư thiên²⁸ **[216b]** làm cho chúng sanh chưa tịnh khiến tịnh, đã tịnh, lại tịnh hơn. Những gì là bốn? Thánh đệ tử có

²⁶ Đại chánh, kinh 846. Pāli, S. 55. 28, Duvera, hay Anāthapiṇḍika.

²⁷ Đại chánh, kinh 847. Pāli, S. 55. 35. Devapada.

²⁸ Chư thiên thiên đạo 諸天天道. Pāli (S. v. 392): *cattāri devānaṃ devapadāni*, bốn lối đi (dấu chân) của chư thiên..

bất hoại đối tịnh với Phật, có bất hoại tịnh đối với Pháp, Tăng, và thành tựu Thánh giới. Đó gọi là bốn thiên đạo của chư thiên làm cho chúng sanh chưa tịnh khiến cho tịnh, đã tịnh lại khiến cho tịnh hơn.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

KINH 816. THIÊN ĐẠO (2)²⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có bốn thiên đạo của chư thiên. Những gì là bốn? Thánh đệ tử niệm tưởng Như Lai sự³⁰ như vậy: ‘Như Lai là đáng Ứng cúng, Đẳng chánh giác, Minh Hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên Nhơn sư, Phật, Thế tôn. Đối với Như Lai sự này mà sanh tâm tùy hỷ. Do tùy hỷ, tâm hân hoan; do tâm hân hoan, thân khinh an;³¹ do thân khinh an, có cảm thọ lạc; do có cảm thọ lạc, được định tam-muội; do định tam-muội, Thánh đệ tử học như vậy: ‘Thế nào là thiên đạo của chư thiên?’ Và lại suy nghĩ: ‘Ta đã từng nghe không sân nhuế là thiên đạo trên hết của chư thiên.’ Rồi lại nghĩ: ‘Đối với thế gian, kể từ hôm nay dù ta gặp hoặc sợ hãi, hoặc an ổn, cũng không nổi sân giận; ta chỉ tự chọn cho mình thiên đạo hoàn toàn thanh tịnh thuần nhất của chư thiên.’ Đó gọi là thiên đạo đệ nhất của chư thiên làm cho chúng sanh chưa tịnh khiến tịnh, đã tịnh rồi lại khiến tịnh hơn.

“Lại nữa, Tỳ-kheo, Thánh đệ tử niệm tưởng Pháp sự như vậy: Chánh pháp luật được Như Lai tuyên thuyết, ngay đời hiện tại xa lìa mọi thứ thiêu đốt, không đợi thời tiết, thông đạt Niết-bàn, tự thân quán sát, duyên nơi tự mình mà giác tri. Do biết Pháp sự như vậy rồi, tâm sanh tùy hỷ. Do tùy hỷ, tâm hân hoan; do tâm hân hoan, thân khinh an; do thân khinh an, có cảm thọ lạc; do có cảm thọ lạc, được định tam-muội; do định tam-muội, Thánh đệ tử học như vậy: ‘Thế nào là thiên đạo của chư thiên?’ Và lại suy nghĩ: ‘Ta đã từng nghe, không sân nhuế là thiên đạo trên hết của chư thiên.’ Rồi lại nghĩ: ‘Đối với thế gian, từ hôm nay dù ta gặp hoặc sợ hãi, hoặc an ổn, cũng không nổi sân giận; ta chỉ tự

²⁹ Đại chánh, kinh 848. Pāli, S. 55.35. Devapada.

³⁰ Như lai sự 如來事, tức Như lai hiệu.

³¹ Hán: thân ý tức 身猗息.

chọn cho mình thiên đạo hoàn toàn thanh tịnh thuần nhất của chư thiên.’ Đó gọi là thiên đạo thứ hai của chư thiên làm cho chúng sanh chưa tịnh khiến tịnh, đã tịnh rồi lại khiến tịnh hơn.

“Lại nữa, Tỳ-kheo, đối với Tăng sự, khởi chánh niệm như vậy: ‘Tăng đệ tử của Thế Tôn, chánh trực thú hướng, đáng được cung kính tôn trọng cúng dường, là ruộng phước vô thượng.’ Vị ấy chân chính suy niệm Tăng sự như vậy, liền sanh tâm tùy hỷ. Do tùy hỷ, tâm hân hoan; do tâm hân hoan, thân khinh an; [216c] do thân khinh an, có cảm thọ lạc; do có cảm thọ lạc, được định tam-muội; do định tam-muội, Thánh đệ tử học như vậy: ‘Thế nào là thiên đạo của chư thiên?’ Và lại suy nghĩ: ‘Ta đã từng nghe, không sân nhuế là thiên đạo trên hết của chư thiên.’ Rồi lại nghĩ: ‘Đối với thế gian, từ hôm nay dù ta gặp hoặc sợ hãi, hoặc an ổn, cũng không nổi sân giận; ta chỉ tự chọn cho mình thiên đạo hoàn toàn thanh tịnh thuần nhất của chư thiên.’ Đó gọi là thiên đạo thứ hai của chư thiên làm cho chúng sanh chưa tịnh khiến tịnh, đã tịnh rồi lại khiến tịnh hơn.

“Lại nữa, Thánh đệ tử tự nghĩ về những Giới sự đã có, suy niệm nhớ nghĩ rằng: ‘Giới này của ta là giới không khuyết, giới không ô uế, giới không tạp; giới mà bậc minh trí tán thán; giới mà kẻ trí không chán.’ Đối với những giới sự như vậy, sau khi đã thật sự nhớ nghĩ đến rồi, tâm sanh tùy hỷ. Do tùy hỷ, tâm hân hoan; do tâm hân hoan, thân khinh an; do thân khinh an, có cảm thọ lạc; do có cảm thọ lạc, được định tam-muội; do định tam-muội, Thánh đệ tử học như vậy: ‘Thế nào là thiên đạo của chư thiên?’ Và lại suy nghĩ: ‘Ta đã từng nghe không sân nhuế là thiên đạo trên hết của chư thiên.’ Rồi lại nghĩ: ‘Đối với thế gian, từ hôm nay dù ta gặp hoặc sợ hãi, hoặc an ổn, cũng không nổi sân giận; ta chỉ tự chọn cho mình thiên đạo hoàn toàn thanh tịnh thuần nhất của chư thiên.’ Đó gọi là thiên đạo thứ hai của chư thiên làm cho chúng sanh chưa tịnh khiến tịnh, đã tịnh rồi lại khiến tịnh hơn.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

KINH 817. THIÊN ĐẠO (3)³²

Tôi nghe như vậy:

³² Đại chánh, kinh 849.

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có bốn thiên đạo của chư thiên. Những gì là bốn? Thánh đệ tử niệm tưởng Như Lai sự như vậy: ‘Như Lai là đấng Ứng cúng, Đẳng chánh giác, Minh Hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhơn sư, Phật, Thế tôn. Vì ấy niệm tưởng Như Lai sự như vậy rồi, liền đoạn trừ tham ác, và đoạn trừ lỗi tâm ác bất thiện của tâm. Vì nghĩ đến Như Lai nên sanh tâm tùy hỷ; do tùy hỷ, tâm hân hoan; do tâm hân hoan, thân khinh an; do thân khinh an, có cảm thọ lạc; do có cảm thọ lạc, được định tam-muội; do định tam-muội, Thánh đệ tử học như vậy: ‘Thế nào là thiên đạo của chư thiên?’ Và lại suy nghĩ: ‘Ta đã từng nghe không sâu nhuế là thiên đạo trên hết của chư thiên.’ Rồi lại nghĩ: ‘Đối với thế gian, từ hôm nay dù ta gặp hoặc sợ hãi, hoặc an ổn, cũng không nổi sân giận; ta chỉ tự chọn cho mình thiên đạo hoàn toàn thanh tịnh thuần nhất của chư thiên.’ Đó gọi là thiên đạo thứ hai của chư thiên làm cho chúng sanh chưa tịnh khiến tịnh, đã tịnh rồi lại khiến tịnh hơn.. Cũng vậy, đối với Pháp, Tăng và thành tựu Thánh giới cũng nói như vậy.”

[217a] Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

KINH 818. THIÊN ĐẠO (4)³³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có bốn thiên đạo của chư thiên. Những gì là bốn? Thánh đệ tử niệm tưởng Như Lai sự như vậy: ‘Như Lai là đấng Ứng cúng, Đẳng chánh giác, Minh Hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhơn sư, Phật, Thế tôn. Vì Thánh đệ tử ấy niệm tưởng Như Lai sự như vậy rồi, tâm không bị tham dục triền phược, sân hận, ngu si triền phược. Tâm ấy chánh trực, niệm tưởng Như Lai sự. Thánh đệ tử này được dòng nước pháp, được dòng nước của nghĩa,³⁴ được tùy hỷ lợi ích do niệm tưởng Như Lai.³⁵ Do tùy hỷ, tâm

³³ Đại chánh, kinh 850. Pāli, A. 11.12-13. Mahānāma.

³⁴ Hán: pháp lưu thủy, nghĩa lưu thủy 法流水, 義流水. Pāli, cf. M. 37: *labhati atthavedaṃ labhati dhammavedaṃ*, vị ấy đạt được sự tin thọ nơi nghĩa, sự tin thọ

hân hoan; do tâm hân hoan, thân khinh an; do thân khinh an, có cảm giác thọ lạc; do có cảm giác thọ lạc, được định tam-muội; do định tam-muội, Thánh đệ tử học như vậy: ‘Thế nào là thiên đạo của chư thiên?’ Và lại suy nghĩ: ‘Ta đã từng nghe không sân nhuế là thiên đạo trên hết của chư thiên.’ Rồi lại nghĩ: ‘Đối với thế gian, từ hôm nay dù ta gặp hoặc sợ hãi, hoặc an ổn, cũng không nổi sân giận; ta chỉ tự chọn cho mình thiên đạo hoàn toàn thanh tịnh thuần nhất của chư thiên.’ Đó gọi là thiên đạo thứ hai của chư thiên làm cho chúng sanh chưa tịnh khiến tịnh, đã tịnh rồi lại khiến tịnh hơn. Cũng vậy, đối với Pháp, Tăng và thành tựu Thánh giới cũng nói như vậy.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

KINH 819. PHÁP KÍNH (1)³⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay Ta sẽ nói kinh Pháp kính.³⁷ Hãy lắng nghe và suy nghĩ cho kỹ, Ta sẽ vì các người mà nói. Thế nào là kinh Pháp kính? Thánh đệ tử có bất hoại tịnh đối với Phật, có bất hoại tịnh đối với Pháp, Tăng và, thành tựu Thánh giới. Đó gọi là kinh Pháp kính.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

KINH 820. PHÁP KÍNH (2)³⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ.³⁹ Bấy giờ một số đông các Tỳ-kheo đắp y mang bát vào thành

nơi pháp. *Veda*, trong bản Hán dịch là lưu, nghĩa chính là *minh triết*; ở đây cũng được hiểu là hân hoan (*somanassa*, Sớ giải).

³⁵ Pāli: *dhammupasamhītam pāmojjaṃ*, sự hoan hỷ liên hệ đến Pháp.

³⁶ Đại chánh, kinh 851. Tắm gương của Pháp. Pāli, S. 55.9. Giñakāvasatha.

³⁷ Pháp kính kinh 法鏡經. Pāli: *dhammādāsa dhammapariyāya*, pháp môn pháp kính, tắm gương soi của Pháp.

³⁸ Đại chánh, kinh 852. Pāli, S. 55. 8. Giñakāvasatha.

³⁹ Bản Pāli, như kinh 854.

Xá-vệ khát thực. Trong khi khát thực nghe tin Tỳ-kheo Nan-đồ, [217b] Tỳ-kheo-ni Nan-đà, Ưu-bà-tắc Thiện Sanh, và Ưu-bà-di Thiện Sanh⁴⁰ đều qua đời. Sau khi khát thực xong trở về Tinh xá cát y bát và rửa chân xong, đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên, bạch Phật:

“Thau Thế Tôn! Sáng sớm hôm nay con vào thành Xá-vệ khát thực, nghe tin Tỳ-kheo Nan-đồ, Tỳ-kheo-ni Nan-đề, Ưu-bà-tắc Thiện Sanh, và Ưu-bà-di Thiện Sanh đều đã qua đời. Bạch Thế Tôn! Vậy bốn vị này sau khi qua đời, họ sẽ sinh về nơi nào?”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo Nan-đồ và Tỳ-kheo-ni Nan-đà vì đã diệt tận các lậu nên đã được vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát; ngay trong đời này tự tri tự tác chứng, tui biết rằng ‘Ta, sự sanh đã hết, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau nữa.’ Còn Ưu-bà-tắc Thiện Sanh và Ưu-bà-di Thiện Sanh vì năm hạ phần kết đã hết nên đắc A-na-hàm, sinh lên cõi trời mà vào Bát-niết-bàn, không còn sinh vào cõi này nữa.”

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay Ta sẽ nói kinh Pháp kính.... Thánh đệ tử có bất hoại tịnh đối với Phật,... thành tựu Thánh giới. Đó gọi là kinh Pháp kính.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

KINH 821. PHÁP KÍNH (3)⁴¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ.

Như đã nói đầy đủ ở trên, nhưng có một vài sai biệt: Có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni kia, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di kia qua đời, cũng nói như trên.”⁴²

⁴⁰ Nan-đồ tỳ kheo, Nan-đà tỳ-kheo ni, Thiện Anh ưu-bà-tắc, Thiện Sanh Ưu-bà-di 難屠比丘, 難陀比丘尼, 善生優婆塞, 善生優婆夷. Pāli: Sālha (?) bhikkhu, Nandā bhikkhunī; Sudatta (?) upāsaka, Sujātā upāsikā. Cf. S. 55.8-10, danh sách còn dài hơn.

⁴¹ Đại chánh, kinh 853.

⁴² Danh sách đầy đủ, S. 55.8-10.

KINH 822. NA-LÊ-CA⁴³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong Tinh xá Phôn-kỳ-ca tại tụ lạc Na-lê-ca.⁴⁴ Bảy giờ ở đây có nhiều người qua đời.

Lúc ấy, có các Tỳ-kheo đắp y mang bát vào tụ lạc Na-lê-ca khát thực, nghe tin ở tụ lạc Na-lê-ca các Ưu-bà-tắc Kế-ca-xá, và Ni-ca-tra, Khur-lăng-ca-la, Ca-đa-lê sa-bà, Xà-lộ, Ưu-ba-xà-lộ, Lê-sắc-tra, A-lê-sắc-tra, Bạt-đa-la, Tu-bạt-đa-la, Da-xá, Da-du-đa, Da-xá, Uất-đa-la Ưu-bà-tắc Kế-ca-xá, và Ni-ca-tra, Khur-lăng-ca-la, Ca-đa-lê sa-bà, Xà-lộ, Ưu-ba-xà-lộ, Lê-sắc-tra, A-lê-sắc-tra, Bạt-đa-la, Tu-bạt-đa-la, Da-xá, Da-du-đa, Da-xá, Uất-đa-la⁴⁵ tất cả đều qua đời tại đây. Sau khi nghe tin này, họ trở về tinh xá, cất y bát rửa chân xong, đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ sát chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

“Sáng sớm số đông các Tỳ-kheo chúng con vào tụ lạc Na-lê-ca khát thực, nghe tin Ưu-bà-tắc Kế-ca-xá và nhiều người qua đời. Bạch Thế Tôn, những người này sau khi qua đời, họ sẽ sinh về nơi nào?”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Kế-ca-xá và những người kia, đã đoạn năm hạ phần kết, đắc A-na-hàm, vào Bát-niết-bàn ở trên trời, không sinh lại cõi này nữa.”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, lại có hơn hai trăm năm mươi vị Ưu-bà-tắc đã qua đời, và lại có năm trăm Ưu-bà-tắc tại tụ lạc Na-lê-ca này qua đời?”

“Tất cả đều dứt hết năm hạ phần kết, đắc A-na-hàm, vào Bát-niết-bàn ở trên cõi trời kia, không còn sanh trở lại [217c] đời này nữa.

⁴³ Đại chánh, kinh 854. Pāli, S. 55. 10. Giñjakāvasatha.

⁴⁴ Na-lê-ca tụ lạc Phôn-kỳ-ca tinh xá 那梨迦聚落繁耆迦精舍. Pāli: Nāṭike Giñjakāvasathe.

⁴⁵ Ưu-bà-tắc Kế-ca-xá 闍迦舍優婆塞, Ni-ca-tra 尼迦吒, Khur-lăng-ca-la 佉楞迦羅, Ca-đa-lê sa-ba 迦多梨沙婆, Xà-lộ 闍露, Ưu-ba-xà-lộ 優婆闍露, Lê-sắc-tra 梨色吒, A-lê-sắc-tra 阿梨色吒, Bạt-đa-la 跋陀羅, Tu-bạt-đa-la 須跋陀羅, Da-xá 耶舍, Da-du-đa 耶輸陀, Da-xá 耶舍, Uất-đa-la 鬱多羅. Danh sách Pāli, S. 55.10: Kakkato nāṭike upāsako, Kāḷibho, Nikato, Kaṭṭisabho, Tuṭṭho, Santuṭṭho, Bhaddo, Subhaddo.

“Lại có hơn hai trăm năm mươi vị Ưu-bà-tắc qua đời đều dứt hế ba kết, tham, nhuế, và si mỏng, đắc Tu-đà-hàm, sẽ chịu một lần sinh, mới rốt ráo thoát khổ.

“Tại tụ lạc Na-lê-ca này lại có năm trăm Ưu-bà-tắc qua đời tại tụ lạc Na-lê-ca này, đã dứt hết ba kết, đắc Tu-đà-hoàn, không còn đọa vào pháp đường dữ, quyết định hướng đến Chánh giác, chỉ còn bảy lần qua lại trời người rốt ráo thoát khổ.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Các người theo người này qua đời, người kia qua đời mà hỏi, thật là phiền nhọc. Chẳng phải là điều Như Lai muốn trả lời. Phạm có sinh thì có tử, có gì là lạ? Dù Như Lai có ra đời hay chẳng ra đời, pháp tánh vẫn thường trụ, điều đó Như Lai tự chứng tri, thành Đẳng chánh giác, hiển bày, diễn nói, phân biệt, chỉ dạy, rằng: Cái này có nên cái kia có; cái này khởi nên cái kia khởi; do duyên vô minh nên có hành, ... cho đến do duyên sinh nên có già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não, và tập khởi khổ uẩn như vậy. Vô minh diệt thì hành diệt, ... cho đến sinh diệt thì già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não diệt, khổ uẩn bị diệt như vậy.

“Nay Ta sẽ vì các người nói về kinh Pháp kính. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các người giảng nói. Thế nào là kinh Pháp kính? Thánh đệ tử có bất hoại tịnh đối với Phật, có bất hoại tịnh đối với Pháp, Tăng và, thành tựu Thánh giới. Đó gọi là kinh Pháp kính.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

KINH 823. NAN-ĐỀ (1)⁴⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có Ưu-bà-tắc Nan-đề⁴⁷ đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ sát chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, Thánh đệ tử đối với năm căn, mà trong tất cả thời đều không thành tựu, đó là do phóng dật hay chẳng phóng dật?”

Phật bảo Nan-đề:

⁴⁶ Đại chánh, kinh 855. Pāli, S. 55. 40. Nandiya.

⁴⁷ Nan-đề Ưu-bà-tắc 難提優婆塞. Pāli: Nandiyo sakko.

“Đôi với năm căn này, nếu trong tất cả thời đều không thành tựu, Ta nói họ thuộc vào hạng phàm phu. Nếu Thánh đệ tử mà không thành tựu, đó là người phóng dật chứ chẳng phải không phóng dật.

“Này Nan-đề, Thánh đệ tử đã thành tựu bất hoại tịnh đối với Phật mà không cầu hưởng thượng, không ở trong rừng vắng, hoặc ngồi nơi đất trống, ngày đêm thiền tịnh tư duy, tinh cần tu tập, để được thắng diệu xuất ly, người đó không được lợi ích tùy hỷ. Do không tùy hỷ, hoan hỷ không sanh. Do hoan hỷ không sanh, thân không khinh an. Do thân không khinh an, cảm giác khổ phát sanh. Do cảm giác khổ phát sanh, tâm không được định. Tâm không định, Thánh đệ tử [218a] ấy được gọi là phóng dật. Thành tựu bất hoại tịnh đối với Pháp, Tăng và thành tựu Thánh giới cũng nói như vậy.

“Như vậy, Nan-đề, nếu Thánh đệ tử đã thành tựu bất hoại tịnh đối với Phật, mà tâm không khởi tưởng thỏa mãn, ở trong rừng vắng, dưới bóng cây, nơi đất vắng, ngày đêm thiền định tư duy, phương tiện tinh tấn, hay khởi thắng diệu xuất ly, được tùy hỷ; do được tùy hỷ, hoan hỷ phát sanh; do hoan hỷ sanh, thân khinh an; do thân khinh an, có cảm giác thọ lạc; do có cảm giác thọ lạc, tâm được định. Thánh đệ tử tâm định được gọi là không phóng dật. Thành tựu bất hoại tịnh đối với Pháp, Tăng, và thành tựu Thánh giới cũng nói như vậy.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, Ưu-bà-tắc Nan-đề nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ sát chân Phật rồi lui.

KINH 824. NAN-ĐỀ (2)⁴⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có Thích thị Nan-đề⁴⁹ đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ sát chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, Thánh đệ tử đối với bốn bất hoại tịnh, trong tất cả thời, không thành tựu, vậy Thánh đệ tử này là phóng dật hay chẳng phóng dật?”⁵⁰

⁴⁸ Đại chánh, kinh 856. Pāli, S. 55 .47. Nandiya.

⁴⁹ Thích thị Nan-đề 釋氏難提. Pāli: **Sakko Nandiyo**.

⁵⁰ Pāli(S. vi. 397): Thánh đệ tử hoàn toàn không có bốn chi phần của Dự lưu (*cattāri sotāpattiyaṅgāni*), là do sống buông lung (*pamādavihārī*).

Phật bảo Thích thị Nan-đề:

“Nếu đối với bốn bất hoại tinh mà không lúc nào thành tựu, Ta bảo đó là những kẻ thuộc ngoài hạng phàm phu.”⁵¹

“Này Thích Nan-đề, Thánh đệ tử hoặc phóng dật hay không phóng dật. Nay Ta sẽ nói...” *chi tiết đầy đủ như trên.*

Phật nói kinh này xong, Thích Nan-đề sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy làm lễ rồi lui.

KINH 825. NAN-ĐỀ (3)⁵²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bảy giờ an cư ba tháng đầu hạ⁵³ đã xong, có số đông các Tỳ-kheo, tập trung tại nhà ăn may y cho Phật. Không bao lâu khi y may xong, Như Lai sẽ đắp y mang bát ra khỏi tinh xá du hành trong nhơn gian.

Bảy giờ, Thích thị Nan-đề nghe số đông các Tỳ-kheo, tập trung tại nhà ăn may y cho Phật, không bao lâu khi y may xong, Như Lai sẽ đắp y mang bát ra khỏi tinh xá du hành trong nhơn gian. Thích thị Nan-đề nghe tin như vậy, bèn đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ sát chân, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

“Hôm nay tứ chi thân thể con rã rời, bốn phương đổi thay. Những pháp con đã nghe trước kia, nay tất cả đều mịt mờ, quên hết, khi nghe các Tỳ-kheo tập trung tại nhà ăn may y cho Thế Tôn nói: ‘Không bao lâu, khi nào may y xong, Như Lai sẽ đắp y mang bát du hành trong nhơn gian.’ Cho nên nay tâm con cảm thấy rất khổ đau vì không biết lúc nào sẽ gặp lại được Thế Tôn cùng các Tỳ-kheo tri thức?”

Phật bảo Thích thị Nan-đề:

“Dù có gặp Phật hay không gặp Phật, dù có gặp Tỳ-kheo tri thức hay không gặp, người vẫn nên tùy thời tu tập năm điều hoan hỷ. Những gì là năm? Người nên tùy thời niệm tưởng Như Lai sự: ‘Như Lai là đấng Ứng cúng, Đẳng chánh giác, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải,

⁵¹ Xem kinh 855.

⁵² Đại chánh, kinh 857.

⁵³ Hán: tiền tam nguyệt hạ 前三月夏; mùa hè, tức mùa mưa, có 4 tháng. An cư trong phạm vi ba tháng đầu.

Vô thượng sĩ, Điều ngự Trượng phu, Thiên nhơn sư, Phật, Thế tôn.’ Niệm tưởng Pháp sự, Tăng sự, tự mình giữ giới sự cùng hành thế sự. Người hãy tùy thời nhớ nghĩ là: ‘Ta đã được lợi cho mình. Đối với những cái bản xan tham của chúng sanh, ta sẽ tu tập nhiều để dứt lìa cái bản của xan tham, sống tại gia mà tu giải thoát thí,⁵⁴ bố thí xả, luôn luôn bố thí nhiệt tình, vui thích xả, huệ thí bình đẳng, tâm luôn nhớ đến việc bố thí.’ Như vậy, Thích thị Nan-đề, năm chi định này hoặc đứng, đi, ngồi, nằm cho đến cùng với vợ con, luôn luôn phải buộc niệm tam-muội này.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, Thích thị Nan-đề nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ, làm lễ mà lui.

KINH 826. NAN-ĐỀ (4)⁵⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ, kết an cư ba tháng đầu hạ.⁵⁶ Bảy giờ có Thích thị Nan-đề nghe Phật kết an cư ba tháng đầu hạ ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-ve.⁵⁷ Sau khi nghe vậy, ông liền nghĩ: ‘Ta nên đến đó. Tại đó cúng dường và làm mọi công việc để phụng sự Như Lai cùng Tỳ-kheo Tăng.’ Ông liền đến đó. Sau ba tháng, bảy giờ, số đông các Tỳ-kheo tập trung tại nhà ăn may y cho Thế Tôn và nói với nhau rằng: ‘Như Lai không bao lâu sau khi may y xong sẽ đắp y mang bát du hành trong nhơn gian.’

Thích thị Nan-đề nghe các Tỳ-kheo tập trung tại nhà ăn nói, ‘Như Lai không bao lâu sau khi may y xong sẽ đắp y mang bát du hành trong nhơn gian.’ Sau khi nghe tin này, ông đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ sát chân, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, hôm nay toàn thân thể con rã rời, bốn phương thay đổi; những pháp con đã nghe trước đây, nay tất cả đều mờ mịt, quên hết. Con nghe Thế Tôn du hành trong nhơn gian, con không biết bao giờ sẽ gặp lại Thế Tôn cùng các Tỳ-kheo tri thức?”

Phật bảo Thích thị Nan-đề:

⁵⁴ Giải thoát thí 修解脫施. Pāli: *muttacāga*, buông xả, cho với tâm buông bỏ.

⁵⁵ Đại chánh, kinh 858. Pāli, A. 11. 14. Nandiya.

⁵⁶ Xem **cht. 53** kinh Đại chánh 857.

⁵⁷ Có thể ở Ca-tì-la-vệ thì đúng hơn. Vì Nan-đề họ Thích ở Ca-tì-la-vệ.

“Dù có gặp Như Lai hay chẳng gặp, dù có gặp Tỳ-kheo tri thức hay chẳng gặp, người cũng nên tùy thời mà tu tập về sáu niệm. Những gì là sáu niệm? Hãy niệm Như Lai sự, Pháp sự, Tăng sự, giới mình đã giữ, việc hành thí của mình, niệm chư thiên.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, Thích thị Nan-đề nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ, đánh [218b] lễ mà lui.

KINH 827. LÊ-SU’-ĐẠT-ĐA⁵⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ, kết tiền tam nguyệt hạ an cư, như nói ở trước, nhưng có một vài sai biệt:

“Bấy giờ gia chủ tên là Lê-su-đạt-đà⁵⁹ và Phú-lan-na.⁶⁰ Hai anh em nghe các Tỳ-kheo tập trung tại nhà ăn, may y cho Thế Tôn...” *như kinh Nan-đề đã nói đầy đủ ở trên.*

Sau khi Phật nói kinh này xong, gia chủ Lê-su-đạt-đà và Phú-lan-na nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ mà lui.

KINH 828. ĐIỀN NGHIỆP⁶¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ, kết an cư ba tháng đầu hạ xong, các Tỳ-kheo tập trung tại nhà ăn may y cho Thế Tôn. Bấy giờ có gia chủ Lê-su-đạt-đà cùng Phú-lan-na,⁶² hai anh em đang quản trị nông vụ ở trong đầm Lộc kính,⁶³ nghe số đông các Tỳ-kheo ở tại nhà ăn may y cho Thế Tôn nói rằng: ‘Như Lai không bao lâu sau khi may y xong sẽ đắp y mang bát du hành trong nhơn gian.’ Sau khi nghe tin này, họ bảo một người đàn ông

⁵⁸ Đại chánh, kinh 859. Tham chiếu kinh Đại chánh 858.

⁵⁹ Lê-su-đạt-đà 梨師達多. Pāli: Isidatta.

⁶⁰ Phú-lan-na 富蘭那. Pāli: Purāṇa..

⁶¹ Đại chánh, kinh 860. Pāli, S. 55.6. Thapatayo.

⁶² Xem cht.66, 67, kinh Đại chánh 859.

⁶³ Lộc kính trạch 鹿徑澤. Pāli (S. vi, 348): hai người thợ mộc hay công trình sư (*thapatayo*) Isidatta và Purāṇa đang ở tại thôn Sādhuka. Hai ông này là quan chức của vua Ba-tư-nặc.

rằng: „Nay ông hãy đến chỗ Thế Tôn, xem Thế Tôn nếu đã đi rồi, hãy nhanh chóng trở về báo cho ta hay.“

Người đàn ông kia vâng lời, đi đến một chỗ kia gặp Thế Tôn đang ra đi, liền vội vàng trở về báo cho Lê-sư-đạt-đa cùng Phú-lan-na là „Thế Tôn và đại chúng đang đến.“

Bấy giờ, Lê-sư-đạt-đa cùng Phú-lan-na đi nghinh đón Thế Tôn. Thế Tôn từ xa nhìn thấy Lê-sư-đạt-đa cùng Phú-lan-na theo con đường đang đi đến, liền ra ngoài lề đường trải tọa cụ, ngồi ngay thẳng. Lê-sư-đạt-đa cùng Phú-lan-na đánh lễ sát chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, hôm nay toàn thân thể con rã rời, bốn phương đổi dời; tất cả mọi ức niệm, nay đều mờ mịt quên hết; không biết lúc nào sẽ được gặp lại Phật cùng các Tỳ-kheo tri thức? Hôm nay Thế Tôn ra đi đến Câu-tát-la; từ Câu-tát-la đến Già-thi; từ Già-thi đến Ma-la; từ Ma-la đến Ma-kiệt-đà; từ Ma-kiệt-đà đến Ương-già, từ Ương-già đến Tu-ma; từ Tu-ma đến Phân-đà-la; từ Phân-đà-la đến Ca-lăng-già.⁶⁴ Cho nên hôm nay con vô cùng khổ não, không biết lúc nào được gặp lại Thế Tôn cùng các Tỳ-kheo tri thức.”

Phật bảo **[219a]** Lê-sư-đạt-đa cùng Phú-lan-na:

“Các người dù có gặp Như Lai hay chẳng gặp Như Lai, dù có gặp các Tỳ-kheo tri thức hay chẳng gặp, các người cũng nên tùy thời mà tu tập sáu niệm. Những gì là sáu niệm? Các người hãy niệm Như Lai sự, *nói đầy đủ ... cho đến* niệm Thiên. Nhưng này các gia chủ, tại gia thì rối rắm, tại gia thì đắm nhiễm. Còn xuất gia thì vô sự, nhàn nhã, nên khó cho người thế tục có thể sống không gia đình, một mực thanh khiết, hoàn toàn trong sạch, phạm hạnh thanh bạch.”

Gia chủ bạch Phật:

“Kỳ diệu thay, Bạch Thế Tôn, khéo nói pháp này. Vì tại gia thì rối rắm, tại gia thì đắm nhiễm. Còn xuất gia thì vô sự, nhàn nhã, nên khó cho người thế tục có thể sống không gia đình, một mực thanh khiết, hoàn toàn trong sạch, phạm hạnh thanh bạch. Con là đại thần của vua

⁶⁴ Câu-tát-la 拘薩羅; Già-thi 伽尸; Ma-la 摩羅; Ma-kiệt-đà 摩竭陀; Ương-già 殃伽, Tu-ma 修摩; Phân-đà-la 分陀羅; Ca-lăng-già 迦陵伽. Pāli, theo thứ tự: Kosala, Kāsi, Malla, Magadha, nga, Sumbha, Puṇḍarīka, Kālīṅga. Lộ trình không giống với S. 55. 6.

Ba-tư-nặc. Khi vua Ba-tư-nặc lúc muốn dạo viên quán, sai con cỡi voi lớn chở các cung nữ được sủng ái nhất của vua. Một ngồi trước con, một sau con, con ngồi ở giữa. Khi voi xuống đồi, người ở trước chòng vào cổ con, người sau ôm lưng con; khi voi lên đồi, người sau bám lấy gáy con, người trước vít lấy áo con.

“Các thể nữ này vì muốn chiếm lòng vui thích của nhà vua nên mặc xiêm y lụa là sắc sỡ, trang điểm bằng anh lạc, và các loại hương vi diệu. Lúc cùng dạo chơi con luôn luôn giữ ba điều: Một là điều khiển voi, sợ rằng lạc mất đường chính; hai tự giữ tâm mình, sợ rằng sẽ sinh ra đắm nhiễm; ba tự giữ gìn, sợ rằng sẽ bị rơi ngã. Bạch Thế Tôn, lúc bấy giờ, đối với các thể nữ của vua, con không giây phút nào là không chánh tư duy.”

Phật bảo Gia chủ:

“Lành thay, lành thay, người có thể khéo giữ tâm mình!”

Gia chủ bạch Phật:

“Những tài vật mà con có được ở tại gia, thường đem cúng dường cho Thế Tôn, cùng các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, và gúp đỡ cho Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di cùng chung thọ dụng, chứ không kể là của con.”

Phật bảo Gia chủ:

“Lành thay, lành thay! Đối với của cải, Gia chủ là người có tiền của giàu sang tốt nhất tại nước Câu-tát-la, không ai có thể sánh bằng, mà không kể là của mình.”

Bấy giờ, đức Thế Tôn vì gia chủ này mà nói pháp, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ. Sau khi khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.⁶⁵

KINH 829. NHƯ LAI ĐỆ NHẤT⁶⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở trong vườn trúc Ca-lan-đà, tại thành Vương-xá. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

⁶⁵ Gán Hán, hết quyển 30.

⁶⁶ Đại chánh, minh 902. Từ kinh số 902-904, ba kinh này thuộc cuối quyển 31, nhưng xét theo nội dung, nên Ấn Thuận *Hội biên* đưa vào Tương ưng bát hoai tịnh. Ở đây cũng vậy. Pāli, S. 45.139. *Tathāgata*. Cf. A. 4.34. *Pasāda*.

“Hoặc có chúng sanh không chân, hai chân, bốn chân, nhiều chân; sắc, không sắc, tưởng, không tưởng, chẳng phải tưởng, chẳng phải chẳng tưởng; đối với tất cả thì Như lai là bậc nhất,... cho đến, Thánh giới cũng nói như vậy.”

KINH 830. LY THAM PHÁP ĐỆ NHẤT⁶⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở trong vườn trúc Ca-lan-đà, tại thành Vương-xá. Bảy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu mọi công việc của chúng sanh ở thế gian, tất cả đều nương vào đất mà kiến lập có được, cũng vậy trong tất cả các pháp hữu vi, vô vi, pháp ly tham dục là bậc nhất.” Nói đầy đủ như vậy,... cho đến Thánh giới cũng nói như vậy.

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo [226a] nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

KINH 831. THANH VĂN ĐỆ NHẤT⁶⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở trong vườn trúc Ca-lan-đà, tại thành Vương-xá. Bảy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu các chúng sanh ở thế gian, tất cả đều nương vào đất mà kiến lập được. Cũng vậy, trong tất cả mọi chúng sanh, chúng Thanh văn của Như lai là bậc nhất.”

Nói đầy đủ như vậy,... cho đến Thánh giới.

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

KINH 832. THÍCH THỊ⁶⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Ni-câu-luật, nước Ca-tỳ-la-vệ,⁷⁰ Bảy giờ, có nhiều người họ Thích đi đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên. Bảy giờ Thế tôn bảo các Thích thị:

⁶⁷ Đại chánh, kinh 903.

⁶⁸ Đại chánh, kinh 904.

⁶⁹ Đại chánh kinh 1121. Pāli, A. 10. 46. *Sakka*.

«Này các người Cù-đàm! Vào ngày trai giới,⁷¹ và tháng thần túc,⁷² có thọ trì trai giới và tu tập công đức gì không?»

Các Thích thị bạch Phật:

«Bạch Thế tôn! Chúng con vào những ngày trai, có khi giữ được trai giới, có khi không được. Vào tháng thần túc có khi giữ trai giới, tu tập mọi công đức, và cũng có khi không giữ được.»

Phật bảo những người họ Thích:

«Này các Cù-đàm, các người sẽ không thu hoạch được lợi tốt. Các người là những người kiêu mạn, người phiền não, người ưu bi, người khổ não. Tại sao vào những ngày trai giới, có khi giữ được trai giới, có khi không được? Vào những tháng thần túc, có khi giữ được trai giới, tu tập công đức, có khi không được? Này các Cù-đàm! Thí như người cầu lợi, mỗi ngày mỗi tăng dần, một ngày một tiền, hai ngày hai tiền, ba ngày bốn tiền, bốn ngày tám tiền, năm ngày mười sáu tiền, sáu ngày hai mươi tiền. Như vậy, người ấy càng ngày càng tăng dần; tám ngày, chín ngày, cho đến một tháng, tiền tài càng lúc càng lớn rộng phải không?»

Gia chủ bạch Phật:

«Bạch Thế tôn! Đúng vậy.»

Phật bảo Thích thị:

«Thế nào, các người Cù-đàm! Như vậy, người tiền tài tăng lên dần, và tiền tài tự nhiên sẽ tăng rộng ra mãi; vậy lại muốn cho mình, trong vòng mười năm, chỉ một mục hỷ lạc, tâm lạc, phần nhiều trụ thiên định, há có thể được không?»

Thích thị đáp:

«Bạch Thế tôn! Không.»

Phật bảo Thích thị:

⁷⁰ Ca-tỳ-la-vệ quốc Ni-câu-luật viên 迦毘羅衛國尼拘律園. Pāli: *Kapilavatthu-Nigodhārāma*.

⁷¹ Pháp trai nhật 法齋日; chỉ ngày thọ trì bát quan trai giới. Pāli: *aṭṭhaṅgasamannāgatam uposatham*.

⁷² Thần túc nguyệt 神足月; tháng thần túc hay thần biến. Xem cht. ? kinh 1117.

«Hoặc là chín năm, tám năm, bảy năm, sáu năm, năm năm, bốn năm, ba năm, hai năm hay một năm, hỷ lạc, tâm lạc, phần nhiều trụ thiền định, há có thể được không?»

Thích thị đáp:

«Bạch Thế tôn! Không.»

Phật bảo Thích thị:

«Thôi, không tính năm. Liệu mười tháng, chín tháng, tám tháng cho đến một tháng, hỷ lạc, tâm lạc, phần nhiều trụ thiền định, há có thể được không? Lại không tính tháng, mà mười ngày, chín ngày, tám ngày cho đến một ngày một đêm hỷ lạc, tâm lạc, phần nhiều trụ thiền định, há có thể được không?»

«Bạch Thế tôn! Không.»

Phật dạy Thích thị:

«Nay Ta nói cho các người biết, trong hàng Thinh văn của Ta, có người tâm ngay thẳng, không siểm trá, không huyễn nguy Ta đã giáo hóa người này mười năm. Do nhân duyên này, người ấy có thể trong vòng trăm, nghìn, vạn năm chỉ một mực hỷ lạc, tâm lạc, phần nhiều trụ thiền định. Điều này chắc chắn là có.

«Lại nữa, thôi, không tính mười năm, mà chín năm, tám năm, cho đến một năm, mười tháng, chín tháng, cho đến một tháng; mười ngày, chín ngày, cho đến một ngày một đêm, nếu đã được Ta giáo hóa, thì đến sáng hôm sau họ có thể tiến bộ vượt bậc. Sáng sớm đã được giáo hóa thì đến chiều tối, có thể tiến bộ gấp bội. Vì nhân duyên này, nên trong vòng trăm, nghìn, vạn năm chỉ một mực hỷ lạc, tâm lạc, phần nhiều trụ thiền định, thành tựu hai quả. Hoặc quả Tư-đà-hàm hay quả A-na-hàm. Vì người này trước đó đã đắc Tu-đà-hoàn rồi.»

Những người họ Thích bạch Phật:

«Lành thay! Thế tôn! Từ hôm nay, vào những ngày trai, chúng con sẽ tu tập trai giới tám chi, vào tháng thần túc, cũng thọ trì trai giới, tùy sức mà bố thí, tu tập mọi công đức.»

Phật bảo Thích thị:

«Lành thay, các Cù-đàm, hãy làm những việc cần thiết.»⁷³

⁷³ Hán: vi chân thật yếu 爲真實要; chưa hiểu ý.

Phật nói kinh này xong, những người họ Cù-đàm nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ ra về.

KINH 833. TẬT BỆNH⁷⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Ni-câu-luật, nước Ca-tỳ-la-vệ. Bảy giờ, có nhiều người dòng họ Thích nhóm họp tại nhà luận nghị, bàn luận như vậy. Khi ấy, có người họ Thích nói với người họ Thích tên là Nan-đề: «Tôi có khi được đến Như lai để cung kính cúng dường, có khi không được. Có khi được gần gũi cúng dường các vị Tỳ-kheo quen biết, có khi không được. Lại cũng không biết có những vị Ưu-bà-tắc trí tuệ, mà khi có những vị Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di trí tuệ khác bị tật bệnh khốn khổ, thì sẽ làm sao thuyết pháp, giáo giới, giáo hóa cho họ? Bây giờ chúng ta cùng đến chỗ Thế tôn thưa hỏi nghĩa này. Theo như lời dạy Thế tôn mà thọ trì.»

Lúc đó, Nan-đề và những người dòng họ Thích, cùng nhau đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

«Bạch Thế tôn! Chúng con những người họ Thích có bàn luận với nhau ở nhà nghị luận như vậy. Có người họ Thích đến nói với con rằng, «Này Nan-đề! Chúng tôi có khi được đến Như lai để cung kính cúng dường, có khi không được. Có khi được gần gũi cúng dường các vị Tỳ-kheo quen biết, có khi không được. Nói đầy đủ như trên ... cho đến vâng theo lời dạy Thế tôn mà thọ trì.» Hôm nay chúng con thỉnh vấn Thế tôn: «Nếu Ưu-bà-tắc trí tuệ, mà khi có Ưu-bà-tắc và Ưu-bà-di trí tuệ khác bị bệnh tật khốn khổ thì nên thuyết pháp giáo giới, giáo hóa thế nào?»»

Phật bảo Nan-đề:

«Nếu Ưu-bà-tắc trí tuệ, muốn đến chỗ Ưu-bà-tắc và Ưu-bà-di trí tuệ khác đang bị tật bệnh khốn khổ, thì đem ba pháp an tâm⁷⁵ này mà truyền dạy cho họ; nói rằng, «Nhơn giả! Hãy thành tựu lòng tin thanh tịnh bất hoại đối với Phật, đối với Pháp, Tăng .»

⁷⁴ Đại chánh, kinh 1122. Pāli, S. 55. 54 *Gilāyana*.

⁷⁵ Tô tức xứ 穌息處. Pāli: *assāsanīya dhamma*: pháp làm cho hơi thở điều hoà; làm cho thư giãn, nghỉ ngơi; pháp làm cho an tâm.

«Sau khi đem ba pháp an tâm này truyền dạy xong, lại nên hỏi rằng: «Nhơn giả có quyền luyến cha mẹ không?» Nếu người kia có quyền luyến cha mẹ, thì nên dạy buông xả và nên nói rằng, «Nếu nhơn giả quyền luyến cha mẹ mà được sống, thì đáng quyền luyến. Đã không do quyền luyến mà được sống, thì quyền luyến làm gì?» Nếu kia nói không có quyền luyến cha mẹ thì nên tùy hỷ khuyến thiện, và hỏi thêm rằng: «Đối với vợ con, nô bộc, tiền của cùng mọi vật nhơn giả có quyền luyến không?» Nếu nói quyền luyến thì nên khuyên buông xả, như pháp xả sự quyền luyến cha mẹ. Nếu nói không quyền luyến, thì tùy hỷ khuyến thiện và hỏi nữa: «Đối với ngũ dục thế gian nhơn giả có luyến tiếc không?» Nếu họ nói luyến tiếc, thì nên giải thích là ngũ dục thế gian là chỗ xấu xa, bất tịnh, bại hoại, hôi hám, không giống như ngũ dục thắng diệu cõi trời. Hãy khuyên kia lìa bỏ ngũ dục thế gian, và quyết mong ngũ dục cõi trời. Nếu người kia nói tâm đã xa lìa ngũ dục thế gian, và trước đã nghĩ đến dục thắng diệu cõi trời, thì tùy hỷ khuyến thiện, và lại nói với họ rằng: «Ngũ dục thắng diệu cõi trời, là pháp vô thường, khổ, không, biến hoại. Chư thiên cõi trời có thân tướng thù thắng hơn ngũ dục cõi trời.» Nếu kia nói đã bỏ nghĩ đến dục cõi trời, và chỉ nghĩ đến thân tướng hơn ngũ dục, thì cũng tùy hỷ khuyến thiện và, lại nói với họ rằng: «Dục của hữu thân⁷⁶ cũng lại là pháp vô thường, biến hoại, chỉ có sự an lạc của xuất ly, là Niết-bàn với sự diệt tận cuar các hành. Nhơn giả nên lìa bỏ sự mê luyến nơi hữu thân, mà nên vui cái vui Niết-bàn vắng lặng, tối thượng, thù thắng.»

«Vị Thánh đệ tử kia nếu đã lìa bỏ sự mê luyến đối với hữu, chỉ vui với Niết-bàn, thì cũng nên tùy hỷ khuyến thiện.

«Nhu vậy, Nan-đề, Thánh đệ tử kia từ từ trước sau được nhắc nhở chỉ dạy, khiến cho họ được Niết-bàn bất khởi;⁷⁷ giống như Tỳ-kheo sống một trăm tuổi, giải thoát - Niết-bàn.»

Phật nói kinh này xong, Nan-đề họ Thích cùng mọi người nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ ra về.

⁷⁶ Hữu thân 有身; tức hữu thân kiến, chấp thân có thật. Diệt trừ thân kiến chứng Tu-đà-hoàn. Pāli: *sakkāya*.

⁷⁷ Hán; bất khởi niết-bàn 不起涅槃; chỉ niết-bàn vô sinh, không còn tái sinh. Bản Pāli không nhắc đến ý nghĩa này.

KINH 834. BỒ-ĐỀ⁷⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Ni-câu-luật, tại nước Ca-tỳ-la-vệ, Bảy giờ, có người họ Thích tên là Bồ-đề⁷⁹ đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

«Lành thay, bạch Thế tôn! Chúng con sung sướng được thiện lợi, là được làm thân quyến Thế tôn.»

Phật bảo Bồ-đề:

«Chớ nói như vậy, rằng «Chúng con sung sướng được thiện lợi, là được làm thân quyến Thế tôn.» Nay Bồ-đề! Được gọi là thiện lợi là đối với Phật có tâm thanh tịnh bất hoại, đối với pháp, Tăng có tâm thanh tịnh bất hoại, và thành tựu Thánh giới. Cho nên, nay Bồ-đề! Nên học như vậy: Đối với Phật có tâm thanh tịnh bất hoại, đối với Pháp, Tăng có tâm thanh tịnh bất hoại, và thành tựu Thánh giới.»

Phật nói kinh này xong, Bồ-đề họ Thích nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ ra về.

KINH 835. VÃNG SINH⁸⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Ni-câu-luật, tại nước Ca-tỳ-la-vệ, Bảy giờ, Thế tôn bảo các Tỳ-kheo:

«Nếu có vị Thánh đệ tử nào đối với Phật, thành tựu được lòng tin thanh tịnh bất hoại, thì ngay lúc đó, sẽ được các hàng chư Thiên trước kia đối với Phật đã thành tựu được lòng tin tịnh giới bất hoại, và vì nhân duyên này họ được sinh lên cõi trời, họ đều rất hoan hỷ và khen ngợi rằng: «Ta, nhờ nhân duyên đối với Phật thành tựu được lòng tin thanh tịnh bất hoại, nên được sinh lên cõi trời tốt đẹp này. Vị Thánh đệ tử kia, ngày nay đối với Phật thành tựu lòng tin thanh tịnh bất hoại, vì nhân duyên đó cũng sẽ sinh lên cõi trời tốt đẹp này.»

«Đối với Pháp và Tăng, lòng tin thanh tịnh bất hoại, và thành tựu Thánh giới cũng nói như vậy.»

⁷⁸ Đại chánh, kinh 1123. Pāli, S. 55. 48. *Bhaddiya*.

⁷⁹ Bồ-đề 菩提. Pāli: *Bhaddiya*.

⁸⁰ Đại chánh, kinh 1124. Pāli, S. 55. 36. *Sabhāgata*.

Phật nói kinh này xong, Các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 836. TU-ĐÀ-HOÀN (1)⁸¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế tôn bảo các Tỳ-kheo:

«Có bốn đạo phần Tu-đà-hoàn.⁸² Thân cận người thiện nam, nghe chánh pháp, bên trong suy nghĩ chơn chánh, pháp thứ pháp hướng.»⁸³

Phật nói kinh này xong, Các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 837. TU-ĐÀ-HOÀN (2)⁸⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế tôn bảo các Tỳ-kheo:

«Có bốn chi phần Tu-đà-hoàn.⁸⁵ Những gì là bốn? Là đối với Phật, có tâm thanh tịnh bất hoại; đối với Pháp, Tăng, có tâm thanh tịnh bất hoại, và thành tựu Thánh giới. Đó gọi là đạo phần Tu-đà-hoàn.»

Phật nói kinh này xong, Các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 838. BỐN PHÁP⁸⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế tôn bảo các Tỳ-kheo:

⁸¹ Đại chánh, kinh 1125. Pāli, S. 55. 50. *Āṅga*; S. 55. 55. *Caturō phalā*.

⁸² Tứ chủng Tu-đà-hoàn đạo phần 四種須陀洹道分. Pāli: *cattāri sotāpattiyaṅgāni*. Cũng gọi là bốn Dự lưu chi, cf. Pháp uẩn 2, Đại 26, tr.458.

⁸³ Cf. Pháp uẩn, ibid.: thân cận thiện sỹ, thính văn chánh pháp, như lý tác ý, pháp tuý pháp hành. Pāli, cf. D.iii. 227: *sappurisa-saṃsevo, saddhamma-savaṇaṃ, yoniso-manasikāro, dhammānudhamma-paṭipatti*.

⁸⁴ Đại chánh, kinh 1126. Pāli, S. 55. 46. *Bhikkhū*.

⁸⁵ Tu-đà-hoàn phần 須陀洹分.

⁸⁶ Đại chánh, kinh 1127. Pāli, S. 55. 2. *Ogadhā*.

«Nếu có người nào thành tựu bốn pháp thì biết người đó là Tu-đà-hoàn. Những gì là bốn? Đó là đối với Phật, có tâm thanh tịnh bất hoại; đối với Pháp, Tăng, có tâm thanh tịnh bất hoại, và thành tựu Thánh giới. Đó gọi là người thành tựu bốn pháp, nên biết họ là Tu-đà-hoàn.»

Phật nói kinh này xong, Các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Giống như nói mà không phân biệt, cũng vậy phân biệt về Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Người nào thành tựu bốn pháp, thì biết họ là Tu-đà-hoàn. Các kinh đều nói như trên.⁸⁷

KINH 839. BÓN QUẢ (1)⁸⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế tôn bảo các Tỳ-kheo:

«Có bốn quả Sa-môn. Những gì là bốn? Là quả Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm, và A-la-hán.»

Phật nói kinh này xong, Các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 840. BÓN QUẢ (2)⁸⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế tôn bảo các Tỳ-kheo:

«Có bốn quả Sa-môn. Những gì là bốn? Là quả Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm, và A-la-hán. Thế nào là quả Tu-đà-hoàn? Đoạn dứt ba kết gọi là Tu-đà-hoàn. Thế nào là quả Tu-đà-hàm? Đoạn dứt ba kết và tham, sân, si với mỏng gọi là Tu-đà-hàm. Thế nào là quả A-na-hàm? Đoạn dứt năm hạ phần kết sử gọi là quả A-na-hàm. Thế nào là quả A-la-hán? Nếu người nào dứt sạch tham dục, sân nhuế, ngu si, và tất cả phiền não gọi là A-la-hán.»

⁸⁷ Trong đoạn này, tóm tắt có 17 kinh. Ân Thuận, kinh 1318-13190. Đại chánh không có kinh số tương đương.

⁸⁸ Đại chánh, kinh 1128. Pāli, S. 55. 55-58. *Caturo phalā*.

⁸⁹ Đại chánh, kinh 1129. Tham chiếu kinh 1128.

Phật nói kinh này xong, Các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Giống như nói mà không phân biệt, cũng vậy, phân biệt Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Người nào thành tựu bốn pháp, thì biết họ là Tu-đà-hoàn. Các kinh đều nói như trên.

KINH 841. KINH HÀN XỨ⁹⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế tôn bảo các Tỳ-kheo:

«Ở bất cứ nơi nào, nếu có Tỳ-kheo đi kinh hành nơi đó, mà chúng được một trong bốn quả Sa-môn, thì khi Tỳ-kheo ấy mạng chung, thường nhớ đến chỗ mình chứng quả.»

Phật nói kinh này xong, Các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Giống như chỗ kinh hành, cũng vậy chỗ đứng, chỗ ngồi, chỗ nằm cũng nói như vậy. Cũng vậy Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Các kinh đều nói như vậy.

KINH 842. BỐN THỨC ĂN⁹¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế tôn bảo các Tỳ-kheo:

«Giống như bốn loại thức ăn đối với tứ đại, để an lập chúng sanh, giúp ích và duy trì. Những gì là bốn? Là đoàn thực, xúc thực, ý tư thực, và thức thực. Cũng vậy, có bốn thứ thức ăn an lạc vốn thấm nhuần bởi phước đức, thấm nhuần bởi pháp lành. Những gì là bốn? Đó là đối với Phật thành tựu tâm thanh tịnh bất hoại, là thức ăn an lạc vốn thấm nhuần bởi phước đức, thấm nhuần bởi pháp lành. Đối với Pháp, Tăng thành tựu tâm thanh tịnh bất hoại, và thành tựu Thánh giới, là thức ăn an lạc vốn thấm nhuần bởi phước đức, thấm nhuần bởi pháp lành.»

⁹⁰ Đại chánh, kinh 1130. Pāli, không thấy tương đwong.

⁹¹ Đại chánh, kinh 1131. Pāli, S. 55. 31. *Abhisanda*.

Phật nói kinh này xong, Các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 843. NHUẬN TRẠCH (1)⁹²

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế tôn bảo các Tỳ-kheo:

Nói như trên, nhưng chỉ có một vài sự sai khác là:

«Đối với Phật thành tựu tâm thanh tịnh bất hoại, là thức ăn an lạc vốn thấm nhuần bởi phước đức, thấm nhuần bởi pháp lành.

«Đối với Pháp, Tăng, thành tựu tâm thanh tịnh bất hoại, các pháp đã được nghe, vừa ý, êy thích. Thành tựu Thánh giới, là thức ăn an lạc vốn thấm nhuần bởi phước đức, thấm nhuần bởi pháp lành.»

Phật nói kinh này xong, Các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 844. NHUẬN TRẠCH (2)⁹³

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế tôn bảo các Tỳ-kheo:

Nói như trên, nhưng chỉ có một vài sự sai khác là:

«Đối với Phật thành tựu tâm thanh tịnh bất hoại, là thức ăn an lạc vốn thấm nhuần bởi phước đức, thấm nhuần bởi pháp lành. Nếu Pháp hoặc tâm keo kiệt, cấu bẩn, trói buộc chúng sanh, thì tâm phải xa lìa các thứ keo kiệt, cấu bẩn đã dính nhiều vào đó, mà thực hành bố thí giải thoát. Thường bố thí, thích buông xả, tâm hành thí bình đẳng, là thức ăn an lạc vốn thấm nhuần bởi phước đức, thấm nhuần bởi pháp lành.»

Phật nói kinh này xong, Các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 845. NHUẬN TRẠCH (3)⁹⁴

Tôi nghe như vậy:

⁹² Đại chánh, kinh 1132. Pāli. S. 55. 31. *Abhisanda*.

⁹³ Đại chánh, kinh 1133.

⁹⁴ Đại chánh, kinh 1134. Pāli, S. 55. 33. *Abhisanda*.

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế tôn bảo các Tỳ-kheo:

Nói như trên, nhưng chỉ có một vài sự sai khác là:

«Bốn thứ như vậy là thức ăn an lạc vốn thấm nhuần bởi phước đức, thấm nhuần bởi pháp lành. Quả báo và công đức của Thánh đệ tử kia không thể so sánh. Không thể nói có được bao nhiêu phước, bao nhiêu báo báo như vậy, mà chỉ nói phước báo nhiều của họ thuộc về công đức lớn đã tích tụ.» Giống như kinh thí dụ ngũ hà⁹⁵ đã nói, ... cho đến nói kệ.

Phật nói kinh này xong, Các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 846. BÓN MƯƠI THIÊN TỬ⁹⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, có bốn mươi Thiên tử tướng mạo rất đẹp đẽ, sáng sớm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên. Thế tôn bảo các Thiên tử ấy rằng:

«Lành thay! Lành thay! Các Thiên tử! Các người đối với Phật đã thành tựu tâm thanh tịnh bất hoại; đối với Pháp, Tăng thành tựu tâm thanh tịnh bất hoại, và thành tựu Thánh giới chưa?»

Bấy giờ, có một Thiên tử đứng dậy, sửa lại y phục, cúi đầu lễ sát chân Phật, rồi chấp tay bạch Phật:

«Bạch Thế tôn! Đối với Phật con đã thành tựu tâm thanh tịnh bất hoại, nhờ công đức này, nên khi thân hoại mạng chung con được sinh lên cõi trời.»

Một Thiên tử thưa:

«Bạch Thế tôn! Đối với Pháp con đã thành tựu tâm thanh tịnh bất hoại, nhờ công đức này, nên khi thân hoại mạng chung con được sinh lên cõi trời.»

Một Thiên tử thưa:

⁹⁵ Quyển 30, kinh 841.

⁹⁶ Đại chánh, kinh 1135. Pāli, S. 55. 20. *Devacārika*.

«Bạch Thế tôn! Đối với Tăng con đã thành tựu tâm thanh tịnh bất hoại, nhờ công đức này, nên khi thân hoại mạng chung con được sinh lên cõi trời.»

Một Thiên tử thưa:

«Bạch Thế tôn! Đối với Thánh giới con đã thành tựu, nhờ công đức này nên khi thân hoại mạng chung con được sinh lên cõi trời.»

Bấy giờ, bốn mươi Thiên tử ở trước Phật tự ký thuyết về quả Tu-đà-hoàn rồi liền biến mất.

Giống như bốn mươi vị Thiên tử, cũng vậy, bốn trăm Thiên tử, tám trăm Thiên tử, mười nghìn Thiên tử, hai chục nghìn Thiên tử, ba chục nghìn Thiên tử, bốn chục nghìn Thiên tử, năm chục nghìn Thiên tử, sáu chục nghìn Thiên tử, bảy chục nghìn Thiên tử, tám chục nghìn Thiên tử, họ ở trước Phật tự ký thuyết về quả Tu-đà-hoàn xong liền biến mất.

23. TƯƠNG ƯNG THIÊN¹

KINH 847. ĐÂU-SUẤT THIÊN²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Bốn trăm năm ở nhơn gian bằng một ngày một đêm trên cõi trời Đâu-suất-đà.³ Ba mươi ngày như vậy là một tháng; mười hai tháng là một năm. Chư thiên Đâu-suất-đà thọ bốn nghìn năm. Kẻ phàm phu vì ngu si không học, sau khi mạng chung ở đó, sinh vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Đa văn Thánh đệ tử sau khi mạng chung ở đó không sinh vào trong địa ngục, ngạ quỷ, và súc sanh.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

KINH 848. HÓA LẠC THIÊN⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Tám trăm năm ở nhơn gian bằng một ngày một đêm trên cõi trời Hóa lạc.⁵ Ba mươi ngày như vậy là một tháng; mười hai tháng là một năm. Chư thiên Hóa lạc thọ tám nghìn tuổi. Kẻ phàm phu vì ngu si không học, sau khi mạng chung ở đó, sinh vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Đa văn Thánh đệ tử sau khi mạng chung ở đó không sinh vào trong địa ngục, ngạ quỷ, và súc sanh.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

¹ Tụng V. Đạo phẩm. 9. Tương ưng chư thiên gồm các kinh Đại chánh 861-872 (phần đầu quyển 31)

² Đại chánh, quyển 31, kinh 861. Cf. A. 3. 70. Uposathaṅga.

³ ĐĐâu-suất-đà 兜率陀. Pāli: Tusita.

⁴ Đại chánh kinh 862.

⁵ Hóa lạc thiên 化樂天. Pāli: Nimmānarati.

KINH 849. THA HÓA TỰ TẠI THIÊN⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Sáu nghìn năm ở nhơn gian bằng một ngày một đêm trên cõi trời Tha hóa Tự tại.⁷ Ba mươi ngày như vậy là một tháng; mười hai tháng là một năm. Chư thiên Tha hóa Tự tại thọ một vạn sáu nghìn năm. Kẻ phạm phu vì ngu si không học, sau khi mạng chung ở đó, sinh vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Đa văn Thánh đê tử sau khi mạng chung ở đó không sinh vào trong địa ngục, ngạ quỷ, và súc sanh.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

Như Phật nói sáu kinh; cũng vậy, Tỳ-kheo nọ hỏi sáu kinh, và Phật hỏi các Tỳ-kheo sáu kinh cũng nói như vậy.

KINH 850. SƠ THIÊN⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo, với hành, hoặc hình, [219c] hay tướng, ly dục, ly pháp ác bất thiện, có tâm, có tứ, có hỷ lạc do viễn ly sanh, chứng và an trụ sơ thiên; vị ấy không nhớ nghĩ hành như vậy, hình như vậy, tướng như vậy. Nhưng đối với sắc, thọ, tưởng, hành, thức, vị ấy tư duy như là bệnh, như ung nhọt, như gai nhọn, như sát hại, là vô thường, khổ, không, vô ngã. Đối với những pháp này mà sanh tâm nhàm chán, sợ hãi, phòng hộ. Do nhàm chán, xa lìa, phòng hộ, bằng pháp giới cam lồ mà tự làm lợi ích cho mình. Đây là tịch tĩnh, đây là thắng diệu, tức là xả ly tất cả hữu dư,⁹ ái tận, vô dục, diệt tận, Niết-bàn.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

⁶ Đại chánh, kinh 863.

⁷ Tha hóa tự tại thiên 他化自在天. Pāli: [Paranimmitavasavattī](#).

⁸ Đại chánh, kinh 864.

⁹ ĐỀ bản: xả ly dư 捨離餘, có thể sót. Nói đầu là: xả nhất thiết hữu dư y 捨離一切有餘. Xem kinh Đại chánh 867.

KINH 851. GIẢI THOÁT¹⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như đã nói ở trên, nhưng có một vài sai biệt:

“Biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát dụ lậu, tâm giải thoát hữu lậu, tâm giải thoát vô minh lậu, với giải thoát tri kiến, tự biết rằng, ‘Ta, sự sanh đã hết, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau nữa.’”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

KINH 852. TRUNG BÁT-NIẾT-BÀN¹¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như đã nói ở trên, nhưng có một vài sự sai biệt:

“Nếu không được giải thoát, nhưng do pháp kia, dục pháp, niệm pháp, lạc pháp, nên thủ trung bát-niết-bàn;¹² hoặc không như vậy, thủ sanh bát-niết-bàn;¹³ hoặc không như vậy, thủ hữu hành bát-niết-bàn;¹⁴ hoặc không như vậy, thủ vô hành bát-niết-bàn;¹⁵ hoặc không như vậy, thượng lưu trung bát-niết-bàn.¹⁶ Hoặc không như vậy, do dục pháp, niệm pháp, lạc pháp, do công đức này mà sinh làm Đại Phạm thiên,¹⁷ hoặc sinh trong Phạm phụ thiên,¹⁸ hay sinh trong Phạm thân thiên.”¹⁹

¹⁰ Đại chánh, kinh 865.

¹¹ Đại chánh, kinh 866.

¹² Trung bát-niết-bàn 中般涅槃, Pāli: *antarāparinibbayī*.

¹³ Sanh bát-niết-bàn 生般涅槃. Pāli: *upahaccaparinibbayī*, tồn tại bát-niết-bàn.

¹⁴ Hữu hành bát-niết-bàn 有行般涅槃. Pāli: *sasaṅkhāraparinibbayī*.

¹⁵ Vô hành bát-niết-bàn 無行般涅槃. Pāli: *asaṅkhāraparinibbayī*.

¹⁶ Thượng lưu bát-niết-bàn 上流般涅槃. Pā: *uddhamṣotaparrinibbayī*.

¹⁷ Đại Phạm thiên 大梵天. Pāli: Mahābrahama.

¹⁸ Phạm phụ thiên 梵輔天. Pāli: Brahmapurohita.

¹⁹ Phạm thân thiên 梵身天. Brahmakāyikā.

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

KINH 853. ĐỆ NHỊ THIÊN THIÊN²⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu Tỳ-kheo, với hành như vậy, hình như vậy, tướng như vậy, mà dứt có tâm có tứ, nội tịnh nhất tâm, không tâm không tứ, có hỷ lạc do định sanh, chứng và trụ đệ nhị thiên; hoặc nhớ nghĩ không hành như vậy, hình như vậy, tướng như vậy; mà đối với sắc, thọ, tưởng, hành, thức mà tư duy như là bệnh, như là ung nhọt, như là gai nhọn, như là sát hại, là vô thường, khổ, không, vô ngã. Đối với những pháp này tâm sinh nhàm chán, xa lìa, sợ hãi, phòng hộ. Do nhàm chán, [220a] xa lìa, phòng hộ, bằng pháp giới cam lồ mà tự làm lợi ích cho mình. Đây là tịch tĩnh, đây là thắng diệu, tức là xả ly tất cả hũ dư, ái tận, vô dục, diệt tận, Niết-bàn.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

KINH 854. GIẢI THOÁT²¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như đã nói ở trên, nhưng có một vài sai biệt:

“Nếu không được giải thoát, nhưng do pháp kia, dục pháp, niệm pháp, lạc pháp, nên thủ trung bát-niết-bàn; hoặc không như vậy, thủ sanh bát-niết-bàn; hoặc không như vậy, thủ hữu hành bát-niết-bàn; hoặc không như vậy, thủ vô hành bát-niết-bàn; hoặc không như vậy, thượng lưu trung bát-niết-bàn. Hoặc không như vậy, do dục pháp, niệm pháp, lạc pháp pháp, nên sinh về cõi trời Tự tánh Quang âm,²² hoặc không

²⁰ Đại chánh, kinh 867.

²¹ Đại chánh, kinh 868.

²² Tự tánh Vô lượng quang thiên 自性光音天. Pāli: Ābhassara.

như vậy, sinh về cõi trời Vô lượng quang;²³ hoặc không như vậy, sinh về cõi trời Thiểu quang.”²⁴

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

KINH 855. ĐỆ TAM THIÊN²⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu Tỳ-kheo, với hành như vậy, hình như vậy, tướng như vậy, lia tham hỷ, an trụ xả, chánh niệm chánh trí, thân cảm giác lạc, điều mà Thánh Nhơn nói là xả, với niệm, an trụ lạc, chứng và an trú đệ tam thiên. Nếu không như vậy, mà với hành như vậy, hình như vậy, tướng như vậy, đối với các pháp sắc,²⁶ thọ, tướng, hành, thức mà tư duy như là bệnh tật, như là ung nhọt, như là gai nhọn, như là sát hại,... cho đến thượng lưu bát-niết-bàn. Nếu không như vậy, do dục pháp, niệm pháp, lạc pháp pháp, nên sinh về cõi trời Biến tịnh;²⁷ hoặc không như vậy, sinh về cõi trời Vô lượng tịnh;²⁸ hoặc không như vậy, sinh về cõi trời Thiểu tịnh.”²⁹

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

KINH 856. GIẢI THOÁT³⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu Tỳ-kheo, với hành như vậy, hình như vậy, tướng như vậy lia khổ dứt lạc, ưu hỷ trước đã diệt, không [220b] khổ không lạc, xả, niệm

²³ Vô lượng quang thiên 無量光天. Pāli: Appamāṇābha.

²⁴ Thiểu quang thiên 少光天. Pāli: Parittābha.

²⁵ Đại chánh, kinh 869.

²⁶ Nguyên bản không có chữ sắc, y các bản TNM bỏ túc.

²⁷ Biến tịnh thiên 遍淨天. Pāli: Subhakiṇṇā.

²⁸ Vô lượng tịnh thiên 無量淨天. Pāli: Appamāṇasubha.

²⁹ Thiểu tịnh thiên 少淨天. Pāli: Parittasubha.

³⁰ Đại chánh, kinh 870.

thanh tịnh,³¹ nhất tâm, chứng và an trụ đệ tứ thiên. Nếu không nhớ nghĩ như vậy, mà đối với sắc, thọ, tưởng, hành, thức mà tư duy như là bệnh tật, như là ung nhọt, như là gai nhọn, như là sát hại,... cho đến thượng lưu bát-niết-bàn. Nếu không như vậy, sinh về cõi trời Nhân tánh Quả thật;³² hoặc không như vậy, sinh về cõi trời Phước sanh;³³ hoặc không như vậy, sinh về cõi trời Thiểu phước.”³⁴

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

KINH 857. PHONG VÂN THIÊN³⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có vị Phong vân thiên³⁶ nghĩ như vậy: ‘Hôm nay ta muốn dùng thần lực dạo chơi.’ Khi nghĩ như vậy thì mây gió liền nổi lên. Cũng vậy, như Phong vân thiên; Diệm điện thiên, Lôi thiên, Vũ thiên, Tinh thiên, Hàn thiên, Nhiệt thiên³⁷ cũng nói như vậy.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

KINH 858. TÁN CÁI PHÚ ĐĂNG³⁸

Tôi nghe như vậy:

³¹ Hán: xả tịnh niệm 捨淨念. Thiên thứ tư: xả niệm thanh tịnh. Pāli: *upekkhā sati pārisuddham*.

³² Nhân tánh Quả thật thiên 因性果實天. Pāli: Vehapphala. Quảng quả thiên..

³³ Phước sanh thiên 福生天.

³⁴ Thiểu phước thiên 少福天.

³⁵ Đại chánh, kinh 871. Pāli, S. 32.1. Desanā.

³⁶ Phong vân thiên 風雲天. Pāli: valāhakāyika deva, (Vân thiên, trời mây)

³⁷ Diệm điện thiên, Lôi thiên, Vũ thiên, Tinh thiên, Hàn thiên, Nhiệt thiên 焰電天, 雷震天, 雨天, 晴天, 寒天, 熱天. Tham chiếu Pāli, S. 32.53. Sītavalāhaka, Hàn thiên 寒天, trời lạnh; 54. Uṇhavalāka, Nhiệt thiên 熱天, trời nóng; 55. Abbhavalāhaka, Âm vân thiên, trời tối; 56. Vātavalāhaka, Phong vân thiên 風雲天, trời gió; 57. Vũ thiên 雨天, Vassavalāhaka, trời mưa.

³⁸ Đại chánh, kinh 872. Cây lọng che đên.

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, vào lúc nửa đêm, trời mưa nhỏ, có chớp lóe chiếu sáng. Phật bảo A-nan:

“Người hãy lấy dù che đèn mang ra ngoài.”

Tôn giả A-nan liền vâng lời lấy dù che đèn, đi theo sau Phật. Đến một nơi, Thế Tôn bỗng mỉm cười. Tôn giả A-nan bạch Phật rằng:

“Thế Tôn không khi nào cười mà không có nguyên nhân. Không rõ hôm nay Thế Tôn vì lý do gì mà mỉm cười?”

Phật bảo A-nan:

“Đúng vậy, đúng vậy! Như lai cười không phải là không có lý do. Hôm nay khi người cầm dù che đèn đi theo Ta, Ta thấy Phạm thiên cũng lại như vậy, cầm dù che đèn đi theo sau Tỳ-kheo Câu-lân;³⁹ Thích Đề-hoàn Nhân⁴⁰ cũng cầm dù che đèn đi theo sau Ma-ha Ca-diếp; Trật-lật-đế-la-sắc-tra-la⁴¹ Thiên vương cũng cầm dù che đèn đi theo sau Xá-lợi-phất; Tì-lâu-lặc-ca⁴² Thiên vương cũng cầm dù che đèn đi theo sau đại Mục-kiền-liên; Tì-lâu-bặc-xoa⁴³ Thiên vương cũng cầm dù đi theo sau Ma-ha [220c] Câu-hy-la; Tì-sa-môn⁴⁴ Thiên vương cũng cầm dù che đèn đi theo sau Ma-ha Kiếp-tân-na.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, tôn giả A-nan nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

³⁹ Câu-lân Tỳ-kheo 拘鄰比丘, tức Kiền-trần-như. Pāli: Aññā-Koṇḍañña.

⁴⁰ Thích đề-hoàn Nhân 釋提桓因. Pāli: Sakko devānaṃ Indo.

⁴¹ Trật-lật-đế-la-sắc-tra-la 秩栗帝羅色吒羅, tức Đề-đầu-lại-tra. Pāli: Dhatarattha, Trì Quốc Thiên vương.

⁴² Tỳ-lâu-lặc-ca 毘樓勒迦 Pāli: Virūhaka, Tăng Trưởng Thiên vương.

⁴³ Tỳ-lâu-bặc-xoa 毘樓匍叉. Pāli: Virūpakka, Quảng Mục Thiên vương.

⁴⁴ Tì-sa-môn 毘沙門. Pāli: Vessavaṇa, Đa Văn Thiên vương.

24. TƯƠNG ƯNG TU CHỨNG¹

KINH 859. TỨ CHỨNG ĐIỀU PHỤC²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có bốn chúng được điều phục hoàn hảo. Những gì là bốn? Đó là Tỳ-kheo được điều phục, Tỳ-kheo ni được điều phục, Ưu-bà-tắc được điều phục, Ưu-bà-di được điều phục. Đó gọi là bốn chúng.”

Rồi Thế Tôn liền nói kệ rằng:

*Hoặc biện tài,³ vô úy,⁴
Đa văn, thông đạt pháp;
Hướng pháp tùy pháp hành,⁵
Đó là chúng toàn thiện.*

*Tỳ-kheo giữ tịnh giới,
Tỳ-kheo-ni đa văn;
Ưu-bà-tắc tịnh tín,
Ưu-bà-di cũng vậy.
Đó là chúng toàn thiện,
Như mặt trời tự chiếu.
Tăng toàn thiện cũng vậy,
Đó là thiện trong Tăng.
Pháp khiến Tăng toàn thiện,⁶
Như mặt trời tự chiếu.”*

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

¹ Tụng V. Đạo phẩm. 9. Tương ưng tu chứng, gồm các kinh Đại chánh 873-891, giữa quyển 31. Ấn Thuận Hội biên, Tụng VII. Như lai sở thuyết, 38. Tương ưng tu chứng.

² Đại chánh, kinh 873. Bốn loại huấn luyện. Pāli, A. 4. 7. Sobheti; Cf. No 125(27.7).

³ Biện tài 才辯. Pāli: *vīyatta*, có năng lực, thông minh.

⁴ Vô úy 無畏, tức vô sở úy. Pāli: *visārada*, tự tin, không do dự.

⁵ Hành pháp thứ pháp hướng 行法次法向. Pāli: *dharmassa hoti anudhammacārī*,

⁶ Tăng hảo 僧好, Tăng trung hảo 僧中好, thiện chúng 善眾. Pāli: **sa ghasobha a**, sự tỏa sáng giữa Tăng.

Như điều phục, cũng vậy, biện tài, nhu hòa, vô úy, đa văn, thông đạt pháp, nói pháp, pháp thứ pháp hướng, tùy thuận pháp hành, cũng nói như vậy.

KINH 860. TAM CHỦNG TỬ⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rùng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có ba loại con. Những gì là ba? Con tùy sanh,⁸ con thắng sanh,⁹ con hạ sanh.¹⁰

“Thế nào là con tùy sanh? Cha mẹ của con không sát hại, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu; con cũng học theo không sát hại, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu. Đó gọi là con tùy sanh.

“Thế nào là con thắng sanh? Cha mẹ của con không thọ giới không sát hại, không trộm cắp, không tà dâm không nói dối, không uống rượu; nhưng con lại lãnh thọ giới không sát hại, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu. Đó gọi là người con thắng sanh.

“Thế nào là con hạ sanh? Cha mẹ của con chịu lãnh thọ giới không sát hại, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu; nhưng con lại không lãnh thọ giới không sát hại, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu. Đó [221a] gọi là con hạ sanh.”

Rồi Thế Tôn liền nói kệ rằng:

*Tùy sanh và thượng sanh,
Cha có trí đều mong.
Hạ sanh, người không cần,
Vì không thể kế nghiệp.
Phép làm người của con,
Là làm U-bà-tắc;*

⁷ Đại chánh, kinh 874. Cf. Pāli, It. 74. Putta.

⁸ Tùy sanh từ 隨生子. Pāli: *amujāta*, (con) giống cha; bằng cha.

⁹ Thắng sanh từ 勝生子 hay ưu sanh. Pāli: *atijāta*, con giỏi hơn cha.

¹⁰ Hạ sanh từ 下生子. Pāli: *avajāta*, con thấp kém.

*Đôi Phật, Pháp, Tăng bảo,
Cần tu tâm thanh tịnh.
Mây tan ánh trăng hiện,
Vẻ vang dòng quyến thuộc.*

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

Như Năm giới, cũng vậy, kinh Tín, Giới, Thí, Văn, Tuệ cũng nói như vậy.

KINH 861. TỨ CHÁNH ĐOẠN¹¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có bốn chánh đoạn.¹² Những gì là bốn? Một là đoạn đoạn, hai là luật nghi đoạn, ba là tùy hộ đoạn, bốn là tu đoạn.”¹³

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

KINH 862. TỨ CHÁNH ĐOẠN¹⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có bốn chánh đoạn.¹⁵ Những gì là bốn? Một là đoạn đoạn, hai là luật nghi đoạn, ba là tùy hộ đoạn, bốn là tu đoạn.”¹⁶

Sau đó Thế Tôn liền nói kệ rằng:

*Đoạn đoạn và luật nghi,
Tùy hộ cùng tu tập;
Như bốn chánh đoạn này,
Chư Phật đều đã dạy.*

¹¹ Đại chánh, kinh 875. Tham chiếu, S. 49.1-12. Gaṅgā-peyyāla.

¹² Chánh đoạn 正斷. Pāli: *sammappadhāna*, chánh cần.

¹³ Xem giải thích ở kinh Đại chánh 877.

¹⁴ Đại chánh, kinh 876.

¹⁵ Xem cht. 47, kinh 875.

¹⁶ Xem giải thích kinh 877.

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

KINH 863. TỨ CHÁNH ĐOẠN¹⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có bốn chánh đoạn. Những gì là bốn? Một là đoạn đoạn, hai là luật nghi đoạn, ba là tùy hộ đoạn, bốn là tu đoạn.”

“Thế nào là đoạn đoạn?¹⁸ Tỳ-kheo, pháp ác bất thiện đã khởi thì đoạn trừ, khởi dục,¹⁹ phương tiện,²⁰ tinh cần,²¹ nhiếp tâm gìn giữ.²² Đó gọi là đoạn đoạn.²³

“Thế nào là luật nghi đoạn?²⁴ Pháp ác bất thiện đã khởi thì đoạn trừ, khởi dục, phương tiện, tinh cần, nhiếp tâm gìn giữ. Đó gọi là luật nghi đoạn.²⁵

“Thế nào là tùy hộ đoạn?²⁶ Pháp thiện chưa sinh thì khiến cho sinh khởi, khởi dục, phương tiện, tinh cần, nhiếp tâm gìn giữ. Đó gọi là tùy hộ đoạn.²⁷

¹⁷ Đại chánh, kinh 877.

¹⁸ Đoạn 斷斷. Pāli: *pahāna-padhāna*, tinh cần để đoạn trừ.

¹⁹ Sanh dục 生欲; Pāli: *chandaṃ janeti*, sanh khởi ý muốn, ý chí.

²⁰ Phương tiện 方便, ở đây được hiểu là nỗ lực, không phải phương tiện thiện xảo.

Pāli: *vāyamati*, vị ấy nỗ lực

²¹ Tinh cần 精勤, tức tinh tấn. Pāli: *viriyam ārabhati*.

²² Nhiếp thọ 攝受. Pāli: *citam paggaṇhāti padahati*, giữ chặt tâm và sách tiến tâm.

²³ Đây gọi là bốn chánh cần, Pāli: *cattāro sammappadhānā*. Tham chiếu, D. 33.

Saṅgīti: *katamañc'āvuso pahāna-padhānaṃ? idh'āvuso bhikkhu uppannaṃ kāmavitakkaṃ nādhivāseti pajahati vinodeti ...*, ở đây, tỳ kheo, dục tâm đã khởi, không thừa nhận nó, đoạn trừ nó, tiêu diệt nó.

²⁴ Luật nghi đoạn 律儀斷. Pāli: *saṃvara-padhāna*, tinh cần phòng hộ (ché ngự).

²⁵ Tham chiếu, D.33: *katamañ c'āvuso saṃvarapadhānaṃ: idh'āvuso bhikkhu cakkhunā rūpaṃ dsvā na nimittaggāhī hoti ...*, Thế nào là tinh cần phòng hộ? Tỳ kheo sau khi thấy sắc bởi mắt, không chấp thủ tướng...

²⁶ Tùy hộ đoạn 隨護斷. Pāli: *anurakkhaṇā-padhāna*, tinh cần thủ hộ.

“Thế nào là tu đoạn?²⁸ Pháp thiện đã khởi, khiến tu tập thêm ích lợi, khởi dục, phương tiện, [221b] tinh cần, nhiếp tâm gìn giữ. Đó gọi là tu đoạn.”²⁹

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

KINH 864. TỨ CHÁNH ĐOẠN³⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có bốn chánh đoạn. Những gì là bốn? Một là đoạn đoạn, hai là luật nghi đoạn, ba là tùy hộ đoạn, bốn là tu đoạn.”

“Thế nào là đoạn đoạn? Tỳ-kheo, pháp ác bất thiện đã khởi thì đoạn trừ, khởi dục, phương tiện, tinh cần, nhiếp tâm gìn giữ. Đó gọi là đoạn đoạn.

“Thế nào là luật nghi đoạn? Pháp ác bất thiện đã khởi thì đoạn trừ, khởi dục, phương tiện, tinh cần, nhiếp tâm gìn giữ. Đó gọi là luật nghi đoạn.

“Thế nào là tùy hộ đoạn? Pháp thiện chưa sinh thì khiến cho sinh khởi, khởi dục, phương tiện, tinh cần, nhiếp tâm gìn giữ. Đó gọi là tùy hộ đoạn.

“Thế nào là tu đoạn? Pháp thiện đã khởi, khiến tu tập thêm ích lợi, khởi dục, phương tiện, tinh cần, nhiếp tâm gìn giữ. Đó gọi là tu đoạn.”

Sau đó Thế Tôn liền nói kệ rằng:

*Đoạn đoạn và luật nghi,
Tùy hộ cùng tu tập;
Như bốn chánh đoạn này,
Chư Phật đều đã dạy.*

²⁷ Cf. D.33: *katamañ c' āvuso anurakkhaṇa-padhānaṃ? idh' āvuso bhikkhu uppannaṃ bhaddaṃ samādhī-nimittaṃ anurakkaṭṭi...* Thế nào là tinh cần thủ hộ? Tỳ kheo thủ hộ định tướng (dấu hiệu của định) tốt đẹp đã khởi lên...

²⁸ Tu đoạn 修斷. Pāli: *bhāvana-padhāna*, tinh cần tu tập.

²⁹ Cf. D.33: (...) *idh' āvuso bhikkhu sati-saṃbojjhangaṃ bhāveti ...*, ở đây, tỳ kheo tu tập niệm giác chi...

³⁰ Đại chánh, kinh 878.

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

KINH 865 TỨ CHÁNH ĐOẠN³¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có bốn chánh đoạn. Những gì là bốn? Một là đoạn đoạn, hai là luật nghi đoạn, ba là tùy hộ đoạn, bốn là tu đoạn.”

“Thế nào là đoạn đoạn? Tỳ-kheo, pháp ác bất thiện đã khởi thì đoạn trừ, khởi dục, phương tiện, tinh cần, nhiếp tâm gìn giữ ò; pháp ác bất thiện chưa khởi, không cho khởi, khởi dục, phương tiện, tinh cần, nhiếp tâm gìn giữ; pháp thiện chưa sinh, khiến cho sinh khởi, khởi dục, phương tiện, tinh cần, nhiếp tâm gìn giữ; pháp thiện đã sinh, khiến cho tu tập thêm lợi ích, khởi dục, phương tiện, tinh cần, nhiếp tâm gìn giữ. Đó gọi là đoạn đoạn.

“Thế nào là luật nghi đoạn? Tỳ-kheo khéo phòng hộ căn con mắt, giữ kín chặt, chế ngự, tiến hướng. Cũng vậy, đối với các căn tai, mũi, lưỡi, thân, ý, khéo phòng hộ, giữ kín chặt, chế ngự, tiến hướng. Đó gọi là luật nghi đoạn.

“Thế nào là tùy hộ đoạn? Tỳ-kheo đối với mỗi một tướng tam-muội chơn thật, như tướng xanh bầm, tướng sinh chướng, tướng mưng mủ, tướng hoại, tướng thú ăn chưa sạch, mà khéo bảo vệ hộ trì, tu tập, giữ gìn, không khiến cho sút giảm. Đó gọi là tùy hộ đoạn.

“Thế nào là tu đoạn? Tỳ-kheo nào tu tập bốn niệm xứ, đó gọi là tu đoạn.”³²

Sau [221c] đó Thế Tôn liền nói kệ rằng:

*Đoạn đoạn, luật nghi đoạn,
Tùy hộ, tu tập đoạn;
Bốn thứ chánh đoạn này,
Những gì Chánh giác nói.
Tỳ-kheo siêng phương tiện,
Các lậu sẽ sạch hết.*

³¹ Đại chánh, kinh 879.

³² Xem cht. 62, kinh 877.

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

Như Bốn niệm xứ. *cũng vậy*, Bốn chánh đoạn, Bốn như ý túc, Năm căn, Năm lực, Bảy giác chi, Tám đạo chi, Bốn đạo, Bốn pháp cú, Chánh quán tu tập *cũng nói như vậy*.

KINH 866. BÁT PHÓNG DẬ³³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thí như có người tạo dựng công trình nơi thế gian, tất cả đều y cứ trên đất. Cũng vậy, Tỳ-kheo tu tập pháp thiền, tất cả cũng đều y cứ vào không buông lung để làm căn bản, lấy không buông lung³⁴ làm tập khởi, lấy không buông lung làm sinh khởi, lấy không buông lung làm chuyển khởi. Tỳ-kheo nào, không buông lung thì có khả năng tu tập bốn thiền.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

KINH 867. ĐOẠN TAM³⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như đã nói ở trên, nhưng có một vài sai biệt:

“Tỳ-kheo như vậy có khả năng đoạn tham dục, sân nhuế, ngu si.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

Như đoạn tham dục, sân nhuế, ngu si, *cũng vậy*, điều phục tham dục, sân nhuế, ngu si, và sự rốt ráo đoạn tham dục, rốt ráo đoạn sân nhuế, ngu si, giải thoát, xa lìa, Niết-bàn *cũng nói như vậy*.

³³ Đại chánh, kinh 880.

³⁴ Bát phóng dật 不放逸. Pāli: *appamāda*.

³⁵ Đại chánh, kinh 881.

KINH 868. BÁT PHÓNG DẬY CĂN BẢN³⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thí như trăm thứ cây, cỏ, thảo dược đều nương vào đất mà được sanh trưởng. Cũng vậy, tất cả mọi pháp thiện đều y cứ vào không buông lung làm gốc. *Như đã nói ở trên... cho đến Niết-bàn.*

“Thí như hương hắc trầm thủy là loại hương trên các loại hương. Cũng vậy, trong các loại thiện pháp, không buông lung là trên hết.

“Thí như trong các loại hương lõi,³⁷ xích chiên đàn là bậc nhất. Cũng vậy, trong các thiện pháp, tất cả đều lấy không buông lung làm căn bản. Như vậy... [222a] *cho đến Niết-bàn.*

“Thí như các loài hoa sống ở dưới nước và trên đất, hoa ưu-bát-la là bậc nhất. Cũng vậy, tất cả các thiện pháp đều lấy không buông lung làm căn bản,... *cho đến Niết-bàn.*

“Thí như hoa sinh sống từ đất, hoa ma-lợi-sa là bậc nhất. Cũng vậy, tất cả mọi thiện pháp đều lấy không buông lung làm căn bản cho chúng,... *cho đến Niết-bàn.*

“Này các Tỳ-kheo, thí như trong tất cả các dấu chân của loài thú, dấu chân voi là hơn hết. Cũng vậy, trong tất cả các thiện pháp, không buông lung là pháp căn bản hơn cả. Như đã nói ở trên,... *cho đến Niết-bàn.*

“Thí như trong tất cả các loài thú, sư tử là đệ nhất, vì nó là chúa tể của loài thú. Cũng vậy, trong tất cả các thiện pháp, không buông lung là căn bản của chúng. Như đã nói ở trên,... *cho đến Niết-bàn.*

“Thí như tất cả nhà cửa lầu các, cái nóc là trên hết. Cũng vậy, trong tất cả các pháp thiện, không buông lung là căn bản của chúng.

“Thí như trong tất cả mọi thứ quả trong cõi Diêm-phù, chỉ có quả tên là diêm-phù là bậc nhất. Cũng vậy, trong tất cả pháp thiện, không buông lung là căn bản của chúng.

³⁶ Đại chánh, kinh 882. Pāli, S. 49.13-22. Appamāda-vagga.

³⁷ Hán: kiên cố chi hương 堅固之香. Pāli: *sāragandha*, hương liệu lấy từ lõi cây. sāra: kiên cố, cũng có nghĩa là lõi cây; Hán hiểu theo nghĩa trước.

“Thí như trong tất cả các loại cây như cây câu-ti-đà-la,³⁸ cây tát-bà-da chỉ-la-câu-ti-đà-la là đệ nhất. Cũng vậy, trong tất cả các pháp thiện, không buông lung là căn bản. *Như đã nói ở trên, ... cho đến Niết-bàn.*

“Thí như trong các núi, Tu-di sơn là bậc nhất. Cũng vậy, trong tất cả các pháp thiện, không buông lung là căn bản của chúng. *Như đã nói ở trên, ... cho đến Niết-bàn.*

“Thí như trong tất cả các loại vàng, vàng diêm-phù-đàn là bậc nhất. Cũng vậy, trong tất cả các pháp thiện, không buông lung là căn bản của chúng. *Như đã nói ở trên, ... cho đến Niết-bàn.*

“Thí như trong tất cả các loại vải, vải lông mịn già-thi³⁹ là đệ nhất. Cũng vậy, trong tất cả các pháp thiện, không buông lung là căn bản của chúng. *Như đã nói ở trên, ... cho đến Niết-bàn.*

“Thí như trong tất cả các loại màu, màu trắng là bậc nhất. Cũng vậy, trong tất cả các pháp thiện, không buông lung là căn bản của chúng. *Như đã nói ở trên, ... cho đến Niết-bàn.*

“Thí như trong tất cả các loài chim, Kim-sí điều⁴⁰ là đệ nhất, vì nó là chúa tể của loài súc sanh. Cũng vậy, trong tất cả các thiện pháp, không buông lung là căn bản của chúng. *Như đã nói ở trên, ... cho đến Niết-bàn.*

“Thí như trong tất cả các vua, Chuyển luân Thánh vương là bậc nhất. Cũng vậy, trong tất cả các pháp thiện, không buông lung là căn bản của chúng. *Như đã nói ở trên, ... cho đến Niết-bàn.*

“Thí như trong tất cả các Thiên vương, Tứ Đại Thiên vương là bậc nhất. Cũng vậy, trong tất cả pháp thiện, không buông lung là căn bản của chúng. *Như đã nói ở trên, ... cho đến Niết-bàn.*

“Thí như trong tất cả các trời Tam Thập Tam, [222b] thì Đế Thích là đệ nhất. Cũng vậy, trong tất cả các pháp thiện, không buông lung là căn bản. *Như đã nói ở trên, ... cho đến Niết-bàn.*

³⁸ Câu-ti-đà-la 俱毘陀羅. Pāli: *koviḷāra*, một loại hắc đàm, hay trầm đen.

³⁹ Già-thi 伽尸. Pāli: *Kāsi*, địa danh, một trong 16 vương quốc lớn thời Phật, nơi sản xuất vải danh tiếng.

⁴⁰ Kim sủy điều 金翅鳥, chim cánh vàng. Pāli: *garuḍa*.

“Thí như trong cõi Diệm-ma thiên, Tú-diệm-ma thiên vương⁴¹ là bậc nhất. Cũng vậy, trong tất cả các pháp thiện, không buông lung là căn bản của chúng. *Như đã nói ở trên, ... cho đến Niết-bàn.*

“Thí như trong cõi Đâu-suất-đà thiên, Đâu-suất-đà thiên vương⁴² là bậc nhất. Cũng vậy, trong tất cả các pháp thiện, không buông lung là căn bản của chúng. *Như đã nói ở trên, ... cho đến Niết-bàn.*

“Thí như trong cõi Hóa-lạc thiên, Thiện Hóa-lạc thiên vương⁴³ là đệ nhất. Cũng vậy, trong tất cả các pháp thiện, không buông lung là căn bản của chúng. *Như đã nói ở trên, ... cho đến Niết-bàn.*

“Thí như trong cõi Tha hóa tự tại thiên, Thiện Tha hóa tự tại Thiên tử⁴⁴ là bậc nhất. Cũng vậy, trong tất cả các pháp thiện, không buông lung là căn bản của chúng. *Như đã nói ở trên, ... cho đến Niết-bàn.*

“Thí như trong cõi Phạm thiên, Đại Phạm thiên vương là bậc nhất. Cũng vậy, trong các thiện pháp, tất cả đều lấy không buông lung làm căn bản. *Như vậy... cho đến Niết-bàn.*

“Thí như tất cả các dòng sông ở Diêm-phù-đề đều xuôi về biển lớn, biển lớn là bậc nhất, vì nó dung chứa tất cả. Cũng vậy, tất cả các thiện pháp đều thuận dòng với không buông lung. *Như đã nói ở trên, ... cho đến Niết-bàn.*

“Thí như tất cả nước mưa đều đổ về biển cả. Cũng vậy, tất cả mọi thiện pháp đều xuôi dòng về biển không buông lung. *Như đã nói ở trên, ... cho đến Niết-bàn.*

“Thí như trong tất cả các hồ nước,⁴⁵ hồ A-nậu-đại⁴⁶ là bậc nhất. Cũng vậy, trong tất cả các thiện pháp, không buông lung là bậc nhất. *Như đã nói ở trên, ... cho đến Niết-bàn.*

“Thí như trong tất cả các sông ở Diêm-phù-đề, có bốn con sông lớn bậc nhất đó là: sông Hằng, Tân-đầu, Bác-xoa, và Tư-đa.⁴⁷ Cũng vậy,

⁴¹ Tú-diệm-ma Thiên vương 宿焰摩天王. Pāli: Suyama-devarājā.

⁴² Đâu-suất-đà Thiên vương 兜率陀天王. Pāli: Tusita-devarājā.

⁴³ Thiện Hóa lạc Thiên vương 善化樂天王. Pāli: Sunimmita-devarājā.

⁴⁴ Thiện Tha hóa tự tại Thiên tử 善他化自在天子. Pāli: Suparanimmtavasavatta-devaputta.

⁴⁵ Nguyên Hán: tát-la 薩羅. Pāli: *sara*, hồ, ao.

⁴⁶ Nguyên Hán: A-nậu-đại tát-la 阿耨大薩羅. Pāli: Anotatta-sara.

trong tất cả các thiện pháp, không buông lung là căn bản của chúng. *Như đã nói ở trên, ... cho đến Niết-bàn.*

“Thí như trong ánh sáng của các tinh tú, mặt trăng là bậc nhất. Cũng vậy, trong tất cả các pháp thiện, không buông lung là bậc nhất. *Như đã nói ở trên, ... cho đến Niết-bàn.*

“Thí như trong các chúng sanh có thân lớn, La-hầu-la A-tu-la⁴⁸ là bậc nhất. Cũng vậy, trong tất cả pháp thiện, không buông lung là căn bản của chúng. *Như đã nói ở trên, ... cho đến Niết-bàn.*

“Thí như trong các hạng hưởng thụ năm dục, Đảnh Sanh vương⁴⁹ là đệ nhất. Cũng vậy, trong tất cả các pháp thiện, không buông lung là căn bản. *Như đã nói ở trên, ... cho đến Niết-bàn.*

“Thí như trong các thần lực ở cõi dục, Thiên Ma Ba-tuần là bậc nhất. Cũng vậy, trong tất cả các pháp thiện, không buông lung là [222c] căn bản của chúng. *Như đã nói ở trên, ... cho đến Niết-bàn.*

“Thí như trong tất cả các loài chúng sanh không chân, hai chân, bốn chân, nhiều chân; có sắc, không sắc, có tướng, không tướng, chẳng phải tướng chẳng phải không tướng, Như lai là bậc nhất. Cũng vậy, trong tất cả các pháp thiện, không buông lung là căn bản của chúng. *Như đã nói ở trên, ... cho đến Niết-bàn.*

“Thí như trong tất cả các pháp hữu vi, vô vi, lia tham dục là đệ nhất. Cũng vậy, trong tất cả các pháp thiện, không buông lung là căn bản của chúng. *Như đã nói ở trên, ... cho đến Niết-bàn.*

“Thí như trong tất cả các pháp chúng, chúng của Như lai là bậc nhất. Cũng vậy, trong tất cả các pháp thiện, không buông lung là căn bản của chúng. *Như đã nói ở trên, ... cho đến Niết-bàn.*

“Thí như trong tất cả các giới, khổ hạnh, phạm hạnh; Thánh giới⁵⁰ là đệ nhất. Cũng vậy, trong tất cả các thiện pháp, không buông lung là căn bản của chúng. *Như đã nói ở trên, ... cho đến Niết-bàn.*”

⁴⁷ Các sông lớn: Hằng hà 恒河, Tân-đầu 新頭, Bác-xoa 搏叉, Tư-dà 司陀. Pāli, theo thứ tự: Gaṅgā, Sindhū, Vaggu (?), Sīdī (?).

⁴⁸ La-hầu-la A-tu-la 羅[目*侯]羅阿修羅. Pāli: Rāhu-asurinda.

⁴⁹ Đảnh sanh vương 頂生王. Pāli: Muddhāvasitta-rājā, vua Quán đánh.

⁵⁰ Thánh giới 聖界; có lẽ chính xác là *giới* (luật) chép nhầm.

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

KINH 869. TỨ CHỦNG THIỀN⁵¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có bốn loại thiền.⁵² Có loại thiền, tam-muội thiền,⁵³ nhưng chẳng phải chánh thọ thiền,⁵⁴ có loại thiền, chánh thọ thiền, nhưng chẳng phải tam-muội thiền; có loại thiền tam-muội thiền, mà chánh thọ cũng lại thiền; có loại thiền chẳng phải tam-muội thiền, và cũng chẳng phải chánh thọ thiền.

“Lại có bốn loại thiền nữa. Có loại thiền, trụ tam-muội thiền, nhưng chẳng phải trụ chánh thọ thiền;⁵⁵ có loại thiền, trụ chánh thọ thiền, nhưng chẳng phải trụ tam-muội thiền; có loại thiền, trụ tam-muội thiền, nhưng cũng trụ chánh thọ thiền; có loại thiền, chẳng phải trụ tam-muội thiền, mà cũng chẳng phải trụ chánh thọ thiền.

“Lại có bốn loại thiền nữa. Có loại thiền, tam-muội khởi thiền,⁵⁶ nhưng chẳng phải chánh thọ khởi thiền; có loại thiền, chánh thọ khởi thiền, nhưng chẳng phải tam-muội khởi thiền; có loại thiền, tam-muội khởi thiền, và chánh thọ cũng khởi thiền; có loại thiền, chẳng phải tam-muội khởi thiền, và cũng chẳng phải chánh thọ khởi thiền.

⁵¹ Đại chánh, kinh 883. Pāli, cf. S. 34. Jhānasamṃyutta.

⁵² Tứ chủng thiền 四種禪. Pāli: *cattāto jhayī*, bốn hạng thiền giả.

⁵³ Tam-muội thiền 三昧善. Pāli: *samādhismim samādhikusalo*, thiền xảo về định trong khi định. Sớ giải: thiền xảo phân biệt thiền chi trong các thiền.

⁵⁴ Phi chánh thọ thiền 非正受善. Pāli: *na samādhismim samāpattikusalo*, không thiền xảo về sự chứng nhập (đẳng chí) trong định. Sớ giải: sau khi đã làm cho tâm hoan hỷ, tâm thích ứng, nhưng không thể chứng nhập thiền.

⁵⁵ Trụ tam-muội thiền phi trụ chánh thọ thiền 住三昧善非住正受善. Pāli: *samādhismim samādhikusalo na samādhismim ʔhitikusalo*, thiền xảo định trong định, nhưng không thiền xảo trụ lâu trong định.

⁵⁶ Hán: phi chánh thọ khởi thiền 非正受起善. Pāli: *na samādhismim vuṭṭhanākusalo*, không thiền xảo để xuất định.

“Lại có bốn loại thiện nữa. Có loại thiện, thiện khi tam-muội, nhưng không phải thiện khi chánh thọ thiện;⁵⁷ có loại thiện, thiện khi chánh thọ thiện, nhưng không phải thiện khi tam-muội; có loại thiện, thiện khi tam-muội thiện, cũng thiện khi Chánh thọ thiện; có loại thiện, chẳng phải thiện khi tam-muội, cũng chẳng phải thiện khi Chánh thọ.

“Lại có bốn loại thiện nữa. Có loại thiện, tam-muội xứ thiện, nhưng chẳng phải chánh thọ xứ thiện;⁵⁸ có loại thiện, chánh thọ xứ thiện, nhưng chẳng phải tam-muội xứ thiện; có loại thiện, tam-muội xứ thiện, chánh thọ cũng xứ thiện; có loại thiện, chẳng phải tam-muội xứ thiện, cũng chẳng phải chánh thọ [223a] xứ thiện.

“Lại có bốn loại thiện nữa: Có loại thiện, tam-muội nghinh thiện, nhưng chẳng phải chánh thọ nghinh thiện; có loại thiện, chánh thọ nghinh thiện, nhưng chẳng phải tam-muội nghinh cũng thiện; có loại thiện, tam-muội nghinh thiện, chánh thọ nghinh thiện; có loại thiện chẳng phải tam-muội nghinh thiện, và cũng chẳng phải chánh thọ nghinh thiện.

“Lại có bốn loại thiện nữa: Có loại thiện, tam-muội niệm thiện, nhưng chẳng phải chánh thọ niệm thiện; có loại thiện, chánh thọ niệm thiện, nhưng chẳng phải tam-muội niệm thiện; có loại thiện, tam-muội niệm thiện, chánh thọ niệm cũng thiện; có loại thiện, chẳng phải tam-muội niệm thiện, ỏ cũng chẳng phải chánh thọ niệm thiện.

“Lại có bốn loại thiện nữa: Có loại thiện, tam-muội niệm bất niệm thiện, nhưng chẳng phải chánh thọ niệm bất niệm thiện; có loại thiện, chánh thọ niệm bất niệm thiện, nhưng chẳng phải tam-muội niệm bất niệm thiện; có loại thiện, tam-muội niệm bất niệm thiện, nhưng chánh

⁵⁷ Tam-muội thời thiện phi chánh thọ thời thiện 三昧時善非正受時善. Pāli: *samādhismim samādhikusalo na samādhismim kallitakusalo*, thiện xảo định trong định, nhưng không thiện xảo thích ứng trong định. Sớ giải: *na samādhismim kallitakusalo 'ti cittam hāsetvā nā kallaṃ kātum akusalo*, không thiện xảo thích ứng trong định, nghĩa là, sau khi đã làm cho tâm hoan hỷ, nhưng không thiện xảo khiến tâm thích ứng. Bản Hán đọc *kāla*: thời gian, thay vì *kalla*: thích ứng (cũng được hiểu là an lạc).

⁵⁸ Phi chánh thọ xứ thiện 非正受處善. Pāli: *na samādhismim gocarakusalo*, không thiện xảo về cảnh giới sở hành trong định.

thọ niệm bất niệm cũng thiện; có loại thiên, chẳng phải tam-muội niệm bất niệm thiện, cũng chẳng phải chánh thọ niệm bất niệm thiện.

“Lại có bốn loại thiên nữa: Có loại thiên, tam-muội đến thì thiện, nhưng chẳng phải chánh thọ đến⁵⁹ thì thiện; có loại thiên, chánh thọ đến thì thiện, nhưng tam-muội đến thì không thiện; có loại thiên, tam-muội đến thì thiện, chánh thọ đến thì cũng thiện; có loại thiên, chẳng phải tam-muội đến thì thiện, và cũng chẳng phải chánh thọ đến thì thiện.

“Lại có bốn loại thiên nữa: Có loại thiên, tam-muội ác thì thiện, chánh thọ ác thì không thiện; có loại thiên, chánh thọ ác thì thiện, tam-muội ác thì không thiện; có loại thiên, tam-muội ác thì thiện, chánh thọ ác cũng thiện; có loại thiên, chẳng phải tam-muội ác thì thiện, và cũng chẳng phải chánh thọ ác thì thiện.

“Lại có bốn loại thiên nữa: Có loại thiên tam-muội phương tiện thiện, nhưng chẳng phải chánh thọ phương tiện thiện; có loại thiên chánh thọ phương tiện thiện, nhưng chẳng phải tam-muội phương tiện thiện; có loại thiên tam-muội phương tiện thiện, và chánh thọ cũng phương tiện thiện; có loại thiên chẳng phải tam-muội phương tiện thiện, mà cũng chẳng phải chánh thọ phương tiện thiện.

“Lại có bốn loại thiên nữa: Có loại thiên tam-muội chỉ thiện, nhưng chẳng phải chánh thọ chỉ thiện; có loại thiên chánh thọ chỉ thiện, nhưng chẳng phải Tam-muội chỉ thiện; có loại thiên tam-muội chỉ thiện, chánh thọ cũng chỉ thiện; có loại thiên chẳng phải tam-muội chỉ thiện, và cũng chẳng phải chánh thọ chỉ thiện.

“Lại có bốn loại thiên nữa: Có loại thiên tam-muội cử thiện, nhưng chẳng phải chánh thọ cử thiện; có loại thiên chánh thọ cử thiện, nhưng chẳng phải tam-muội cử thiện; có loại thiên tam-muội cử thiện, và chánh thọ cũng cử thiện; có loại thiên chẳng phải tam-muội cử thiện, mà cũng chẳng phải chánh thọ cử thiện.

“Lại có bốn loại thiên nữa: Có loại thiên tam-muội xả thiện, nhưng chẳng phải chánh thọ xả thiện; có loại thiên chánh thọ xả thiện, nhưng chẳng phải tam-muội xả thiện; có loại thiên tam-muội xả thiện, chánh thọ cũng xả thiện; có loại [223b] thiên chẳng phải tam-muội xả thiện, và cũng chẳng phải chánh thọ xả thiện.”

⁵⁹ Hán: chánh thọ lai 正受來. Không xác định được Pāli tương đương

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

KINH 870. VÔ HỌC TAM MINH⁶⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Bậc Vô học có ba minh. Những gì là ba? Trí túc mạng chứng thông của bậc Vô học, trí sinh tử chứng thông của bậc Vô học, trí lậu tận chứng thông của bậc Vô học.”

Sau đó Thế Tôn liền nói kệ rằng:

*Quán sát biết đời trước,
Thấy trời sinh đường dữ.
Các lậu sanh tử hết,
Là Minh của Mâu-ni.
Tâm ấy được giải thoát
Tất cả những tham ái;
Ba nơi đều thông suốt,
Nên gọi là ba minh.*

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

KINH 871. VÔ HỌC TAM MINH⁶¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Bậc Vô học có ba minh. Những gì là ba? Túc mạng trí chứng thông của bậc Vô học, sinh tử trí chứng thông của bậc Vô học, lậu tận trí chứng thông của bậc Vô học.

“Thế nào là túc mạng chứng trí thông của bậc Vô học? Thánh đệ tử biết tất cả mọi sự từ các đời trước. Từ một đời đến trăm, nghìn, vạn, ức đời; cho đến số kiếp thành hoại; rằng, ‘Các đời sống trước của ta và chúng sanh, có những tên như vậy, sinh ra như vậy, dòng họ như vậy, ăn như vậy, cảm thọ khổ lạc như vậy, tuổi thọ dài như vậy, sống lâu

⁶⁰ Đại chánh, kinh 884. Pāli, A. 3. 58. Tikaṇṇa.

⁶¹ Đại chánh, kinh 885. Pāli, A. 3.58. Tikaṇṇa; 3.59. Jāṇussoṇi.

như vậy, giới hạn tuổi thọ như vậy. Ta và chúng sanh chết ở chỗ này, sinh ra chỗ khác; chết chỗ khác sinh ra chỗ này, có hành như vậy, nhân như vậy, tín như vậy.’ Tất cả mọi việc đã trải qua trong đời sống trước đều biết rõ ràng. Đó gọi là trí túc mạng chứng minh.

“Thế nào là sinh tử trí chứng minh? Thánh đệ tử, bằng thiên nhãn thanh tịnh vượt qua đối mắt người, thấy các chúng sanh lúc chết, lúc sinh, đẹp, xấu, thượng sắc, hạ sắc, theo nghiệp mà thọ sinh vào đường dữ. Biết như thật rằng như chúng sanh này thành tựu thân ác hành, thành tựu miệng, ý ác hành, hủy báng Thánh Nhơn, tà kiến, nhận lãnh tà pháp; do nhân duyên này sau khi thân hoại mạng chung sinh vào trong đường dữ địa ngục. Chúng sanh này do thành tựu thân thiện hành, thành tựu miệng, ý thiện hành, không hủy báng Thánh Nhơn, đã thành tựu chánh kiến, nên sau khi thân hoại mạng chung sinh vào trong đường trời người. [223c] Đó gọi là trí sinh tử chứng minh.

“Thế nào là lậu tận trí chứng minh? Thánh đệ tử biết như thật, ‘Đây là Khổ, ‘Đây là Khổ tập,’ ‘Đây là Khổ diệt,’ ‘Đây là Khổ diệt đạo.’ Vị ấy biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát dục lậu, tâm giải thoát hữu lậu, tâm giải thoát vô minh lậu, với giải thoát tri kiến, biết rằng, ‘Ta, sự sanh đã hết, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau nữa.’ Đó gọi là lậu tận chứng trí minh.”

Sau đó Thế Tôn liền nói kệ rằng:

*Quán sát biết đời trước,
Thấy trời sinh đường dữ.
Các lậu sinh tử hết,
Là Minh của Mâu-ni.
Tâm ấy được giải thoát
Tất cả những tham ái;
Ba nơi đều thông suốt,
Nên gọi là ba minh.*

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

KINH 872. TAM MINH⁶²

Tôi nghe như vậy:

⁶² Đại chánh, kinh 886. Pāli, A. 3.58. Tikappa.

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có Bà-la-môn⁶³ đi đến chỗ Phật gặp Thế Tôn, sau khi thăm hỏi nhau rồi, ngồi lui qua một bên và nói:

“Đây là ba minh của Bà-la-môn!⁶⁴ Đây là Ba minh của Bà-la-môn!”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Bà-la-môn rằng:

“Thế nào gọi là ba minh của Bà-la-môn?”

Bà-la-môn bạch Phật rằng:

“Thưa Cù-đàm, cha mẹ Bà-la-môn đầy đủ các tướng,⁶⁵ không có các tật vết,⁶⁶ cha mẹ bảy đời truyền thừa mà không bị chê bai; đời đời kế thừa nhau, luôn làm sư trưởng, biện tài đầy đủ; độc tụng các kinh điển, danh tự của loại vật, phẩm loại sai biệt của vạn vật; lịch sử cổ kim,⁶⁷ năm thứ ký này,⁶⁸ tất cả đều đọc thông suốt; dung sắc đoan chánh. Thưa Cù-đàm, đó gọi là ba minh của Bà-la-môn.”

Phật bảo Bà-la-môn :

“Ta không lấy ngôn thuyết, danh tự làm ba minh. Pháp môn của Hiền Thánh nói ba minh chân thật⁶⁹ là, tri kiến Hiền Thánh, pháp luật Hiền Thánh. Đó là ba minh chân thật.”

Bà-la-môn bạch Phật:

“Như thế nào, thưa Cù-đàm, nói tri kiến Hiền Thánh, pháp luật Hiền Thánh là ba minh?”

Phật bảo Bà-la-môn :

“Có ba loại ba minh của bậc Vô học. Những gì là ba? Túc mạng chứng trí minh của bậc Vô học, sinh tử chứng trí minh của bậc Vô

⁶³ Pāli: Bà-la-môn Tikaṇṇa (ba lỗ tai).

⁶⁴ Pāli: *tevijjā brāhmaṇā*,

⁶⁵ Hán: phụ mẫu cụ tướng 父母具相. Pāli: *ubhto sujāto mātito ca pitito ca*, dòng dõi cha mẹ đều thiện (thuần chủng).

⁶⁶ Hán: vô hà uế 無瑕穢. Pāli: *akkhitto*, không lai tạp.

⁶⁷ Hán: lịch thế bản末 歷世本末. Pāli: *itihāsa*, truyện cổ.

⁶⁸ Hán: thứ ngũ chủng ký 此五種記, có thể sai. Pāli: (*itihāsa*) *pañcamānaṃ*, thứ năm là truyện cổ. Bốn môn trước: *tiṇṇaṃ vedānaṃ*: ba tập Veda, *nighaṇḍu*: ngữ vựng (Hán: vật loại danh tự), *ketubha*: sách nghi lễ (Hán: vạn vật phẩm sai?), *akkharabhedā*: phân tích âm vận (Hán: tự loại phân hiệp).

⁶⁹ Bản Cao ly: chân yếu 真要.

học, lậu tận chứng trí minh của bậc Vô học.” *Như đã nói đầy đủ ở kinh trên.*

[224a] Sau đó Thế Tôn liền nói kệ rằng:

*Tất cả pháp vô thường,
Trì giới, thiên vắng lặng;
Biết tất cả đời trước,
Đã sinh trời, đường dữ.
Lậu hết, đoạn được sinh,
Là Thông của Mâu-ni.
Biết được tâm giải thoát
Tất cả tham, nhuế, si.
Ta nói là ba minh,
Chẳng theo ngôn ngữ nói.*

“Này Bà-la-môn, đó là ba minh theo pháp luật của bậc Thánh đã nói.”

Bà-la-môn bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, đó là ba minh chân thật!”

Bà-la-môn sau khi nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

KINH 873. TÍN⁷⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có Bà-la-môn đi đến chỗ Phật gặp Thế Tôn, sau khi thăm hỏi nhau rồi, ngồi lui qua một bên bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, con tên là Tín.”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Tín có nghĩa là tin vào tăng thượng giới, vào bố thí, đa văn, huệ xả, trí tuệ. Đó gọi là tín. Chứ không phải tín chỉ là một danh tự suông.”

Bà-la-môn sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

KINH 874. TĂNG ÍCH⁷¹

Tôi nghe như vậy:

⁷⁰ Đại chánh, kinh 887.

⁷¹ Đại chánh, kinh 888.

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có Bà-la-môn đi đến chỗ Phật gặp Thế Tôn, sau khi thăm hỏi nhau rồi, ngồi lui qua một bên bạch Phật rằng:

“Thưa Cù-đàm, con tên là Tăng Ích.”

Phật bảo Bà-la-môn :

“Tăng Ích có nghĩa là tăng ích cho tín; tăng ích cho giới, đa văn, huệ xả, và trí tuệ. Đó là Tăng ích. Chứ không phải tăng ích chỉ là một danh tự suông.”

Bà-la-môn sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

KINH 875. ĐẰNG KHỞI⁷²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có Bà-la-môn đi đến chỗ Phật gặp Thế Tôn, sau khi thăm hỏi nhau rồi, ngồi lui qua một bên bạch Phật rằng:

“Con tên là Đẳng Khởi.”

Phật bảo Bà-la-môn :

“Đẳng khởi⁷³ có nghĩa là làm phát khởi tín; phát khởi giới, đa văn, huệ xả, và trí tuệ. Đó là đẵng khởi. Chứ không phải đẵng khởi chỉ là một danh tự suông.”

Bà-la-môn sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

KINH 876. VÔ VI PHÁP⁷⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ta sẽ vì các người nói về pháp vô vi [224b] cùng đạo tích vô vi,⁷⁵ hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ.

⁷² Đại chánh, kinh 889.

⁷³ Đẳng khởi 等起; Pāli: *samuṭṭhāna*, sự xuất hiện, nguyên khởi nguyên động lực làm phát khởi.

⁷⁴ Đại chánh, kinh 890. Pāli, S. 43.11-43. Maggena, v v.

⁷⁵ Vô vi đạo tích 無為道跡. Pāli: *asañkhatagāṃimagga*, con đường dẫn đến vô vi.

“Thế nào là pháp vô vi? Tham dục vĩnh viễn chấm dứt; sân nhuế, ngu si vĩnh viễn chấm dứt; tất cả mọi phiền não vĩnh viễn chấm dứt. Đó gọi là pháp vô vi.

“Thế nào là đạo tích vô vi? Tám chi Thánh đạo: Chánh kiến, chánh trí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định. Đó gọi là đạo tích vô vi.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

Như Vô vi, cũng vậy nan kiến, bất động, bất khuất, bất tử, vô lậu, phú âm, châu chũ, tế độ, y chỉ, ủng hộ, bất lưu chuyển, ly xí diệm, ly thiêu nhiên, lưu thông, thanh lương, vi diệu, an ổn, vô bệnh, vô sở hữu,, niết-bàn, cũng nói như vậy.

KINH 877. MAO ĐOAN⁷⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thí như ao hồ dài rộng năm mươi do tuần; chiều sâu cũng như vậy. Nếu có người dùng đầu một sợi lông nhúng vào nước hồ này, này Tỳ-kheo, thế nào, nước trong hồ này nhiều hơn hay là một chút nước dính trên đầu sợi lông nhiều?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, nước dính trên đầu sợi lông người này thì quá ít, so với vô lượng nước hồ gấp nghìn vạn ức thì không thể nào sánh được.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Thấy chơn đế đầy đủ thì chánh kiến đầy đủ. Đệ tử của Thế Tôn nếu thấy quả chơn đế, chánh hiện quán,⁷⁷ vị ấy ngay lúc đó đã đoạn, đã biến tri, đã chặt đứt gốc rễ của nó, như cây đa-la đã bị chặt đứt ngọn không thể nào sống lại được. Những khổ đã được đoạn trừ thì nhiều đến vô lượng như nước trong hồ, còn cái khổ sót lại, ít như nước dính trên đầu sợi lông.”

⁷⁶ Đại chánh, kinh 891. Trên đầu sợi lông. Pāli, cf. S. 13. Abhisamayasaṃyutta.

⁷⁷ Hán: chánh vô gián đẳng 正無間等; xem cht. kinh. (tìm trong các kinh đã chú thích)

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

Như giọt nước trên đầu sợi lông, cũng vậy giọt nước dính trên đầu ngọn cỏ cũng như vậy. Như nước trong ao hồ, cũng vậy nước sông Tát-la-đa-tra-già, sông Hằng, Da-phù-na, Tát-la-du, Y-la-bạt-đề, Ma-hê, và biển cả cũng nói như vậy.

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

25. TƯƠNG ƯNG XỨ GIỚI UÂN¹

KINH 878. LỤC NỘI XỨ²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có sáu nội nhập xứ. Những gì là sáu? Đó là nhãn nội nhập xứ, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, và ý nội nhập xứ. Đối với sáu pháp này kham nhẫn quán sát thì gọi là Tín hành,³ siêu việt, rời sinh vị,⁴ rời địa vị phạm phu, [224c] nhưng chưa đắc quả Tu-đà-hoàn. Cho đến trước khi mạng chung chắc chắn đắc quả Tu-đà-hoàn. Hoặc đối các pháp này mà kham nhẫn tăng thượng quán sát, gọi là Pháp hành,⁵ siêu việt, rời sinh vị, rời địa vị phạm phu, nhưng chưa đắc quả Tu-đà-hoàn. Cho đến trước khi mạng chung chắc chắn đắc quả Tu-đà-hoàn. Hoặc đối các pháp này mà quán sát như thật bằng chánh trí, Ba kết là thân kiến, giới thủ, và nghi đã đoạn tận, đã biến tri. Đó gọi là Tu-đà-hoàn, quyết định không bị đọa vào đường dữ, mà nhất định hướng đến Chánh giác, chỉ còn bảy lần qua lại trời người, rất ráo thoát khổ. Đối với các pháp này mà bằng chánh trí quán sát không khởi lên các lậu, ly dục, giải thoát, gọi là A-la-hán, các lậu đã dứt, những việc cần làm đã làm xong, đã lìa bỏ các gánh nặng, đã được lợi mình, các hữu kết chấm dứt, chánh trí tâm giải thoát.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

Như Sáu nội nhập xứ, cũng vậy Sáu ngoại nhập xứ, Sáu thức thân, Sáu xúc thân, Sáu thọ thân, Sáu tưởng thân, Sáu tự thân, Sáu ái thân, Sáu giới thân, Năm âm cũng nói như trên.

¹ Tương ưng xứ giới uân, gồm các kinh Đại chánh 892-901 (phần cuối quyển 31). Ấn Thuận *Hội biên*, 39. Tương ưng Nhập giới âm.

² Đại chánh, kinh 892.

³ Tín hành 信行, tức tùy tín hành. Pāli: *saddhānusārin*.

⁴ Hán: ly sanh 離生. Không rõ Pāli. Tham chiếu, Sn. 371: *saddho sutavā niyāmadassī*, có tín, có văn, có kiến, ly sanh. Về nghĩa *ly sanh vị*, siêu việt phạm phu vị, xem *Câu-xá 8*, tr.40c

⁵ Pháp hành, tức tùy pháp hành. Pāli: *dhammānusārin*.

KINH 879. NGŨ CHỦNG CHỦNG TỬ⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có năm loại hạt giống sinh. Những gì là năm? Đó là hạt giống từ rễ, hạt giống từ thân, hạt giống từ cành, hạt giống từ đốt, hạt giống từ hạt. Các loại hạt giống này nếu không bị gián đoạn, không bị phá, không bị mục, không bị thương, không bị xoi lung; khi mới gặp đất mà không gặp nước, các loại hạt giống này không thể sinh trưởng lớn mạnh được. Hoặc nếu gặp nước mà không gặp đất, các loại hạt giống này cũng sẽ không thể sinh trưởng lớn mạnh được. Điều cần là phải gặp đất, gặp nước, các hạt giống này mới có thể sinh trưởng lớn mạnh được. Cũng vậy, nghiệp, phiền não phải có ái, kiến, mạn, vô minh mới sinh hành. Nếu có nghiệp mà không có phiền não, ái, kiến, vô minh, hành sẽ bị diệt.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

Như Hành, cũng vậy Thức, Danh sắc, Lục nhập xứ, Xúc, Thọ, Ái, Thủ, Hữu, Sanh, Lão tử cũng nói như vậy.

KINH 880. NHƯ THẬT TRI⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ta, đối với thế gian [225a] và sự tập khởi của thế gian, nếu không biết như thật, trọn không thể ở giữa các chúng Chư thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn cùng các thế gian được cho là bậc giải thoát, là bậc xuất ly, lìa khỏi vọng tưởng điên đảo, cũng không được gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì Ta biết như thật thế gian, và sự tập khởi của thế gian, cho nên Ta ở giữa Chư thiên, Người đời, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn và, các chúng sanh khác được nói là bậc giải thoát, là bậc xuất ly, tâm lìa điên đảo, an trụ đầy đủ, đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.”

⁶ Đại chánh, kinh 893. Năm loại hạt giống.

⁷ Đại chánh, kinh 894. Pāli, A. 4.23. Loka.

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.”

Như thế gian, sự tập khởi thế gian, sự diệt tận thế gian, sự xuất ly thế gian; sự tập khởi thế gian, sự diệt tận thế gian, vị ngọt thế gian, tai hại thế gian, sự xuất ly thế gian; sự tập khởi thế gian, sự diệt tận thế gian, sự xuất ly thế gian; sự tập khởi thế gian, con đường đưa đến sự diệt tận thế gian; sự tập khởi thế gian, sự diệt tận thế gian, con đường đưa đến sự tập khởi thế gian, con đường đưa đến sự diệt tận thế gian; sự tập khởi thế gian, sự diệt tận thế gian, vị ngọt thế gian, tai hại thế gian, sự xuất ly thế gian; sự tập khởi thế gian, sự diệt tận thế gian, con đường đưa đến sự tập khởi thế gian, con đường đưa đến sự diệt tận thế gian, vị ngọt thế gian, tai hại thế gian, sự xuất ly thế gian.

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

KINH 881. TAM ÁI⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có ba ái. Những gì là ba? Đó là dục ái, sắc ái, vô sắc ái. Vì muốn đoạn trừ ba ái này nên phải cầu bậc Đại Sư.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.”

Như cầu bậc Đại sư, thứ sư, giáo sư, uảng đạo sư, độ sư, quảng độ sư, thuyết sư, quảng thuyết sư, tùy thuyết sư, A-xà-lê, đồng bạn, thiện hữu chân tri thức, thương xót, từ bi, muốn ý nghĩa, muốn an ổn, muốn an lạc, muốn xúc chạm, muốn thông suốt, người muốn, người tinh tấn, người phương tiện, người xuất ly, người kiên cố, người đồng mãnh, người kham năng, người nhiếp thọ, người thường, người học, người không buông lung, người tu, người tư duy, người nhớ nghĩ, người giác tướng, người suy lường, người phạm hạnh, người thần lực, người trí, người thức, người tuệ, người phân biệt, niệm xứ, chánh cần, căn lực, giác đạo, chỉ quán niệm thân, cầu chánh tư duy cũng nói như vậy.

⁸ Đại chánh, kinh 895.

KINH 882. TAM LẬU⁹

[225b] Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có ba lậu. Những gì là ba? Đó là dục lậu, hữu lậu, và vô minh lậu. Vì đoạn trừ ba lậu này, nên cầu bậc Đại Sư.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

Như cầu bậc Đại sư, cũng vậy... cho đến cầu Chánh tư duy cũng nói như vậy.

KINH 883. LA-HẦU-LA¹⁰

Tôi nghe như vậy:

Khi Phật ở trong vườn trúc Ca-lan-đà, tại thành Vương-xá. Bấy giờ tôn giả La-hầu-la đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ sát chân, road ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, thấy như thế nào, biết như thế nào, để trong thân có thức này của con cùng trong hết thầy tướng của cảnh giới bên ngoài không được nhớ nghĩ đến, ở trung gian đó mà đoạn tận các hữu lậu?”

Phật bảo La-hầu-la:

“Có sáu nội nhập xứ. Những gì là sáu? Đó là nhãn nhập xứ, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý nhập xứ. Đối với các pháp này phải chánh trí quán sát, dứt sạch các hữu lậu, bằng chánh trí tâm hoàn toàn giải thoát. Đó gọi là A-la-hán, đã hết sạch các hữu lậu, những việc cần làm đã làm xong, đã trút hết gánh nặng, nhanh chóng được lợi mình, các hữu kết chướng dứt, chánh tri, tâm được giải thoát.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

Như Sáu nội nhập xứ, cũng vậy Sáu ngoại nhập xứ,... cho đến Năm âm cũng nói như vậy.

⁹ Đại chánh, kinh 896.

¹⁰ Đại chánh, kinh 897. Tham chiếu, Pāli, S. 18. Rāhulasamyutta. Xem các kinh trên.

KINH 884. NHÃN DĨ ĐOẠN¹¹

Tôi nghe như vậy:

Khi Phật ở trong vườn trúc Ca-lan-đà, tại thành Vương-xá. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu Tỳ-kheo ở nơi mắt mà đoạn trừ dục tham. Dục tham đã đoạn, gọi là mắt đã đoạn, đã biến tri, chặt đứt gốc rễ của nó, như chặt ngọn cây đa-la, đối với đời vị lai sẽ thành pháp chẳng sanh. Như mắt, cũng vậy tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng nói như vậy.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

Như sáu nội nhập xứ, cũng vậy sáu ngoại nhập xứ, ... cho đến Năm âm cũng nói như vậy.

KINH 885. NHÃN SANH¹²

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở trong vườn trúc Ca-lan-đà, tại thành Vương-xá. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo mắt sinh, trụ, thành tựu hiển hiện; khổ sinh, bệnh trụ, già chết hiển hiện. Cũng vậy, ... cho đến ý cũng [225c] nói như vậy. Nếu mắt diệt mất đi, khổ được chấm dứt, bệnh dứt, già chết không còn, ... cho đến ý cũng nói như vậy.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

Như sáu nội nhập xứ, cũng vậy Sáu ngoại nhập xứ, ... cho đến Năm âm cũng nói như vậy.

KINH 886. VỊ TRƯỚC¹³

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở trong vườn trúc Ca-lan-đà, tại thành Vương-xá. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu Tỳ-kheo nơi vị ngọt của mắt mà đắm nhiễm, sẽ sinh tùy phiền não. Tùy phiền não sanh, đối với các nhiễm ô tâm không được ly dục;

¹¹ Đại chánh, kinh 898.

¹² Đại chánh, kinh 899.

¹³ Đại chánh, kinh 900. Đam mê vị ngọt.

những chướng ngại kia cũng không thể đoạn được,... cho đến ý nhập xứ cũng nói như vậy.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

Như Sáu nội nhập xứ, cũng vậy Sáu ngoại nhập xứ,... cho đến năm ân cũng nói như vậy.

KINH 887. THIỆN PHÁP KIẾN LẬP¹⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở trong vườn trúc Ca-lan-đà, tại thành Vương-xá. Bảy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thí như mọi công việc ở thế gian đều nương trên đất để kiến lập. Cũng vậy, tất cả mọi pháp thiện đều y cứ vào sáu nội nhập xứ để tạo lập.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

Như Sáu nội nhập xứ, cũng vậy Sáu ngoại nhập xứ,... cho đến Năm âm cũng nói như vậy.¹⁵

¹⁴ Đại chánh, kinh 901. Thiết lập pháp thiện.

¹⁵ Bốn kinh cuối quyển 31, số 902-904, xét nội dung cần đưa vào cuối Tương ưng Bất hoại tịnh (Tương ưng 8). Bản Hán, hết quyển 31.

TỤNG VI. TÁM CHÚNG¹

26. TƯƠNG ƯNG TÁM CHÚNG²

KINH 888. NIỆM TAM BẢO³

[254c2] Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật du hành trong nhân gian, từ nước Bạt-kỳ đến nước Tì-xá-li, trú tại giảng đường Trùng các, bên ao Di hầu.

Bấy giờ có nhiều khách buôn người nước Tì-xá-li đi đến nước Đát-sát-thi-la,⁴ phương tiện trang nghiêm.⁵ Các khách buôn nghe Thế Tôn đang du hành trong nhân gian từ nước Bạt-kỳ đến nước Tì-xá-li, đang trú ở giảng đường Trùng các, bên ao Di hầu. Nghe vậy, họ đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ sát chân Phật, rồi ngồi xuống một bên. Phật vì những khách buôn nói pháp, chỉ dạy, soi sáng, làm cho hoan hỷ, rồi Ngài ngồi im lặng. Các khách buôn rời chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, đánh lễ chấp tay bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, chúng con là những khách buôn, phương tiện trang nghiêm, muốn đi đến nước Đát-sát-thi-la. Kính xin Thế Tôn cùng đại chúng sáng mai nhận sự cúng dường của chúng con.”

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng nhận lời. Các khách buôn biết Thế Tôn đã nhận lời cầu thỉnh, từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ sát chân Phật. Mỗi người trở về nhà mình sửa soạn các thứ đồ ăn thức uống thơm ngon tinh khiết, xếp đặt giường ghế, an trí nước sạch. Sáng sớm cho người đến bạch Phật đã đến giờ. Bấy giờ, Thế Tôn cùng với đại chúng khoác y, ôm bát đi đến chỗ các khách buôn, ngồi trên chỗ ngồi đã dọn. Các khách buôn đem đồ ăn thức uống thơm ngon, thanh khiết tự tay cúng dường. Ăn xong, rửa bát rồi, các khách buôn đặt những cái ghế nhỏ thấp ngồi trước đại chúng nghe Phật thuyết pháp.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các khách buôn:

¹ *Quốc dịch*, quyển 29-31. Tụng vi. gồm 6 tương ung.

² Tương ung tám chúng, gồm các kinh Đại chánh, kinh 980-992 (phần sau quyển 35). Ấn Thuận, *Hội biên* “48. Tương ung Tập” thuộc Tụng 7. Như lai sở thuyết.

³ Đại chánh, kinh 980. Không thấy Pāli tương đương.

⁴ Đát-sát-thi-la 怛刹尸羅. Pāli: *Takkasilā*, trung tâm thương mại và giáo dục được nhắc nhiều trong các Jātaka, nhưng không hề được nói đến trong các kinh Pāli.

⁵ Phương tiện trang nghiêm 方便莊嚴.

“Các Ông sắp vào nơi hoang mạc, sẽ gặp nhiều khủng bố, tâm kinh hoảng dựng đứng cả lông, lúc ấy nên niệm Như Lai sự: ‘Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, ... *cho đến* Phật, Thế Tôn.’ Niệm như vậy thì mọi khủng bố đều tiêu trừ. Lại niệm Pháp sự: ‘Chánh Pháp Luật của Phật, được thấy kết quả hiện tại, khiến xa lìa sự thiêu đốt, không đợi thời tiết, được thấu suốt, được thân cận, duyên vào tự mình mà giác tri.’ Lại niệm Tăng sự: ‘Đệ tử của Thế Tôn thiện hướng, chánh hướng. ... *cho đến* là ruộng phước của thế gian.’ Niệm như vậy, thì mọi sự khủng bố đều được tiêu trừ.”

Thời quá khứ, Trời và A-tu-la đánh nhau. Lúc ấy Thiên đế Thích bảo các chúng trời:

“Trong khi các ngươi cùng chiến đấu với bọn A-tu-la, nếu ai sinh sợ hãi hãy niệm đến ngọn cờ của ta gọi là ngọn cờ Chiên thắng.⁶ Khi niệm đến ngọn cờ này thì khủng bố liền tan. Nếu ai không niệm đến ngọn cờ của ta, hãy niệm đến ngọn cờ của Thiên tử Y-xá-na.⁷ Nếu không niệm đến ngọn cờ của Thiên tử Y-xá-na, hãy niệm đến ngọn cờ của Thiên tử Bà-lưu-na.⁸ Khi niệm đến [255a] ngọn cờ ấy, khủng bố liền tiêu trừ.”

“Cũng vậy, các khách buôn, các ông ở nơi hoang mạc, khi bị khủng bố, hãy niệm Như Lai sự, niệm Pháp sự, niệm Tăng sự.”

Thế Tôn vì các khách buôn Tì-xá-li nói kệ tùy hỷ cúng dường:

*Cúng dường Tăng Tỳ-kheo,
Đồ ăn uống tùy thời;
Chuyên niệm chánh tư duy,
Chánh tri mà hành xả.*

*Tịnh vật, ruộng phước tốt,
Các Ông đều đầy đủ.
Duyên công đức lợi này,
Lâu dài được an vui.*

⁶ Hán: Tồi phục tràng 摧伏幢. Xem kinh Đại chánh 981.

⁷ Y-xá-na 伊舍那天子幢. Xem kinh Đại chánh 981. Tham chiếu, S.11.3: *Pajāpatissa devarājassa dhajaggam*: chóp ngọn cờ của Thiên vương Pajāpati (Sinh Chủ)

⁸ Bà-lưu-na 婆留那天子幢. Xem kinh Đại chánh, 981. Tham chiếu, S.11.3 : *Varuṇassa devarājassa dhajaggam*: chóp ngọn cờ của Thiên vương Varuṇa.

Khởi tâm mong cầu gì,
Các lợi đều ứng ngay.
Người vật thấy an ổn,
Đường sá qua lại tốt;
Đêm ngày đều an ổn,
Xa lìa mọi điều ác.

Như ruộng đất màu mỡ,
Thuần chủng hạt giống tốt;
Thường vun tưới thấm nhuần,
Thu hoạch không thể kể.

Tịnh giới ruộng phước tốt,
Chủng tử thật tốt lành;
Cùng tùy thuận chánh hạnh,
Trọn thành tựu diệu quả.

Cho nên người bố thí,
Muốn cầu đủ công đức;
Phải hành theo trí tuệ,
Tự nhiên đủ các quả.

Đối bậc Minh hạnh túc,
Chánh tâm tận cung kính;
Vun trồng các gốc lành,
Trọn được phước lợi lớn.

Biết thế gian như thật,
Chánh kiến được đầy đủ;
Chánh đạo thấy vẹn toàn,
Hoàn toàn mà tiến lên;
Xa lìa mọi trần cấu,
Chóng đắc đạo Niết-bàn.
Cứu cánh được thoát khổ,
Gọi là đủ công đức.

Thế Tôn sau khi thuyết pháp cho các khách buôn ở Tì-xá-li, chỉ dạy soi sáng, làm cho hon hỷ, rời chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

KINH 889. CÂY PHƯỚN⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo ở nơi vắng vẻ, dưới bóng cây, trong nhà trống, đôi khi bỗng khởi lên lòng sợ hãi, kinh hoàng đến độ lông dựng lên, khi ấy hãy niệm Phật, Pháp, Tăng, *nói rộng như trước*. Khi niệm đến Như Lai sự, Pháp sự, Tăng sự, mọi sự sợ hãi tự tiêu trừ.

“Này các Tỳ-kheo, thời quá khứ, [255b]Thích Đề-hoàn Nhân cùng đánh nhau với A-tu-la. Lúc ấy Đế Thích nói với các vị Tam Thập Tam thiên rằng: ‘Các Nhân giả, khi chư thiên đánh nhau với A-tu-la, nếu có ai sanh lòng sợ hãi, kinh hoàng đến độ lông dựng đứng lên, các vị nên niệm đến ngọn cờ hàng phục quân địch của ta.¹⁰ Khi niệm đến ngọn cờ này, mọi sự sợ hãi đều tiêu trừ.’ Cũng vậy, Tỳ-kheo nếu ở nơi vắng vẻ, dưới bóng cây, hoặc ở trong nhà trống mà sinh lòng sợ hãi, kinh hoàng đến độ lông dựng đứng lên, hãy niệm Như Lai rằng: ‘Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác ... *cho đến* Phật, Thế Tôn.’ Đương lúc niệm Phật, sự sợ hãi liền tiêu trừ. Vì sao? Thiên đế Thích kia vẫn còn giữ lòng tham, sân, si, đối với sinh, già, bệnh, chết, lo, buồn, nã, khổ, không được giải thoát, kinh hoàng sợ hãi bỏ chạy, mà còn dấn lại chư thiên Tam thập tam nên niệm đến ngọn cờ hàng phục quân địch của ông ấy. Huống chi Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đã lìa tham, sân, si, giải thoát sinh, già, bệnh, chết, lo buồn, khổ nã, không có điều sợ hãi, trốn tránh, há không có thể khiến cho người niệm đến Như Lai trừ hết mọi sợ hãi?”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 890. A-NAN XÁ-LỢI-PHẬT (1)¹¹

Tôi nghe như vậy:

⁹ Đại chánh, kinh 981. Pāli, S.11.3. Dhajagga. Cf. No 125(24.1).

¹⁰ Phục địch chi tràng 伏敵之幢. Kinh 980: tỳ phục tràng 摧伏幢. Pāli: *dhajaggam ullokeyyātha*, các người hãy nhìn lên đỉnh ngọn phướn.

¹¹ Đại chánh, kinh 982. Pāli, A. 3.32.2. Sāriputta.

Một thời đức Phật ở trong rừng An-xà-na¹² tại nước Sa-chỉ.¹³ Bấy giờ Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Đôi với pháp, Ta có thể lược nói và nói rộng, nhưng người hiểu thì khó.”

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

“Xin Thế Tôn nói pháp, hoặc lược nói, hoặc rộng nói. Thật sự có người hiểu pháp.”

Phật bảo xá-lợi-phất:

“Nếu có chúng sanh nào ở trong thân có thức của mình, và trong tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài mà không có ngã, ngã sở, ngã mạn, kết sử ràng buộc, cho đến ngay trong đời hiện tại tự biết tác chứng, thành tựu và an trụ với tâm giải thoát, tuệ giải thoát; vị ấy do ở nơi thân có thức này, và trong tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài sẽ không có ngã, ngã sở, ngã mạn, kết sử ràng buộc, cho nên ngay trong đời hiện tại tự biết tác chứng, thành tựu và an trụ với tâm giải thoát, tuệ giải thoát.¹⁴

“Này xá-lợi-phất, Tỳ-kheo kia, ở trong thân có thức này, và trong tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài, mà không có kiến chấp ngã, ngã sở, ngã mạn, kết sử ràng buộc, ngay trong hiện tại tự biết tác chứng, thành tựu và an trụ với tâm giải thoát, tuệ giải thoát; Tỳ-kheo ấy do ở trong thân có thức này, và trong tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài mà không có kiến chấp ngã, ngã sở, ngã mạn, kết sử ràng buộc, nên ngay trong đời hiện tại tự biết tác chứng, thanh tựu an trụ với tâm được giải thoát, tuệ giải thoát.

“Này Xá-lợi-phất, **[255c]** nếu lại có Tỳ-kheo ở trong thân có thức này và trong tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài, mà không có kiến chấp ngã, ngã sở, ngã mạn, kết sử ràng buộc, hiện tại tự biết tác chứng, thành tựu an trụ với tâm giải thoát, tuệ giải thoát; Tỳ-kheo ấy, do ở

¹² An-xà-na 安闍那. Pāli: Añjana-vana, khu rừng nai ở Sāketa.

¹³ Sa-chỉ 娑枳國. Pāli: Sāketa.

¹⁴ Cf. Pāli: *yañca cetovimuttiṃ paññāvimuttiṃ upasampajja viharato ahankāra-mamaṃkāramānānusayā na honti, tañca cetovimuttiṃ paññāvimuttiṃ upasampajja viharati*, (tỳ kheo) do chúng đắc và an trụ tâm giải thoát tuệ giải thoát nào mà ở đó các tùy miên của phức cảm tác thành ý niệm về ta và của ta không tồn tại, thì (tỳ kheo ấy) chúng và an trụ tâm giải thoát, tuệ giải thoát ấy.

trong thân có thức này, và trong tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài không có kiến chấp ngã, ngã sở, ngã mạn, kết sử ràng buộc, cho nên hiện tại tự biết tác chứng, thành tựu an trụ với tâm được giải thoát, tuệ giải thoát.

“Xá-lợi-phất, đó gọi là Tỳ-kheo đoạn ái phược, kit sử, hiện quán ngã mạn, rốt ráo biên tế của khổ.¹⁵

“Xá-lợi-phất, đối với điều này Ta có nói thêm khi giải đáp câu hỏi của Ba-la-diên Phú-lân-ni-ca.¹⁶

*Thế gian số sai biệt,
An ổn gặp bất động;
Tịch tĩnh lìa các trần,
Bứt rễ, không hy vọng¹⁷;
Vượt qua biển ba Hữu,
Không còn lo già chết.¹⁸*

Phật nói kinh này xong, Tôn giả Xá-lợi-phất sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ, rời chỗ ngồi đứng dậy làm lễ mà lui.

KINH 891. A-NAN XÁ-LỢI-PHẤT (2)¹⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả A-nan cũng ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ, một mình ở chỗ vắng tư duy như vậy: “Nếu có người suy nghĩ như vậy: ‘Ta ở trong thân có thức này và trong tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài, mà không có kiến chấp ngã, ngã sở, ngã mạn, kết sử ràng buộc; do ngay trong đời hiện tại tự biết tác chứng, thành tựu an trụ với tâm được giải thoát, tuệ giải thoát nào mà ở trong thân có thức này và trong tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài mà không có kiến chấp ngã, ngã sở, ngã mạn, kết sử ràng

¹⁵ Cf. Pāli: *acchecchi taṇhaṃ vivattayi samyojanaṃ sammā mānābhisamayā antam akāsi dukkhassa*, vị ấy đã cắt đứt khát ái, bứt bỏ kết sử, chân chánh hiện quán các mạn, đã tận cùng biên tế của khổ.

¹⁶ Ba-la-diên Phú-lân-ni-ca sở vấn 波羅延富鄰尼迦所問. Pāli: *pārāyane puṇṇakapañhe*. Cf. Sn.5.4. *Puṇṇakamāṇava-pucchā*.

¹⁷ Vô hy vọng 無希望, bản Thánh: vô minh. Pāli: *nirāso*.

¹⁸ Kệ Pāli, Sn. 1048.

¹⁹ Đại chánh, kinh 983. Pāli, A. 3.32. Ānanda-Sāriputta.

buộc, ta sẽ ở nơi đó mà hiện tại tự biết tác chứng, thành tựu an trụ với tâm được giải thoát, tuệ giải thoát ấy.”

Chiều hôm ấy sau khi từ thiền tịnh dậy, Tôn giả A-nan đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ sát chân, ngồi xuống một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, một mình ở chỗ vắng con tư duy như vậy: Nếu có người nói như vậy: ‘Ta ở trong thân có thức này và trong tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài, ..., *cho đến*, tự biết tác chứng, thành tựu an trụ với tâm được giải thoát, tuệ giải thoát ấy.’”

Phật dạy Tôn giả A-nan:

“Đúng vậy! Đúng vậy! Nếu có người suy nghĩ như vậy: ‘Ta ở trong thân có thức này và trong tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài, mà không có kiến chấp ngã, ngã sở, ngã mạn, [356a] kết sử ràng buộc; do ngay trong đời hiện tại tự biết tác chứng, thành tựu an trụ với tâm được giải thoát, tuệ giải thoát nào mà ở trong thân có thức này và trong tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài mà không có kiến chấp ngã, ngã sở, ngã mạn, kết sử ràng buộc, ta sẽ ở nơi đó mà hiện tại tự biết tác chứng, thành tựu an trụ với tâm được giải thoát, tuệ giải thoát ấy.’ A-nan, Tỳ-kheo đó ở trong thân có thức này và trong tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài, mà không có kiến chấp ngã, ngã sở, ngã mạn, kết sử ràng buộc, và do ngay trong đời hiện tại tự biết tác chứng, thành tựu an trụ với tâm được giải thoát, tuệ giải thoát nào mà ở trong thân có thức này và trong tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài mà không có kiến chấp ngã, ngã sở, ngã mạn, kết sử ràng buộc, ta sẽ ở nơi đó mà hiện tại tự biết tác chứng, thành tựu an trụ với tâm được giải thoát, tuệ giải thoát ấy.’

“Này A-nan, nếu lại có Tỳ-kheo ở trong thân có thức này và trong tất cả tướng cảnh giới bên ngoài ... *cho đến* tự biết tác chứng, an trụ đầy đủ; đó gọi là Tỳ-kheo đoạn ái phược, kết sử, hiện quán ngã mạn, rốt ráo biên tế của khổ.

“Này A-nan, ở đây Ta còn nói thêm khi đáp lại câu hỏi của Bà-la-diên U-đà-da.²⁰

*Đoạn tận tướng ái dục,
Ưu khổ cũng đều lia;
Tinh giác không say ngủ,*

²⁰ Bà-la-diên U-đà-da sở vấn 波羅延憂陀耶. Pāli: Sn. 5.14. *Udayamānava-pucchā*.

*Diệt trừ trạo hối cái.
Xả tham, nhuế, thanh tịnh,
Hiện tiền quán sát pháp;
Ta nói trí giải thoát,
Diệt trừ màn vô minh.²¹*

Phật nói kinh này xong. Tôn giả A-nan sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ mà lui.

KINH 892. ÁI (1)²²

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay Ta nói sẽ ái là lưới, là chất keo, là dòng suối, là rễ sen.²³ Những thứ này thường làm chướng ngại chúng sanh, che lấp, dính chặt, giữ chặt, che phủ, đóng kín, bết tắc, tối tăm, như ruột chó, như cỏ rối, như tơ, từ đời này sang đời khác, từ đời khác đến đời này, lưu chuyển qua lại, không lúc nào ngừng.

“Này các Tỳ-kheo, thế nào ái là lưới, là chất keo ... *cho đến* lưu chuyển qua lại, không lúc nào ngừng? Nghĩa là có ngã: ta tồn tại, ta ước muốn, ta như vậy, có ta, không ta, khác ta, ta sẽ tồn tại, ta sẽ không tồn tại, ta sẽ ước muốn, ta sẽ như vậy, ta sẽ khác khác, mong ta ước muốn (tồn tại nơi đây), mong ta như vậy, mong ta khác, mong ta đừng như vậy, mong ta muốn như vậy, mong ta khác. Mười tám ái hành²⁴ như vậy, phát khởi từ bên trong.

²¹ Kệ Pāli, Sn. 1106-1107.

²² Đại chánh kinh 984. Pāli, A. 4.199. Taṇhā.

²³ Pāli: *jāliniṃ samsaritaṃ visataṃ visattikaṃ*: cái lưới được di chuyển, được bủa rộng, làm dính chặt.

²⁴ Thập bát ái hành: hữu ngã, dục ngã, nhĩ ngã, hữu ngã, vô ngã, dị ngã, đương ngã, bất đương ngã, dục ngã, đương nhĩ thời, đương dị dị ngã, hoặc dục ngã, hoặc nhĩ ngã, hoặc dị, hoặc nhiên, hoặc dục nhiên, hoặc nhĩ nhiên, hoặc dị. 十八愛行: 有我. 欲我. 爾我. 有我. 無我. 異我. 當我. 不當我. 欲我. 當爾時. 當異異我. 或欲我. 或爾我. 或異. 或然. 或欲然. 或欲然. 或爾然. 或異. So sánh Pāli: *athārasa taṇhā-vicaritāni: asmīti sati, itthasmī ti hoti, evasmīti hoti, aññthasmīti hoti, asatasmīti hoti, satasmīti hoti, santi hoti, itthaṃ santi hoti, evaṃ santi hoti, aññathā santi hoti, api ha santi hoti, api itthaṃ santi hoti, api evaṃ santi hoti, api aññathā santi hoti,*

“Tỳ-kheo nói rằng ta tồn tại nơi những gì đang có, rằng ta muốn, ta như vậy²⁵... *cho đến* mười tám ái hành, khởi lên từ bên ngoài. Tổng cộng với mười tám ái hành kia như vậy, tất cả là ba mươi sáu [256b] ái hành. Hoặc nói quá khứ khởi, hoặc vị lai, hoặc hiện tại khởi lên như vậy cộng lại là một trăm lẻ tám ái hành. Cho nên gọi đó là lưới, là chất keo, là dòng suối, là rễ sen hay làm chướng ngại chúng sanh, che lấp, dính chặt, giữ chặt, che phủ, đóng kín, bế tắc, tối tăm, như ruột chó, như cỏ rối, như tơ, từ đời này sang đời khác, từ đời khác đến đời này, lưu chuyển qua lại, không lúc nào ngừng.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo, nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 893. ÁI (2)²⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có khi từ ái sinh ra ái,²⁷ từ ái sinh ra nhuế, từ nhuế sinh ra ái, từ nhuế sinh ra nhuế.

“Thế nào là từ ái sinh ra ái? Có người²⁸ có hỷ, có ái, có niệm, có khả ý đối với chúng sanh kia. Mọi người khác đối với chúng sanh kia cũng có hỷ, có ái, có niệm, có khả ý. Người ấy tự nghĩ: ‘Ta có hỷ, có ái, có niệm, có khả ý đối với chúng sanh kia. Những người khác đối với

bhivissanti hoti, itthaṃ bhavissanti hoti, evaṃ bhavissanti hoti, aññathā bhavissanti hoti: 1. Tôi hiện hữu, 2. tôi hiện hữu ở đây, 3. tôi hiện hữu như vậy, 4. tôi hiện hữu khác vậy, 5. tôi không thường hằng, 6. tôi thường hằng, 7. tôi đang tồn tại, 8. tôi đang tồn tại ở đây, 9. tôi đang tồn tại như vậy, 10. tôi đang tồn tại khác như vậy, 11. ước gì tôi đang tại, 12. ước gì tôi đang tồn tại ở đây, 13. ước gì tôi đang tồn tại như vậy, 14. ước gì tôi đang tồn tại như thế khác, 15. tôi sẽ hiện hữu, 16. tôi sẽ hiện hữu ở đây, 17. tôi sẽ hiện hữu như vậy, 18. tôi sẽ hiện hữu như thế khác.

²⁵ Pāli: *imināsmī ti sati, iminā itthasmī ti hoti, iminā evaṃsmī ti hoti*: với những cái này tôi hiện hữu; với những cái này tôi tồn tại ở đây; với những cái này tôi như vậy...

²⁶ Đại chánh, kinh 985. A. 4.200. Pema.

²⁷ Pāli: *pemā pemam jāyanti*, thân yêu sanh ra thân yêu.

²⁸ Pāli: *puggalo puggalassa iṭṭho hoti*, một người này là khả ái đối với một người kia.

chúng sanh kia cũng có hỷ, có ái, có niệm, có khả ý.²⁹ Cho nên ta lại sinh yêu mến mọi người khác.’ Đó gọi là từ ái sinh ra ái.

“Thế nào là từ ái sinh ra nhuế? Có một người có hỷ, có ái, có niệm, có khả ý đối với chúng sanh kia. Nhưng mà những người khác không có hỷ, không có ái, không có niệm, không có khả ý đối với chúng sanh kia. Nó nghĩ rằng: ‘Ta có hỷ, có ái, có niệm, có khả ý đối với chúng sanh kia. Nhưng những người khác lại không có hỷ, không có ái, không có niệm, không có khả ý với chúng sanh kia. Cho nên ta sinh ra sân nhuế đối với mọi người kia.’ Đó gọi là từ ái sanh ra nhuế.

“Thế nào là từ nhuế sinh ra ái? Có một người không có hỷ, không có ái, không có niệm, không có khả ý đối với chúng sanh kia. Những người khác lại cũng không có hỷ, không có ái, không có niệm, không có khả ý đối với chúng sanh kia. Do đó ... nên ta đối với những người khác sinh ra ái niệm.³⁰ Đó gọi là từ nhuế sinh ra ái.

“Thế nào là từ nhuế sinh ra nhuế? Có một người đối với chúng sanh kia không có hỷ, không có ái, không có niệm, không có khả ý. Mọi người khác đối xử với người này lại có hỷ, có ái, có niệm, có khả ý. Nó nghĩ rằng: ‘Ta đối với chúng sanh kia không có hỷ, không có ái, không có niệm, không có khả ý. Nhưng mà người khác đối với người kia lại có hỷ, có ái, có niệm, có khả ý. Do đó ta [356c] sinh lòng sân nhuế đối với người khác ấy.’ Đó gọi là từ nhuế sinh ra nhuế.

“Tỳ-kheo ly dục, li pháp ác bất thiện, có tâm có tứ ... cho đến thành tựu an trụ sơ thiền, cho đến nhị thiền, tam thiền, tứ thiền; ái từ ái sinh, nhuế từ nhuế sinh, nhuế từ ái sinh, ái từ nhuế sinh, tất cả đều được đoạn, được biến tri. Đoạn tận cội gốc của nó như chặt đứt ngọn cây đa-la, không thể mọc lại nữa, ở đời vị lai trở thành pháp bất sinh. Tỳ-kheo dứt sạch hữu lậu, tâm vô lậu giải thoát, tuệ giải thoát, ngay đời hiện tại tự biết tác chứng, tự biết ‘Ta, sự sainless đã dứt, Phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau nữa.’

²⁹ Pāli: *yo kho myāyaṃ puggalo iṭṭho... taṃ pare iṭṭhena... samudācaranti*, người mà đối với ta là khả ái, người ấy được mọi người đối xử một cách khải ái.

³⁰ Tức là, sinh ái niệm đối với những ai không ưa người mà mình không ưa.

Chính lúc này không bốc lên, không chống trả,³¹ không nổi bụi, không thiêu đốt, không hiềm người.³²

“Thế nào là bị bốc lên? Thấy sắc là ngã, sắc khác ngã, ngã trong sắc, sắc trong ngã; đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Đó gọi là bị bốc lên.

“Thế nào là không bị bốc lên? Không thấy sắc là ngã, sắc khác ngã, sắc ở trong ngã, ngã ở trong sắc; và thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Đó gọi là không bị bốc lên.

“Thế nào là chống trả? Đối với người mạ lỵ thì mạ lỵ lại; đối với người sân giận thì sân giận lại, đối với người đánh thì đánh lại; đối với người xúc phạm thì xúc phạm lại. Đó gọi là chống trả .

“Thế nào là không chống trả? Đối với người mắng chưởi thì không mắng chưởi lại; đối với người sân giận thì không sân giận lại; đối với người đánh thì không đánh lại; đối với người xúc phạm thì không xúc phạm lại. Đó gọi là không chống trả lại.

“Thế nào là nổi bụi? Có ngã, ngã dục, ... *cho đến* mười tám thứ ái.³³ Đó gọi là nổi bụi.

“Thế nào là không nổi bụi? Không có ngã, không có ngã dục, ... *cho đến* mười tám thứ ái không khởi. Đó gọi là không nổi bụi.

“Thế nào là thiêu đốt? Có ngã sở, ngã sở dục, ... *cho đến* mười tám ái hành bên ngoài. Đó gọi là thiêu đốt.

“Thế nào là không thiêu đốt? Không có ngã sở, không có ngã sở dục, ... *cho đến* không có mười tám ái hành bên ngoài. Đó gọi là không thiêu đốt.

“Thế nào là hiềm người? Thấy ngã chơn thật, mà khởi lên ngã mạn, ngã dục, ngã sử; không đoạn, không biến tri.³⁴ Đó gọi là hiềm người.

³¹ Hán: bắt hoàn cử 不還舉. bản Hán thiếu. Theo văn dưới bổ túc.

³² Hán: *bát tự cử, bất khởi trần, bất xí nhiên, bất hiềm bỉ* 不自舉不起塵不熾然不嫌彼. Pāli: *neva usseneti na paṭisseneti na dhūpāyati na pajjati na sampajjhāyati*: không bị lôi cuốn, không bị kháng cự, không bị xông khói, không bốc cháy, không khô cạn.

³³ Xem kinh 984 trên.

³⁴ Pāli: *asmimāno pahīno na hoti*, không đoạn trừ phức cảm (*mạn*) về ý tưởng “Tôi hiện hữu.”

“Thế nào là không hiềm người? Không thấy ngã là chơn thật, đối với ngã mạn, ngã dục, ngã sử đã đoạn, đã biến tri. Đó gọi là không hiềm người.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 894. HAI SỰ KHÓ ĐOẠN³⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có hai sự đoạn tuyệt khó duy trì. Những gì là hai? Nếu nơi người thế tục, nơi phi nhơn, mà duy trì sự đoạn tuyệt đối với những nhu cầu của cuộc sống như cơm ăn, áo mặc, giường nằm v.v... thì đó là việc làm khó. Lại nữa, Tỳ-kheo là người xuất gia, không nhà, đoạn trừ tham ái. Duy trì sự đoạn tuyệt ấy cũng là một việc làm rất khó.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Thế gian có hai việc,
Trì đoạn thì khó làm.
Đó là lời chân thật,
Những gì Phật đã biết.*

*Tại gia tiền thu chi,
Cơm áo mọi vật dụng,
Tham ái bởi thế gian,
Muốn đoạn rất khó khăn.*

*Tỳ-kheo đã lìa tục,
Tín xuất gia, không nhà;
Diệt trừ các tham ái,
Trì đoạn cũng khó làm.*

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

³⁵ Đại chánh, kinh 986. Không thấy tương đương.

KINH 895. HAI PHÁP³⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bảy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ta y chỉ, an trụ thường xuyên nơi hai pháp. Những gì là hai? Đó là, đối với các pháp thiện Ta chưa từng biết đủ; đối với việc đoạn pháp ác Ta chưa từng lìa bỏ. Vì đối với pháp thiện không biết đủ, và đối với việc đoạn trừ pháp ác chưa từng lìa bỏ, nên dù đến da khô thịt tiêu, gân liền với xương, trọn không lìa bỏ cố gắng siêng năng, không bỏ thiện pháp; không được những điều chưa được thì quyết không dừng nghỉ; đối với tâm yếu kém chưa từng sinh vui mừng, lúc nào cũng ưa thích tiến lên, vượt lên đạo cả. Vì sống tinh tấn như vậy nên mau đạt Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đối với hai pháp này, Tỳ-kheo, hãy y chỉ, an trụ thường xuyên. Đối với các pháp thiện không sinh ý tưởng thoa mãn. Y chỉ trên những đoạn trừ chưa từng lìa bỏ, ... *cho đến* da khô, thịt tiêu, gân liền với xương, siêng năng nỗ lực không ngừng mới có thể tu tập pháp thiện. Cho nên, Tỳ-kheo, đối với các điều hạ liệt chớ nên³⁷ sinh ý tưởng hoan hỷ, hãy nên lúc nào cũng sống, tu tập thẳng tiến hơn nữa. Tu tập như vậy, không bao lâu sẽ nhanh chóng diệt tận các lậu, vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong hiện tại mà tự biết tác chứng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau nữa.’”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 896. ĐẾ THÍCH (1)³⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Trúc, Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bảy giờ Thích Đề-hoàn Nhân, với hình sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm [257a] đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ sát chân Phật, rồi đứng qua một bên. Do oai lực của thân trời, ánh sáng chiếu khắp vườn Trúc, Ca-lan-đà. Khi ấy, Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

³⁶ Đại chánh, kinh 987..

³⁷ Nguyên Hán sót phủ định từ. Theo nội dung, thêm vào.

³⁸ Đại chánh, kinh 988. Pāli, S.40.10. Sakka.

“Thế Tôn! Thế Tôn đã từng ở trong hang đá núi Cách giới³⁹ nói rằng: ‘Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào tâm khéo giải thoát với vô thượng ái tận giải thoát, vị ấy đã cứu cánh biên tế, cứu cánh ly nhiễm, cứu cánh phạm hạnh.’⁴⁰ Thế nào là Tỳ-kheo đã cứu cánh biên tế, cứu cánh ly nhiễm, cứu cánh phạm hạnh?”

Phật bảo Đê Thích:

“Tỳ-kheo nào biết như thật khi tiếp nhận những cảm giác có được hoặc khổ hoặc lạc, hoặc không khổ không lạc; biết như thật các thọ tập, thọ diệt, thọ vị, thọ hoạn, thọ xuất ly. Biết như thật, quán sát thọ kia vô thường, quán sinh diệt, quán ly dục, quán diệt tận, quán xả bỏ. Sau khi đã quán sát như vậy, chắc chắn đi đến tận cùng, cứu cánh biên tế, cứu cánh ly nhiễm, cứu cánh phạm hạnh.

“Này Câu-thi-ca, đó gọi là Tỳ-kheo ở trong chánh Pháp Luật, cứu cánh biên tế, cứu cánh ly nhiễm, cứu cánh phạm hạnh ... *cho đến* Thiên đế Thích sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ mà lui.

KINH 897. ĐÊ THÍCH (2)⁴¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Trúc, Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đang ở trong núi Kỳ-xà-quật, cuối đêm dậy kinh hành, trông thấy có ánh sáng chiếu khắp vườn trúc Ca-lan-đà. Thấy vậy, liền nghĩ: ‘Đêm nay hoặc có đại lực quý thần đến chỗ Thế Tôn nên mới có ánh sáng này.’

Bấy giờ vào lúc sáng sớm, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ sát chân, rồi ngồi xuống một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, cuối đêm qua con ra khỏi phòng kinh hành, trông thấy ánh sáng chói lợi chiếu khắp vườn Trúc Ca-lan-đà. Thấy vậy con nghĩ thầm: Chắc có vị đại lực quý thần nào đến chỗ Thế Tôn nên có ánh sáng này.”

Phật bảo Đại Mục-kiền-liên:

³⁹ Cách giới sơn 隔界山. Xem kinh 505: Giới cách sơn界隔山. Có lẽ hang Indasālagūha; cf. D 21, No 1(14), No 26(134).

⁴⁰ Xem Xem kinh 505; cf. D 21, No 1(14), No 26(134).

⁴¹ Đại chánh, kinh 989. Xem kinh Đại chánh 988.

“Cuối đêm qua Thích Đề-hoàn Nhơn đến chỗ Ta cúi đầu đánh lễ, rồi ngồi xuống một bên...” *Nói rộng như kinh trên ... hoan hỷ, tùy hỷ làm lễ mà lui.*

KINH 898. LỘC TRÚ (1)⁴²

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Trúc, Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, sáng sớm, Tôn giả A-nan khoác y, ôm bát đi đến thành Xá-vệ, lần lượt khát thực, đến nhà Ưu-bà-di Lộc Trụ.⁴³ Ưu-bà-di Lộc Trụ từ xa trông thấy Tôn giả A-nan vội vàng sửa soạn chỗ ngồi, và mời Tôn giả A-nan an tọa. Sau đó, Ưu-bà-di Lộc Trụ cúi đầu lễ sát chân Tôn giả A-nan, rồi đứng qua một bên, bạch Tôn giả A-nan:

“Thưa Tôn giả, [257c] pháp của Thế Tôn cần được hiểu như thế nào? Cha của con là Phú-lan-na⁴⁴ trước kia tu phạm hạnh, ly dục, thanh tịnh, không đeo hương hoa, xa lìa những thứ phàm tục thô bỉ.⁴⁵ Còn chú con là Lê-sur-đạt-đa⁴⁶ không tu phạm hạnh nhưng ông biết đủ. Cả hai người đều qua đời, mà Thế Tôn đều ký thuyết hai người sinh một nơi, cùng thọ sinh như nhau, đời sau đồng đắc Tư-đà-hàm, sinh về cõi trời Đâu-suất, một lần trở lại thế gian, cứu cánh biên tế của khổ.

“Tại sao, thưa A-nan, người tu phạm hạnh và người không tu phạm hạnh lại cùng sinh một nơi, cùng thọ sinh như nhau, và đời sau của họ cũng giống nhau?”

A-nan đáp:

“Này Chi, Hãy thôi đi! Chi không thể biết được căn tánh sai biệt của chúng sanh thế gian. Như Lai tất biết rõ căn tính ưu, liệt của chúng sanh thế gian.”

Nói như vậy xong, rời chỗ ngồi đứng dậy ra đi.

⁴² Đại chánh, kinh 990. Pāli, A.10.75. Migasālā.

⁴³ Ưu-bà-di Lộc Trụ 鹿住優婆夷. Pāli: Migasālā upāsikā.

⁴⁴ Phú-lan-na 富蘭那. Pāli: Pūraṇa.

⁴⁵ Hán: phàm bi 凡鄙. Pāli: *ārācārī virato methunā gāmadhammā*, là người ăn dật, sông xa lánh các pháp dâm dục thấp hèn.

⁴⁶ Lê-sur-đạt-đa 梨師達多. Pāli: *Isidatta*.

Tôn giả A-nan trở về tinh xá, cắt y bát, rửa chân, rồi đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân Phật, ngồi xuống một bên, đem những gì Ưu-bà-di Lộc Trụ nói bạch hết lên Thế Tôn.

Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

“Ưu-bà-di Lộc Trụ làm sao có thể biết được căn tính ưu, liệt của chúng sanh thế gian. A-nan, Như Lai tất biết rõ căn tánh ưu, liệt của chúng sanh thế gian. Nay A-nan, hoặc⁴⁷ có một hạng người phạm giới. Người ấy không biết như thật đối tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Nhưng sự phạm giới mà người ấy khởi lên đã diệt không còn, đã chìm mất không còn, dục hết không còn. Hoặc có một hạng người phạm giới, do biết như thật tâm giải thoát, tuệ giải thoát, sự phạm giới mà người ấy khởi lên đã diệt không còn, đã chìm mất không còn, dục hết không còn. Đối với những hạng người này mà so sánh mà nói rằng: ‘Người này cũng có pháp như vậy, người kia cũng có pháp như vậy, thì ở đây cả hai phải cùng sinh một chỗ, đồng thọ sinh như nhau và đời sau cũng như nhau.’ Người nào so sánh như vậy, thì sẽ khổ lâu dài, không nghĩa, không lợi ích.

“Nay A-nan, người phạm giới, đối với tâm giải thoát, tuệ giải thoát mà không biết như thật, nhưng sự phạm giới mà người ấy khởi lên đã diệt không còn, đã chìm mất không còn, dục hết không còn. Nên biết người này sẽ thối đọa, không phải thăng tiến. Ta nói người này thuộc hạng thối đọa.

“A-nan, có kẻ phạm giới, do biết như thật tâm giải thoát, tuệ giải thoát, nên sự phạm giới mà người ấy khởi lên đã diệt không còn, đã chìm mất không còn, dục hết không còn; nên biết người này thăng tiến chứ không thối đọa. Ta nói người này thuộc hạng thăng tiến. Nếu chẳng phải Như Lai, thì ai có thể biết rõ sự gián cách giữa hai hạng người này?

[258a] “Cho nên, nay A-nan, chớ nên so sánh người này với người kia mà thiên chấp người. Chớ so sánh người này với người kia gây bệnh người. Chớ so sánh người này với người kia thì tự chiêu lấy tai hại. Chỉ có Như Lai mới biết rõ người này với người kia mà thôi.

⁴⁷ Pāli: có 10 hạng người này hiện diện trong thế gian.

“Nhu hai hạng người phạm giới, hai hạng người trì giới cũng vậy. Người kia không biết như thật tâm giải thoát, tuệ giải thoát, nhưng sự trì giới mà người ấy khởi lên thì đã diệt, không còn.

“Hoặc người trạo cử tháo động,⁴⁸ không biết như thật đối với tâm giải thoát, tuệ giải thoát, nhưng sự trạo cử của người ấy đã diệt không còn.

“Hoặc người kia sân hận, không biết như thật đối với tâm giải thoát, tuệ giải thoát, nhưng tâm sân hận của họ đã diệt không còn.

“Hoặc người khỗ tham,⁴⁹ không biết như thật đối với tâm giải thoát, tuệ giải thoát, nhưng sự khỗ tham của họ đã diệt không còn.”

Ô uest, và thanh tịnh, cũng được nói như trên. ... cho đến

“Chỉ có Như Lai mới biết rõ người này với người kia mà thôi.”

“Này A-nan, Ưu-bà-di Lộc Trụ ngu si, trí kém, nên sinh tâm hồ nghi đối với pháp nhất hướng mà Như Lai đã thuyết. Thế nào, A-nan, những gì Như Lai dạy có phải là hai hướng không?”

A-nan bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, không.”

Phật bảo A-nan:

“Lành thay! lành thay! Như Lai nói pháp, nếu là hai thì điều này không thể có. Này A-nan, nếu Phú-lan-na trì giới, Lê-sư-đạt-đa cũng là người trì giới, mà chỗ thọ sinh, là điều Phú-lan-na không thể biết được, rằng Lê-sư-đạt-đa sinh nơi nào, thọ sinh thế nào, đời sau thế nào? Nếu Lê-sư-đạt-đa thành tựu trí tuệ, và Phú-lan-na cũng thành tựu trí tuệ này, thì Lê-sư-đạt-đa cũng không thể biết Phú-lan-na sẽ sinh nơi nào, thọ sinh thế nào, đời sau thế nào? A-nan, Phú-lan-na trì giới hơn, còn Lê-sư-đạt-đa trí tuệ hơn, nếu cả hai mạng chung, Ta nói hai người cùng sinh một nơi, cùng thọ sinh như nhau, đời sau cùng đắc Tư-đà-hàm, sinh lên cõi trời Đâu-suất, chỉ một lần sinh trở lại nơi này cứu cánh biên tế của khổ.

“Giữa hai người này, nếu chẳng phải Như Lai, thì ai có thể biết được? Cho nên A-nan, chớ nên so sánh người này với người kia. Nếu so sánh người này với người kia thì tự sinh tổn giảm. Chỉ có Như Lai mới có thể biết rõ người.”

⁴⁸ Hán: trạo động 掉動, hay trạo cử. Pāli: *uddhata*.

⁴⁹ Khỗ tham 苦貪. Pāli: *tibbarāgo*, ham muốn rất kịch liệt.

Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 899. LỘC TRỤ (2)⁵⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật hạ an cư tại ấp Lư-lị⁵¹ trong thành Di họ Thích. Bảy giờ có Tỳ-kheo hạ an cư trong vườn Cấp Cô Độc, rùng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Sáng sớm Tỳ-kheo kia khoác y, ôm bát [258b] vào thành Xá-vệ khát thực, lần hồi đi đến nhà Ưu-bà-di Lộc Trụ. Ưu-bà-di Lộc Trụ từ xa trông thấy Tỳ-kheo, vội vàng sửa soạn chỗ ngồi, rồi mời Tỳ-kheo an tọa. *Nói giống như kinh A-nan ở trước.* Bảy giờ, Tỳ-kheo ấy nói với Ưu-bà-di Lộc Trụ:

“Này cô, hãy thôi đi! Cô làm sao biết được căn tính ưu, liệt của chúng sanh. Này cô, chỉ có Như Lai mới có thể biết được căn tính ưu, liệt của chúng sanh.”

Nói như vậy xong Tỳ-kheo liền rời chỗ ngồi đứng dậy ra về.

Tỳ-kheo kia sau ba tháng hạ an cư, may y xong, khoác y mang bát đi đến ấp Lư-lị, thành Di của họ Thích. Sau khi cất y bát, rửa chân xong, Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ sát chân Phật, ngồi xuống một bên, đem những lời đàm luận giữa Tỳ-kheo cùng Ưu-bà-di Lộc Trụ trình hết lên Thế Tôn.

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Ưu-bà-di Lộc Trụ làm sao có thể biết được căn tính ưu, liệt của chúng sanh thế gian. Chỉ có Như Lai mới có thể biết rõ căn tính hơn kém của chúng sanh ở thế gian thôi. Kẻ chẳng lìa sân hận, kiêu mạn, luôn khởi pháp tham, không lãnh thọ pháp, không học hỏi đa văn, ở nơi pháp không điều phục kiến chấp, không thể hằng thời khởi tâm giải thoát.

“Này Tỳ-kheo, nếu có một người không lìa sân hận, kiêu mạn, luôn khởi pháp tham, nhưng người ấy nghe pháp, tu học đa văn, đối với kiến chấp khéo điều phục, hằng thời có thể khởi tâm pháp giải thoát. Nếu suy xét về chúng, rằng ‘Người này có pháp như vậy, người kia có pháp như vậy, thì ở đây họ cùng một nơi, cùng thọ sinh như nhau, và

⁵⁰ Đại chánh, kinh 991. Pāli, A. 6.44. Migasālā.

⁵¹ Thích thị Di thành Lư-lị ấp 釋氏彌城留利邑.

đời sau như nhau.’ Người nào so sánh như vậy thì thường chịu khổ, không nghĩa, không lợi ích.

“Này Tỳ-kheo, lại có người không lìa sân hận, kiêu mạn, luôn khởi pháp tham, không lãnh thọ pháp, không học hỏi đa văn, ở nơi pháp không điều phục kiến chấp, không thể hằng thời khởi tâm giải thoát; Ta nói người này là kẻ hẹp hòi nhỏ mọn, thấp kém.

“Này Tỳ-kheo, lại có người không lìa sân hận, kiêu mạn, luôn khởi pháp tham, nhưng người ấy nghe pháp, tu học đa văn, đối với kiến chấp khéo điều phục, hằng thời có thể khởi tâm pháp giải thoát; Ta nói người này là thắng diệu bậc nhất.

“Giữa hai người này, nếu chẳng phải tự Như Lai, thì ai có thể phân biệt, biết rõ? Cho nên, này Tỳ-kheo, chớ nên so sánh người này với người kia ... *cho đến* Như Lai mới có thể biết căn tính ưu, liệt.

“Này Tỳ-kheo, lại có người không lìa sân, mạn, lúc nào cũng khởi ác hành nơi miệng...” *Còn lại, nói như trên đã nói.*

“Lại nữa, có người hiền thiện, an vui, cùng sống vui thích minh trí, người tu phạm hạnh thích ở chung, nhưng người kia chẳng thích nghe pháp ... *cho đến* không thường được tâm giải thoát; [258c] nên biết người này trụ nơi đất hiền thiện, mà không thể thăng tiến. Chỗ đất hiền thiện đó là cõi trời, người.

“Lại nữa, có người căn tính hiền thiện, cùng ở chung, được an vui, ưa thích phạm hạnh, lấy làm bạn hữu, ưa nghe chánh pháp, học tập, đa văn, khéo điều phục kiến chấp, thường được tâm pháp giải thoát, nên biết người này ở chỗ hiền thiện, có thể thăng tiến, nên biết người này có đủ khả năng vào dòng chánh pháp, có chỗ kham năng.

“Giữa hai người này, nếu chẳng phải tự Như Lai, ai có thể phân biệt, biết rõ? Cho nên, Tỳ-kheo, chớ nên so sánh người này với người kia. Nếu so sánh người này với người kia thì sẽ chuốc lấy tai hại. Chỉ có Như Lai mới có thể biết rõ người mà thôi.

“Này Tỳ-kheo! Ưu-bà-di Lộc Trụ vì ngu si, trí kém...” *Nói như kinh trên.*

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 900. PHƯỚC ĐIỀN⁵²

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ trưởng giả Cấp Cô Độc đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ sát chân Phật, ngồi xuống một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, thế gian có bao nhiêu loại ruộng phước?”

Phật bảo gia chủ:

“Thế gian có hai loại ruộng phước. Những gì là hai? Đó là hữu học cùng vô học.”

và nói kệ:

*Đời có Học, Vô học,
Đại hội thường kính thỉnh;
Tâm ngay thẳng chân thật,
Thân, miệng cũng như vậy.
Đó là ruộng phước tốt,
Người thí được quả lớn.*

Phật nói kinh này xong, trưởng giả Cấp Cô Độc nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.⁵³

KINH 901. GIA NHÂN⁵⁴

[340a20] Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Trưởng giả Cấp Cô Độc, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, ngồi xuống một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, nếu ai ở nhà con đều có tín thanh tịnh. Khi những người ở nhà con mạng chung, họ đều được sinh lên trời?”

Phật dạy:

“Lành thay! Lành thay, Trưởng giả! Đây là câu hỏi thâm diệu về việc thọ báo, ở giữa đại chúng rống lên tiếng sư tử, nói rằng: ‘Người ở nhà con đều có tín thanh tịnh. Khi mạng chung họ đều được sinh lên trời.’”

⁵² Đại chánh, kinh 992. Pāli, A.2.4.4. Dakkhineyyā. Biệt dịch, No 26(127).

⁵³ Bản Hán, hết quyển 35.

⁵⁴ Đại chánh, quyển 47, kinh 1241. Ấn Thuận *Hội biên*, tụng VII. Như Lai sở thuyết, 48. Tương ưng Tập.

Vậy đã có Tỳ-kheo đại đức thần lực nào đã nói với ông: ‘Bất cứ người nào ở trong nhà ông, mà mạng chung thì cũng đều sinh lên cõi trời chăng?’”

Gia chủ bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, không.”

Lại hỏi:

“Hay có Tỳ-kheo ni nào, chư thiên nào đã nói; hay ông đã nghe trực tiếp từ Ta?”

Gia chủ bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, không.

“Thế nào, Trưởng giả, hay ông dựa vào tri kiến của mình, mà biết những người nhà ông sau khi mạng chung đều được sinh lên cõi trời?”

Gia chủ bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, Không.”

Phật bảo Gia chủ:

“Ông đã không nghe từ vị Tỳ-kheo đại đức thần lực, không phải từ Tỳ-kheo ni, không phải từ chư thiên, lại không phải đã có mặt trước chỗ Ta nghe nói, lại cũng không phải dựa vào tri kiến của mình để biết: ‘Ở nhà con ai mạng chung đều được sinh lên trời.’ Vậy do đâu, hôm nay ông nói lên những lời thâm diệu như vậy về việc thọ báo, ở giữa đại chúng rống lên tiếng sư tử, nói rằng: Bất cứ người nào ở trong nhà con, khi mạng chung đều được sinh lên trời?”

Gia chủ bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, không có Tỳ-kheo đại đức thần lực nào đến nói với con. *Nói đầy đủ như trên, ... cho đến* đều sinh lên trời. Bạch Thế Tôn, nhưng khi con thấy có người mang thai, con liền chỉ bày họ nên vì con mình quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tỳ-kheo Tăng. Sau khi đứa bé ra đời, con dạy nó về Tam quy. Đến khi nó hiểu biết, lại dạy nó trì giới. Giả sử tôi tở hạ tiện, người ngoài nào có mang và sinh con, con cũng chỉ bày như vậy. Nếu có người bán nô tỳ, con liền đến nói với họ rằng: ‘Hiền giả, tôi muốn mua người, nhưng anh nên quy y Phật, quy y Pháp, quy y Ty-kheo Tăng, thọ trì cấm giới. Theo lời tôi dạy, mau thọ trì năm giới, sau đó tùy giá mà mua. Nếu không theo lời chỉ dạy của tôi thì không chịu mua.’ Hoặc có khách trọ hay người làm thuê, trước tiên con cũng yêu cầu thọ tam quy, ngũ giới, rồi sau đó con mới

nhận họ. Hoặc lại có người đến xin làm học trò, hay đến xin vay lấy lãi, con cũng đều yêu cầu thọ tam quy, ngũ giới, sau đó mới chịu nhận. Lại nữa, khi nào nhà con cúng dường Phật và Tỳ-kheo Tăng, bấy giờ con đọc tên cha mẹ, anh em, vợ con, thân thuộc quen biết, quốc vương đại thần, chư thiên, long thần, hoặc kẻ còn người mất, Sa-môn hay Bà-la-môn, nội ngoại quyến thuộc, dưới cho đến nô bộc, đều đọc tên họ, vì họ chú nguyện. Lại nữa, con được nghe từ Thế Tôn dạy, nhờ duyên xưng tên chú nguyện nên những người ấy đều được sinh lên trời. Hoặc nhân bố thí ruộng vườn, nhà cửa, giường nằm; hoặc nhân thường bố thí, hoặc bố thí cho người đi đường, nhỏ cho đến bố thí cho chúng sanh một nắm nhỏ, nhờ những nhân duyên này thầy được sinh lên trời.”

Phật bảo:

“Lành thay! Lành thay, Trưởng giả! Ông nhờ tín nên nói ra được như vậy. Như Lai đối với điều đó có tri kiến vô thượng, nên biết rõ mọi người ở nhà ông mạng chung đều sinh lên trời.”

[340c] Trưởng giả Cấp Cô Độc sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ Phật ra về.

KINH 902. CUNG KÍNH TRỤ⁵⁵

Tôi nghe như vậy: Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy sống cung kính. Hãy thường buộc tâm. Hãy thường cẩn thận sợ hãi. Hãy phục tùng các bậc tu phạm hạnh thượng, trung, hạ toạ. Vì sao? Tỳ-kheo sống không cung kính, không buộc tâm, không cẩn thận sợ hãi, không phục tùng các bậc tu phạm hạnh thượng, trung, hạ toạ khác mà muốn được đầy đủ các oai nghi, không hề có trường hợp đó. Nếu không đầy đủ oai nghi mà muốn học pháp viên mãn, không hề có trường hợp đó. Học pháp không viên mãn mà muốn có giới thân, định thân, giải thoát thân, giải thoát tri kiến thân đầy đủ, không hề có trường hợp đó. Giải thoát tri kiến thân không đầy đủ mà muốn đạt được Vô dư Niết-bàn cũng không hề có trường hợp như vậy. Như vậy, Tỳ-kheo cần phải cung kính, buộc tâm, cẩn thận sợ hãi, theo đức lực các vị tu phạm hạnh thượng, trung, hạ toạ khác thì oai nghi đầy đủ, điều này có thể xảy ra. Oai nghi đã đầy đủ, việc học pháp sẽ đầy đủ,

⁵⁵ Đại chánh, kinh 1242.

việc này có thể xảy ra. Học pháp đã đầy đủ rồi, giới thân, định thân, tuệ thân, giải thoát thân, giải thoát tri kiến thân đầy đủ, việc này có thể xảy ra. Giải thoát tri kiến thân đã đầy đủ rồi, đạt được vô dư Niết-bàn, việc này có thể xảy ra. Cho nên, Tỳ-kheo, cần phải cung kính, buộc tâm, cẩn thận sợ hãi, theo đức lực các vị tu phạm hạnh khác thì oai nghi được đầy đủ, ... *cho đến* đạt được Vô dư Niết-bàn, cần phải học như vậy.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 903. TÂM QUÝ⁵⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Có hai pháp tịnh có thể hộ trì thế gian. Những gì là hai? Đó là tâm và quý. Giả sử thế gian không có hai pháp tịnh này, thì thế gian cũng không biết có cha mẹ, anh em, chị em, vợ con, thân quyến, sư trưởng, tôn ty, trật tự, điên đảo hỗn loạn như hàng súc sanh. Nhờ có hai pháp tịnh tâm và quý cho nên thế gian biết có cha mẹ, ... *cho đến* sư trưởng, tôn ty, trật tự, và không hỗn loạn như hàng súc sanh.”

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

[341a] *Nếu thế gian không có,
Hai pháp tâm và quý;
Vượt trái đạo thanh tịnh,
Hương sinh, già, bệnh, chết.
Nếu thế gian thành tựu,
Hai pháp tâm và quý;
Thì tăng đạo thanh tịnh,
Đóng kín cửa sinh tử.*

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 904. THIÊU NHIÊN PHÁP⁵⁷

Tôi nghe như vậy:

⁵⁶ Đại chánh, kinh 1243. Pali: A.2.9 Cariya; It. 42 Dhamma.

⁵⁷ Đại chánh, kinh 1244.

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có pháp đốt cháy⁵⁸ và pháp không đốt cháy. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các người mà giảng nói.

“Thế nào là pháp đốt cháy? Nếu người nam hay người nữ nào hành pháp ác bất thiện, phạm giới; thân thành tựu ác hành; khẩu, ý thành tựu ác hành; về sau, khi họ đau ốm, bị khốn khổ, nằm liệt giường, chịu nhiều đau đớn. Lúc bấy giờ, tất cả những việc làm ác trước kia họ đều nhớ lại hết. Giống như bóng núi lớn che ánh mặt trời tây; cũng vậy, chúng sanh trước kia đã tạo ra mọi điều ác, những pháp ác bất thiện do thân, khẩu, ý nghiệp, đến lúc lâm chung tất cả đều hiện ra, tâm sinh hối hận: ‘Than ôi! Than ôi! Vì trước kia không tu thiện, chỉ làm ác nên ta sẽ đoạ vào đường dữ, chịu nhiều khổ đau.’ Sau khi nhớ lại rồi, tâm bị đốt cháy, tâm sinh hối hận. Do tâm hối hận nên tâm không được an lành, mạng chung qua đời sau tâm bất thiện cũng tiếp tục sinh nữa. Đó gọi là pháp đốt cháy.

“Thế nào gọi là pháp không đốt cháy? Nếu người nam hay người nữ nào thọ trì tịnh giới, tu pháp chơn thật, thân thành tựu nghiệp thiện, khẩu, ý thành tựu nghiệp thiện; những người ấy khi lâm chung tuy thân gặp phải khổ nạn, nằm liệt trên giường bệnh, thân thể chịu nhiều đau đớn, nhưng tâm họ nhớ lại trước kia đã tu pháp thiện, thân, khẩu và ý đã thành tựu thiện hành. Lúc bấy giờ, họ duyên vào những pháp thiện, nghĩ rằng: ‘Thân, khẩu, ý ta đã tạo ra thiện hành như vậy, không làm mọi điều ác, ta sẽ sinh về đường thiện, không đoạ vào đường dữ. Tâm không có gì hối hận; cho nên người ấy mạng chung với tâm thiện, qua đời sau thiện vẫn tiếp tục. Đó gọi là pháp không đốt cháy.’”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Đã gieo nghiệp đốt cháy,
Sống nương vào phi pháp;
Theo đó làm nghiệp ác,
Ất sinh vào địa ngục.*

*Đặng Hoạt và Hắc Thành,
Chúng Họp, hai Khiếu Hô;
Thiêu Nhiên, Cực Thiêu Nhiên,*

⁵⁸ Thiêu nhiên pháp 燒燃法.

Vô Trạch đại địa ngục.

*Tám đại địa ngục ấy,
Cực khổ khó vượt qua;
[341b] Vì ác nghiệp nhiều thứ,
Mười sáu nơi khác nhau.*

*Mở bốn cửa bốn bên ,
Khoảng cách chúng bằng nhau;
Bốn bên bằng vách sắt,
Bốn cánh cửa cũng sắt.*

*Đất sắt lửa cháy bùng.,
Ngọn lửa rực khắp nơi;
Ngang dọc trăm do tuần,
Hùng hực không đoan dứt.*

*Chế ngự kẻ hành ác,
Khảo trị kẻ cương cường;
Càng đau đớn lâu dài,
Khổ này khó thể thấy.*

*Người thấy sinh sợ hãi,
Run sợ lông dựng đứng;
Khi đọa địa ngục này,
Chúc đầu xuống chân lên.*

*Ngã⁵⁹ người tu phạm hạnh
Tâm nhu hoà bậc Thánh,
Đối với Hiền Thánh này,
Khinh tâm khởi phi nghĩa.
Và sát hại chúng sanh,
Đọa địa ngục nóng này.*

*Quần quai ở trong lửa,
Giống như cá nướng lửa.
Thống khổ kêu, la hét,
Như tiếng đàn voi chiến.
Lửa lớn tự nhiên sinh,*

⁵⁹ Nguyên bản: Chi ; bản Tống: chánh

Đó do nghiệp của chúng.

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 905 . ÁC HÀNH⁶⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Người nào bỏ ác hành nơi thân, có thể đoạn trừ ác hành nơi thân. Người nào không đạt được sự đoạn trừ ác hành nơi thân, Ta không nói người đó xả bỏ ác hành nơi thân⁶¹. Do vì có thể dứt được thân hành ác hành, cho nên Ta nói người đó bỏ được thân hành ác hành. Người nào thân hành ác hành, người đó không tạo nghĩa lợi an lạc. Chúng sanh nào lia bỏ thân hành ác hành, người đó tạo nghĩa lợi, được an lạc. Cho nên Ta nói người đó đã bỏ được thân hành ác hành. Khẩu, ý hành ác hành cũng nói như vậy.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

⁶⁰ Đại chánh, kinh 1245. Pāli: A.3. 17. Pāṇika.

⁶¹ A.3. 17: Ba pháp khiến tự hại, hại người, hại cả hai (*attavyābādhāyapi ... paravyābādhāyapi ... ubhayavyābādhāyapi samvattati*); đó là, ác hành nơi thân, miệng, ý.

27. TƯƠNG ƯNG THÍ DỤ¹

KINH 906. LUYỆN KIM²

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trú xứ Kim Sư, tại thành Vương Xá. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ kheo:

“Nhu người luyện vàng, gom đất cát lại bỏ vào máng; sau đó dùng nước dội lên. Những thứ quặng thô, tạp uế, và các thứ đá vụn³, đất rắn theo nước trôi đi, còn lại những hạt cát thô liên kết dính chặt vào nhau. Lại dùng nước dội vào những hạt cát thô ấy, chúng theo nước chảy ra. Sau đó mới có vàng sống,⁴ nhưng vẫn còn lại những thứ cát mịn [341c] bị đất đen kết dính. Lại dùng nước dội lên những hạt cát mịn, đất đen trên đó theo nước nó trôi đi. Sau đó mới có vàng nguyên⁵, nhưng vẫn còn lại những thứ lợn cợn như tợ vàng. Tiếp đó, người thợ vàng đem nó bỏ vào lò, quạt lò tăng lửa, cho nó tan ra nước, loại bỏ hết cấu bẩn, nhưng chất vàng sống vẫn còn giữ nguyên, vẫn chưa nhẹ, chưa mềm, chưa trở thành bóng loáng, gấp lại kéo ra còn bị gãy. Người luyện vàng hay người đệ tử luyện vàng lại bỏ nó vào lò, quạt lò cho thêm lửa; lúc này mới thật là lúc chuyển luyện thành vàng. Vàng lúc này đã nhẹ, mềm, trở thành bóng loáng, dòn lại kéo ra không bị gãy, tùy theo ý muốn, làm các loại đồ trang sức như cà rá, bông tai, vòng xuyên.

“Tỳ-kheo tiến hướng đến tịnh tâm cũng như vậy. Phiền não triền phược thô, nghiệp ác bất thiện, các tà kiến ác dần dần sẽ bị loại bỏ; như đãi vàng sống kia phải loại bỏ đi những khối đất đá rắn.

¹ Tương ưng thí dụ, gồm các kinh Đại chánh, kinh 1246-1264 (phần giữa quyển 47). Ấn Thuận *Hội biên*, “Tụng vii. Như Lai sở thuyết; 49. Tương ưng thí dụ.” Tương đương Pāli, S. 20. Opammasamyutta.

² Đại chánh, kinh 1246. tương đương Pāli, A. 3. 100. Suvāṇṇakāra (phần đầu).

³ Nguyên bản, trên chữ cương thạch 剛石, có bốn chữ: thô thượng phiền não 麤上煩惱, Ấn Thuận lược bỏ cho là dư thừa theo ngữ cảnh. Nhưng bản Pāli nói: *olārikā upakkillasā*, trong đó *upakkilesā* bản Hán hiểu là “*thượng phiền não*” thay vì các thứ là tạp uế.

⁴ Hán: sanh kim 生金.

⁵ Chân kim 真金. Pāli: jātārūpa, vàng nguyên, chưa chế biến.

“Lại nữa, Tỳ-kheo hướng đến tịnh tâm tiếp tục từ bỏ những cấu thô của tâm tư dục, tâm tư nhuế, tâm tư hại;⁶ như vàng sống được loại bỏ những hạt cát thô.

“Lại nữa, Tỳ-kheo hướng đến tâm thanh tịnh tiếp tục loại bỏ những cấu vi tế của tâm về thân thích, tâm tư nhân chúng, tâm tư về sanh thiên;⁷ cần phải tư duy loại trừ chúng như vàng sống được loại bỏ đi bụi bẩn cát mịn và đất đen.

“Lại nữa, Tỳ-kheo hướng đến tịnh tâm ngay đến có tâm tư về thiện pháp cũng phải tư duy để trừ diệt hết, cho tâm thanh tịnh; giống như vàng sống được loại bỏ đi những thứ cợn bẩn giống như màu vàng để nó trở thành vàng ròng.

“Lại nữa, Tỳ-kheo còn phải thực hành, đối với các tam-muội còn cần phải hành, cần phải hộ trì,⁸ cũng giống như ao nước có bờ giữ chung quanh. Pháp còn cần phải hộ trì nên không được tịch tĩnh thắng diệu, không được an tịnh, dứt sạch các hữu lậu. Cũng như thầy trò thợ vàng lọc luyện vàng sống, loại bỏ những quặng bẩn, nhưng chưa nhẹ, chưa mềm, chưa trở thành bóng loáng, uốn lại kéo ra bị gãy, không thể làm đồ trang sức theo ý muốn được.

“Lại nữa Tỳ-kheo khi đã đắc các tam-muội không còn có sự hành trì nắm giữ, được tịch tĩnh thắng diệu, được đạo an tịnh, nhất tâm nhất ý, dứt sạch các hữu lậu. Cũng như thầy trò thợ vàng luyện lọc sanh kimvàng sống cho đến khi nó nhẹ, mềm, bóng loáng, tùy ý uốn vào kéo ra.

“Lại nữa Tỳ-kheo, lia các tâm tứ cho đến đắc đệ nhị, đệ tam, đệ tứ thiền, như vậy là chánh định thuần nhất thanh tịnh, lia các phiền não, chơn thật nhu nhuyễn, bất động đối với chúng. Muốn cầu tác chứng nhập xứ kia, đều có thể được tác chứng. Cũng như thợ vàng, luyện lọc vàng sống đến mức nhẹ, mềm, bóng loáng, không gãy, muốn làm đồ

⁶ Ba bất thiện tâm.

⁷ Hán: thân lý giác 親里覺, nhân chúng giác 人眾覺, sanh thiên giác 生天覺. Cf. A. 1. 256: *nātivitakko* (thân lý tầm, suy tưởng về bà con), *janadapadavitakko* (quốc độ tầm, suy tưởng về đất nước), *anavaññāttipaṭisamyutto vitakko* (bất kính tiện tương ung tầm, suy tưởng về danh dự).

⁸ Hán: hữu hành sở trì. Pāli ibid.: *sasaṅkhāraniggayhavāritagato*, luôn phải phòng hộ bằng sự nỗ lực và duy trì.

gì tùy theo ý muốn. Cũng vậy Tỳ-kheo trụ vào tam-muội chánh định, ... *cho đến* đối với các nhập xứ, [342a] đều có thể tác chứng được.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 907. LUYỆN KIM (2)⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Trúc, Ca-lan-đà, thành Vương Xá. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Phải nên chuyên tâm phương tiện tùy lúc tư duy về ba tướng. Những gì là ba? Tùy thời tư duy về tướng chỉ, tùy thời tư duy về tướng cử, tùy thời tư duy về tướng xả.¹⁰ Nếu Tỳ-kheo chỉ tư duy về tướng chỉ không thôi, thì ở nơi đó, tâm mình thành hạ liệt. Nếu chỉ tư duy về tướng cử không thôi, thì ở nơi đó, tâm trạo loạn khởi lên. Nếu chỉ tư duy về tướng xả không thôi, thì ở đó không được chánh định, và dấy sạch các hữu lậu. Tỳ-kheo kia tùy thời tư duy tướng chỉ, tùy thời tư duy tướng cử, tùy thời tư duy tướng xả, nên tâm được chánh định, dứt sạch các hữu lậu. Như thầy trò thợ vàng, lấy vàng sống bỏ vào trong lò rồi cho tảng lửa, tùy lúc nào quạt lò, tùy lúc nào dội nước, tùy lúc nào ngưng cả hai. Nếu chỉ quạt lò không thôi, vàng sống nơi này sẽ bị cháy khô. Nếu chỉ dội nước không thôi, vàng sống nơi này sẽ cứng. Hoặc ngưng cả hai, vàng sống nơi này không thuần thực, không thể dùng được. Cho nên thầy trò thợ vàng khéo tay, đối với vàng sống kia tùy thời quạt lò, tùy thời dội nước, tùy thời ngưng cả hai, thì vàng sống như vậy mới thích nghi được, và theo việc mà sử dụng. Cũng vậy Tỳ-kheo chuyên tâm phương tiện lúc nào cũng tư duy nhớ nghĩ về ba tướng, ... *cho đến* lậu tận.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 908. MỤC NGƯỜI GIẢ¹¹

Tôi nghe như vậy:

⁹ Đại chánh, kinh 1247. A. 3. 100. Suvannaṅkāra.

¹⁰ Chỉ tướng 止相, cử tướng 舉相, xả tướng 捨相. Pāli, A. i. 257: *samādhinimittam*, định tướng, *pagghanimittam*, cần (tinh tấn) tướng, *upekkhānimittam*, xả tướng.

¹¹ Đại chánh, 1248. M. 34. CūḷaGopāḷaka. No 125(43.6).

Một thời đức Phật ở trong vườn Trúc, Ca-lan-đà, thành Vương Xá. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Vào thời quá khứ, tại nước Ma-kiệt-đề có người chăn bò ngu si không có trí tuệ. Cuối hạ đầu thu, không chịu xem xét kỹ nước sông Hằng bờ này, cũng không chịu xem xét kỹ nước sông Hằng bờ kia, mà lừa bầy bò xuống bờ cao, lên bờ cao, giữa dòng nước chảy xoáy phát sinh nhiều tai nạn.

“Này các Tỳ-kheo, vào thời quá khứ, tại nước Ma-kiệt-đề có người chăn bò, không ngu, không si, có phương tiện trí tuệ. Cuối hạ đầu thu có thể xem xét kỹ nước sông Hằng bờ này, xem xét kỹ nước sông Hằng bờ kia, khéo lừa bầy bò đến [342b] hang núi rộng bằng, nơi cỏ tươi, nước sạch. Khi bắt đầu đưa bò đi, trước tiên lừa những con bò lớn đầu đàn để chặn bớt dòng nước đang chảy xiết kia. Tiếp đến lần thứ hai, lừa những con bò tơ sung sức theo sau. Sau cùng lần thứ ba, lừa những con bò nhỏ gầy yếu theo phía dưới dòng nước. Tất cả đều theo thứ lớp qua an sông, ổn qua hết được. Những con trâu nghé mới sinh, còn quuyến luyến mẹ chúng, cũng theo sau mẹ qua được bờ kia.

“Cũng vậy, Tỳ-kheo, Ta nói thí dụ này, nên hiểu nghĩa của nó. Người chăn bò ngu si vô trí ở nước Ma-kiệt-đề kia, chúng là những lục sư ngoại đạo Phú-lan-na Ca-diếp, và những người khác, cũng lại như vậy. Họ huân tập những tà kiến, hướng đến đường tà, như người chăn bò ngu si vô trí kia, cuối hạ đầu thu không xem xét kỹ bờ bên này bờ bên kia, núi cao hiểm trở, xuống từ bờ cao, lên bờ cao, giữa dòng nước chảy xoáy phát sinh nhiều tai nạn. Cũng vậy các lục sư ngoại đạo Phú-lan-na Ca-diếp v.v... ngu si, vô trí, không biết xem xét bờ này, là chỉ cho đời này; không biết xem xét bờ kia, là chỉ cho đời khác; giữa dòng nước chảy xoáy, là chỉ cho các ma cảnh tự gặp những khổ nạn. Những người tà kiến kia, những gì họ đã huân tập, cũng sẽ gặp khổ nạn.

“Người khéo chăn bò nước Ma-kiệt-đề kia không ngu, không si, có phương tiện trí tuệ là chỉ cho Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác. Giống như người chăn bò xem xét kỹ bờ này, xem xét kỹ bờ kia, khéo lừa bò đến hang núi rộng bằng. Trước tiên lừa những con bò lớn đầu đàn để chặn ngang dòng nước đang chảy xiết, an ổn qua bờ kia. Cũng vậy, hàng Thanh văn của Ta có thể trừ hết các lậu,... cho đến tự biết không còn tái sinh, cắt ngang dòng ác ma tham dục thế gian, được an ổn qua sinh tử, đến bờ kia.

“Cũng như người khéo chẵn bờ nước Ma-kiệt-đề, kể đến, thứ hai lừa những con bò tơ sung sức, cắt ngang dòng nước mà qua. Cũng vậy các hàng Thanh văn của Ta đoạn tận năm hạ phần kết sử, được A-na-hàm, không thọ sanh trở lại cõi này nữa; lại cũng cắt đứt dòng tham dục ác ma, được an ổn qua sinh tử, đến bờ kia.

“Cũng như người khéo chẵn bờ nước Ma-kiệt-đề, tiếp đến lần thứ ba, lừa bầy bò nhỏ yếu theo phía dưới dòng, để được qua an ổn. Cũng vậy hàng Thanh văn của Ta đã đoạn ba kết; tham, sân, si mỏng, được Tư-đà-hàm, tái sinh cõi này một lần, rốt ráo hết khổ, cắt ngang dòng ác ma tham dục kia, được an ổn qua sinh tử, đến bờ kia.

“Cũng như người khéo chẵn bờ nước Ma-kiệt-đề, những con nghé mới sinh, quyến luyến mẹ chúng cũng lừa theo được. Cũng vậy hàng Thanh văn của Ta đã đoạn ba kết, đắc Tu-đà-hoàn, không rơi vào đường dữ, nhất định hướng thẳng đến Chánh giác, bầy lần qua lại trời người rốt ráo hết khổ, cắt đứt dòng ác ma tham dục, được an ổn qua sinh tử, đến bờ kia.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Đời này và đời khác,
Khéo hiển hiện minh trí;
Các ma được, chưa được,
Cho đến đối ma chết.
Tất cả đều biết cả,
Trí Phật Đấng chánh giác;
Cắt đứt các dòng ma,
Phá hoại khiến tiêu mất.
Khai mở cửa cam lộ,
Hiện hiện đạo chánh chơn;
Tâm luôn luôn vui vẻ,
Mau được nơi an ổn.*

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 909. MỤC NGƯỜI (2)¹²

Tôi nghe như vậy:

¹² Đại chánh, kinh 1249. M. 33. MahāGopāka.

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Người chăn bò nếu có đủ mười một điều thì sẽ không thể làm cho bò tăng trưởng, cũng không thể giúp cho bầy bò lớn được an ổn. Những gì là mười một? Không biết sắc; không biết tướng; không biết trừ trùng; không băng giữ vết thương; không un khói; không biết đường chánh; không biết chỗ nghỉ; không biết chỗ qua; không biết chỗ cho ăn; vắt hết sữa của nó; không biết lo liệu để lãnh đàn. Đó gọi là người có đủ mười một điều thì không thể bảo vệ đàn bò lớn. Cũng vậy, Tỳ-kheo, ai có đủ mười một điều thì không thể tự mình an ổn, cũng không thể an ổn cho người khác. Những gì là mười một điều? Không biết sắc; không biết tướng; không thể trừ trùng hại; không băng vết thương; không thể un khói; không biết chánh đạo; không biết chỗ nghỉ; không biết chỗ qua; không biết chỗ cho ăn; vắt hết sữa nó; đối với các Thượng toạ đa văn kỳ cựu, tu phạm hạnh lâu, được Đại sư khen ngợi; không hướng đến các bậc minh trí tu phạm hạnh, khen ngợi đức độ kia, khiến tất cả tôn kính, phụng sự, cúng dường.

“Thế nào là không biết sắc? Không biết như thật về những gì là sắc, như tất cả tứ đại kia và tứ đại tạo. Đó gọi là không biết sắc.

“Thế nào gọi là không biết tướng? Không biết như thật về sự nghiệp nào là tướng lỗi, sự nghiệp nào là tướng tuệ.¹³ Đó gọi là không biết tướng.

“Thế nào gọi là không biết trừ trùng? Đối với những gì là dục tầm đã khởi, an tâm không xa lìa, không giác sát, không trừ diệt; đối với những gì là sân nhuế tầm, hại tầm đã khởi, [343a] an tâm không xa lìa, không giác sát, không trừ diệt. Đó gọi là không biết trừ trùng.

“Thế nào là không băng vết thương? Mắt thấy sắc, theo đó chấp vào hình tướng, không giữ gìn mắt đối với tham ái thế gian, pháp ác bất thiện; tâm theo đó sinh phiền não không thể phòng hộ. Tai mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy. Đó gọi là không băng vết thương.

“Thế nào là không un khói? Như những pháp đã nghe, như những pháp đã thọ, không thể vì người phân biệt, chỉ rõ. Đó gọi là không un khói.

¹³ Ý nghĩa: hành vi nào là dấu hiệu của sai lầm, hành vi nào là dấu hiệu của trí tuệ.

“Thế nào là không biết đường chánh? Tám chi Thánh đạo và pháp luật của Thánh, đó gọi là con đường, mà không biết như thật. Đó gọi là không biết đường chánh.

“Thế nào là không biết chỗ nghỉ? Đối với những pháp đã biết của Như Lai, không đạt được hoan hỷ vui mừng thắng diệu, xuất ly lợi ích. Đó là không biết chỗ dừng.

“Thế nào là không biết chỗ qua? Không biết Kinh Luật Luận, không biết tùy thời đến thưa hỏi thỉnh thọ, không biết thế nào là thiện, thế nào là bất thiện, thế nào là có tội, thế nào là không có tội; tạo những pháp nào là pháp thù thắng không phải ác; đối với pháp ẩn mật thì không thể khai phát, đối với pháp hiển lộ thì không thể hỏi rộng, đối với cú nghĩa sâu xa đã tự biết mà không thể diễn rộng chỉ rõ. Đó gọi là không biết chỗ qua.

“Thế nào là không biết chỗ chặn thả bò? Bốn niệm xứ, và pháp luật Thánh Hiền, gọi là chỗ chặn thả bò; ừ đó không biết như thật, đó gọi là không biết chặn thả bò.

“Thế nào là vắt hết sữa? Hàng Sát-li, Bà-la-môn hay Gia chủ kia, tự tại bố thí y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm thuốc men, và những vật dụng trong đời sống; Tỳ kheo thọ dụng mà không biết hạn lượng, đó gọi là vắt hết sữa.

“Thế nào là đối các Thượng toạ, Đại đức đa văn kỳ cựu, ... *cho đến* không hướng đến chỗ các vị đồng phạm hạnh có thắng trí mà xưng dương công đức kia, để mà tôn trọng thừa sự, cúng dường, để được an vui? Tỳ-kheo không tán dương Thượng toạ kia, ... *cho đến* không đi đến chỗ các đồng phạm phạm hạnh có trí tuệ, nâng thân khẩu ý nghiệp tùy thuận thừa sự. Đó gọi là không hướng đến đối với những bậc Thượng toạ đa văn kỳ túc, ... *cho đến* không đi đến chỗ các đồng phạm phạm hạnh có trí tuệ, thừa sự khiến được an vui.

“Người chăn bò nếu có đủ mười một điều thì có thể làm cho đàn trâu kia tăng trưởng, bảo vệ bầy trâu, làm cho an vui. Những gì là mười một? Biết sắc, biết tướng, *nói rõ ràng phân biệt như trên*, ... *cho đến* có thể lãnh đàn, tùy thời [343c] liệu lý khiến được an ổn. Đó gọi là người chăn bò có đủ mười một điều thì sẽ khiến cho bầy bò tăng trưởng, và bảo vệ khiến chúng được an ổn. Cũng vậy, Tỳ-kheo có đầy đủ mười một điều thì tự mình sẽ được an lạc, và cũng có thể làm cho người khác được an lạc. Những gì là mười một? Biết sắc, biết tướng,

... cho đến nói đầy đủ phân biệt rõ ràng. Đó gọi là Tỳ-kheo có đủ mười một điều, tự mình an, và làm cho người an.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 910. NA-ĐỀ-CA¹⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở tại Câu-tát-la, du hành trong nhơn gian, đến ở trong rừng Nhất-xa-năng-già-la tại tụ lạc Nhất-xa-năng-già-la. Lúc ấy, cũng có Tôn giả Na-đề-ca¹⁵ là người cư trú ở tụ lạc Nhất-xa-năng-già-la.

Bấy giờ, Sa-môn, Bà-la-môn ở tụ lạc ấy nghe tin Sa-môn Cù-đàm đang trú tại nước Câu-tát-la du hành trong nhơn gian, đã đến ở trong rừng thôn Nhất-xa-năng-già-la. Nghe vậy, mỗi người đều sửa soạn một cái chỗ đồ ăn để bên cửa rừng, họ tự nghĩ: ‘Tôi cúng dường Thế Tôn trước! Tôi cúng dường Thiện thế trước!’ Mỗi người tự cao giọng lớn tiếng xướng lên như vậy.

Khi ấy, Thế Tôn nghe trong viên lâm có tiếng nói to lớn của nhiều người, liền hỏi Tôn giả Na-đề-ca:

“Nhân gì, duyên gì ở trong viên lâm có tiếng nói to lớn nhiều người như vậy?”

Tôn giả Na-đề-ca bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, đây là tụ lạc Nhất-xa-năng-già-la. Các Sa-môn, Bà-la-môn, Gia chủ nghe tin Thế Tôn ở trong rừng này, mỗi người sửa soạn một chỗ đồ ăn đem để trong viên lâm, và tự họ xướng lên: ‘Tôi cúng dường đức Thế Tôn trước. Tôi cúng dường đức Thiện thế trước!’ Vì vậy nên có tiếng nói to lớn của nhiều người ở trong rừng này. Cúi xin Thế Tôn hãy nhận đồ ăn của họ.”

Phật bảo Na-đề-ca:

“Chớ đem lợi dưỡng cho Ta, Ta không cầu lợi. Chớ xưng tụng Ta, Ta không cầu xưng tụng! Nay Na-đề-ca! Như Lai đã được đề dàng an lạc của xuất yếu, viễn ly, tịch diệt, đẳng chánh giác như vậy, thế thì có là gì những thứ lợi lạc như vậy như kia phát sanh, hoặc thường thức, hoặc

¹⁴ Đại chánh, kinh 1250. A. 5. 30; A. 6. 42; A. 8. Nāgita.

¹⁵ Na-đề-ca 那提迦. Pāli: Nāgita.

mong cầu. Na-đề-ca, đối với những loại này, khi Ta đạt được an lạc của xuất yếu, viễn ly, tịch diệt, đẳng chánh giác, không cầu mà đạt được, không khó mà đạt được; thế thì có là gì những thứ lợi lạc thế này hay thế kia, hoặc thường thức hoặc mong cầu!

“Này Na-đề-ca, Các người vì đối với sự an lạc tương tự như vậy, không đạt được an lạc của xuất yếu, viễn ly, tịch diệt, đẳng chánh giác; nên không được cái an lạc không mong cầu, cái an lạc không khổ nhọc. Này Na-đề-ca, chư thiên cũng không được cái an lạc không mong cầu, cái an lạc không khổ nhọc của an lạc xuất yếu, viễn ly, tịch diệt, đẳng chánh giác như vậy. Chỉ có Ta đạt được cái an lạc không mong cầu, cái an lạc không khổ nhọc của an lạc xuất yếu, viễn ly, tịch diệt, đẳng chánh giác như vậy. Thế thì có là gì những thứ đó phát sanh, hoặc thường thức, hoặc mong cầu?”

Na-đề-ca bạch Phật:

“Bạch Thế tôn, bây giờ, con muốn nêu thí dụ.”

Phật bảo Na-đề-ca:

“Nên biết đúng thời.”

Na-đề-ca bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, ví như trời mưa, dòng nước thuận theo chỗ thấp. Mỗi khi Thế Tôn đến ở trú xứ nào, thì ở đó những người Sát-lị, Bà-la-môn hay Gia chủ kia đến để kính tín phụng thờ. Vì Thế Tôn giới đức thanh tịnh, chánh kiến chơn trực. Cho nên nay con thưa như vậy. Cúi xin Thế Tôn thương xót nhận lời mời của họ.”

Phật bảo Na-đề-ca:

“Chớ đem lợi cho Ta, Ta không cầu lợi, ... *cho đến* Thế thì có là gì những thứ đó phát sanh, hoặc thường thức, hoặc mong cầu?

“Này Na-đề-ca, Ta thấy có Tỳ kheo ăn đồ ăn ngon, ăn xong thì ngứa bụng mà nằm thở ngắn thở dài. Thấy vậy, Ta tự nghĩ, như trường lão này không được cái lạc xuất yếu, viễn ly, tịch diệt, đẳng chánh giác, cái lạc không cầu mà được, cái lạc không khổ nhọc mà được.

“Lại nữa, Này Na-đề-ca, Ta thấy ở đây có hai Tỳ-kheo ăn đồ ăn ngon; ăn xong bụng căng tròn nằm ngứa thở dốc, ị ạch mà đi. Ta tự nghĩ, những trường lão kia không thể có được cái lạc không cầu, cái lạc không khổ của an lạc xuất yếu, viễn ly, tịch diệt, đẳng chánh giác.

“Này Na-đề-ca, Ta thấy nhiều Tỳ-kheo ăn đồ ăn ngon; ăn xong đi từ vườn này đến vườn kia, từ phòng này đến phòng kia, từ người này đến người kia, từ nhóm này đến nhóm kia. Thấy vậy, Ta tự nghĩ, những trưởng lão kia như vậy không thể có được cái lạc không cầu, cái lạc không khổ của an lạc xuất yếu, viễn ly, tịch diệt, đẳng chánh giác. Duy chỉ có Ta mới đạt được cái lạc không cầu, cái lạc không khổ của an lạc xuất yếu, viễn ly, tịch diệt, đẳng chánh giác như vậy.

“Lại nữa, này Na-đề-ca, một thời Ta đi trên đường thấy có Tỳ-kheo đi xa xa ở trước, lại cũng có Tỳ-kheo từ sau xa đến. Lúc ấy Ta nhàn tĩnh vô vi, cũng không có lao nhọc bởi đại tiện hay tiểu tiện. Vì sao? Vì nương vào ăn uống, đắm nhiễm nhiều vào vị nếm nên phải đại tiện, tiểu tiện; đó là sở y. Quán sát sự sinh diệt của năm thủ uẩn, mà sống yếm ly; đó là sở y. [344a] Đối với sáu xúc nhập xứ quán sát tập, diệt mà sống yếm ly; đó là sở y. Đối với cái vui của đám đông hội tụ, siêng năng tụ tập nhóm họp, mà sống yếm ly; đó là sở y. Ưa thích tụ tập viễn ly thì siêng năng nơi viễn ly, mà yếm ly đám đông tụ hội; đó là sở y. Cho nên, này Na-đề-ca, hãy học như vậy: đối với năm thủ uẩn, quán sát sinh diệt; đối với lục xúc nhập xứ, phải quán sát tập diệt, ưa thích viễn ly, tinh cần viễn ly. Hãy học như vậy.”

Phật nói kinh này xong. Tôn giả Na-đề-ca sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ rồi đi.

KINH 911. NA-ĐỀ-CA (2)¹⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở tại Câu-tát-la, du hành trong nhơn gian đến ở trong rừng Nhất-xa-năng-già-la tại tụ lạc Nhất-xa-năng-già-la.

Nói đầy đủ như trên, ... cho đến Thế thì có là gì những thứ đó phát sanh, hoặc thương thức, hoặc mong cầu?”

Phật bảo Na-đề-ca:

“Ta thấy tại tinh xá ở ngoài biên tụ lạc, có Tỳ-kheo toạ thiền. Thấy vậy, Ta tự nghĩ: Có thể sẽ có người trong tụ lạc, hoặc Sa-di, qua lại nói năng ồn ào, làm loạn, gây chướng ngại thiền tư, khiến cho Tôn giả này tỉnh giác chánh thọ, làm trở ngại cho ước muốn đến đến chỗ chưa

¹⁶ Đại chánh, kinh 1252. A. 5. 30; 6. 42; 8. 86. Nāgita.

đến, đạt chỗ chưa đạt, chứng chỗ chưa chứng. Nay Na-đề-ca, Ta không hài lòng Tỳ-kheo ấy ở tinh xá cạnh tụ lạc.

“Nay Na-đề-ca, Ta thấy có Tỳ-kheo sống trong rừng vắng nhàn tĩnh,¹⁷ nằm ngửa mà thờ. Thấy vậy, Ta tự nghĩ: Có thể Tỳ-kheo này sau khi ngủ nghỉ tỉnh dậy, sẽ tác ý tưởng về rừng vắng. Nay Na-đề-ca, Ta cũng không hài lòng với Tỳ-kheo sống trong rừng vắng như vậy. Nay Na-đề-ca, Ta lại thấy Tỳ-kheo ngồi ngủ gật ở trong rừng vắng. Thấy vậy, Ta tự nghĩ: Có thể Tỳ-kheo này sau khi thức dậy, không có định, rồi sẽ đắc định; định tâm thì được giải thoát. Cho nên nay Na-đề-ca! Ta không hài lòng Tỳ-kheo sống trong rừng vắng như vậy.

“Nay Na-đề-ca, Ta lại thấy có Tỳ-kheo sống trong rừng vắng, ngồi ngay thẳng nhập chánh thọ. Thấy vậy, Ta tự nghĩ: Có thể Tỳ-kheo này nếu không giải thoát thì sẽ mau được giải thoát; sau khi giải thoát sẽ khiến tự phòng hộ, không để thối thất. Nay Na-đề-ca, Ta hài lòng với Tỳ-kheo sống trong rừng vắng như vậy.

“Nay Na-đề-ca, Ta lại thấy có Tỳ-kheo sống trong rừng vắng; nhưng sau đó lìa xa rừng vắng, bỏ hết giường, ngoạ cụ, lại trở về nhận lấy giường, ngoạ cụ nơi tụ lạc. Nay Na-đề-ca, Ta cũng không hài lòng với Tỳ-kheo trở lại vào thôn xóm như vậy.

“Lại nữa, nay Na-đề-ca, Ta thấy Tỳ-kheo ở tinh xá nơi thôn xóm, đức nhiều nổi tiếng, được các thứ tài lợi, [344c] y phục, ẩm thực, thuốc men, đủ thứ. Sau đó, vị ấy bỏ hết lợi dưỡng, làng xóm, sàng tọa, đến an nghỉ trong rừng vắng. Nay Na-đề-ca, Ta rất hài lòng với Tỳ-kheo đã bỏ hết lợi dưỡng, giường nằm, ngoạ cụ, làng xóm như vậy, mà sống trong rừng vắng. Nay Na-đề-ca, Tỳ-kheo hãy học như vậy.”

Phật nói kinh này xong. Na-đề-ca nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ rồi đi.

KINH 912. LI-XA TỬ¹⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở bên ao Di-hầu, trong giảng đường Trùng Các, tại nước Tì-xá-li. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

¹⁷ Không nhàn xứ, tức a-lan-nhã, trong rừng vắng.

¹⁸ Đại chánh, kinh 1252. S. 20. 8.Kaliṅga.

“Những người Li-xa thường dùng cây gồi đầu, gồi tay chân, làm ra vẻ chậm chạp, nghi ngại, sợ sệt, không để cho A-xà-thế vua nước Ma-kiệt-đà, con bà Vi-đề-hy, được cơ hội thuận tiện, cho nên thường răn nhắc chính mình, không sống buông lung. Do họ sống không buông lung, nên vua nước Ma-kiệt-đề, A-xà-thế con bà Vi-đề-hy, không thể tìm kiếm được cơ hội thuận tiện. Nhưng sau đó không lâu, những người Li-xa vui chơi thoả thích không ngại việc gì, tay chân trở nên mềm mại, bông thêu làm gồi, yên thân nằm ngủ mặt trời mọc vẫn chưa dậy, buông lung mà sống. Vì họ sống buông lung nên vua nước Ma-kiệt-đề A-xà-thế, con bà Vi-đề-hy mới tìm được cơ hội thuận tiện.

“Cũng vậy, các Tỳ-kheo, phải tinh cần, phương tiện, kiên cố chịu đựng, không bỏ pháp thiện; cho dù da bọc lấy xương, cũng phải tinh cần phương tiện, không bỏ pháp thiện, cho đến khi chưa đạt những điều đáng được, thì cũng không lia bỏ tinh tấn, thường nhiếp tâm không sống buông lung. Do không sống buông lung nên Ma vương Ba-tuần không tìm được cơ hội. Trong đời vị lai có các Tỳ-kheo vui chơi thoả thích không ngại việc gì, tay chân mềm mại, bông thêu làm gồi, yên thân nằm ngủ mặt trời mọc vẫn chưa dậy, buông lung mà sống. Vì sống mà buông lung nên Ác ma Ba-tuần tìm được cơ hội. Cho nên, Tỳ-kheo phải học như vậy, tinh cần phương tiện, cho đến khi nào chưa đạt những điều chưa được thì không từ bỏ phương tiện.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 913. TAM BÁCH PHỦ.¹⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thí như có người, buổi sáng đem ba trăm chảo thức ăn bố thí cho chúng sanh; trưa và chiều cũng lại làm như vậy. Người thứ hai chỉ trong khoảnh khắc tu tập lòng từ đối tất cả chúng sanh, cho đến như khoảnh khắc vắt sữa bò. Nếu so sanh, công đức bố thí của người trước **[344c]** không bì kịp phần trăm, phần nghìn, phần vạn ức, hay dùng toán số thí dụ cũng không thể so sánh được. Cho nên các Tỳ-kheo, hãy

¹⁹ Đại chánh, kinh 1253. ba trăm chảo thức ăn. S. 20. 4. Ukkā.

khởi học như vậy: ‘Trong thời gian khoảnh khắc tu tập lòng từ đối tất cả chúng sanh cho đến như khoảnh khắc vắt sữa bò.’”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 914. ĐA NỮ NHÂN²⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thí như gia đình con gái nhiều, con trai ít, nên biết gia đình này dễ bị cướp đoạt bởi giặc trộm. Cũng vậy, người thiện nam, thiện nữ không thể thường tu tập lòng từ đối tất cả chúng sanh, cho đến như khoảnh khắc vắt sữa bò, nên biết người này sẽ dễ bị lừa dối bởi quỷ thần ác. Thí như gia đình có con trai nhiều, con gái ít; không lúc nào có thể bị cướp đoạt bởi giặc trộm. Cũng vậy, người thiện nam thường tu tập lòng từ đối tất cả chúng sanh, cho đến như khoảnh khắc vắt sữa bò, thì sẽ không bị lừa dối bởi các quỷ thần ác. Cho nên các Tỳ-kheo, hãy luôn luôn tu tập lòng từ cho đến như trong khoảnh khắc vắt sữa bò.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 915. CHỦY THỦ²¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thí như có người có con dao chủy thủ; lưỡi nó rất rộng, rất bén. Có người khoẻ mạnh nói rằng: ‘Tôi có thể dùng nắm tay đâm con dao của anh, làm cho nó gãy vụn.’ Nay các Tỳ-kheo, người khoẻ mạnh kia có thể dùng tay, hay nắm tay đâm co dao kia, làm cho nó gãy vụn chăng?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

²⁰ Đại chánh, kinh 1254. Con gái nhiều. S. 20. 3. Kula.

²¹ Đại chánh, kinh 1255. S. 20. 5. Satti.

“Bạch Thế Tôn, không thể được. Vì con dao chủy thủ kia có lưỡi rất bén. Người đàn ông kia không thể dùng tay, hay nắm tay đánh gãy vụn, mà chính tự tay mình bị khốn.

“Cũng vậy, Tỳ-kheo, Sa-môn, Bà-la-môn tu tập lòng từ đối tất cả chúng sanh cho đến như trong khoảnh khắc vắt sữa bò, nếu có quỷ thần ác muốn đến dò tìm chỗ hở, thì không thể tìm được cơ hội thuận tiện, mà tự chúng làm thương tổn lại chính mình. Cho nên các Tỳ-kheo, hãy học như vậy, thường thường tu tập lòng từ cho đến như khoảnh khắc vắt sữa bò.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 916. TRẢO THỔ²²

[345a] Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bảy giờ, Thế Tôn dùng móng tay lấy đất, rồi hỏi các Tỳ-kheo:

“Theo ý các người thế nào, đất trên móng tay Ta nhiều, hay là đất đại địa nhiều?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, đất trên móng tay rất ít, ít lắm! Còn đất đại địa này thì vô lượng, vô số, không thể so sánh được!”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Cũng vậy, chúng sanh có thể thường tu tập lòng từ đối tất cả chúng sanh, cho đến như trong khoảnh khắc khảy móng tay; chúng sanh đó ít như đất trên móng tay. Còn những chúng sanh thường không chịu tu tập lòng từ đối tất cả chúng sanh, cho đến như trong khoảnh khắc khảy móng tay, số chúng sanh đó nhiều như đất đại địa. Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy luôn luôn tu tập lòng từ đối tất cả chúng sanh.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

²² Đại chánh, kinh 1256. S. 20. 2. Nakkhasikha.

KINH 917. CUNG THỦ²³

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở bên ao Di-hầu, trong giảng đường Trùng Các, tại nước Ti-xá-li. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Tất cả hành vô thường, không thường hằng, không an ổn, là pháp biến dịch. Nay các Tỳ-kheo, hãy thường xuyên quán sát tất cả các hành, tu tập yếm ly, không ham thích, để giải thoát.”

Bấy giờ, có Tỳ-kheo rời chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, đánh lễ Phật, quỳ gối phải sát đất, chấp tay bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, mạng sống thay đổi, huỷ diệt mau chậm như thế nào?”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Nói thì Ta có thể, nhưng người muốn hiểu thì khó.”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Thế Tôn có thể nói thí dụ được chăng?”

Phật bảo:

“Có thể được.”

Phật lại bảo các Tỳ-kheo:

“Có bốn người, tay cầm cung cứng, cùng lúc bắn ra cả bốn phương. Có một người theo kịp mũi tên, chụp lấy bốn mũi tên khi chúng chưa rơi. Thế nào, Tỳ-kheo, người như vậy là nhanh chóng phải không?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, nhanh chóng.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Người chụp những mũi tên này tuy có nhanh chóng, nhưng có Địa thần Thiên tử còn nhanh chóng hơn người đó gấp bội. Nhưng còn Thiên thần Hư không lại nhanh hơn Địa thần gấp bội. Tứ thiên vương lại nhanh hơn Thiên thần Hư không gấp bội. Có Nhật nguyệt Thiên tử lại nhanh hơn Tứ thiên vương gấp bội. Có Đạo Nhật nguyệt thần lại nhanh hơn Nhật nguyệt Thiên tử gấp bội. Nay các Tỳ-kheo, sự thay đổi biến hoại của mạng hành còn nhanh hơn Đạo Nhật nguyệt thần

²³ Đại chánh, kinh 1257. S. 2o. 6. Dhanuggaha.

gấp bội. Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy tinh tấn phương tiện quán sát mạng hành là vô thường mau chóng như vậy.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 918. ²⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Lộc uyển, nơi ở của các Tiên nhơn, tại nước Ba-la-nại. Bấy giờ, Thế tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thời quá khứ có một người tên là Đà-xá-la-ha,²⁵ ông ta có một cái trống tên là A-năng-ha,²⁶ có âm thanh sâu xa, vi diệu, vang bốn mươi dặm. Trống kia đã lâu nên chỗ nào cũng bị hư. Bấy giờ thợ bịt trống cắt lột da bò để niền bịt lại hết. Tuy được niền bịt lại, nhưng tiếng trống không còn âm thanh sâu xa, vi diệu nữa. Sau đó một thời gian trống lại hư mục, da bị rớt xuống hết, chỉ còn lại là đồng gỗ. Cũng vậy, Tỳ-kheo tu thân, tu giới, tu tâm tu tuệ. Do tu thân, tu giới, tu tâm tu tuệ nên đối với những kinh điển chiếu sáng sâu xa mà Như Lai đã nói là khó nhận khó hiểu, là không thể suy lường quyết định nghĩa vi diệu bí mật, là chỗ biết của bậc minh trí, vị ấy sẽ nhận hiểu nhanh chóng và đầy đủ hết. Nghe những lời nói ấy, vị ấy hoan hỷ, ham thích tu tập để được lợi ích, xuất ly. Tỳ-kheo đời vị lai không tu thân, không tu giới, không tu tâm, không tu tuệ, khi nghe kinh điển sáng chiếu sâu xa mà đức Như Lai đã nói, vốn là tướng không, tùy thuận pháp duyên khởi, thì họ không thọ tri liên, không thích đến để nhận lãnh; nghe những lời nói ấy thì không hoan hỷ, không ham thích tu tập. Nhưng đối với những sách dị luận tạp nham thế gian, văn từ bóng bẩy, ngôn cú thể tục, thì họ chuyên tâm lãnh thọ; nghe những lời nói ấy hoan hỷ, ham thích tập theo, nên không được lợi ích xuất ly. Ngược lại, đối với pháp yếu vốn là tướng không, tùy thuận duyên khởi, sáng chiếu sâu xa do Như Lai nói kia, đối với chúng thì họ coi như đã mất, giống như trống hư mục kia, chỉ còn lại đồng gỗ. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy siêng năng phương tiện tu thân, tu giới, tu tâm, tu tuệ; đối với pháp yếu không tướng sáng chiếu sâu xa, tùy thuận duyên khởi mà Như Lai

²⁴ Đại chánh, kinh 1258. S. 20. 7. Āṇi.

²⁵ Đà-xá-la-ha 陀舍羅訶. Pāli: Dasāraha

²⁶ A-năng-ha 阿能訶. Pāli: ānaka.

nói, sẽ nhận hiểu mau và đầy đủ, nghe những lời nói ấy thì hoan hỷ ham thích tu tập được lợi ích xuất ly.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 919. THIẾT HÒAN²⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thí như hòn sắt ném vào trong lửa, nó trở thành cùng một màu với lửa, rồi được gói trong bông kiếp-bối.²⁸ Thế nào, Tỳ-kheo, nó cháy có nhanh không?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Người ngu si sống nương vào thôn xóm, sáng sớm khoác y ôm bát vào thôn xóm khát thực, không khéo hộ thân, không giữ căn môn, tâm không cột niệm; [345c] khi thấy người thiếu nữ, mà tư duy bất chánh, chấp vào tướng sắc kia, khởi tâm tham dục; dục sẽ thiêu đốt tâm mình, dục sẽ thiêu đốt thân mình; khi thân tâm bị thiêu đốt, người ấy xả giới, thối thất. Người ngu này sẽ lâu dài chịu những điều vô lợi ích, phi nghĩa. Cho nên, này Tỳ-kheo, hãy học tập như vậy: Khéo giữ thân mình, giữ gìn các căn môn, cột niệm khi vào thôn khát thực. Hãy học như vậy.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 920. MIÊU LY²⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

²⁷ Đại chánh, kinh 1259.

²⁸ Kiếp-bối: bông gòn.

²⁹ Đại chánh, kinh 1269. S. 20. 10 Bīlāra.

“Thời quá khứ, có một con mèo đói khát, gầy yếu, đang ở trong hang rình tìm chuột. Nếu chuột ra thì nó sẽ bắt lấy mà ăn. Một hôm, chuột ra khỏi hang rong chơi, chú mèo kia liền vội chộp và nuốt nhanh. Thân chuột vì nhỏ nên vào bụng vẫn còn sống. Khi vào bụng rồi, nó ăn nội tạng mèo. Bị ăn nội tạng, mèo mê cuồng chạy lung tung khắp nơi, từ nhà trống đến gò mả, không biết đâu mà dừng lại, cho đến chết. Cũng vậy, Tỳ-kheo, có người ngu nường vào làng xóm mà ở, sáng sớm khoác y ôm bát vào tụ lạc khát thực mà không khéo hộ thân, không giữ các căn, tâm không cột niệm, thấy các nữ nhân, khởi tư duy bất chánh, chấp vào tướng sắc mà phát khởi lòng tham dục. Khi tham dục phát khởi, lửa dục cháy bùng, thiêu đốt thân tâm nó. thân bị thiêu đốt, tâm dong ruổi cuồng phóng, không thích ở tinh xá, không thích nơi rừng vắng tịch tịch, không còn ưa ngồi dưới gốc cây; bị tâm ác bất thiện ăn vào pháp bên trong mà xả giới, thối thất. Hạng người ngu này thường phải chịu khổ đau lâu dài, không được lợi lạc. Cho nên, Tỳ-kheo, hãy học như vậy: Khéo hộ thân mình, giữ gìn các căn môn, buộc tâm chánh niệm mà vào thôn khát thực. Hãy phải học như vậy.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 921. MỘC XỬ³⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thí như cái chày gỗ thường dùng luôn không nghỉ, lâu ngày mòn dần. Cũng vậy, Tỳ-kheo, Sa-môn, Bà-la-môn nào từ trước đến nay không đóng bớt các căn, ăn uống không biết chừng mực, đầu đêm cuối đêm không tinh cần tinh giác, tu tập thiện pháp; nên biết hạng người này suốt ngày bị tổn giảm, thiện pháp không tăng, sẽ như cái chày gỗ kia.

“Này các Tỳ-kheo, thí như [364a] ưu-bát-la, bát-đàm-ma, câu-mâu-đâu, phân-đà-lợi mọc ở trong nước, lớn lên trong nước, theo nước tăng trưởng. Cũng vậy, Sa-môn, Bà-la-môn nào khéo đóng bớt các căn môn, ăn uống biết chừng mực; đầu đêm cuối đêm tinh cần tinh giác, thì công đức thiện pháp ngày đêm tăng trưởng. Hãy học như vậy.”

³⁰ Đại chánh, kinh 1261.

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 922. DÃ HỒ³¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Trúc, Ca-lan-đà, thành Vương Xá. Bảy giờ, vào cuối đêm, Thế Tôn nghe tiếng chồn hoang. Qua sáng hôm sau, Thế Tôn trải chỗ ngồi, ngồi trước đại chúng, hỏi các Tỳ-kheo:

“Lúc cuối đêm, các người có nghe tiếng chồn hoang không?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, có nghe.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Có một người ngu si tự nghĩ như vậy: ‘Nay ta thọ thân được hình tướng như vậy, nói tiếng nói như vậy.’ Người ngu si này muốn tìm đến chỗ thọ sinh tương tự như vậy, có gì mà không được! Cho nên, Tỳ-kheo, các người phải tinh cần phương tiện, mong cầu đoạn tận các hữu, đừng tạo phương tiện cho các hữu tăng trưởng. Hãy học như vậy.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 923. PHÂN THÍ³²

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Trúc, Ca-lan-đà, thành Vương Xá. Bảy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ta không tán thán thọ hữu thân³³ dù chỉ một chút ít, hưởng nữa là thọ nhiều. Vì sao? Thọ hữu là khổ. Thí như phân tiêu dù ít cũng đã hôi thối, hưởng chi là nhiều. Cũng vậy các hữu dù ít cho đến sát-na Ta cũng không tán thán, hưởng chi lại nhiều. Vì sao? Hữu là khổ. Cho

³¹ Đại chánh, kinh 1262. S. 20. 11. Siṅgāla.

³² Đại chánh, kinh 1263. S. 17. 5. Piḷhika.

³³ Hữu thân 有身; có thân? Có thể có sự nhầm lẫn trong bản Hán. Cf. Pāli, S. 17. 5: *dāruṇo lābhasakkārasiloko kaṭuko*, lợi đặc, tôn kính, danh dự, thật là đáng sợ, kịch liệt. Bản Hán đọc là *tanu*: thân thể, thay vì *dāruṇa*: dễ sợ?

nên, Tỳ-kheo, hãy học như vậy: Hãy đoạn trừ các hữu, chớ cho hữu tăng trưởng. Hãy học như vậy.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 924. DÃ HỒ³⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Trúc, Ca-lan-đà, thành Vương Xá. Bấy giờ, sau nửa đêm Thế Tôn nghe tiếng chồn hoang. Qua sáng hôm sau, Thế Tôn trải chỗ ngồi, ngồi trước đại chúng, hỏi các Tỳ-kheo:

“Lúc cuối đêm, các người có nghe tiếng chồn hoang không?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, có nghe.”

[346b] Phật bảo Tỳ-kheo:

“Con chồn hoang kia bị khốn vì ghẻ lở nên nó phải kêu. Nếu có người nào vì con chồn hoang kia mà chữa trị ghẻ lở cho nó, chồn hoang ấy sẽ biết ơn và báo ơn. Nay có một kẻ ngu si không có biết nhớ ơn và báo ơn. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy học như vậy: ‘Biết ơn và báo ơn. Một chút ơn nhỏ còn không quên báo đáp, huống chi là ơn lớn.’”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.³⁵

³⁴ Đại chánh, kinh 1264. S. 17. 8. Sīṅgāla.

³⁵ Bản Hán, đến đây hết quyển 47, đưa hai kinh cuối: 1265, 1266, vào Tương ưng bịnh (Tụng VI. Tạp nhân. 4. Tương ưng bịnh).

28. TƯƠNG ƯNG BỆNH¹

KINH 925. BẠT-CA-LÊ²

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Trúc, Ca-lan-đà, thành Vương Xá. Bảy giờ, có Tôn giả Bạt-ca-lê³ ở tại tinh xá Kim-sư⁴ trong thành Vương Xá, bị khốn khổ vì bệnh, được Tôn giả Phú-lân-ni chăm sóc cúng dường. Lúc đó Bạt-ca-lê nói với Phú-lân-ni:

“Thầy có thể đến chỗ Thế Tôn, vì tôi cúi đầu lễ sát chân Thế Tôn, thưa hỏi Thế Tôn có ít bệnh, ít ão, đi ở có nhẹ nhàng, thuận lợi, trú an lạc chẳng? Và bạch với Thế Tôn: ‘Bạt-lê-ca ở tinh xá Kim-sư bị khốn nặng vì bệnh ngặt, đang nằm liệt giường, muốn gặp Thế Tôn nhưng khốn khổ vì bệnh, khí lực sút kém, không tự đến được. Cúi xin Thế Tôn vì lòng thương xót mà đến tinh xá Kim-sư này.’”

Phú-lân-ni nhận lời Bạt-ca-lê, đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ sát chân, rồi đứng qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, Tôn giả Bạt-ca-lê cúi đầu đánh lễ sát chân Thế Tôn, thưa hỏi Thế Tôn có ít bệnh, ít ão, đi ở có nhẹ nhàng, thuận lợi, trú an lạc chẳng?”

Thế Tôn đáp:

“Mong cho được an lạc.”

Tôn giả Phú-lân-ni lại thưa:

“Bạch Thế Tôn, Tôn giả Bạt-ca-lê ở tinh xá Kim-sư đau nặng nằm liệt giường, muốn gặp Thế Tôn nhưng sức yếu không thể tự đi đến chỗ Thế Tôn được. Lành thay! Cúi xin Thế Tôn thương xót, thỉnh Thế Tôn đến tinh xá Kim-sư.”

¹ Tương ưng bệnh, gồm các kinh Đại chánh, kinh 1023-1038 (nửa đầu quyển 37) và kinh 1265-1266 (cuối quyển 47). *Quốc dịch*, quyển 31, “Tụng vi. Tám chúng, 3. Tương ưng Bệnh. Ấn Thuận, “Tụng vii. Như lai, 50. Tương ưng Bệnh”

² Đại chánh, kinh 1265. S. 22. 87. Vakkali.

³ Bạt-ca-lê 跋迦梨. Pāli: Vakkali.

⁴ Kim sư tinh xá 金師精舍. Nên hiểu là trong nhà một người thợ kim hoàn. Vì hình như không có tinh xá nào như vậy tại Vương Xá. Cf. Pāli ibid.: *kumbhakāraṇivase*, trong nhà một người thợ gốm.

Thế Tôn im lặng nhận lời. Tôn giả Phú-lân-ni biết Thế Tôn đã nhận lời, liền đánh lễ lui ra.

Vào buổi chiều sau từ thiền tịnh giác, Thế Tôn đến tinh xá Kim-sur, vào phòng Tôn giả Bạt-ca-lê. Tôn giả Bạt-ca-lê từ xa trông thấy Phật liền muốn gượng dậy.

Phật bảo Bạt-ca-lê:

“Thôi, chớ có ngồi dậy.”

Thế Tôn ngồi xuống giường khác, nói với Bạt-ca-lê:

“Tâm ngươi có thể chịu nổi cái khổ của bệnh này không? Thân ngươi bị tật bệnh tăng hay giảm?”

Bạt-ca-lê bạch Phật:

... *Nói đầy đủ như kinh Tỳ-kheo Xoa-ma ở trước.*⁵

“Bạch Thế Tôn, thân con đau khổ quá chịu không nổi, muốn tìm dao tự sát, không thích sống khổ.”

Phật nói với **[364c]** Bạt-ca-lê.⁶

“Nay Ta hỏi ngươi, tùy ý mà trả lời Ta. Thế nào Bạt-ca-lê, sắc là thường chẳng, hay là phi thường chẳng?”

Bạt-ca-lê đáp:

“Bạch Thế Tôn, vô thường.

Lại hỏi:

“Vô thường là khổ chẳng?”

Đáp:

“Bạch Thế Tôn, là khổ.

Lại hỏi:

“Này Bạt-ca-lê, nếu vô thường, là khổ, thì đó là pháp biến dịch, đối với chúng há có đáng ham muốn chẳng?”

⁵ Xem kinh 105 (Đại chánh, 103).

⁶ Bản Hán nhảy sót một đoạn. Cf. Pāli, *ibid.*: Phật nói với Vakkali: *alam, vakkali, kim te iminā pūtikāyena diṭṭhena? yo kho, vakkali, dhammaṃ passati so maṃ passati; yo maṃ passati so dhammaṃ passati*, “Thôi đủ rồi, này Vakkali, ích gì cho người mà thấy cái thân hôi thối này? Ai thấy pháp, người đó thấy Ta. Ai thấy Ta, người đó thấy pháp.”

Bạt-ca-lê bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, không đáng.”

Thọ, tướng, hành, thức cũng nói như vậy.

Phật bảo Bạt-ca-lê:

“Nếu đối với thân kia mà không có tham, không có dục, thì mạng chung an lành, đời sau⁷ cũng an lành.”

Bấy giờ Thế Tôn vì Bạt-ca-lê nói nhiều pháp. Sau khi khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ xong, Thế Tôn rời chỗ ngồi đứng dậy ra về.

Ngay đêm hôm ấy, Tôn giả bạt-ca-lê tư duy về giải thoát, muốn cầm dao tự sát, không thích sống lâu nữa. Bấy giờ vào cuối đêm, có hai vị trời thân hình rất đoan chánh, đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ sát chân, đứng lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, Tôn giả Bạt-ca-lê bị khốn khổ vì bệnh, tư duy về giải thoát, muốn cầm dao tự sát, không thích sống lâu.”

Vị trời thứ hai thưa:

“Tôn giả Bạt-ca-lê kia sẽ được giải thoát với thiện giải thoát⁸.”

Thưa những lời này xong cả hai cúi đầu lễ sát chân Phật, rồi biến mất.

Sau khi đêm đã qua, vào lúc sáng sớm, Thế Tôn trải toà ngồi kiết-già trước đại chúng, nói với các Tỳ-kheo:

“Đêm qua có hai Thiên tử hình thể đoan chánh, đến chỗ Ta, cúi đầu đánh lễ, rồi đứng qua một bên thưa: ‘Tôn giả Bạt-ca-lê ở tinh xá Kim-sur bị khốn khổ vì tật, nên tư duy về giải thoát, muốn cầm dao tự sát, không thích sống lâu.’ Vị Trời thứ hai thưa: ‘Tôn giả bạt-ca-lê sẽ được giải thoát với thiện giải thoát.’ Thưa những lời này xong, cúi đầu làm lễ rồi biến mất.”

Bấy giờ Thế Tôn bảo một Tỳ-kheo:

⁷ Nguyên Hán: hậu thế. Hán dịch có thể nhầm. sự đã đoạn tận tham dục ở đây chỉ cho A-lahán, không còn tái sinh đời sau nữa. Xem thêm đoạn kết của Bạt-ca-lê sẽ rõ.

⁸ Thiện giải thoát; Pāli: *svivimutto*. Sở giải, vị ấy sẽ giải thoát sau khi đã giải thoát với sự giải thoát của quả vị A-la-hán.

“Người hãy đến chỗ Tỳ-kheo Bạt-ca-lê nói với Bạt-ca-lê rằng, đêm qua có hai vị trời đến chỗ Ta cúi đầu đánh lễ, rồi đứng lui qua một bên thưa Ta rằng: ‘Tôn giả Bạt-ca-lê bị khốn nặng vì bệnh tật, nên tư duy đến sự giải thoát, muốn cầm dao tự sát, không thích sống lâu nữa.’ Vị Trời thứ hai thưa: ‘Tôn giả bạt-ca-lê sẽ được giải thoát với thiện giải thoát.’ Thưa những lời này xong cả hai liền biến mất. Đó là những lời của chư Thiên, Như Lai cũng nói lại với người là, người đối với thân này mà không khởi tham dục, thì mạng chung an lành, đời sau cũng sẽ an lành.”

Bấy giờ, Tỳ-kheo kia vâng lời Thế Tôn, rồi đến phòng Bạt-ca-lê, tinh xá Kim-sư. **[347a]** Lúc ấy Bạt-ca-lê nói với người nuôi bệnh rằng:

“Các vị hãy mang giường dây tới và khiêng giùm thân tôi ra đặt ngoài công tinh xá. Tôi muốn cầm dao tự sát, không thích sống lâu.”

Lúc đó có nhiều Tỳ-kheo ra khỏi phòng đang đi kinh hành nơi đất trống. Vị Tỳ-kheo vâng lệnh Phật đến chỗ các Tỳ-kheo, hỏi các Tỳ-kheo rằng:

“Thưa chư Tôn giả, Tỳ-kheo Bạt-ca-lê ở chỗ nào?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Tỳ-kheo Bạt-ca-lê bảo những người nuôi bệnh khiêng giường dây đưa ra ngoài tinh xá. Thầy ấy muốn cầm đao tự sát, không thích sống lâu.”

Vị Tỳ-kheo được Phật sai, liền đến chỗ Bạt-ca-lê. Tỳ-kheo Bạt-ca-lê từ xa trông thấy Tỳ-kheo được sai đến, nói với những người nuôi bệnh:

“Hạ giường dây xuống đất. Tỳ-kheo kia đang vội vã đến đây. Hình như được Thế Tôn sai đến.”

Những người nuôi bệnh liền hạ giường dây đặt xuống đất. Lúc ấy, Tỳ-kheo được sai kia nói với Bạt-ca-lê:

“Thế Tôn có lời dạy, và các vị Thiên tử cũng có lời nói.”

Bấy giờ, Bạt-ca-lê nói với những người nuôi bệnh:

“Đỡ tôi xuống đất. Tôi không thể ở trên giường mà nhận lãnh lời dạy Thế Tôn, và những lời nói của chư Thiên.”

Những người nuôi bệnh liền đỡ Bạt-ca-lê xuống đất. Khi ấy, Bạt-ca-lê nói:

“Thầy có thể truyền lại lời dạy của Thế Tôn và chư Thiên”

Tỳ-kheo sứ giả nói:

“Bạt-ca-lê, bảo thầy: ‘Đêm qua có hai vị Thiên tử đến nói với Ta là Tỳ-kheo Bạt-ca-lê bị khổ nặng vì bệnh tật nên tư duy đến giải thoát, muốn cầm dao tự sát, không muốn sống lâu.’ Vị trời thứ hai thì thưa: ‘Tỳ-kheo Bạt-ca-lê sẽ được giải thoát với thiện giải thoát.’ Nói những lời này xong cả hai liền biến mất. Thế Tôn cũng ký thuyết, thầy sẽ mạng chung an lành, đời sau⁹ cũng an lành.”

Bạt-ca-lê thưa:

“Tôn giả, biết rõ điều cần biết, thấy rõ điều cần thấy. Hai vị thiên kia cũng biết rõ điều cần biết, thấy rõ điều cần thấy. Nhưng hôm nay, tôi đối với sắc thân, nó là vô thường, quyết định không còn nghi ngờ; vô thường là khổ, quyết định không còn nghi ngờ; vô thường, khổ là pháp biến dịch, đối với chúng không còn tham dục, đã quyết định không còn nghi ngờ. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Nhưng hôm nay tôi bị khổ đau vì bệnh tật nên vẫn còn tùy thuộc vào thân, muốm dùng dao tự sát, không thích sống lâu.” Nói rồi liền cầm dao tự sát.¹⁰

Vị Tỳ-kheo sứ giả cúng dường thi thể Bạt-ca-lê xong, trở về chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân, ngồi xuống một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con đã đem lời dạy của Thế Tôn truyền lại cho Tôn giả Bạt-ca-lê. Tôn giả nói rằng: ‘ biết rõ điều cần biết, [347b] thấy rõ điều cần thấy. Hai vị thiên kia cũng biết rõ điều cần biết, thấy rõ điều cần thấy’ ... nói đầy đủ cho đến cầm dao tự sát.”

⁹ Hậu thế. Hán dịch có lẽ nhầm. Ở đây Phật thọ ký Bạt-ca-lê sẽ đắc quả A-la-hán trước khi chết, nên không có sự tái sinh đời sau. Pāli, *ibid.*, Tỳ kheo truyền lại lời Phật: *mā bhāyi, vakkali, mā bhāyi, vakkali, apāpakaṃ te maraṇaṃ bhavissati, apāpikā kālaṅkiriya ti*, “Chớ sợ Vakkali. Người sẽ chết an lành. Sẽ mạng chung an lành.”

¹⁰ Cf. *Câu-xá 25* (tr. 130b11): Kiền-đề-ca 喬底迦, thuộc trường hợp A-la-hán thời ái giải thoát, do độn căn nên nhiều lần thối thất, bèn cầm dao tự sát. Ngay trước khi chết, đắc quả A-la-hán, tức thì nhập niết-bàn. Xem thêm, *Tỳ-bà-sa 62* (tr. 320b9). Xem thêm kinh Đại chánh 1091.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo cùng Ngài đi đến tinh xá Kim-sur, chỗ thi thể của Bạt-ca-lê; thấy thi thể Bạt-ca-lê có đám màu chập chờn.¹¹ Thấy thế rồi, Thế Tôn liền bảo các Tỳ-kheo:

“Các người có thấy khoảng đất quanh thi thể Bạt-ca-lê có đám màu chập chờn không?”

Các tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, đã thấy.”

Phật lại bảo các Tỳ-kheo:

“Các người có thấy một bóng mờ đi vòng quanh thi thể Bạt-ca-lê không?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, đã thấy.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Đó là hình ảnh của Ác ma đi quanh để tìm thức thân của thiện nam Bạt-ca-lê sẽ sinh về chỗ nào?”

Phật lại bảo các Tỳ-kheo:

“Thiện nam tử Bạt-ca-lê sau khi dùng dao tọt sát, thức thân không trụ vào đâu cả.”¹²

Bấy giờ, Thế Tôn nói thọ ký đệ nhất cho Bạt-ca-lê.¹³

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 926. XIÊN-ĐÀ¹⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Trúc, Ca-lan-đà, thành Vương Xá. Bấy giờ, có Tôn giả Xiển-đà¹⁵ ở trong rừng Hảo y Am-la, tại tụ lạc Na-la, bị nguy khốn vì tật bệnh. Khi ấy Tôn giả Xá-lợi-phất nghe Tôn

¹¹ Hán: viễn ly chi sắc 遠離之色, một đám màu xa vờl. Pāli: *dhūmāyitta*, đám khói mờ.

¹² Pāli: *appatitthitena viññāṇena vakkali kulaputto parinibbuto*, Vakkali đã nhập niết bàn với thức vô trụ.

¹³ Xác nhận Bạt-ca-lê đắc quả A-la-hán ngay trước khi chết.

¹⁴ Đại chánh, kinh 1266. S. 35. 87. Channa.

¹⁵ Xiển-đà 闍陀.

giả Xiển-đà ở trong rừng Hảo y Am-la, tại tụ lạc Na-la, đang bị nguy khốn vì bệnh tật, bèn nói với Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la:

“Tôn giả biết không? Tỳ-kheo Xiển-đà ở trong rừng Hảo y Am-la, tại tụ lạc Na-la, đang bị nguy khốn vì bệnh tật. Chúng ta hãy cùng đến đó thăm.

Ma-ha câu-hy-la im lặng nhận lời. Rồi Tôn giả Xá-lợi-phất cùng Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la đi đến phòng Tôn giả Xiển-đà, trong rừng Hảo y Am-la tại tụ lạc Na-la. Tôn giả Xiển-đà từ xa trông thấy Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la, muốn ngồi dậy khỏi giường.”

Tôn giả Xá-lợi-phất bảo Tôn giả Xiển-đà:

“Thầy chớ ngồi dậy.”

Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la ngồi xuống nơi giường khác, hỏi Tôn giả Xiển-đà:

“Thế nào Tôn giả Xiển-đà? Có kham nổi sự đau đớn không? Bệnh tăng hay giảm?” *Nói đầy đủ như kinh Xoa-ma trước.*¹⁶

Tôn giả Xiển-đà thưa:

“Hiện tại thân bệnh của tôi quá đau đớn, khó kham nhẫn được. Bệnh tiếp tục càng tăng chứ không giảm, chỉ muốn cầm dao tự sát, không thích sống khổ.”

Tôn giả [347c] Xá-lợi-phất nói:

“Tôn giả Xiển-đà, thầy hãy nỗ lực, chớ có tự hại mình. Nếu thầy còn sống, tôi sẽ tới lui chu toàn cho thầy. Nếu thầy có thiếu gì, tôi sẽ cung cấp cho thầy thuốc thang đúng pháp. Nếu thầy không có người nuôi bệnh, tôi sẽ chăm sóc thầy, làm cho thầy vừa ý, chẳng phải không vừa ý.”

Xiển-đà thưa:

“Tôi được các gia chủ, các Bà-la-môn trong thôn Na-la đến chăm sóc và cúng dường y phục, chăn nệm, đồ ăn thức uống, ngoạ cụ, thuốc thang, không thiếu thứ gì. Tôi cũng có đệ tử tu phạm hạnh, nuôi bệnh vừa ý chẳng phải không vừa ý. Nhưng tôi bị khổ đau bức bách vì tật bệnh, nên thân khó chịu đựng được nổi, chỉ muốn tự sát, không thích sống khổ.”

Xá-lợi-phất nói:

¹⁶ Xem kinh 105 (Đại chánh 103).

“Bây giờ, tôi hỏi thầy, cứ tùy ý trả lời tôi. Mắt, nhãn thức cùng sắc, chúng là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau?”

Xiển-đà đáp:

“Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, không vậy.”

Lại hỏi Xiển-đà:

“Tai, mũi, lưỡi, thân, ý, ... ý thức cùng pháp, chúng là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau?”

Xiển-đà đáp:

“Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, không vậy.”

Lại hỏi Xiển-đà:

“Đối với mắt, nhãn thức và sắc, thầy thấy chúng thế nào, phân biệt chúng thế nào, biết chúng thế nào, mà bảo rằng mắt, nhãn thức, và sắc không phải ngã, không khác ngã, không ở trong nhau?”

Xiển-đà đáp:

“Đối với mắt, nhãn thức, và sắc tôi thấy chúng diệt tận, và vì biết chúng diệt tận, nên nhận thấy mắt, nhãn thức, và sắc không phải ngã, không khác ngã, không ở trong nhau.”

Lại hỏi Xiển-đà:

“Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý, ... ý thức cùng pháp, thầy thấy chúng thế nào, biết chúng thế nào, mà đối với ý, ý thức cùng pháp thấy không phải ngã, không khác ngã, không ở trong nhau?”

Xiển-đà đáp:

“Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, đối với ý, ý thức cùng pháp tôi thấy diệt tận t, và vì biết diệt tận nên đối với ý, ý thức cùng pháp, tôi nhận thấy không phải ngã, không khác ngã, không ở trong nhau. Tôn giả Xá-lợi-phất, nhưng hiện nay thân tôi đau khổ, không thể chịu nổi, muốn dùng dao tự sát, không muốn sống khổ.”

Bây giờ, Tôn giả Câu-hy-la nói Tôn giả Xiển-đà:

“Hiện tại thầy đang theo tu tập chánh niệm, như những lời Phật đã dạy: ‘Có sở thì bị dao động; bị dao động thì có thú hưởng; có thú hưởng thì không tĩnh chỉ; không tĩnh chỉ thì qua lại các cõi; qua lại các cõi thì có sinh tử vị lai; có sinh tử vị lai thì có sinh diệt vị lai; có sinh diệt vị lai thì sẽ có sinh, già, bệnh, chết, ưu, bi, não, khổ, khối lớn thuận khổ tập khởi như vậy.’ [348a] Như những lời Phật đã dạy:

“Không sợ y thì không dao động; không dao động thì không có thú hướng; không có thú hướng thì có tinh chí; có tinh chí thì không qua lại các đường; không qua lại các đường thì không có sinh tử vị lai; không có sinh tử vị lai thì không có sinh, già, bệnh, chết, ưu, bi, não, khổ, thuận đại khối khổ diệt như vậy.”

Xiển-đà thưa:

“Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la, tôi phụng sự Thế Tôn nay đã xong, tùy thuận Thiện Thệ nay đã hoàn tất, vừa ý chẳng phải không vừa ý. Những việc cần làm của đệ tử nay tôi đã làm xong. Nếu có đệ tử nào khác muốn phụng sự Đại sư, thì cũng nên như vậy mà phụng sự Đại sư, vừa ý chẳng phải không vừa ý. Nhưng bây giờ, thân tôi đau khổ, không thể chịu nổi, chỉ muốn dùng dao tự sát, không muốn sống khổ.”

Sau đó, Tôn giả Xiển-đà dùng dao tự sát ngay ở trong rừng Hảo y Am-la thôn Na-la.

Tôn giả Xá-lợi-phất sau khi cúng dường xá lợi Tôn giả Xiển-đà xong, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân, đứng lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, Tôn giả Xiển-đà ở trong rừng Hảo y Am-la, tại thôn Na-la, đã dùng dao tự sát. Thế nào, bạch Thế Tôn, Tôn giả Xiển-đà kia sẽ đến đường nào? Thọ sinh thế nào? Đời sau ra sao?”

Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Người kia đã chẳng tự ký thuyết rằng: Thưa Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la, tôi phụng sự Thế Tôn nay đã xong, tùy thuận Thiện thệ nay đã hoàn tất, rất là vừa ý chẳng phải không vừa ý. Nếu có người nào khác phụng sự Đại sư, thì cũng nên làm như vậy, vừa ý chẳng phải không vừa ý?”

Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi Thế Tôn:

“Tôn giả Xiển-đà kia, trước đó ở thôn Bà-la-môn Trần-trân-ni, có nhà cúng dường, có nhà thân hậu, có nhà khéo an ủi.”

Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Như vậy, Xá-lợi-phất, thiện nam tử nào chánh trí, chánh thiện giải thoát, thì có nhà cúng dường, có nhà thân hậu, có nhà khéo an ủi. Nay Xá-lợi-phất, Ta không nói họ có lỗi lầm lớn.¹⁷ Nếu có người nào bỏ thân này rồi lại tiếp tục thân khác, Ta mới nói người đó có lỗi lầm lớn.

¹⁷ Không khiến trách họ đã khiến cho Xiển-đà phải đi đến chỗ tự sát.

Nếu có người nào bỏ thân này rồi, không còn thân nào khác tiếp nối, Ta không nói người đó không có lỗi lầm lớn. Không có lỗi lầm lớn gì, khi Xiển-đà đã dùng dao tự sát ở thôn Na-la trong rừng Am-la.”

Như vậy, Thế Tôn kia nói thọ ký đệ nhất cho Tôn giả Xiển-đà.¹⁸

Phật nói kinh này xong, Tôn giả Xá-lợi-phất hoan hỷ làm lễ ra về.

KINH 927. PHẢ-CẦU-NA¹⁹

[266c9] Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Phả-cầu-na²⁰ đang ở tại giảng đường Lộc Tử mẫu trong vườn phía Đông, bị bệnh nguy khốn.

Tôn giả A-nan đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân Phật, rồi đứng lui qua một bên bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, Tôn giả Phả-cầu-na ở giảng đường Lộc Tử Mẫu trong vườn phía Đông bị bệnh nguy khốn. Bệnh của Tỳ kheo như vậy có thể chết. Lành thay, Thế Tôn! Cúi xin Thế Tôn vì thương xót mà đến giảng đường Lộc Tử mẫu, vườn phía đông chỗ Tôn giả Phả-cầu-na.”

Thế Tôn im lặng nhận lời. Chiều hôm đó sau khi từ thiền tịnh dậy, Thế Tôn đến giảng đường Lộc Tử Mẫu, vườn phía Đông, vào phòng Tôn giả Phả-cầu-na, trải tòa mà ngồi, rồi thuyết pháp cho Tôn giả Phả-cầu-na dạy dỗ, soi sáng, làm cho hoan hỷ, sau đó rời chỗ ngồi đứng dậy ra về.

Sau khi Thế Tôn đi không lâu Tôn giả Phả-cầu-na mạng chung. Lúc mạng chung các căn vui tươi, gương mặt thanh tịnh, sắc da tươi sáng. Tôn giả A-nan sau khi cúng dường xá-lợi Tôn giả Phả-cầu-na xong, về chỗ Phật, đánh lễ sát chân Phật, rồi đứng qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, sau khi Thế Tôn đến thăm, không lâu sau đó Tôn giả Phả-cầu-na mạng chung. Lúc Tôn giả này sắp qua đời, các căn vui tươi, sắc da thanh tịnh, nhuận ánh sáng tươi. Bạch Thế Tôn, không biết Tôn giả ấy sẽ sinh về đâu, thọ sinh thế nào, đời sau ra sao?”

Phật bảo A-nan:

¹⁸ Xác nhận Xiển-đà đắc quả A-la-hán ngay trước khi chết.

¹⁹ Đại chánh, quyển 37, kinh 1023. Pāli, A. 6.56. Phagguna.

²⁰ Phả-cầu-na 叵求那. Pāli: Phagguna.

“Nếu có Tỳ kheo nào [267a] trước khi chưa bệnh, chưa đoạn năm hạ phần kết; khi bệnh phát khởi, thân thể đau đớn, tâm không điều hoà, mạng sống suy mòn, nhưng được nghe chỉ dạy, nhắc nhở, nói nhiều pháp. Khi được nghe pháp xong, đoạn năm hạ phần kết. A-nan, đó là phước lợi có được từ sự chỉ dạy, nhắc nhở của .

“Lại nữa, A-nan, nếu có Tỳ kheo nào, trước khi chưa bệnh, chưa đoạn năm hạ phần kết. Sau đó bệnh phát khởi, thân thể đau đớn, mạng sống suy mòn dần, không nhờ được nghe Đại sư chỉ dạy, nhắc nhở, nói pháp, nhưng gặp được các vị đồng phạm hạnh đại đức đa văn chỉ dạy, nhắc nhở, thuyết pháp. Khi được nghe pháp xong, đoạn năm hạ phần kết. A-nan, đó gọi là được phước lợi từ sự chỉ dạy, nhắc nhở, nghe pháp.

“Lại nữa, A-nan, Tỳ kheo trước khi chưa bệnh chưa đoạn năm hạ phần kết,... *cho đến* mạng sống suy mòn, không được nghe Đại sư chỉ dạy, nhắc nhở, thuyết pháp; lại cũng không nghe các vị đồng phạm hạnh đại đức đa văn chỉ dạy, nhắc nhở, thuyết pháp. Nhưng với pháp trước kia đã lãnh thọ, một mình ở nơi vắng lặng tư duy, quán sát, đoạn được năm hạ phần kết. A-nan, đó gọi là được phước lợi từ sự tư duy, quán sát pháp đã nghe từ trước.

“Lại nữa, A-nan, Tỳ kheo trước khi chưa bệnh đã đoạn năm hạ phần kết, nhưng chưa được ái tận giải thoát vô thượng,²¹ tâm không hoàn toàn giải thoát khỏi các lậu. Sau đó tuy mắc bệnh, thân bị khổ đau, mạng sống suy mòn, nhưng nghe được Phật chỉ dạy, nhắc nhở, thuyết pháp, được ái tận giải thoát vô thượng, chẳng khởi các lậu, ly dục giải thoát. A-nan, đó gọi là được phước lợi từ sự thuyết pháp của Đại sư.

“Lại nữa, A-nan, Tỳ kheo trước khi chưa bệnh đã đoạn năm hạ phần kết, nhưng chưa được ái tận giải thoát vô thượng, chưa ly dục, giải thoát khỏi các lậu. Sau đó biết thân khởi bệnh, chịu khổ đau vô cùng. Tuy chẳng được Đại sư chỉ dạy, nhắc nhở, thuyết pháp, nhưng lại được các vị đồng phạm hạnh đại đức đa văn khác chỉ dạy, nhắc nhở, thuyết pháp, được ái tận giải thoát vô thượng, chẳng khởi các lậu, ly dục, giải thoát. A-nan, đó gọi là được phước lớn từ sự chỉ dạy, nhắc nhở, thuyết pháp.

²¹ Vô thượng ái tận giải thoát 無上愛盡解. Bản Pāli: *anuttare upadhisankhaye (cittam vimuttam)*, (tâm giải thoát) trong sự đoạn tận hữu dư y tối thượng.

“Lại nữa, A-nan, Tỳ kheo trước khi chưa bị bệnh, đã đoạn năm hạ phần kết, nhưng chưa được ái tận giải thoát vô thượng, không ly dục, giải thoát khỏi các lậu. Sau đó thân bệnh khởi, sinh khổ đau vô cùng. Tuy không được Phật chỉ dạy, nhắc nhở, thuyết pháp, cũng không được các vị đại đức đa văn khác chỉ dạy, nhắc nhở, nói pháp; nhưng đối với pháp đã được nghe, ở chỗ vắng lặng tư duy, tư lương, quán sát, được ái tận giải thoát vô thượng, không khởi các lậu, ly dục, giải thoát. A-nan, đó gọi là được phước lợi từ sự tư duy những gì đã được nghe từ giáo pháp.”²²

“Duyên gì các căn Tỳ kheo Phả-câu-na không được vui tươi, tướng mạo thanh tịnh, da dẻ nhuận tươi? [267b] Tỳ kheo Phả-câu-na trước chưa bị bệnh, chưa đoạn năm hạ phần kết. Tỳ kheo này tự thân được nghe từ sự chỉ dạy, nhắc nhở, thuyết pháp của Đại sư, đã đoạn năm hạ phần kết.”

Thế Tôn ký thuyết Tôn giả Phả-câu-na đã đắc quả A-na-hàm.

Phật nói kinh này xong. Tôn giả A-nan sau khi nghe những lời Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ rồi lui.

KINH 928. A-THẬP-BA-THỆ²³

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả A-thập-ba-thệ²⁴ ở giảng đường Lộc Tử Mẫu tại vườn phía Đông, thân bị bệnh nặng, vô cùng đau khổ. Tôn giả Phú-lân-na là vị chăm sóc, phục dịch. *Nói đầy đủ như kinh Bạt-ca-lê ở trước.*²⁵ Đó là, ba thọ... cho đến càng tăng không giảm.

Phật bảo A-thập-ba-thệ:

“Ngươi chớ hối tiếc.”²⁶

A-thập-ba-thệ bạch Phật:

²² Pāli: *ayam chaṭṭho ānisaṃso*, đây là lợi ích thứ sáu.

²³ Đại chánh, kinh 1024. Pāli, S. 22. 88. Assaji.

²⁴ A-thập-ba-thệ 阿濕波誓. Pāli: Assaji.

²⁵ Xem kinh Đại chánh 1265 ở sau. Nhưng trong kinh đó không nói đến ba thọ. Xem kinh 105 (Đại chánh 103).

²⁶ Hán: biến hối 變悔. Pāli: *kacci te assaji na kiñci kukkecaṃ na koci vippaṭisāro ti*, “Ngươi không có điều gì hối tiếc, phân vân chăng?”

“Bạch Thế Tôn, thật sự con có điều hối tiếc”

Phật bảo A-thấp-ba-thệ:

“Ngươi có phá giới không?”

A-thấp-ba-thệ bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con không phá giới.”

Phật bảo A-thấp-ba-thệ:

“Ngươi không phá giới, sao hối tiếc?”

A-thấp-ba-thệ bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, trước khi con chưa bệnh, con tu tập nhiều, chứng nhập tịnh lạc của thân an chi,²⁷ tu tập tam-muội nhiều. Còn hôm nay, con lại không nhập tam-muội kia được. Con tự suy nghĩ, không lẽ tam-muội này thối thất chăng?”

Phật bảo A-thấp-ba-thệ:

“Nay Ta hỏi ngươi, tùy ý trả lời Ta. Nay A-thấp-ba-thệ, ngươi có thấy sắc tức là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau chăng?”

A-thấp-ba-thệ bạch Phật:

“Bạch Thế tôn, không.”

Lại hỏi:

“Ngươi có thấy thọ, tưởng, hành, thức là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau chăng?”

A-thấp-ba-thệ bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, không.”

Phật bảo A-thấp-ba-thệ:

“Ngươi đã không thấy sắc là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau; không thấy thọ, tưởng, hành, thức là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau, vậy vì sao lại hối tiếc?”

A-thấp-ba-thệ bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, vì không chánh tư duy.”

Phật bảo A-thấp-ba-thệ:

²⁷ Hán: thân tức lạc chánh thọ 身息樂正受. Pāli: *passambhetvā kāyasaṅkhāre*: làm cho thân hành êm dịu (an chi).

“Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào mà tam-muội kiên cố, tam-muội bình đẳng, nhưng không nhập được tam-muội kia, thì không nên có ý nghĩ rằng mình thôi thất đối với tam-muội. Thánh đệ tử không thấy sắc là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau; không thấy thọ, tưởng, hành, thức là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau; mà chỉ nên giác tri như vậy, thì tham dục hoàn toàn sạch hết không còn; sân nhuế, ngu si hết hẳn không còn. Khi tất cả lậu đã tận trừ, vô lậu tâm giải thoát, ngay trong hiện tại tự tri tác chứng, tự biết rằng [267c] ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã xong, không còn tái sinh đời sau nữa.’”

Khi nghe Phật thuyết pháp này, Tôn giả A-thấp-ba-thệ không khởi các lậu, tâm được giải thoát, hian hỷ, phần khởi. Do tâm được hoan hỷ, phần khởi nên thân bệnh liền dứt trừ.

Phật nói kinh này làm cho Tôn giả A-thấp-ba-thệ hoan hỷ, tùy hỷ, rồi rời chỗ ngồi đứng dậy, ra về.

Kinh Sai-ma-ca.²⁸ Như nói về ngũ thủ uẩn.

KINH 929. TẬT BỆNH (1)²⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có Tỳ kheo tuổi trẻ mới học, xuất gia trong Pháp Luật này chưa được lâu, ít người thân quen, một mình làm lữ khách, không có người cung cấp, đang trú trong phòng khách Tăng ngoài rìa một tụ lạc, bệnh đau nguy khốn. Bấy giờ có nhiều Tỳ kheo đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân, rồi ngồi xuống một bên, bạch Phật:

“ Bạch Thế Tôn, có một Tỳ kheo tuổi trẻ, mới học... *cho đến* bệnh đau nguy khốn đang ở trong phòng khách Tăng ngoài biên một tụ lạc. Có Tỳ kheo bệnh sống ít chết nhiều như vậy. Lành thay! Cúi xin Thế Tôn vì thương xót mà đến trú xứ này!”

²⁸ Kinh Sai-ma-ca 差摩迦修多羅. Xem kinh 105 (Đại chánh 103) kinh Sai-ma, Tụng I. Ngũ uẩn. 1. Tương ưng Namur uẩn. Ấn Thuận *Hội biên*, kinh 13362, “ 50. Tương ưng Bệnh.” Có tên kinh, nhưng không có nội dung.

²⁹ Đại chánh, kinh 1025. Pāli, S.35.74. Gilāna.

Thế Tôn im lặng nhận lời. Buổi chiều, sau khi từ thiền tịnh dậy, Thế Tôn đến trú xứ ấy. Tỳ kheo bệnh từ xa trông thấy Thế Tôn, vịn giường muốn dậy. Phật bảo Tỳ kheo:

“Hãy nằm nghỉ, chớ dậy! Thế nào, Tỳ kheo? Có thể chịu đựng được khổ đau không?” ... *Chi tiết như kinh Sai-ma-ca trước đã nói.*³⁰ “Ba thọ như vậy... *cho đến* bệnh khổ chỉ tăng không giảm.”

Phật nói với Tỳ kheo bệnh:

“Bây giờ Ta hỏi ngươi. Hãy tùy ý trả lời Ta.”

“Ngươi không có gì hối tiếc chăng?”³¹

Tỳ kheo bệnh bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, thật sự con có điều hối tiếc.”

Phật bảo Tỳ kheo bệnh:

“Ngươi không phạm giới chăng?”

Tỳ kheo bệnh bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn! Thật sự, con không phạm giới.”

Phật bảo Tỳ kheo bệnh:

“Nếu ngươi không phạm giới, ngươi có điều gì mà lại hối tiếc?”

Tỳ kheo bệnh bạch Phật:

“Con tuổi trẻ xuất gia chưa bao lâu, đối với pháp thượng non, và tri kiến thắng diệu chưa có sở đắc. Con tự nghĩ, lúc mạng chung, biết tái sinh nơi đâu? Vì vậy con sinh ra hối tiếc.”

Phật bảo Tỳ kheo:

“Nay Ta hỏi ngươi. Hãy tùy ý trả lời Ta. Thế nào, Tỳ kheo? Vì có mắt nên có nhãn thức phải không?”

Tỳ kheo bệnh bạch:

“Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

Lại hỏi:

“Tỳ kheo, ý ngươi thế nào? Vì có nhãn thức nên có nhãn xúc. Do nhãn xúc làm nhân làm duyên sinh ra cảm thọ hoặc khổ, hoặc lạc, hoặc không khổ không lạc bên trong phải không?”

³⁰ Xem kinh 105 (Đại chánh 103).

³¹ Xem cht. kinh 1024 trên.

[268a] Tỳ kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

Đôi với nhĩ, tỷ, thiết, thân, ý cũng nói như vậy.

“Thế nào, Tỳ kheo? Nếu không có mắt thì không có nhãn thức phải không?”

Tỳ kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

Lại hỏi:

“Tỳ kheo, nếu không có nhãn thức thì không có nhãn xúc phải không? Nếu không có nhãn xúc thì không có nhãn xúc làm nhân làm duyên sinh cảm thọ hoặc khổ, hoặc lạc, hoặc không khổ không lạc bên trong, phải không?”

Tỳ kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

Đôi với nhĩ, tỷ, thiết, thân, ý cũng nói như vậy.

“Cho nên, Tỳ kheo, hãy khéo tư duy pháp như vậy, thì lúc mạng chung được an lành, đời sau cũng an lành.”

Thế Tôn sau khi nói pháp cho Tỳ kheo bệnh, chỉ dạy, soi sáng, làm cho hoan hỷ, rời rời chỗ ngồi đứng dậy ra đi. Sau khi Thế Tôn đi rồi, không lâu Tỳ kheo mạng chung. Khi sắp mạng chung, các căn người vui tươi, tướng mạo thanh tịnh, sắc da tươi sáng. Lúc ấy, nhiều Tỳ kheo đi đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân, rồi ngồi xuống một bên, bạch Phật:

“Tỳ kheo trẻ tuổi kia bị bệnh nguy khốn. Nay Tôn giả đã mạng chung. Khi vị này sắp qua đời, các căn vui tươi, tướng mạo thanh tịnh, sắc da tươi sáng. Thế nào, bạch Thế Tôn, Tỳ kheo này sẽ sinh về nơi nào? Thọ sinh ra sao? Đời sau thế nào?”

Phật bảo các Tỳ kheo:

“Tỳ kheo kia đã qua đời kia thật sự như vậy.³² Nghe Ta nói pháp hiểu biết rõ ràng, ở nơi pháp không còn sợ hãi³³ mà đạt được Bát-niết-bàn. Các người hãy nên lo việc xá-lợi.”

³² Đề bản: Chơn bảo vật 真寶物. TNM: chân thật vật.

³³ Vô úy; đây nên hiểu là tự tin, không do dự.

Bấy giờ, Thế Tôn thọ ký cho Tỳ kheo này là bậc nhất.³⁴

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 930. TẬT BỆNH (2)³⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. *Nói như trên chỉ có sự sai biệt là:*

“Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các người mà nói. Nếu Tỳ kheo nào nghĩ như vậy: Ta ở trong thân có thức này và trong tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài không thấy có ngã, ngã sở, ngã mạn kết sử, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong hiện tại tự biết tác chứng, thành tựu và an trụ.³⁶ (...) **[268b]** Đó gọi là Tỳ kheo đoạn ái dục, chuyển các kết, chân chánh³⁷ hiện quán mạn cứu cánh thoát khổ.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 931. TỖ KHEO BỆNH³⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. *Nói như trên, chỉ có một vài sai biệt là:... cho đến Phật nói với Tỳ kheo bệnh:*

“Người không phạm giới phải không?”

Tỳ kheo bạch Phật:

³⁴ Thọ đệ nhất ký 受第一記.; đây chỉ sự xác nhận đã chứng quả A-la-hán.

³⁵ Đại chánh, kinh 1026. Pāli, S. 35. 75. Gilāna.

³⁶ Nguyên trong bản Hán, văn lặp lại, trùng lặp nhiều lần. Vì không thấy có khác biệt gì trong các đoạn trùng lặp đó, ngờ là người chép có sự nhầm lẫn. Đây lược bỏ.

³⁷ Trong bản chép là chỉ 止. Sửa lại là chánh. Cf. M. i. 12: *acchecchi taṇhaṃ, vivattayi saṃyojanaṃ, sammā mānābhisamayā antamakāsi dukkhassā*, cắt đứt ái, hủy diệt kết sử, chân chánh hiện quán mạn, đoạn tận khổ biên. Sớ giải: trong A-la-hán đạo (*arahattamaggo*), do sở hành mà quán chiếu mạn rồi do kiến mà đoạn trừ mạn, tức là kiến hiện quán (*dassnābhisamayā*) và đoạn hiện quán (*pahānābhisamayā*) đối với mạn (*māna*).

³⁸ Đại chánh, kinh 1027.

“Bạch Thế Tôn, con không phải vì để thọ trì tịnh giới mà ở chỗ Thế Tôn tu phạm hạnh.”

Phật bảo Tỳ kheo:

“Ngươi vì những pháp gì mà ở chỗ Ta tu phạm hạnh?”

Tỳ kheo bạch Phật:

“Vì ly tham dục nên con ở chỗ Thế Tôn tu phạm hạnh. Vì ly sân nhuế, ngu si nên con ở chỗ Thế Tôn tu phạm hạnh.”

Phật bảo Tỳ kheo:

“Đúng vậy! Đúng vậy! Ngươi nên thật sự vì để vì ly tham dục nên ở chỗ Ta tu phạm hạnh. Vì ly sân nhuế, ngu si nên ở chỗ Ta tu phạm hạnh. Nay Tỳ kheo, vì bị tham dục quán chặt nên không thể ly dục được. Vì bị vô minh quán chặt nên tuệ không thanh tịnh. Cho nên, Tỳ kheo! Ở nơi dục mà ly dục, tâm giải thoát. Do ly vô minh nên tuệ giải thoát. Tỳ kheo ở nơi mà dục ly dục, tự thân tác chứng tâm giải thoát. Do ly vô minh nên tuệ giải thoát. Đó gọi là Tỳ kheo đoạn các ái dục, chuyển kết phược, chân chánh hiện quán mạn, cứu cánh biên tế khổ. Cho nên, Tỳ kheo, đối với pháp này phải khéo tư duy.”

Nói đầy đủ như trên... cho đến thọ ký bậc nhất.

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 932. TẬT BỆNH (3)³⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có nhiều Tỳ kheo cùng tụ tập ở giảng đường Già-lê-lê.⁴⁰ Lúc đó có nhiều Tỳ kheo bệnh.

Buổi chiều Thế Tôn sau khi từ thiền tịnh tỉnh giấc, đến giảng đường Già-lê-lê, trải tòa ngồi trước đại chúng. [268c] Sau khi an tọa, Phật nói với các Tỳ kheo:

³⁹ Đại chánh, kinh 1028. Pāli, S. 36. 7. Gelañña.

⁴⁰ Già-lê-lê giảng đường 伽梨隸講堂. Pāli: Gilānasālā, bệnh xá.

“Hãy chánh niệm, chánh trí để đợi thời.⁴¹ Đó là giáo huấn của Ta.⁴² Nay các Tỳ kheo, thế nào là chánh niệm? Tỳ kheo sống quán niệm thân trên thân, tinh cần, chánh niệm, chánh trí, điều phục tham ưu thế gian; sống quán niệm ngoại thân trên thân, sống quán niệm nội ngoại thân trên thân; nội thọ, ngoại thọ, nội ngoại thọ; nội tâm, ngoại tâm, nội ngoại tâm; sống quán niệm nội pháp, ngoại pháp, nội ngoại pháp, phương tiện tinh cần, chánh niệm, chánh trí, điều phục tham ưu thế gian. Đó gọi là Tỳ kheo ức niệm chánh.

“Thế nào là chánh trí? Tỳ kheo hoặc tới hoặc lui an trụ chánh trí; nhìn trông, quán sát, co, duỗi, cúi, ngược, nắm cầm y bát, đi, đứng, ngồi, nằm, ngủ, thức... cho đến năm mươi, sáu mươi người nói năng hay im lặng đều y theo hạnh chánh trí. Tỳ kheo, đó gọi là chánh trí. Cũng thế, Tỳ kheo an trụ chánh niệm, chánh trí, có thể khởi cảm thọ lạc, có nhân duyên chứ không phải không nhân duyên.

“Thế nào là nhân duyên? Duyên vào thân khởi suy nghĩ: ‘Thân này của ta là vô thường, hữu vi, tâm nhơn duyên sinh. Cảm thọ lạc cũng vô thường, hữu vi, tâm nhơn duyên sinh.’ Quán sát thân và cảm thọ lạc, quán sát vô thường, quán sát sinh diệt, quán sát ly dục, quán sát diệt tận, quán sát xả. Vị ấy quán sát thân cùng với cảm thọ lạc là vô thường... *cho đến* xả. Nếu ở nơi thân và cảm thọ lạc mà kết sử tham dục⁴³ vĩnh viễn không còn sai sử nữa.⁴⁴ Cũng vậy, với chánh niệm, chánh trí, biết cảm thọ khổ phát sinh, có nhân duyên chứ không phải không nhân duyên.

“Thế nào là nhân duyên? Cũng vậy, duyên vào thân khởi tư duy: ‘Thân này của ta là vô thường, hữu vi, tâm nhơn duyên sinh. Cảm thọ khổ cũng vô thường, hữu vi, tâm nhơn duyên sinh.’ Quán sát thân và cảm thọ khổ, là vô thường *cho đến* xả. Ở nơi thân này và cảm thọ khổ mà kết sử sân nhuế vĩnh viễn không còn sai sử nữa. Cũng vậy, với

⁴¹ Đãi thời 待時. Pāli: *kālaṃ āgaccheyya*, thời gian có thể đến (có thể đến thời): chuẩn bị chờ sự chết đến.

⁴² Hán: tùy thuận chi giáo 隨順之教, hay tùy thuận giáo, tức sự giáo huấn hay giáo giới. Pāli: *anusāsani*.

⁴³ Tham dục sử, tức dục tùy miên.

⁴⁴ Nghĩa là, không còn tùy miên, tức *tùy từng miên phục*: không còn nằm phục hay tiềm phục.

chánh niệm, chánh trí, biết cảm thọ không khổ, không vui phát sinh, có nhơn duyên chứ không phải không nhơn duyên.

“Thế nào là nhơn duyên? Duyên vào thân khởi suy nghĩ: ‘Thân này của ta là vô thường, hữu vi, tâm nhơn duyên sinh. Cảm thọ chẳng khổ chẳng vui, cũng vô thường, hữu vi, tâm nhơn duyên sinh,’ Quán sát thân và cảm thọ không khổ, không vui kia, là vô thường cho đến xả. Nếu những gì ở nơi thân và cảm thọ không khổ không lạc mà kết sử vô minh sử vĩnh viễn không còn sai sử nữa. Đa văn Thánh đệ tử quán sát như vậy, đối với sắc yểm ly, đối với thọ, tưởng, hành, thức yểm ly. Đã yểm ly rồi, ly dục. Ly dục rồi, được giải thoát, giải thoát tri kiến, tự biết ‘Ta, sự sinh của đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau nữa.’”

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ:

[269a] *Khi đang cảm giác lạc;*

Không biết cảm giác lạc.

Vì kết sử tham dục,

Nên không thấy xuất ly.

Khi đang cảm giác khổ,

Không biết cảm giác khổ.

Vì kết sử sân nhuế,

Nên không thấy xuất ly.

Cảm thọ không lạc, khổ,

Đấng Chánh Giác đã nói,

Ai không biết điều đo,

Không thể qua bờ kia.

Nếu Tỳ kheo tinh tấn,

Chánh trí không dao động;

Nơi tất cả thọ kia,

Trí tuệ đều biết hết.

Thường biết các thọ rồi,

Hiện tại hết các lậu;

Mạng chung nương trí tuệ,

Niết-bàn không đọa lạc.

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 933. TẬT BỆNH (4)⁴⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Nói như trên.

Bấy giờ, các Tỳ kheo tụ tập nơi giảng đường Già-lê-lệ,⁴⁶ đa số đều bị bệnh. Nói như trên, *chỉ có một vài sai biệt là: cho đến* “... Thánh đệ tử nên quán sát như vậy, ở nơi sắc mà giải thoát, ở nơi thọ, tưởng, hành, thức giải thoát. Ta nói những người này giải thoát sinh, lão, bệnh, tử.”

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

*Bậc trí tuệ đã vắng,
Đều tỏ rõ các thọ.
Đối cảm thọ khổ, lạc,
Phân biệt thật rõ ràng.

Nên biết việc chắc chắn,
Phàm phu có lên xuống.
Nơi lạc không nhiễm trước,
Nơi khổ không xiêu động.

Biết thọ không thọ sinh;
Tham, nhuế y cảm thọ,
Đoạn trừ những pháp này,
Tâm kia khéo giải thoát.

Buộc niệm vào diệu cảnh,
Chánh hướng đợi hết đời.
Nếu Tỳ kheo tinh cần,
Chánh trí chẳng xiêu động;

Đối với mọi thọ này,
Kẻ trí thường giác tri.
Thấu rõ các thọ rồi,
Hiện tại hết các lậu,
Mạng chung nương trí tuệ,
Niết-bàn không đọa lạc.*

⁴⁵ Đại chánh, kinh 1029. Pāli, S. 36. 8. Gelañña.

⁴⁶ Xem cht. kinh 1028.

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ làm lễ rồi lui

KINH 934. CẤP CÔ ĐỘC (1)⁴⁷

[269b] Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Trưởng giả Cấp Cô Độc bị bệnh, thân thể khổ đau vô cùng.

Thế Tôn nghe tin này, sáng sớm Ngài khoác y, ôm bát vào thành Xá-vệ khát thực, theo thứ tự khát thực, lần lượt đến nhà Trưởng giả Cấp Cô Độc. Trưởng giả từ xa trông thấy Thế Tôn, vịn giường muốn dậy. Thế Tôn thấy thế liền bảo:

“Trưởng giả! Chớ dậy mà tăng bệnh khổ.”

Thế Tôn ngồi xuống rồi nói với trưởng giả:

“Thế nào Trưởng giả? Bệnh có thể chịu được không? Thân bệnh, đau đớn tăng hay giảm?”

Gia chủ bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn! Con rất đau đớn, khó chịu nổi!... *cho đến nói ba thọ, chi tiết như kinh Sai-ma.... cho đến* “... cảm thọ khổ chi tăng chứ không giảm.”

Phật bảo Gia chủ:

“Nên học như vậy: Đối với Phật có tín thanh tịnh bất hoại, đối với Pháp, Tăng, có tín thanh tịnh bất hoại, và thành tựu Thánh giới.”

Gia chủ bạch Phật:

“Như Thế Tôn đã dạy bốn bất hoại tịnh. Con có pháp này, trong pháp này có con. Bạch Thế Tôn, nay đối với Phật con có tín thanh tịnh bất hoại, đối với Pháp, Tăng có tín thanh tịnh bất hoại, và thành tựu Thánh giới.”

Phật bảo Gia chủ:

“Lành thay! lành thay!”

Rồi Phật liền thọ ký cho trưởng giả đắc quả A-na-hàm.

Trưởng giả bạch Phật:

⁴⁷ Đại chánh, kinh 1030.

“Hôm nay, con xin cung thỉnh Thế Tôn thọ thực ở đây.”

Thế Tôn im lặng nhận lời. Trưởng sai bảo tôi tớ sửa soạn các thứ đồ ăn thức uống ăn tinh khiết, ngon lành cúng dường Thế Tôn. Thế Tôn thọ thực xong, nói các pháp cho trưởng giả nghe, chỉ dạy, soi sáng, làm cho hoan hỷ, rồi từ khỏi chỗ ngồi đứng dậy ra về.

KINH 935. CẤP CÔ ĐỘC (2)⁴⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả A-nan nghe Trưởng giả Cấp Cô Độc than bị bệnh khổ, liền đến nhà ông thăm.

Từ xa trưởng giả trông thấy A-nan, vịn giường muốn dậy... *cho đến nói về ba thọ, đầy đủ như kinh Sai-ma ở trước dạy .. cho đến* “...bệnh khổ chỉ tăng chứ không giảm.”

Bấy giờ, Tôn giả A-nan bảo Gia chủ:

“Đừng sợ hãi! Chỉ có phàm phu ngu si vô học vì không tin Phật, không tin Pháp, Tăng, không đầy đủ Thánh giới, nên có sự sợ hãi, và sợ sau khi mạng chung cùng cái khổ đời sau. Còn Ông đối với sự bất tín ấy ngày nay đã đoạn, đã biến tri. Đối với Phật đầy đủ tín thanh tịnh. Đối với Pháp, Tăng đầy đủ tín thanh tịnh. Đã thành tựu Thánh giới.”

Trưởng giả thưa Tôn giả A-nan:

“Ngày nay con còn sợ hãi cái gì? Lần đầu tiên con mới gặp Thế Tôn giữa bãi tha ma trong rừng Lạnh, thành Vương Xá, liền được tín thanh tịnh bất hoại đối với Phật, được tín thanh tịnh bất hoại đối với Pháp, Tăng, và thành tựu Thánh giới. Từ đó đến nay, nhà có tiền của đều đem cúng dường cho đệ tử Phật là Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu-ba-tắc, ưu-bà-di.”

Tôn giả A-nan nói:

“Lành thay, Trưởng giả! Ông tự ký thuyết quả Tu-đà-hoàn.”

Gia chủ bạch Tôn giả A-nan:

“Xin mời Tôn giả thọ thực tại đây.”

Tôn giả A-nan im lặng nhận lời.

⁴⁸ Đại chánh, kinh 1031. Pāli, S.55. 27. Anāthapiṇḍika.

Trưởng giả liền cho sửa soạn các thứ đồ ăn thức uống tinh khiết, ngon lành, cúng dường Tôn giả A-nan. Sau khi thọ thực xong, lại vì Gia chủ thuyết pháp, chỉ dạy, soi sáng, làm an vui, rồi rời chỗ ngồi đứng dậy ra về.

KINH 936. CẤP CÔ ĐỘC (3)⁴⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất nghe tin Trưởng giả Cấp Cô Độc thân bị bệnh khổ. Nghe vậy, hỏi Tôn giả A-nan :

„Thầy có biết chăng? Trưởng giả Cấp Cô Độc thân đang bị bệnh khổ. Chúng ta hãy cùng đến thăm.”

Tôn giả A-nan im lặng nhận lời. Khi ấy Tôn giả Xá-lợi-phất cùng Tôn giả A-nan đến nhà Trưởng giả Cấp Cô Độc. Trưởng giả từ xa trông thấy Tôn giả Xá-lợi-phất, vịn giường muốn dậy... *cho đến nói về ba thọ, đầy đủ như kinh Sai-ma*, “... bệnh khổ của thân càng tăng chứ không giảm.”

Tôn giả Xá-lợi-phất bảo Gia chủ:

“Nên học như vậy: Không chấp thủ mắt. Không có thức tham dục y trên nhãn giới mà sinh. Không chấp thủ tai, mũi, lưỡi, thân, ý; không có thức tham dục y trên ý giới mà sinh. Không chấp thủ sắc, không có thức tham dục y trên sắc giới sinh. Không chấp thủ thanh, hương, vị, xúc, pháp; không có thức tham dục y trên pháp giới sinh. Không chấp thủ địa giới; không có thức tham dục y trên địa giới sinh. Không chấp thủ thủy, hỏa, phong, không, thức giới; không có thức tham dục y trên thức giới sinh. Không chấp thủ sắc uẩn; không có thức tham dục y trên sắc uẩn sinh. Không chấp thủ thọ, tưởng, hành, thức uẩn,... không có thức tham dục y trên thức ấm sinh.”

Lúc ấy Trưởng giả Cấp Cô Độc cảm động rơi nước mắt. Tôn giả A-nan nói với Gia chủ:

“Trưởng giả khiếp sợ hạ liệt chăng?”⁵⁰

⁴⁹ Đại chánh, kinh 1032. Pāli, S. 55. 26. Anāthapiṇḍika; cf. M. 143. Anāthapiṇḍikovāda. Hán, No 125(51.8).

⁵⁰ Hán: khiếp liệt 怯劣. Pāli: *oliyasi ... samsīdasi...?* “ Ông đang bám chặt (sự sống) chăng? đang chìm xuống (sự chết) chăng?”

Trưởng giả thưa với Tôn giả A-nan:

“Con không khiếp sợ hạ liệt. Con tự xét lại, từ khi phụng sự Phật cho đến nay, đã hơn hai mươi năm, mà con chưa lần nào nghe Tôn giả Xá-lợi-phất nói pháp sâu xa, vi diệu như những gì vừa được nghe hôm nay.”

Tôn giả Xá-lợi-phất bảo Gia chủ:

“Từ lâu tôi cũng chưa từng nói pháp như vậy cho các gia chủ.”

Gia chủ thưa Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Có bạch y tại gia có tín thù thắng, niệm thù thắng, [270a] lạc thù thắng, nhưng vì không nghe pháp sâu xa nên sinh ra thối thất. Lành thay! Tôn giả Xá-lợi-phất, cúi xin Tôn giả thương xót vì hàng bạch y tại gia mà nói pháp thâm diệu. Tôn giả Xá-lợi-phất, hôm nay xin Tôn giả thọ thực tại đây.”

Tôn giả Xá-lợi-phất im lặng nhận lời. Trưởng giả liền cho sửa soạn đồ ăn thức uống tinh khiết ngon lành cung kính cúng dường. Thọ thực xong, Xá-lợi-phất lại thuyết pháp cho trưởng giả, chỉ dạy, soi sáng, làm cho hoan hỷ, rồi rời chỗ ngồi đứng dậy ra về.

KINH 937. ĐẠT-MA-ĐỀ-LI⁵¹

Đạt-ma-đề-li, kinh thứ nhất cũng nói đầy đủ như kinh đầu đức Thế Tôn nói pháp cho Trưởng giả Cấp Cô Độc. Kinh thứ hai cũng nói như vậy, chỉ có một vài sai khác là:

“Nếu lại có Gia chủ nào y vào bốn bất hoại tịnh, rồi còn hướng lên tu tập sáu niệm, từ niệm Như Lai sự... cho đến niệm Thiên.”

Gia chủ bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, y vào bốn bất hoại tịnh, rồi còn hướng lên tu tập sáu tùy niệm, ngày nay con đều thành tựu. Con thường tu tập niệm Như Lai sự... cho đến niệm Thiên.”

Phật bảo Gia chủ:

“Lành thay! lành thay! Hôm nay Ông tự ký thuyết quả A-na-hàm.”

Gia chủ bạch Phật:

“Xin Thế Tôn nhận lời thỉnh thọ thực của con.”

⁵¹ Đại chánh, kinh 1033. Bản Hán, Ấn Thuận phân thành hai kinh: 13371, 13372. Pāli, S.55.53. Dhammadinna.

Bấy giờ Thế Tôn im lặng nhận lời. Gia chủ biết Phật đã nhận lời, liền cho sửa soạn đồ ăn thức uống tinh khiết ngon lành, cung kính cúng dường. Thế Tôn thọ thực xong lại vì Gia chủ nói pháp, chỉ dạy, soi sáng, làm cho an vui, rồi Ngài rời chỗ ngồi đứng dậy ra về.

KINH 938. TRƯỜNG THỌ⁵²

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Trúc, Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ có đồng tử Trường Thọ⁵³ là cháu gia chủ Thọ Đề⁵⁴ thân mắc bệnh nặng.

Bấy giờ Thế Tôn nghe đồng tử Trường Thọ thân mắc bệnh nặng, sáng sớm khước y ôm bát vào thành Vương Xá khát thực, theo thứ tự, lần lượt đi đến nhà đồng tử Trường Thọ. Đồng tử Trường Thọ từ xa thấy Thế Tôn, vịn giường muốn dậy... *cho đến nói về ba thọ như kinh Sai-ma đã nói đầy đủ;... cho đến* “...bệnh khổ chỉ tăng không giảm.”

“Cho nên, Đồng tử, hãy học như vậy: Hãy có tín thanh tịnh bất hoại đối với Phật. Hãy có tín thanh tịnh bất hoại đối với Pháp, Tăng, và thành tựu Thánh giới. Hãy học như vậy.”

Đồng tử bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, như Thế Tôn đã nói về bốn bất hoại tịnh. Hiện tại con đều có. Con lúc nào cũng có tín thanh tịnh bất hoại đối với Phật; có tín thanh tịnh bất hoại đối với Pháp, Tăng, và thành tựu Thánh giới.”

Phật bảo đồng tử:

“Ông nên y vào bốn bất hoại tịnh, để hướng lên tu tập sáu minh phần tướng.⁵⁵ Những gì là sáu? Quán tưởng tất cả hành là vô thường, **[270b]** quán tưởng vô thường là khổ, quán tưởng khổ là vô ngã, quán tưởng về thức ăn, quán tưởng tất cả thế gian không gì đáng vui, quán tưởng về sự chết.”

Đồng tử bạch Phật:

⁵² Đại chánh, kinh 1034. Pāli, S. 55. 3. Dīghāvu.

⁵³ Trường Thọ đồng tử 長壽童子. Pāli: Dīghāvu upasako, uru-bà-tác Trường Thọ.

⁵⁴ Thọ Đề 樹提. Pāli: Jotika, cha của Dīghāvu. Bản Hán nói là ông nội.

⁵⁵ Minh phần tướng 明分想, sáu tướng dẫn đến minh (ba minh). Pāli: *cha vijjābhāgiye*.

“Như Thế Tôn nói y vào bốn bất hoại tịnh để tu tập sáu minh phần tướng. Hiện tại con đều có. Nhưng con tự nghĩ, sau khi chết, con không biết ông nội của con là Gia chủ Thọ Đề sẽ thế nào?”

Bây giờ Gia chủ Thọ Đề nói với đồng tử Trường Thọ:

“Đối với Ông, cháu đừng nghĩ đến. Hiện giờ cháu nên nghe Thế Tôn nói pháp, suy nghĩ và nhớ lấy, mới có thể được phước lợi, an vui, hữu ích lâu dài.”

Đồng tử Trường Thọ nói:

“Đối với tất cả hành con sẽ quán tưởng chúng là vô thường, quán tưởng vô thường là khổ, quán tưởng khổ là vô ngã, quán tưởng về thức ăn, quán tưởng thế gian không gì là lạc, quán tưởng về sự chết, lúc nào chúng cũng hiện hữu trước mặt.”

Phật bảo đồng tử:

“Hôm nay con đã tự ký thuyết quả Tư-đà-hàm.”

Đồng tử Trường Thọ bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, xin thỉnh Thế Tôn thọ thực tại nhà con.”

Thế Tôn im lặng nhận lời. Trường Thọ đồng tử liền cho sửa soạn đồ ăn thức uống tinh khiết, ngon lành, cung kính cúng dường. Thế Tôn thọ thực xong, thuyết pháp đồng tử, chỉ dạy, soi sáng, làm cho hoan hỷ, rồi rời chỗ ngồi đứng dậy ra về.

KINH 939. BÀ-TẦU⁵⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Lộc dã, tại trú xứ Tiên nhơn, nước Ba-la-nại. Bây giờ Ggia chủ Bà-tầu⁵⁷ thân bị bệnh khổ. *Nói đầy đủ như kinh Gia chủ Đạt-ma-đề-na⁵⁸ ở trước...* được thọ ký đắc quả A-na-hàm... *cho đến* rời chỗ ngồi đứng dậy ra về.

KINH 940. SA-LA⁵⁹

Tôi nghe như vậy:

⁵⁶ Đại chánh, kinh 1035.

⁵⁷ Bà-tầu trưởng giả 婆藪長者.

⁵⁸ Đạt-ma-đề-na 達摩提那. Tức Đạt-ma-đề-ly, xem kinh 1033 trên.

⁵⁹ Đại chánh, kinh 1036. Pāli, S. 55. 39. Kāligodha.

Một thời đức Phật ở trong vườn Câu-ni-luật, tại nước Ca-tỳ-la-vệ. Bấy giờ có Sa-la họ Thích⁶⁰ bị bệnh liệt nặng.

Thế Tôn hay tin Sa-la họ Thích bệnh liệt nặng, sáng sớm khoác y, mang bát vào thành Ca-tỳ-la-vệ khát thực, theo thứ tự lần lượt đến nhà Sa-la họ Thích. Từ xa Sa-la họ Thích trông thấy Thế Tôn, vịn giường muốn dậy... *cho đến nói về ba thọ như đã nói đầy đủ trong kinh Sai-ma-ca... cho đến* “...bệnh khổ chỉ tăng chứ không giảm.”

“Cho nên, Sa-la họ Thích, hãy học như vậy: Hãy có tín thanh tịnh bất hoại đối với Phật. Hãy có tín thanh tịnh bất hoại đối với pháp, Tăng, và thành tựu Thánh giới.”

Sa-la họ Thích bạch Phật:

“Như Thế Tôn nói: Hãy có tín thanh tịnh bất hoại đối với Phật. Hãy có tín thanh tịnh bất hoại đối với Pháp, Tăng, và thành tựu Thánh giới. Con đều có đủ. Con lúc nào cũng có tín thanh tịnh bất hoại đối với Phật; [270c] tín thanh tịnh bất hoại đối với Pháp, Tăng, và thành tựu Thánh giới.”

Phật bảo Sa-la họ Thích:

“Cho nên Ông phải y vào tín thanh tịnh bất hoại đối với Phật, tín thanh tịnh bất hoại đối với Pháp, Tăng và thành tựu Thánh giới, đề hướng lên tu tập năm hỷ xứ.⁶¹ Những gì là năm? Đó là niệm Như Lai sự... cho đến tự những pháp bố thí.”

Sa-la họ Thích bạch Phật:

“Như Thế Tôn đã nói y vào bốn bất hoại tịnh, đề tu năm hỷ xứ, con cũng đã có. Con lúc nào cũng niệm Như Lai sự... *cho đến* tự mình hành pháp bố thí.”

Phật dạy:

“Lành thay! lành thay! Nay tự ông ký thuyết quả Tư-đà-hàm.”

Sa-la bạch Phật:

“Xin Thế Tôn hôm nay thọ thực tại nhà con.”

Thê tôn im lặng nhận lời. Gia chủ Sa-la liền cho sửa soạn đồ ăn thức uống tinh khiết, ngon lành, cung kính cúng dường. Thế Tôn thọ thực

⁶⁰ Sa-la họ Thích 釋氏沙羅. Pāli: Kaḷigodhā Sākyāni, Thích nữ Kaḷigodhā.

⁶¹ Năm hỷ xứ 五喜處.

xong, lại vì Gia chủ thuyết pháp, chỉ dạy, soi sáng, làm cho an vui, rồi rời chỗ ngồi đứng dậy ra về.

KINH 941. DA-THÂU⁶²

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú trong một tinh xá Khúc cốc, thôn Na-lê. Bấy giờ, Gia chủ Da-thâu⁶³ bị bệnh trầm trọng, như vậy... cho đến ký thuyết đắc quả A-na-hàm. *Như đã nói đầy đủ trong kinh Đạt-ma-đề-na.*⁶⁴

KINH 942. MA-NA-ĐỀ-NA⁶⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú bên ao Kiệt-già, tại nước Chiêm-bà. Bấy giờ có Gia chủ Ma-na-đề-na⁶⁶ bị bệnh mới bớt.⁶⁷

Bấy giờ gia chủ nói với một người nam:

“Này thiện nam tử, người hãy đến chỗ Tôn giả A-na-luật, thay tôi đánh lễ sát chân, hỏi thăm cuộc sống có thoải mái, an lạc không? Ngày mai, xin cùng bốn vị nhận lời thỉnh của tôi. Nếu nhận lời, người nên vì tôi bạch rằng tôi là người thế tục bận nhiều công việc vương gia không thể đích thân đến rước được, xin Tôn giả thương xót, đến giờ cùng bốn vị đến phó hội theo lời mời của tôi.”

Lúc ấy người nam kia vâng lời Gia chủ, đi đến chỗ Tôn giả A-na-luật, đánh lễ sát chân, thưa Tôn giả rằng:

“Gia chủ Ma-na-đề-na xin kính lễ, và hỏi thăm cuộc sống của Tôn giả ít bệnh, ít nã, thoải mái, an lạc không? Trưa ngày mai, xin mời Tôn giả cùng bốn vị, thương xót mà nhận lời thỉnh cầu của Gia chủ.”

Tôn giả A-na-luật im lặng nhận lời mời. Người kia lại vì Gia chủ Ma-na-đề-na thưa Tôn giả A-na-luật:

⁶² Đại chánh, kinh 1037.

⁶³ Da-thâu 耶輸.

⁶⁴ Xem kinh Đại chánh 1035 trên.

⁶⁵ Đại chánh, kinh 1038. Pāli, S. 47. 30. Mānadinna.

⁶⁶ Ma-na-đề-na 摩那提那. Pāli: Mānadinno gahapati.

⁶⁷ Bản Pāli: bệnh nặng.

“Gia chủ là người thể tục bận nhiều công việc vương gia không thể đích thân đến rước được, xin Tôn giả thương xót, cùng bốn vị nhận lời mời trưa ngày mai của Gia chủ.”

Tôn giả A-na-luật nói:

[271a] “Ông cứ an tâm, tôi tự biết thời. Ngày mai sẽ cùng bốn vị đến nhà Gia chủ.”

Khi ấy, người này theo lời dạy của Tôn giả A-na-luật, về thưa lại Gia chủ A-lê:

“Thưa A-lê,⁶⁸ nên biết, tôi đã đến Tôn giả A-na-luật, trình đầy đủ theo tôn ý. Tôn giả A-na-luật nói rằng Gia chủ cứ an tâm, Ngài tự biết thời.”

Tối hôm đó, Gia chủ Ma-na-đề-na sửa soạn đồ ăn thức uống tinh khiết, ngon lành. Sáng sớm, lại sai người kia, chú đến chỗ Tôn giả A-na-luật thưa đã đến giờ. Người kia liền vâng lời đi đến chỗ Tôn giả A-na-luật, cúi đầu đánh lễ sát chân, bạch rằng: “Đồ cúng dường đã sửa soạn xong, xin Ngài biết thời.”

Bấy giờ, Tôn giả A-na-luật khoác y ôm bát cùng với bốn vị đi đến nhà Gia chủ. Trong lúc ấy, Gia chủ Ma-na-đề-na với các thể nữ đang đứng vây quanh, đứng trong cửa bên trái, trông thấy Tôn giả A-na-luật, ông cúi người ôm chân kính lễ, rồi rước vào chỗ ngồi. Ai nấy đều cúi đầu chào hỏi, rồi ngồi xuống một bên.

Tôn giả A-na-luật hỏi thăm Gia chủ:

“Ông có an trụ kham nhẫn, an lạc không?”

Gia chủ đáp:

“Vâng, thưa Tôn giả, con an trụ kham nhẫn, an lạc. Trước đây, con bị bệnh nặng, nhưng hôm nay đã bớt rồi.”

Tôn giả A-na-luật hỏi Gia chủ:

“Gia chủ trụ tâm thể nào để có thể khiến cho bệnh tật khổ não bớt dần?”

Gia chủ bạch:

“Thưa Tôn giả A-na-luật, con trụ vào bốn niệm xứ, chuyên tu buộc niệm, nên các thứ bệnh tật khổ đau nơi thân đều được đình chỉ. Những

⁶⁸ A-lê 阿梨. Pāli *ayya* (Skt. *ārya*), kinh ngữ, người dưới thưa gửi người bề trên.

gì là bốn? An trụ quán niệm nội thân trên thân, nỗ lực tinh cần, chánh niệm, chánh trí, điều phục tham ưu thế gian; ngoại thân, nội ngoại thân; nội thọ, ngoại thọ, nội ngoại thọ; nội tâm, ngoại tâm, nội ngoại tâm; an trụ quán niệm nội pháp; ngoại pháp, nội ngoại pháp trên pháp, nỗ lực tinh cần, chánh niệm, chánh trí, điều phục tham ưu thế gian. Như vậy, Tôn giả A-na-luật, con nhờ buộc tâm trụ vào bốn niệm xứ nên mọi thứ bệnh tật khổ đau nơi thân đều được đình chỉ. Thừa Tôn giả A-na-luật, nhờ trụ tâm được nên mọi thứ tất bệnh khổ đau đều được đình chỉ.”

Tôn giả A-na-luật bảo Gia chủ:

“Hôm nay, Gia chủ tự ký thuyết quả A-na-hàm.”

Khi ấy, Gia chủ Ma-na-đề-na mang các thứ đồ ăn thức uống thanh khiết, ngon lành, tự tay cúng dường đầy đủ. Sau khi các Ngài thọ thực và súc rửa miệng xong, Gia chủ Ma-na-đề-na lại ngồi nơi ghế thấp nghe pháp. Tôn giả A-na-luật nói pháp, chỉ dạy, soi sáng, làm cho an vui, rồi rời chỗ ngồi đứng dậy ra về.

29. TƯƠNG ƯNG NGHIỆP BÁO⁸⁷⁵

KINH 943. THUẦN-ĐÀ⁸⁷⁶

[271b] Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong tinh xá Kim sư, tại thành Vương Xá.⁸⁷⁷ Bảy giờ, có Gia chủ Thuần-đà⁸⁷⁸ đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân Phật, rồi ngồi xuống một bên.

Thế Tôn hỏi Gia chủ Thuần-đà:

“Hiện tại, Ông ưa thích tịnh hạnh⁸⁷⁹ của những Sa-môn, Bà-la-môn nào?”

Thuần-đà bạch Phật:

“Có Sa-môn, Bà-la-môn thờ phụng nước, thờ Tì-thấp-ba Thiên,⁸⁸⁰ cầm trượng, bình nước, thường rửa sạch tay mình.⁸⁸¹ Vị chánh sĩ như vậy thường khéo nói pháp rằng: ‘Này thiện nam, vào ngày mười lăm mỗi tháng, dùng mặt vụn hồ-ma và am-ma-la để gội tóc, tu hành trai pháp, mặc đồ mới sạch, đeo tràng hoa⁸⁸² dài, lụa trắng, nằm lên trên đất trét phân bò. Này thiện nam, sáng mai dậy sớm lấy tay sờ đất và nói như vậy: ‘Đất này trong sạch. Ta cũng sạch như vậy.’ Tay cầm cục phân bò cùng nắm một nắm cỏ tươi, miệng nói: ‘Cái này trong sạch. Ta cũng trong sạch như vậy.’ Nếu ai như vậy thì được thấy là trong sạch. Nếu ai không như vậy, hoàn toàn không trong sạch.’ Bạch Thế Tôn, Sa-môn, Bà-la-môn nào, nếu trong sạch như vậy thì đáng cho con kính ngưỡng.”

Phật bảo Thuần-đà:

“Có pháp đen và báo ứng đen; bất tịnh cho quả bất tịnh; gánh nặng thì chúc xuống. Nếu ai đã thành tựu những pháp ác này, dù cho sáng mai dậy sớm lấy tay sờ đất, và nói rằng ‘thanh tịnh’ thì vẫn bất tịnh, cho dù không chạm cũng không thanh tịnh. Người này cầm cục phân bò và nắm cỏ tươi nói rằng ‘thanh tịnh’ thì vẫn bất tịnh, cho dù không chạm cũng không thanh tịnh.

“Này Thuần-đà, thế nào là pháp đen, báo ứng đen, bất tịnh cho quả bất tịnh, gánh nặng thì chúc xuống... *cho đến* chạm hay không chạm, tất cả đều bất tịnh?”

⁸⁷⁵ Tương ưng nghiệp báo, gồm các kinh Đại chánh, kinh 1039-1061 (hết nửa quyển sau quyển 47). *Quốc dịch*, “Tụng vi. Tám chúng; 4. Tương ưng ứng báo.” Ấn Thuận *Hội biên*, “Tụng vii. Như lai sở thuyết; 51. Tương ưng Nghiệp báo.”

⁸⁷⁶ Đại chánh, kinh 1039. Pāli, A. 10. 176. Cunda.

⁸⁷⁷ A. 10. 176: trú tại Pāvā trong rừng xoài của Cunda, con trai người thợ rèn (hay thợ vàng?).

⁸⁷⁸ Thuần-đà trưởng 淳陀長者. Pāli: xem **cht. 3** trên.

⁸⁷⁹ Tịnh hạnh 淨行. Pāli: *soceyya*, sự thanh khiết, thanh tịnh.

⁸⁸⁰ Tì-thấp-ba thiên 毘濕波天. Pāli: Issara (Skt. Ísvara).

⁸⁸¹ Pāli: *brāhmaṇā pacchābhūmakā kamaṇḍalukā sevālamālikā aggiparicārīkā udakorohakā soceyyāni paññapenti*, những người Bà-la-môn ở phương Tây, mang theo bình nước, đeo vòng hoa huệ, thờ lửa, thường xuyên tắm gội, cử hành các lễ thanh tẩy.

⁸⁸² Bản Nguyên Minh: man 鬘. Bản Cao-ly: phát 髮. Bản Tổng: tu 鬚.

“Này Thuần-đà, đối với tất cả chúng sanh, cho đến côn trùng cũng không tránh xa sự sát hại, tay thường tanh máu, tâm thường suy nghĩ đến đánh đập, sát hại, không hổ, không thẹn, tham lam, keo kiệt. Đó là nghiệp ác sát sinh.

“Đối với tài vật, làng xóm, đất trống của người, cũng không xa lìa trộm cắp.

“Đối với những người được bảo hộ bởi cha mẹ, anh em, chị em, phu chủ, thân tộc cho đến người trao vòng hoa, mà dùng sức cưỡng bức, làm mọi việc tà dâm, không lìa bỏ tà dâm.

“Nói dối không chân thật: Hoặc ở chốn vua quan, các nhà nói chơn thật, nơi có nhiều người tụ tập cần lời nói thích đáng, nhưng lại nói lời không thật; không thấy nói thấy, thấy nói không thấy, không nghe nói nghe, nghe nói không nghe; biết nói không biết, không biết nói biết. Vì chính mình, vì người khác, hoặc vì tài lợi, biết mà nói dối không chịu lìa bỏ. [271c] Đó gọi là vọng ngữ.

“Hoặc nói hai lưỡi gây chia lìa; đem chuyện đầu này đến nói đầu kia, đem chuyện chỗ kia đến nói chỗ này, phá hoại lẫn nhau, làm cho tan rã sự hòa hợp. Thấy người chia rẽ thì mừng.

“Hoặc không lìa bỏ lời nói thô ác, mắng nhiếc. Có những lời nói dịu dàng, êm tai, làm vui lòng, rõ ràng dễ hiểu, lời nói được ưa nghe, được nhiều người yêu mến, hợp ý, tùy thuận tam-muội. Xả bỏ những lời như vậy mà nói lời gắt gao, cộc cằn, bị nhiều người ghét, không ưa, không hợp ý, không dẫn đến tâm định. Nói những lời như vậy, không lìa bỏ lời nói thô. Đó gọi là ác khẩu.

“Hoặc lời nói phù phiếm, phá hoại; nói không đúng lúc, nói không thực tế, lời nói vô nghĩa, lời nói phi pháp, lời nói thiếu suy nghĩ. Nói những lời phá hoại như vậy.

“Không lìa bỏ tham lam; đối với tài vật người khác khởi tham dục, nói rằng ‘Phải chi ta có vật này thì rất tốt.’

“Không xả bỏ sân nhuế tệ ác; trong tâm suy nghĩ: chúng sanh kia đáng bị trói, đáng bị roi vọt, gây gộc, đáng giết; muốn cho nó khó sống.

“Không bỏ tà kiến; điên đảo thấy như vậy: ‘Không bỏ thí, không quả báo, không có phước, không có điều thiện điều ác, không có quả báo của nghiệp thiện ác; không có đời này, đời khác, không có cha mẹ, không có chúng sanh hoá sanh; thế gian không có A-la-hán, không có các vị chánh hành, chánh hướng mà trong đời này hay đời khác tự biết tác chứng, tự biết ‘Ta, sự sinh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau nữa.’ Này Thuần-đà, đó gọi là pháp đen, báo ứn đen, bất tịnh, quả bất tịnh, gắng nặng nặng chúc xuống ... cho đến cầm lấy hay không cầm lấy tất cả đều bất tịnh.

“Này Thuần-đà, có pháp trắng, báo ứng trắng, tịnh và quả tịnh, nhẹ nhàng đi lên. Nếu ai đã tạo thành những điều này, mà sáng sớm sờ đất, nói cái này tịnh ta tịnh, thì cũng được thanh tịnh, hay không sờ, thì cũng được thanh tịnh. Hoặc cầm cục phân bỏ cùng nắm cỏ tươi, nếu nhân tịnh quả tịnh thì dù có cầm nắm hay không cầm nắm cũng được thanh tịnh.

“Thuần-đà, thế nào là pháp trắng, báo ứng trắng, đến, sờ hay không sờ, thì cũng được thanh tịnh?

“Đó là, có người không sát sanh, lia bỏ sát sanh, bỏ đao trượng, biết hổ thẹn, thương xót nghĩ đến tất cả chúng sanh. Không trộm cướp, lia bỏ trộm cướp, vật cho thì lấy, không cho không lấy, tâm sạch không tham. Lia tà dâm hoặc dối người được cha mẹ bảo hộ,... *cho đến* người trao vòng hoa, đều không cưỡng bức làm chuyện tà dâm. Lia nói dối, căn cứ vào sự thật mà nói. Xa lia nói hai lưỡi, không đi đến chỗ này nói chuyện chỗ kia, đến chỗ kia nói chuyện chỗ này, phá hoại lẫn nhau; đã bị ly gián nên làm hòa hợp, đã hòa hợp nên tùy hỷ. Xa lia ác khẩu, không thô răn, những lời nói ra khiến nhiều người ưa thích. Tránh xa lời nói phá hoại, nói lời chân thật, [272a] nói đúng lúc, nói đúng sự thật, nói có ý nghĩa, nói như pháp, nói theo hiểu biết. Lia tham dục, dối với của cải, đồ vật người khác không tưởng là của mình mà sinh tham đắm. Lia sân nhuế, không nghĩ đến việc đánh đập, bắt trói, giết hại, gây các tai nạn. Thành tựu chánh kiến, không thấy điên đảo, nói có bổ thí, có quả báo, có phước, có quả báo thiện hành, ác hành, có đời này, có cha mẹ, có chúng sanh hoá sinh, trong đời có A-la-hán, ngay trong đời này hay đời khác mà hiện tại tự biết tác chứng, tự biết ‘Ta, sự sinh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sinh đời sau nữa.’ Nay Thuần-đà, đó gọi là pháp trắng, báo ứng trắng, đến, sờ hay không sờ, thì cũng được thanh tịnh.”

Gia chủ Thuần-đà sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ ra về.

KINH 944. XẢ HÀNH⁸⁸³

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong tinh xá Kim sư, tại thành Vương Xá. Bấy giờ, có Bà-la-môn vào ngày mười lăm, gọi đầu, rồi thọ trai pháp, đeo tràng hoa dài, khoác áo lụa trắng, tay cầm nắm cỏ tươi, đi đến chỗ Phật. Sau khi cùng Thế Tôn thăm hỏi an úy nhau xong, ông ngồi xuống một bên.

Khi đó Phật bảo Bà-la-môn:

“Ông gọi đầu, đeo tràng hoa dài, khoác áo lụa trắng, đó là pháp của ai vậy?”

Bà-la-môn bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, đó là học pháp xả.”⁸⁸⁴

Thế Tôn hỏi Bà-la-môn:

“Thế nào là pháp xả của Bà-la-môn?”

Bà-la-môn bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, cứ vào ngày mười lăm, gọi đầu, giữ gìn trai pháp, đeo tràng hoa dài, khoác áo lụa trắng, tay cầm cỏ tươi, tùy khả năng mà bố thí, làm phước. Thưa Cù-đàm, đó gọi là Bà-la-môn tu tập hạnh xả.”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Những thực hành về hạnh xả theo pháp luật của Hiền Thánh thì khác ở đây.”

Bà-la-môn bạch Phật:

⁸⁸³ Đại chánh, kinh 1040. Pāli, A. 10. 167. Paccorohaṇī.

⁸⁸⁴ Xả pháp 捨法. Pāli: *paccorohaṇī*, lễ đi xuống; một nghi thức cúng tế Lửa của Bà-la-môn.

“Thưa Cù-đàm, vậy sở hành về hạnh xả theo pháp luật của Hiền Thánh như thế nào?”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Lìa sát sinh, không thích sát sinh. *Nói đầy đủ như phần thanh tịnh ở trước.* Y nơi sự không sát sinh, lìa bỏ sát sinh... *cho đến nói đầy đủ như phần thanh tịnh ở trước.* Lìa trộm cướp, không thích trộm cướp, y nơi sự không trộm cướp, lìa bỏ sự lấy vật không cho. Lìa tà dâm, không thích tà dâm, y nơi sự không tà dâm, bỏ việc phi phạm hạnh. Lìa vọng ngữ, không thích vọng ngữ, y nơi sự không nói dối, xả bỏ lời nói không thật. Lìa hai lưỡi, không thích nói hai lưỡi, y nơi sự không nói hai lưỡi, xả bỏ hành ly gián. Lìa ác khẩu, không thích ác khẩu, y nơi sự không ác khẩu, bỏ lời thô ác. Lìa lời phù phiếm, không thích lời phù phiếm, [272b] y nơi sự không nói phù phiếm, bỏ lời vô nghĩa. Đoạn trừ tham dục, xa lìa khổ tham, y tâm không tham, xả bỏ ái trước. Đoạn trừ sân nhuế, không sinh phần hận, y không giận, xả bỏ sân hận. Tu tập chánh kiến, không khởi điên đảo, y chánh kiến, xả bỏ tà kiến.

“Này Bà-la-môn, đó gọi là sở hành về hạnh xả theo pháp luật của Hiền Thánh.”

Bà-la-môn bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, lành thay! những sở hành về hạnh xả theo pháp luật của Hiền Thánh.”

Bà-la-môn sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, rời chỗ ngồi đứng dậy ra về.

KINH 945. SANH VẤN⁸⁸⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Trúc, Ca-lan-đà, thành Vương Xá. Bấy giờ có Bà-la-môn Sanh Văn⁸⁸⁶ đi đến chỗ Phật. Sau khi cùng Phật thăm hỏi an úy xong, ông ngồi xuống một bên, bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, con có người thân tộc rất thương mến, bỗng nhiên qua đời. Con vì người ấy nên bỏ thí voi tín tâm. Thế nào, bạch Thế tôn, người ấy có nhận được không?”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Không phải nhất định phải được. Nếu người thân tộc của ông sinh vào trong địa ngục, nó sẽ ăn thức ăn của chúng sanh địa ngục để nuôi sống sinh mạng của nó, chứ không nhận được đồ ăn thức uống mà ông bỏ thí voi tín tâm. Nếu nó sinh vào súc sanh, ngạ quỷ, hoặc loài người, họ sẽ được đồ ăn thức uống của loài người, không nhận được đồ bỏ thí của ông.

“Này Bà-la-môn, trong đường ngạ quỷ có một nơi tên là Nhập xứ ngạ quỷ.⁸⁸⁷ Nếu người thân tộc của ông sinh vào trong Nhập xứ ngạ quỷ kia, thì sẽ nhận được thức ăn của ông.”

Bà-la-môn bạch Phật:

“Nếu người thân tộc của con không sinh vào trong đường nhập xứ ngạ quỷ, thì thức ăn do tín tâm của con bỏ thí ai sẽ hưởng được?”

⁸⁸⁵ Đại chánh, kinh 1041. Pāli, A. 10. 177. Jāṇussoṇi.

⁸⁸⁶ Phạm chí Sanh Văn 生聞梵志. Pāli: Jāṇussoṇi brāhmaṇo.

⁸⁸⁷ Nhập xứ ngạ quỷ 入處餓鬼. Không rõ lai lịch.

Phật bảo Bà-la-môn:

“Nếu ông với tín tâm bố thí cho người thân tộc, nhưng họ không sinh vào chốn Nhập xứ ngạ quỷ, thì có những thân tộc quen biết khác đã sinh vào trong chốn Nhập xứ ngạ quỷ đó sẽ được hưởng.”

Bà-la-môn bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, nếu con do tín tâm bố thí cho người thân tộc, nhưng họ không sinh vào trong chốn Nhập xứ ngạ quỷ, và cũng không có các thân tộc quen biết khác sinh vào chốn Nhập xứ ngạ quỷ, thì thức ăn do tín bố thí đó ai sẽ hưởng?”

Phật bảo bà-la-môn:

“Giả sử ông vì những thân tộc quen biết mà bố thí, nhưng họ không sinh vào trong chốn Nhập xứ ngạ quỷ, và lại cũng không có những người quen biết khác sinh vào chốn ngạ quỷ, thì việc bố thí do tín, tự mình sẽ được phước. Của bố thí do tín của người thí chủ đó, sẽ không mất đạt-thần⁸⁸⁸.”

Bà-la-môn bạch Phật:

“Thế nào là thí chủ hành thí, để người bố thí được đạt-thần kia ?”

Phật bảo Bà-la-môn:

[272c] “Có người sát sanh, làm những việc ác, tay thường tanh máu,... *cho đến* mười nghiệp bất thiện, *nói đầy đủ như kinh Thuần-đà*. Sau lại bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn,... *cho đến* những kẻ ăn xin bần cùng, đều bố thí tiền tài, áo quần, chăn mền, đồ ăn thức uống, đèn đuốc, những vật dụng trang nghiêm.

“Này bà-la-môn, thí chủ kia nếu lại phạm giới sinh trong loài voi, nhưng vì người ấy đã từng bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn tiền của, áo quần, chăn mền, đồ ăn thức uống cho đến những vật dụng trang nghiêm, nên tuy ở trong loài voi, nhưng cũng nhận được phước báo nhờ họ đã bố thí, từ quần áo, đồ ăn thức uống cho đến những vật dụng trang nghiêm.

“Nếu lại sinh vào các loài súc sanh như trâu, ngựa, lừa, la .v.v... nhưng cũng nhờ vào công đức thí ân trước, nên họ ắt sẽ nhận được phước báo kia tùy theo chỗ sinh tương ứng mà được thọ dụng.

“Này Bà-la-môn, nếu thí chủ kia lại trì giới, không sát sinh, trộm cướp,... *cho đến* chánh kiến, và bố thí cho các Sa-môn, Bà-la-môn,... *cho đến* những kẻ ăn xin nào là tiền của, áo quần, đồ ăn thức uống, đèn đuốc, thì nhờ công đức này mà sinh trong loài người, ngồi hưởng thụ phước báo này, từ áo quần, đồ ăn thức uống... *cho đến* những vật dụng như đèn đuốc.

“Lại nữa, này Bà-la-môn, nếu họ lại trì giới, thì sẽ được sinh lên cõi trời, vì họ nhờ vào những thí ân nên được hưởng những thứ phước báo về tài bảo, áo quần, đồ ăn thức uống,... *cho đến* những vật dụng trang nghiêm cõi trời.

⁸⁸⁸ Đạt-thần 達嚩. Từ phiên âm; Pāli: *dakkhiṇā*, cũng dịch là *cúng vật, thí vật*. Phạm vật cúng dường hay bố thí được cúng cho Tăng sau khi đã thọ trai. Đây chỉ sự thuyết pháp, chú nguyện hay hồi hướng của Tăng đối với vật được cúng dường.

“Này Bà-la-môn, đó gọi là người bố thí hành thí; khi người bố thí thọ nhận đạt-thần, quả báo không mất.”

Bà-la-môn Sanh Văn sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, rời chỗ ngồi đứng dậy ra về.

KINH 946. TÌ-LA-MA (1)⁸⁸⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại Câu-tát-la du hành trong nhơn gian, đang nghỉ trong rừng cây thân-thứ phía bắc làng Tì-la-ma.⁸⁹⁰ Bấy giờ, các gia chủ làng Tì-la-ma nghe Thế Tôn đang nghỉ trong rừng cây thân-thứ phía bắc làng. Nghe vậy, họ cùng rủ nhau đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân Phật, rồi ngồi xuống một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế tôn, do nhân gì, duyên gì, có những chúng sanh khi mạng chung sinh vào địa ngục?”

Phật bảo các Gia chủ Bà-la-môn:

“Do nhân duyên tạo những hành vi phi pháp hành, hành vi nguy hiểm hành,⁸⁹¹ nên khi thân hoại mạng chung sẽ sinh vào địa ngục.”

Các Gia chủ Bà-la-môn bạch Phật:

“Những gì là hành vi phi pháp hành, hành vi nguy hiểm hành, để đến khi thân hoại mạng chung bị sinh vào địa ngục?”

Phật bảo các Gia chủ Bà-la-môn:

“Vi nhân duyên sát sinh... *cho đến* tà kiến, đủ mười nghiệp bất thiện.

“Này Bà-la-môn, đó là những hành vi phi pháp hành, hành vi nguy hiểm hành, nên khi thân hoại mạng chung sẽ sinh vào địa ngục.”

Bà-la-môn bạch Phật:

“Do những nhân duyên gì mà chúng sanh khi thân hoại mạng chung được [273a] sinh lên trời?”

Phật bảo các gia chủ bà-la-môn:

“Do nhân duyên đã tạo ra những hành vi pháp hành, hành vi chánh hành nên khi thân hoại mạng chung được sinh lên trời.”

Lại hỏi Thế Tôn:

“Tạo những hành vi gì là pháp hành, những hành vi gì chánh hành để khi thân hoại mạng chung được sinh lên trời?”

Phật bảo các Gia chủ Bà-la-môn:

“Nhân duyên lia sát sanh... *cho đến* chánh kiến, mười nghiệp lành, khi thân hoại mạng chung được sinh lên trời.

⁸⁸⁹ Đại chánh, kinh 1042.

⁸⁹⁰ Tì-la-ma 鞞羅磨聚落.

⁸⁹¹ Phi pháp hành 非法行, nguy hiểm hành 危險行.

“Này các Gia chủ Bà-la-môn, người nào có những pháp hành, những hành vi chánh hành này, nếu muốn cầu sinh vào nhà quyền quý Sát-lị, hoặc dòng họ Bà-la-môn uy thế, dòng họ Cư sĩ có tiếng, người ấy đều được sinh vào đó. Vì sao? Vì nhân duyên hành vi pháp hành, hành vi chánh hành. Hoặc lại muốn sinh vào Tứ thiên vương, Tam thập tam thiên... cho đến Tha hóa tự tại thiên, người ấy đều sẽ được sinh về. Vì sao? Do hành vi pháp hành, hành vi chánh hành, trì tịnh giới nên tự nhiên sẽ đạt được tất cả những gì mình muốn. Hoặc lại có người nào có hành vi pháp hành, hành vi chánh hành như vậy, mà muốn cầu sinh vào Phạm thiên, người ấy cũng được sinh về đó. Vì sao? Vì đã có hành vi pháp hành, hành vi chánh hành, trì giới thanh tịnh, tâm lìa ái dục nên sẽ đạt được những sở nguyện. Hoặc lại muốn cầu sinh về cõi Quang âm, Biến tịnh,... cho đến A-già-ni-tra cũng lại như vậy. Vì sao? Vì người này trì giới thanh tịnh, tâm ly dục. Hoặc lại muốn cầu ly dục, pháp ác bất thiện, có tâm có tứ,... cho đến chứng và trụ đệ tứ thiên, tất cả được thành tựu. Vì sao? Vì người này có hành vi pháp hành, hành vi chánh hành, trì giới thanh tịnh, tâm ly ái dục, nên thành tựu mọi ước nguyện. Muốn cầu từ, bi, hỷ, xả, không vô biên xứ, thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, phi tưởng phi phi tưởng xứ, tất cả đều được. Vì sao? Vì hành vi pháp hành, hành vi chánh hành, trì giới thanh tịnh, tâm ly ái dục, nên đạt được mọi ước nguyện. Muốn cầu đoạn tận ba kết, đắc quả Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm, vô lượng thân thông, thiên nhĩ, tha tâm trí, túc mạng trí, sinh tử trí, lậu tận trí, tất cả đều đạt được. Vì sao? Vì có hành vi pháp hành, hành vi chánh hành, trì giới, ly dục, nên đạt được mọi ước nguyện.”

Các Gia chủ Bà-la-môn sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ rồi ra về.

KINH 947. BÈ-LA-MA (2)⁸⁹²

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại Câu-tát-la, du hành trong nhơn gian, đang nghỉ trong rừng cây thân-thứ phía Bắc làng Tì-la-ma. Bấy giờ, các Gia chủ Bà-la-môn trong làng Tì-la-ma nghe Thế Tôn đang nghỉ trong rừng cây thân-thứ làng Tì-la-ma. Nghe vậy, họ đi xe ngựa trắng, có nhiều tùy tùng theo hai bên, cầm dù lọng cán vàng, bình tắm vàng, ra khỏi làng Tì-la-ma, đến rừng cây thân-thứ. Đến đầu đường, họ xuống xe đi bộ, tiến vào cửa vườn, đến trước Thế Tôn. Sau khi thăm hỏi an úy nhau xong, họ ngồi xuống một bên, bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, do nhân gì, duyên gì có người khi mạng chung sinh vào địa ngục,... cho đến sinh lên trời?” *Nói đầy đủ như kinh trên.*

Các Bà-la-môn Tỳ-la-ma sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, rời chỗ ngồi đứng dậy, ra về.

KINH 948. TÌ-NỮU-ĐA-LA⁸⁹³

Tôi nghe như vậy:

⁸⁹² Đại chánh, kinh 1043.

⁸⁹³ Đại chánh, kinh 1044. Pāli, S. 55. 7. Veḷudvāreyyā.

Một thời đức Phật trú tại Câu-tát-la, du hành trong nhon gian, đang nghỉ trong rừng cây thân-thứ, phía bắc làng Tì-nữu-đa-la.⁸⁹⁴ [273b] Gia chủ Bà-la-môn làng Tì-nữu-đa-la nghe Phật đang nghỉ trong rừng cây thân-thứ, phía bắc làng Tì-nữu-đa-la. Nghe vậy, họ rủ nhau đến rừng cây thân-thứ, đến trước Thế Tôn. Sau khi thăm hỏi an úy nhau xong, họ ngồi xuống một bên.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Gia chủ Bà-la-môn:

“Ta sẽ nói pháp tự thông⁸⁹⁵ cho ông nghe. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ. Những gì là pháp tự thông? Thánh đệ tử hãy học như vậy: Tôi tự nghĩ, nếu có người muốn giết tôi, điều đó tôi không muốn. Cũng như vậy, điều mà nếu tôi không muốn người khác cũng không muốn. Vậy tại sao tôi lại giết họ? Nhận ra điều này rồi, người ấy sẽ thọ trì sự không sát sinh, không thích sát sinh. *Chi tiết như trên.*

“Nếu tôi không thích bị người trộm cướp; người khác cũng không thích. Vậy tại sao tôi lại trộm cướp của người? Cho nên tôi phải giữ giới không trộm cướp, không thích việc trộm cướp. *Nói như trên.*

“Tôi không thích người xâm phạm đến vợ tôi; người khác cũng không thích. Vậy tại sao nay tôi lại xâm phạm đến vợ người? Cho nên phải giữ giới không tà dâm đối với người. *Nói như trên.*

“Tôi không thích bị người dối gạt; người khác cũng như thế. Vậy tại sao lại dối gạt người khác? Cho nên, phải giữ giới không nói dối. *Nói như trên.*

“Tôi còn không thích người khác chia lia thân hữu tôi; người khác cũng như vậy. Vậy tại sao nay tôi lại chia lia thân hữu người khác? Cho nên không nói hai lưỡi.

“Tôi còn không thích người khác nói lời thô ác; người khác cũng như thế. Vậy tại sao đối với người khác mà lại mạ nhục? Cho nên đối với người khác không nên nói lời ác khẩu. *Nói như trên.*

“Tôi còn không thích người nói lời phù phiếm; người khác cũng như thế. Vậy tại sao đối với người lại nói lời phù phiếm? Cho nên đối với người khác không nên nói lời phù phiếm. *Nói như trên.*

[273c]“Bây pháp như vậy gọi là Thánh giới. Lại nữa, thành tựu tín thanh tịnh bất hoại đối với Phật, thành tựu tín thanh tịnh bất hoại đối với Pháp, đối với Tăng. Đó gọi là Thánh đệ tử thành tựu bốn bất hoại tịnh. Tự mình quán sát ngay bây giờ có thể tự ký thuyết, mình không còn vào địa ngục, không còn vào ngạ quỷ, súc sanh và không còn vào tất cả đường dữ; đạt được pháp Tu-đà-hoàn, không rơi vào pháp đường dữ, quyết định thẳng đến Chánh giác, chỉ còn bảy lần qua lại cõi Trời, Người, cứu cánh biên tế khổ.”

Gia chủ Bà-la-môn làng Tì-nữu sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, rời chỗ ngồi đứng dậy ra về.

⁸⁹⁴ Tì-nữu-đa-la 鞞紐多羅. Pāli: Veḷudvāra, thôn Bà-la-môn thuộc nước Kosala.

⁸⁹⁵ Tự thông pháp 自通之法. Pāli: *attapanāyika dhammapariyāya*, pháp môn liên hệ đến bản thân (tự ngã); chỉ sự tự tu dưỡng để được tự lợi ích.

KINH 949. TÙY-LOẠI⁸⁹⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ kheo:

“Có những pháp thân cận,⁸⁹⁷ hãy lắng nghe, và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các người giảng nói: “Những gì là pháp thân cận? Người sát sinh thân cận người sát sinh. Trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, nói hai lưỡi, nói lời ác, nói phù phiếm, tham, sân, và tà kiến, chúng tùy theo loại thân cận nhau. Thí như vật bất tịnh cùng với vật bất tịnh tự hòa hợp nhau; cũng như vậy, sát sinh cùng sát sinh... *cho đến* tà kiến cùng tà kiến, tự thân cận nhau. Cũng vậy Tỳ kheo, không sát sinh cùng với không sát sinh thân cận nhau.... *cho đến* chánh kiến cùng với chánh kiến thân cận nhau. Thí như vật tịnh cùng vật tịnh hòa hợp nhau; sữa sanh lạc, lạc sanh tô, tô sanh đề hồ, đề hồ tự hòa hợp nhau. Cũng vậy, không sát sinh cùng với không sát sinh thân cận nhau... *cho đến* chánh kiến cùng với chánh kiến thân cận nhau. Đó gọi là pháp thân cận nhau của Tỳ kheo.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 950. XÀ HÀNH⁸⁹⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ kheo:

“Có pháp rắn bò,⁸⁹⁹ hãy lắng nghe, và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các người giảng nói.

“Thế nào là pháp rắn bò? Sát sinh, làm ác, tay thường tanh máu,... *cho đến* mười nghiệp ác, *nói đầy đủ như kinh Thuần-đà trước*. Lúc bấy giờ người ấy bò trườn với thân, bò trườn với miệng, bò trườn với ý. Khi bò trườn với thân, bò trườn với miệng, bò trườn với ý như vậy, một trong hai đường người đó đang hướng đến là địa ngục hoặc súc sinh. Chúng sanh bò trườn, là chỉ các loài chúng sanh đi bằng bụng như rắn, chuột, mèo, chồn. Đó gọi là pháp rắn bò.

“Thế nào là pháp không phải rắn bò? Không sát sinh... *cho đến* chánh kiến, *nói đầy đủ về mười nghiệp thiện như kinh Thuần-đà trước*. [274a] Đó gọi là pháp không phải rắn bò. Khi thân không phải rắn bò, miệng không phải rắn bò, ý không phải rắn bò, một trong hai đường sẽ sinh về là cõi trời hoặc cõi người. Đó gọi là pháp không phải rắn bò.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

⁸⁹⁶ Đại chánh, knh 1045. Pāli, A. 10. 199. Sevittabbahuppuñña.

⁸⁹⁷ Tương tập cận pháp 相習近法. Pāli: *āsevitabbadhamma*, cần được thân cận, cần được phục vụ.

⁸⁹⁸ Đại chánh, kinh 1046. Pāli, A. 10. 205. Samsappaniya.

⁸⁹⁹ Xà hành pháp 蛇行法. Pāli: *samsapanīyadhammapariyā*, pháp môn quanh co, bò trườn như rắn bò.

KINH 951. VIÊN CHÂU (1)⁹⁰⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ kheo:

“Có nhân nghiệp ác, nhân tâm ác, nhân kiến ác. Nếu chúng sinh nào có nhân như vậy, khi thân hoại mạng chung chắc chắn rơi vào địa ngục, đường dữ. Giống như ném hạt châu tròn⁹⁰¹ vào hư không, sẽ rơi lại xuống đất lăn đi, không đình trú tại một chỗ.⁹⁰² Cũng vậy, nhân nghiệp ác, nhân tâm ác, nhân kiến ác, khi thân hoại mạng chung chắc sẽ rơi vào địa ngục không có trú xứ.

“Thế nào là nghiệp ác? Sát sinh... *cho đến* nói lời phù phiếm, nói đầy đủ như trên. Đó gọi là nghiệp ác.

“Thế nào là tâm ác?⁹⁰³ Tâm tham, tâm sân nhuế, *nói đầy đủ như trên*. Đó gọi là tâm ác.

“Thế nào là kiến ác? Tà kiến điên đảo, *nói đầy đủ như trên*. Đó gọi là kiến ác. Đây gọi là nhân nghiệp ác, nhân tâm ác, nhân kiến ác, khi thân hoại mạng chung, chắc sẽ rơi vào địa ngục, đường dữ.

“Nếu là nhân nghiệp thiện, nhân tâm thiện, nhân kiến thiện, khi thân hoại mạng chung, chắc sẽ được sinh về cõi trời, đường lành.

“Này Bà-la-môn. thế nào là nghiệp thiện? Lìa sát sinh, không ưa sát sinh,... *cho đến* không nói lời phù phiếm. Đó gọi là nghiệp thiện.

“Thế nào là tâm thiện? Không tham, không sân, đó gọi là tâm thiện.

“Thế nào là kiến thiện? Chánh kiến, không điên đảo... *cho đến* kiến không tái sinh đời sau. Đó gọi là kiến thiện. Đây gọi là nhân nghiệp thiện, nhân tâm thiện, nhân kiến thiện, khi thân hoại mạng chung chắc sẽ được sinh về cõi trời. Giống như ném hạt ma ni có bốn phương⁹⁰⁴ vào hư không, nó rơi chỗ nào sẽ nằm yên chỗ đó; cũng vậy ba nhân thiện kia tùy thuộc vào chỗ thọ sinh mà an ổn.

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 952. VIÊN CHÂU (2)⁹⁰⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ kheo:

⁹⁰⁰ Đại chánh, kinh 1047. Pāli, A. 10. 206. Mani.

⁹⁰¹ Viên châu 圓珠. Pāli: *apaṇṇaka maṇi*, viên ngọc ma-ni hoàn hảo.

⁹⁰² Pāli: *yena yevena patitṭhāti supatitṭhitamyeva patitṭhāti*, dùng chỗ nào thì đứng im tại chỗ đó.

⁹⁰³ Ác tâm. Pāli: *akusala-sañcetaṇa*, tư duy, ý chí bất thiện; bất thiện tư niệm

⁹⁰⁴ Tứ phương ma ni 四方摩尼; ngọc ma ni có 4 phương: vuông bốn góc? Pāli: *apaṇṇaka maṇi*?

⁹⁰⁵ Đại chánh, kinh 1048. Pāli, A. 10. 206. *Maṇi*.

“Nếu người sát sinh, mà tập nhiều, hành nhiều, sẽ sinh vào địa ngục. Nếu sinh vào loài người, nó sẽ bị chết yểu. Sự lấy của không cho được tập nhiều, hành nhiều, sẽ khiến rơi vào địa ngục. Nếu sinh vào loài người, tiền của nhiều khó khăn. Sự tà dâm được tập nhiều, hành nhiều, sẽ khiến rơi vào địa ngục. Nếu sinh vào loài người, [274b] vợ con của nó bị người xâm phạm. Sự nói dối tập nhiều, hành nhiều, sẽ khiến sinh vào địa ngục. Nếu sinh vào loài người, nó sẽ bị người khác chê bai luôn. Sự nói hai lưỡi được tập nhiều, hành nhiều, nó sẽ sinh vào địa ngục. Nếu sinh vào loài người, nó sẽ bị bạn bè thân hữu xa lìa, chia rẽ. Sự nói thô ác được tập nhiều, hành nhiều, nó sẽ sinh vào địa ngục. Nếu sinh vào loài người, nó thường nghe những tiếng xấu. Sự nói lời phù phiếm được tập nhiều, hành nhiều, nó sẽ sinh vào địa ngục. Nếu sinh vào loài người, lời nói của nó không được tin dùng. Tham dục được tập nhiều, hành nhiều, sẽ khiến sinh vào địa ngục. Nếu sinh vào loài người, tham dục kia sẽ tăng trưởng. Sân nhuế được tập nhiều, hành nhiều, sẽ khiến sinh vào địa ngục. Nếu sinh vào loài người, sân nhuế kia sẽ tăng trưởng. Tà kiến được tập nhiều, hành nhiều, sẽ khiến sinh vào địa ngục. Nếu sinh vào loài người, ngu si kia sẽ tăng trưởng.

“Nếu tu tập lìa bỏ sát sinh, tu tập nhiều, người ấy sẽ được sinh lên trời. Nếu sinh vào loài người, người ấy tất được sống lâu. Nếu tu tập lìa bỏ trộm cướp, tu tập nhiều, người ấy sẽ được sinh lên trời. Nếu sinh vào loài người, tiền tài sẽ không mất. Nếu tu tập không tà dâm, tu tập nhiều, sẽ được sinh lên trời. Nếu sinh vào loài người, vợ con sẽ thuần lương. Nếu tu tập không nói dối, tu tập nhiều, sẽ được sinh lên trời. Nếu sinh vào loài người, sẽ không bị chê bai. Nếu tu tập không nói hai lưỡi, tu tập nhiều, sẽ được sinh lên trời. Nếu sinh vào loài người, thân hữu sẽ bền vững. Nếu tu tập không nói lời ác, tu tập nhiều, sẽ được sinh lên trời. Nếu sinh vào loài người, sẽ được nghe những âm thanh dịu dàng. Nếu tu tập không nói lời phù phiếm, tu tập nhiều, sẽ được sinh lên trời. Nếu sinh vào loài người, lời nói sẽ được tin dùng. Nếu tu tập không tham lam, tu tập nhiều, sẽ được sinh lên trời. Nếu sinh vào loài người, ái dục sẽ không tăng trưởng. Nếu tu tập không sân nhuế, tu tập nhiều, sẽ được sinh lên trời. Nếu sinh vào loài người, sân nhuế sẽ không tăng trưởng. Nếu tu tập chánh kiến, tu tập nhiều, sẽ được sinh lên trời. Nếu sinh làm người, ngu si sẽ không tăng trưởng.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 953. NA NHÂN⁹⁰⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ kheo:

“Sát sinh có ba thứ: sinh khởi từ tham, sinh khởi từ sân, sinh khởi từ si,... *cho đến* tà kiến cũng có ba thứ: sinh khởi từ tham, sinh khởi từ sân, sinh khởi từ si.

⁹⁰⁶ Đại chánh, kinh 1049. Pāli, A. 10. 174. Hetu.

“Lià sát sinh cũng có ba thứ: sinh khởi từ không tham, sinh khởi từ không sân, sinh khởi từ không si,... *cho đến* lià tà kiến cũng có ba thứ: sinh khởi từ không tham, sinh khởi từ không sân, sinh khởi từ không si.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 954. PHÁP XUẤT KHÔNG XUẤT⁹⁰⁷

[274c] Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ kheo:

“Nói là có pháp xuất, và pháp xuất không xuất.⁹⁰⁸ Những gì là pháp xuất, và pháp xuất không xuất? Không sát sinh, là sự xuất ly đối với sát sinh,... *cho đến* chánh kiến, là sự xuất ly đối với tà kiến.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 955. BỜ KIA BỜ NÀY⁹⁰⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Trúc, Ca-lan-đà, thành Vương Xá. Bấy Bà-la-môn Sanh Văn đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân Phật, rồi ngồi xuống một bên, bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, được nói là bờ này, bờ kia. Thế nào là bờ này? Thế nào là bờ kia?”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Sát sinh là bờ này; không sát sinh là bờ kia. Tà kiến là bờ này; chánh kiến là bờ bên kia.”

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

*Một ít người tu thiện,
Có thể qua bờ kia;
Tất cả mọi chúng sanh,
Chạy rông bờ bên này.
Đối chánh pháp luật này,
Nếu quán pháp, tướng pháp;
Thì họ qua bờ kia,
Hàng phục bọn ma chết.*

Bà-la-môn Sanh Văn sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ, rời chỗ ngồi đứng dậy ra về.

⁹⁰⁷Đại chánh, kinh 1050. Pāli, A. 10. 175. Parikkamma.

⁹⁰⁸Xuất pháp xuất bất xuất pháp 出法。出不出法。 Pāli: *saparikkammo... ayaṃ dhammo... nāyaṃ dhammo apparikkammo*, pháp này có thoát ly; pháp này không phải không thoát ly.

⁹⁰⁹Đại chánh, kinh 1051. Pāli, A. 10. 170. Tīra.

Cũng vậy, ba kinh: Những gì Tỳ kheo khác hỏi, Tôn giả A-nan hỏi, và Phật hỏi các Tỳ kheo, cũng nói như trên.

KINH 956. CHÂN THẬT⁹¹⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ kheo:

“Có pháp ác, có pháp chơn thật.⁹¹¹ Hãy lắng nghe, và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các người giảng nói:

“Thế nào là pháp ác? Sát sinh, trộm cướp, tà dâm, nói dối, nói hai lưỡi, nói ác khẩu, nói phù phiếm, tham, sân, tà kiến. Đó gọi là pháp ác.

“Thế nào là pháp chơn thật? Là sát sinh,... *cho đến* chánh kiến. Đó gọi là pháp chơn thật.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 957. ÁC PHÁP⁹¹²

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ kheo:

“Có pháp ác, pháp ác của ác, có pháp chơn thật, pháp chơn thật chơn thật.⁹¹³ Hãy lắng nghe, và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các người giảng nói:

“Thế nào là pháp ác? Sát sinh,... *cho đến* tà kiến. Đó gọi là **[275a]** pháp ác.

“Thế nào là pháp ác của ác? Tự mình sát sinh, sai bảo người sát sinh,... *cho đến* tự khởi tà kiến, lại đem tà kiến sai bảo người làm. Đó gọi là pháp ác ác.

“Thế nào là pháp chơn thật? Là sát sinh,... *cho đến* chánh kiến.

“Thế nào là pháp chơn thật chơn thật? Tự mình không sát sinh, khiến người không sát sinh,... *cho đến* tự mình thực hành chánh kiến, lại đem chánh kiến khiến cho người thực hành. Đó gọi là pháp chơn thật chơn thật.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

⁹¹⁰Đại chánh, kinh 1052. Pāli, A. 10. 191. Saddhamma.

⁹¹¹ Ác pháp, chân thật pháp 惡法真實法. Pāli: *saddhammañca, asaddhammañca*, pháp vi diệu và pháp không vi diệu.

⁹¹²Đại chánh, kinh 1053. Pāli, A. 4. 207-210. Pāpadhammā.

⁹¹³ Ác pháp ác ác pháp, chân thật pháp chân thật chân thật pháp 惡法惡惡法, 真實法真實真實法. Pāli: *pāpadhammañca pāpadhammena pāpadhammaarañca; kalyāṇa-dhammañca kalyāṇadhammena kalyāṇadhammatarañca*, pháp ác và pháp ác hơn pháp ác; pháp thiện lương và pháp thiện lương hơn pháp thiện lương.

KINH 958. PHÁP CHÂN NHÂN⁹¹⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ kheo:

“Có người nam bất thiện và người nam thiện.⁹¹⁵ Hãy lắng nghe, và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các người giảng nói.

“Thế nào là người nam bất thiện ? Người sát sinh,... *cho đến* người tà kiến. Đó gọi là người nam bất thiện.

“Thế nào là người nam thiện ? Người không sát sinh,... *cho đến* chánh kiến. Đó gọi là người nam thiện .”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 959. MƯỜI PHÁP (10)⁹¹⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ kheo:

“Có người nam bất thiện; có người nam bất thiện hơn người nam bất thiện. Có người nam thiện; có người nam thiện hơn người nam thiện. Các Tỳ kheo hãy lắng nghe, và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các người giảng nói.

“Thế nào là người nam bất thiện? Người sát sinh,... *cho đến* người tà kiến. Đó gọi là người nam bất thiện.

“Thế nào là người nam bất thiện hơn người nam bất thiện? Người tự tay sát sinh, rồi khiến người sát sinh,... *cho đến* tự thực hành tà kiến, rồi khiến người thực hành tà kiến. Đó gọi là người nam bất thiện hơn người nam bất thiện.

“Thế nào là người nam thiện? Người không sát sinh... *cho đến* chánh kiến. Đó gọi là người nam thiện.

“Thế nào là người nam thiện hơn người nam thiện? Tự mình không sát sinh, và khiến người không sát sinh,... *cho đến* tự thực hành chánh kiến, lại đem chánh kiến khiến người khác thực hành. Đó gọi là người nam thiện, người nam thiện..”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 960. MƯỜI PHÁP (2)⁹¹⁷

Tôi nghe như vậy:

⁹¹⁴ Đại chánh, kinh 1054. Pāli, A. 10. 192. Sappurisdhamma.

⁹¹⁵ Bất thiện nam tử thiện nam tử 不善男子善男子. Pāli: *asappurisdhamma, sappurisa-dhamma*, pháp không phải thiện sỹ, pháp thiện sỹ.

⁹¹⁶ Đại chánh, kinh 1055. Pāli, A. 4. 201. Sikkhāpada.

⁹¹⁷ Đại chánh, kinh 1056. Pāli, A. 10. 210. Dasadhammā.

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ kheo:

“Nếu người nào thành tựu mười pháp, như mâu sắt đâm xuống nước; người kia khi thân hoại mạng chung sẽ hạ nhập vào địa ngục, đường dữ. [275b] Những gì là mười? Đó là sát sinh... *cho đến* tà kiến. Nếu người nào thành tựu mười pháp, như mâu sắt chia lên hư không; khi thân hoại mạng chung được sinh lên trời. Những gì là mười? Đó là không sát sinh... *cho đến* chánh kiến.

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 961. HAI MƯƠI PHÁP⁹¹⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ kheo:

“Nếu người nào thành tựu hai mươi pháp, như mâu sắt đâm xuống nước, khi thân hoại mạng chung sẽ sinh vào địa ngục, đường dữ. Những gì là hai mươi? Tụ tay sát sinh, và khiến người sát sinh,... *cho đến* tự mình hành tà kiến, lại đem tà kiến dạy người hành. Đó gọi là thành tựu hai mươi pháp như mâu sắt đâm xuống nước, khi thân hoại mạng chung sẽ hạ sinh vào địa ngục, đường dữ.

“Nếu người nào thành tựu hai mươi pháp, giống như mâu sắt chia lên hư không, khi thân hoại mạng chung sẽ được sinh lên trên trời. Những gì là hai mươi? Tự mình không sát sinh, và khiến người không sát sinh,... *cho đến* tự mình hành chánh kiến, lại đem chánh kiến dạy người khác hành. Đó gọi là thành tựu hai mươi pháp như thiết mâu chia lên hư không, khi thân hoại mạng chung sẽ được sinh lên trên trời.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 962. BA MƯƠI PHÁP⁹¹⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ kheo:

“Có ba mươi pháp, nếu người nào thành tựu, như thiết mâu đâm xuống nước, khi thân hoại mạng chung sẽ hạ sinh vào địa ngục, đường dữ. Những gì là ba mươi? Là tự mình sát sinh, dạy người sát sinh, và khen ngợi sát sinh,... *cho đến* tự mình hành tà kiến, lại đem tà kiến dạy người khác hành, và thường khen ngợi người hành tà kiến. Đó gọi là thành tựu ba mươi pháp như thiết mâu đâm xuống nước, khi thân hoại mạng chung sẽ hạ sinh vào địa ngục, đường dữ.

“Có ba mươi pháp, nếu người nào thành tựu thì giống như thiết mâu chia lên hư không, khi thân hoại mạng chung sẽ được sinh lên trên trời. Những gì là ba mươi? Là tự mình

⁹¹⁸Đại chánh, kinh 1057. Pāli, A. 4. 211. Vīsatiḍhammā

⁹¹⁹Đại chánh, kinh 1058. Pāli, A. 4. 212. Tīṃsāḍhammā.

không sát sinh, dạy người không sát sinh, và thường khen ngợi công đức không sát sinh,... *cho đến* tự mình hành chánh kiến, lại đem chánh kiến dạy người hành, và khen ngợi công đức chánh kiến. Đó gọi là thành tựu ba mươi pháp như thiết nâu chia lên hư không, khi thân hoại mạng chung sẽ được sinh lên trên trời.”

Các Tỷ kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 963. BỐN MƯỜI⁹²⁰

[275c] Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỷ kheo:

“Có bốn mươi pháp, nếu thành tựu bốn mươi pháp này thì như giáo sất ném xuống nước, khi thân hoại mạng chung sẽ hạ sinh vào địa ngục, đường dữ. Những gì là bốn mươi? Là tự mình sát sinh, dạy người sát sinh, khen ngợi sát sinh, và thấy người sát sinh sinh lòng hoan hỷ theo,... *cho đến* tự mình hành tà kiến, dạy người khác hành, khen ngợi tà kiến, và thấy hành tà kiến sinh lòng hoan hỷ theo. Đó gọi là thành tựu bốn mươi pháp thì sẽ như giáo sất ném xuống nước, khi thân hoại mạng chung sẽ hạ sinh vào địa ngục, đường dữ.

“Có bốn mươi pháp, nếu thành tựu bốn mươi pháp, như giáo sất chia lên không, khi thân hoại mạng chung được sinh lên trên trời. Những gì là bốn mươi? Là tự mình không sát sinh, dạy người không sát sinh, miệng thường khen ngợi công đức không sát sinh, và thấy người không sát sanh, sinh lòng hoan hỷ theo,... *cho đến* tự mình hành chánh kiến, dạy người khác hành, thường khen ngợi công đức chánh kiến, và thấy người hành sinh lòng hoan hỷ theo. Đó gọi là thành tựu bốn mươi pháp thì như giáo sất chia lên không, khi thân hoại mạng chung sẽ được sinh lên trên trời.”

Phật nói kinh nay xong. Các Tỷ kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 964. PHÁP PHI PHÁP KHỔ⁹²¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỷ kheo:

“Có phi pháp, có chánh pháp. Hãy lắng nghe, và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các người giảng nói:

“Thế nào là phi pháp? Là sát sinh,... *cho đến* tà kiến. Đó gọi là phi pháp.

“Thế nào là chánh pháp? Là không sát sinh,... *cho đến* chánh kiến. Đó gọi là chánh pháp.”

Phật nói kinh nay xong. Các Tỷ kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

⁹²⁰Đại chánh, kinh 1059. Pāli, A. 10. 213. Cattārisadhammā.

⁹²¹Đại chánh, kinh 1060. Pāli, A. 10. 198. Sacchikātabba.

KINH 965. PHI LUẬT THÁNH LUẬT⁹²²

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bảy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ kheo:

“Có phi luật, có chánh luật. Hãy lắng nghe, và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các người giảng nói:

“Thế nào là phi luật? Là sát sinh,... *cho đến* tà kiến. Đó gọi là phi luật.

“Thế nào là chánh luật? Là không sát sinh,... *cho đến* chánh kiến. Đó gọi là chánh luật.”

Phật nói kinh nay xong. Các Tỳ kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Giống như Phi luật và chánh luật; *cũng thế* Phi Thánh và Thánh, Bất thiện và thiện, Phi thân cận và thân cận, Chẳng lành thay và lành thay, Hắc pháp và bạch pháp, Phi nghĩa và chánh nghĩa, **[276a]** Pháp kém và pháp hơn, Pháp tội và pháp không tội, Pháp bỏ và pháp không bỏ, *tất cả đều nói như trên.*⁹²³

⁹²² Đại chánh, kinh 1061. Pāli, A. 10. Sādhū.

⁹²³ Bản Hán, hết quyển 37.